OSCAR WILDE

Happy Prince

Hoàng tử hạnh phúc

Song ngữ Anh - Việt
Ngô Thanh Tâm dịch

Nhà xuất bản Thế giới
THE GIOI

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

LỜI NGƯỜI DỊCH

Tuy Oscar Wilde (1854- 1900), nhà văn duy mĩ xuất sắc, người để lại một dấu ấn đậm nét trong nền văn học Anh, không bao giờ coi các sáng tác của mình thuộc thể loại Truyện thần tiên, nhưng chúng ta vẫn có thể gọi ***"Hoàng Tử Hạnh Phúc"*** là một tập truyện cổ tích, có lẽ dành cho người lớn hơn là dành cho trẻ em.

Vì sao vậy. Bởi trong tập truyện này, có những Hoàng Tử; những nàng Công Chúa; có những con vật cất tiếng người; có những kho báu vô tận; có những biến hóa thần kì…Như ở mọi câu chuyện thần tiên khác. Nhưng có một điều "không thần tiên" là mọi cái diễn ra trong truyện đều bắt nguồn từ cuộc sống hiện thực và phản ánh hiện thực. Kết thúc truyện không phải chỉ có "Happy end" nghĩa là "kết thúc có hậu". Phần nhiều giống như trong cuộc sống, cái ác không thất bại, cái thiện không ca khúc khải hoàn, tình yêu đẹp cũng có khi phải mang hận xuống cửu tuyền, người trung hậu có khi phải chịu suốt đời ấm ức, thua thiệt…Mặc dù vậy, các câu chuyện của Oscar Wilde vẫn mang một sức sống mãnh liệt, không vương chút bi quan, bởi đọc truyện của ông, bạn đọc vẫn coi tình yêu là thiêng liêng, cao đẹp; vẫn muốn sống cuộc đời một con người lương thiện và vẫn thấy ghê tởm những thói giả dối, đê tiện ở trên đời.

Chín câu truyện mà bạn đọc sẽ thưởng thức trong tập "Hoàng Tử Hạnh Phúc" này thực sự là chín bông hoa đẹp cả về hương lẫn sắc trong vườn hoa văn học Anh nói riêng và nhân loại nói chung.

Người dịch.

PHẦN TIẾNG VIỆT

HOÀNG TỬ HẠNH PHÚC

Trên bệ đá cao, bức tượng Hoàng Tử Hạnh Phúc đứng nhìn xuống kinh thành. Toàn thân ngài phủ lá vàng dát, mắt ngài là hai viên ngọc *xaphia* sáng rực, tay kiếm của ngài khảm một viên *rubi* khổng lồ.

Mọi người ai cũng thán phục chiêm ngưỡng ngài. “Ngài đẹp y như một cây chong chóng chỉ hướng gió”, một vị ủy viên Hội đồng thành phố, người mong được tiếng có óc thẩm mĩ nhận xét: “Chỉ có điều chẳng mấy tích sự”, ông ta bổ sung, vì sợ mọi người sẽ cho mình thiếu thực tế, một đức tính ông thực chưa có bao giờ.

“Sao con chẳng giống Hoàng Tử Hạnh Phúc thế?”, Một bà mẹ khôn ngoan bảo với đứa con trai nhỏ đang khóc đêm. “Ngài chẳng khi nào khóc lóc vô cớ đâu con ạ”.

“Mình thấy mừng vì vẫn còn có người thực sự hạnh phúc trên cõi đời này”, một gã chán đời lẩm bẩm khi dõi mắt nhìn lên pho tượng tuyệt vời.

“Trông ngài y như một vị thiên thần”, đám trẻ trong nhà từ thiện bảo nhau lúc rời khỏi nhà thờ trong những bộ áo choàng đỏ tươi, ngoài phủ yếm tạp dề trắng bong sạch sẽ.

“Làm sao các con biết được?” Thầy dạy toán vặn hỏi chúng, “các con đã từng nhìn thấy Thiên Thần đâu nào”.

“Ồ, có đấy ạ, ở trong những giấc mơ của chúng con”, lũ trẻ trả lời. Thầy dạy toán cau mày vẻ nghiêm khắc vì thầy chẳng mấy tán đồng những giấc mơ của lũ trẻ kia.

Một đêm, một chú Én nhỏ bay qua thành phố. Bạn bè chú đã bay sang Ai Cập từ sáu tuần lễ trước, chú còn rớt lại bởi trót phải lòng một nàng Sậy xinh tươi. Chú gặp cô nàng hồi đầu mùa xuân khi bay dọc con sông đuổi theo một nàng bướm vàng lớn. Chú mê mẩn dáng vóc yêu kiều của cô nàng nên đã dừng cánh để thổ lộ tâm can.

“Ta yêu nàng được không?” Chim Én, vốn không ưa úp mở, ngỏ lời luôn. Nàng Sậy cúi rạp xuống chào đáp lễ. Thế là Én ta cứ lượn vòng, lượn vòng, chạm cánh xuống nước, làm thành những gợn sóng bạc lăn tăn. Đó là cái cách chú tán tỉnh cô nàng và cuộc theo đuổi kéo dài suốt mùa hè.

“Một kiểu tấn công quá tầm thường”, một Én bạn líu lo nhận xét, “cô ta không có tiền, mà lại có quá nhiều họ hàng”; quả thực trên sông có vô khối những sậy là sậy. Rồi thu sang, bầy chim én kéo nhau bay đi.

Bạn bè đi rồi, chàng Én nhỏ cảm thấy lẻ loi và bắt đầu mệt mỏi với người bạn tình. “Nàng chẳng nói năng chi hết”, chú tự nhủ, “mình sợ rằng cô nàng cứ đùa bỡn thế thôi, vì cô nàng vẫn chẳng làm duyên làm dáng với cả gã gió là gì”. Đúng thế, cứ mỗi khi gã gió vờn qua, cô nàng Sậy đều duyên dáng nhún chào. “Ta phải thừa nhận cô nàng chỉ ru rú ở trong xó nhà, còn ta lại ưa đi đây đi đó, vợ ta đương nhiên cũng phải thích đi chu du mới được”.

“Nàng có ra đi cùng ta không?” Én hỏi một lần cuối, nhưng nàng Sậy lắc đầu, nàng đã quá gắn bó với gia đình.

“Nàng đã bỡn cợt ta”, Én nhỏ kêu lên. “Thôi ta bay đến những Kim tự tháp đây. Vĩnh biệt!” Và chú bay đi.

Chú bay suốt một ngày, đêm xuống thì bay xuống thành phố. “Ta sẽ tá túc ở đâu đây?” Chú tự hỏi. “Ta hi vọng trong thành đã có sự sửa soạn”.

Rồi chú nhìn thấy pho tượng trên bệ cao, “ta sẽ trú tạm ở kia”, chú reo lên: “Một vị trí đến là tuyệt, tràn đầy không khí trong lành”. Rồi chú bay vào trú giữa đôi bàn chân của Hoàng Tử Hạnh Phúc.

“Ta đã có một buổng ngủ dát vàng”, chú thì thào và nhìn quanh, rồi sửa soạn đi ngủ. Nhưng chú vừa rúc đầu vào cánh thì bị một giọt nước to tướng rơi bộp xuống người. “Lạ chưa kìa!” Chú kêu lên: “Trời không một gợn mây, sao vẫn sáng lung linh thế kia mà mưa mới lạ chứ. Khí hậu miền Bắc Âu này đến là tệ. Nàng Sậy vốn vẫn thích mưa, nhưng đó chỉ là tính vị kỉ của nàng đó thôi!” Lại một giọt nước nữa rơi xuống.

“Bức tượng này phỏng có tích sự gì nếu chẳng che nổi mưa cho ta?” Chú tự nhủ, “ta đành đi tìm một ống khói vậy”, và chú quyết định bay đi.

Nhưng chú chưa kịp vỗ cánh thì một giọt nước nữa lại rơi xuống. Chú ngước nhìn lên, và thấy - ôi! Chú thấy gì đây? Đôi mắt Hoàng Tử đẫm lệ nước mắt chảy dài trên đôi má bằng vàng của ngài. Khuôn mặt ngài đẹp lạ lùng dưới ánh trăng khiến Én nhỏ thương ngài vô cùng.

“Ngài là ai?” Chú hỏi.

“Ta là Hoàng Tử Hạnh Phúc”.

“Vậy cớ sao lại khóc?” Én nhỏ hỏi: “Ngài làm tôi ướt hết rồi đây này”.

“Khi ta còn sống và còn có một trái tim người”, pho tượng kể, “ta chẳng hề biết đến nước mắt, bởi ta sống trong lâu đài Sans-Sousi[1], nơi sự phiền muộn không được phép bén mảng. Ban ngày ta vui đùa cùng bạn bè trong vườn thượng uyển, đêm xuống ta đến khiêu vũ ở đại sảnh đường. Quanh vườn có một bức tường cao ngất bao bọc, mà ta cũng chẳng quan tâm đến những điều nằm ngoài bức tường kia, bởi mọi cái quanh ta đều

rất tuyệt vời. Các triều thần gọi ta là Hoàng Tử Hạnh Phúc. Ta quả có hạnh phúc thật nếu hạnh phúc là trò tiêu khiển. Ta đã sống và đã chết như thế đấy. Giờ đây khi ta đã chết, ta được đặt ở trên cao này để có thể nhìn thấy tất cả những cái xấu xa, những cái cơ cực diễn ra trong kinh thành của ta. Dù trái tim ta đúc bằng chì, ta cũng không thể than khóc".

---

[1] *Tiếng Pháp: Có nghĩa vô ưu, vô tự lự, - tên một lâu đài rất đẹp được vua phổ Phriđric xây dựng năm 1747 ở Pôxđam.*

"Sao! Ông ta chẳng phải là vàng nguyên chất rồi." Én nhỏ nhủ thầm. Chú rất lịch sự nên không nói thành tiếng những nhận xét của mình.

"Ở nơi khuất nẻo kia", pho tượng tiếp lời bằng một giọng trầm du dương, "trong một con hẻm phố nhỏ có một căn nhà tồi tàn. Cánh cửa sổ để ngỏ khiến ta nhìn thấy một thiếu phụ đang ngồi bên bàn. Khuôn mặt bà gày guộc héo hon, đôi tay thô giáp đỏ bầm chi chít vết kim châm, bởi bà là thợ may. Bà đang thêu những bông hoa lạc tiên lên bộ váy xa tanh dạ hội của người thị nữ sủng ái của Hoàng hậu để nàng kịp dự buổi vũ hội cung đình sắp tới. Cậu con trai nhỏ của bà đang nằm ốm trên chiếc giường kê ở góc nhà. Đứa bé đang sốt cao nên rất thèm một cốc nước cam. Mẹ nó chẳng có gì ngoài nước sông, cho nó uống, vậy nên nó đang khóc kia kìa. Én ơi, Én hỡi, ngươi hãy lấy viên *rubi* ở chuôi kiếm của ta đem đến cho bà ta được không? Chân ta bị gắn chặt vào chiếc bệ này, ta không thể cựa quậy được nữa".

"Họ đang chờ tôi ở bên Ai Cập" Én nhỏ bảo, "các bạn tôi giờ này đang bay lượn khắp sông Nin, trò chuyện cùng những đóa hoa sen khổng lồ. Rồi họ sẽ đến chú trong hầm mộ của Đức Đại Đế. Ngài nằm trong quan tài sơn son, được ướp hương liệu, được quấn trong lớp vải vàng, cổ đeo vòng ngọc bít xanh nhạt và đôi tay ngài trông giống như đôi lá héo".

“Én nhỏ ơi, Én nhỏ hỡi”, Hoàng Tử nói, “ngươi ở lại với ta một đêm thôi được không, và hãy làm sứ giả cho ta. Cậu bé đang khát lắm, người mẹ đang phiền muộn vô cùng”.

“Tôi chả nghĩ mình lại quý cậu bé”, Én nhỏ đáp. “Năm ngoái khi tôi ở lại bên sông, có hai thằng bé độc ác, con lão chủ cối xay, lúc nào cũng rình ném đá vào tôi. Tất nhiên chúng chưa khi nào ném trúng tôi cả. Loài Én chúng tôi bay cao lắm, ngoài ra, tôi thuộc một dòng họ rất nhanh lẹn, nhưng dù sao đó cũng biểu hiện một sự thiếu tôn trọng”.

Nhưng trông Hoàng Tử Hạnh Phúc sầu não quá khiến Én nhỏ đâm mủi lòng. Ở đây đã lạnh lắm rồi”, chú bảo, “nhưng dù gì tôi cũng sẽ ở lại với ngài một đêm và sẽ làm sứ giả cho ngài”.

“Cám ơn Én nhỏ nhé”, Hoàng Tử nói.

Thế là Én nhỏ gỡ viên *rubi* khổng lồ khỏi tay kiếm của Hoàng Tử và ngậm nó bay qua mái nhà của kinh thành.

Chú bay qua tháp nhà thờ có tạc các thiên thần bằng đá hoa cương, bay qua cung điện rộn ràng tiếng nhạc nhảy múa. Một thiếu nữ bước ra ban công với người tình. “Ngôi sao tuyệt quá kia kìa”, chàng thủ thỉ với nàng, “và sức mạnh của tình yêu mới kì diệu làm sao!”

“Em mong bộ xiêm y của em sẽ may xong để kịp dự buổi vũ hội cung đình”, nàng đáp lời, “em đã lệnh phải thêu vào đó những bông hoa lạc tiên, nhưng đám thợ may xem ra lười lĩnh lắm.”

Én bay theo dòng sông và nhìn thấy một chiếc đèn lồng treo trên cột buồm tàu. Chú bay qua khu Do Thái và nhìn thấy các lão già Do Thái đang nì nèo giá cả với nhau và đang đong đếm những nắm tiền trong những đĩa cân bằng đồng. Cuối cùng chú cũng bay tới ngôi nhà nghèo nàn và ghé nhìn vào trong nhà. Cậu bé nằm trên giường đang chìm trong cơn sốt, còn bà mẹ thì ngồi ngủ gà ngủ gật bên cậu bởi bà đã kiệt sức lắm rồi. Én nhỏ

nhảy lò cò vào trong nhà và đặt viên *rubi* khổng lồ lên mặt bàn, bên cạnh chiếc đê khâu của bà mẹ. Rồi chú nhẹ nhàng lượn quanh giường, quạt nhẹ đôi cánh lên vầng trán cậu bé. “Mát quá”! Cậu bé thốt lên, “chắc mình đã đỡ rồi”, và cậu thiếp đi trong giấc mơ ngọt ngào.

Rồi Én nhỏ bay về với Hoàng Tử Hạnh Phúc, kể lại những việc đã làm. “Cũng lạ thật đấy”, chú nhận xét, “giờ đây tôi bỗng thấy ấm áp hơn mặc dù trời rất lạnh”.

“Là bởi ngươi đã làm một việc tốt”, Hoàng Tử bảo. Én nhỏ nghĩ ngợi một lúc, rồi ngủ thiếp đi. Suy nghĩ luôn khiến chúng dễ ngủ.

Sáng ra chú bay ra sông tắm rửa. “Thật là một hiện tượng kìa lạ!”, Vị giáo sư điểu học nhận xét khi Én nhỏ đang bay trên cầu: “Một con chim Én giữa mùa đông!” Và ngài viết ngay một bài báo dài thượt cho tờ báo địa phương. Dân tình đua nhau trích dẫn bài báo dù trong đó đầy dẫy những từ họ chả hiểu tí nào.

“Đêm nay tôi sẽ bay sang Ai Cập”, Én nhỏ nói, chú đang rất mãn nguyện và tràn đầy hi vọng ở tương lai. Chú viếng thăm tất cả các tượng đài công cộng, đậu lại hồi lâu trên tháp chuông nhà thờ. Chú đi tới đâu là lũ chim sẻ ríu rít bảo với nhau, “một du khách ngoại quốc đến là tầm cỡ!” Én nhỏ lấy làm phởn chí lắm!

Khi trăng lên chú bay về với Hoàng Tử Hạnh Phúc. “Ngài có nhắn gì sang Ai Cập không?” Chú hỏi to, “tôi lên đường đây”.

“Én nhỏ ơi, Én nhỏ hỡi” Hoàng Tử lại nói “ngươi ở lại với ta một đêm nữa được không?”

“Họ đang chờ tôi bên Ai Cập” Én nhỏ đáp, “ngày mai bạn bè tôi sẽ bay sang tháp nước thứ hai. Ở nơi đó, những con hà mã ẩn mình trong đám cỏ nến và thần Mennon[1] ngự trên chiếc ngai khổng lồ bằng đá *granit*. Ngài ngắm sao trời suốt đêm dài. Khi sao mai mọc, ngài thốt lên reo mừng, rồi lại im lặng. Đến xế

trưa, bầy sư tử kéo ra triền sông uống nước. Mặt chúng trông như những phiến *berin* xanh và tiếng gầm của chúng còn âm vang hơn cả tiếng ào ào của thác nước."

---

[1] *Theo huyền thoại cổ là vua của xứ Êphiôpi, trong cuộc chiến tranh troa đã chiến đấu chống lại quân Hi lạp và bị Axin giết chết, rồi được mẹ là nữ thần Rạng Đông xin thần Zơt cho được bất tử.*

"Én nhỏ ơi, Én nhỏ hỡi", Hoàng Tử nói, "ở tít phía bên kia kinh thành ta nhìn thấy một chàng trai trên một gác xép. Chàng trai cúi khom mình trên một chiếc bàn phủ kín giấy tờ. Trong chiếc cốc đang cắm bó hoa Violet héo úa. Tóc chàng xoăn tít màu hạt dẻ, môi chàng đỏ như lựu, cặp mắt chàng mở to mơ màng. Chàng đang cố viết nốt vở kịch để nộp cho ông Giám đốc nhà hát, nhưng chàng lạnh cóng đến nỗi không đưa nổi cây bút. Lửa trong lò tắt ngấm, còn chàng thì đói cồn cào."

"Tôi sẽ nán lại với ngài một đêm nữa", Én nhỏ quả có một trái tim nhân hậu, nhượng bộ nói. "Tôi sẽ mang cho chàng ta một viên *rubi* khác chứ gì?"

"Hỡi ơi! Giờ đây ta đâu còn viên *rubi* nào", Hoàng Tử trả lời; "ta chỉ còn lại mỗi cặp mắt. Chúng là từ những viên *xaphia* rất quý, đem từ Ấn Độ về từ hàng ngàn năm trước. Gỡ lấy một viên đem đến cho chàng. Chàng sẽ bán nó cho một hiệu kim hoàn để mua củi đun và viết nốt vở kịch."

"Ông Hoàng đáng mến ơi", Én nhỏ nói, "tôi chẳng làm thế được đâu; "và chú thổn thức.

"Én ơi, Én nhỏ ơi", Hoàng Tử cất tiếng, "hãy làm theo lệnh ta đi"

Thế là Én nhỏ đành gỡ một bên mắt của Hoàng Tử, rồi bay đến gian gác xép của chàng Sinh Viên nọ. Bay vào trong đó thật dễ vì

mái nhà có một lỗ thủng. Chú bay qua đó vào trong nhà. Chàng trai đang vùi đầu trong cánh tay nên không nghe thấy tiếng cánh chim vỗ, và khi ngẩng lên chàng đã nhìn thấy viên *xaphia* đẹp tuyệt đang nằm trên những bông Violet héo.

"Ta đã được biết đến", chàng reo lên: "Đây hẳn là món quà của khán giả danh tiếng có lòng ái mộ ta. Giờ đây ta có thể viết cho xong vở kịch", trông chàng đến là hạnh phúc.

Ngày hôm sau Én nhỏ bay dọc theo bến cảng. Chú đậu trên cột buồm một con thuyền lớn và quan sát các tay thủy thủ đang dùng thừng kéo những chiếc hòm lớn khỏi hầm chứa hàng. "Tóm được rồi!" Họ hét lên mỗi khi đưa được chiếc hòm lên tới nơi. "Tôi sắp bay sang Ai Cập", Én cũng reo lên nhưng chẳng ai để ý đến chú. Khi trăng lên chú bay trở về với Hoàng Tử Hạnh Phúc.

"Tôi đến chia tay với ngài đây", chú kêu lên.

"Én nhỏ ơi, Én nhỏ hỡi", Hoàng Tử nói "ngươi ở lại với ta một đêm nữa được không?"

"Đang là mùa đông rồi", Én nhỏ trả lời: "Sắp tới tuyết lạnh sẽ rơi. Ở Ai Cập mặt trời đang sưởi ấm các cây cọ xanh tươi, còn lũ cá sấu thì vùi mình trong bùn và uể oải nhìn ra xung quanh. Bạn bè tôi đang làm tổ trong Thánh đường Baalbec[1], còn đám bồ câu lông trắng đốm hồng thì quan sát họ, vừa gù gù với nhau. Hoàng Tử thân mến, tôi đành chia tay với ngài thôi, nhưng không bao giờ tôi quên ngài đâu. Sang xuân tôi sẽ mang về cho ngài hai viên ngọc tuyệt vời bù vào những viên ngài đã cho đi. Viên *rubi* sẽ thắm hơn đóa hoa hồng nhung thắm và viên *xaphia* sẽ biếc hơn cả đại dương xanh biếc".

---

[1] *Một thành phố ở Libăng*

“Ở dưới quảng trường kia”, Hoàng Tử bảo, “một bé gái bán diêm đang đứng. Nó đã đánh rơi những bao diêm xuống rãnh nước và số diêm đó bị ướt hỏng mất rồi. Cha nó sẽ đánh đòn nếu nó không đem được tiền bán diêm về nhà và nó đang khóc kia kìa. Nó không mang giày, cũng chẳng có tất, mái đầu bé nhỏ để trần. Hãy cậy nốt con mắt kia của ta cho nó đi, nó sẽ không bị cha đánh đòn nữa.”

“Tôi sẽ ở lại với ngài một đêm nữa”. Én nhỏ đáp: “Nhưng tôi không đành cậy nốt con mắt của ngài. Ngài sẽ thành kẻ mù lòa đấy”.

“Én nhỏ, Én nhỏ kia ơi”, Hoàng Tử khăng khăng, “cứ làm theo lệnh của ta”

Thế là Én nhỏ cậy nốt con mắt kia của Hoàng Tử rồi bay vụt đi. Chú liệng xuống bên cô bé bán diêm và nhả viên ngọc vào lòng bàn tay cô bé. “Ôi viên thủy tinh đáng yêu quá!” Cô bé reo lên, nó bật cười và chạy vù về nhà.

Én nhỏ lại bay trở về với Hoàng Tử. “Giờ đây mắt ngài đã mù”, chú nói: “Nên tôi sẽ ở lại đây với ngài.”

“Không đâu, chim Én bé bỏng”, Hoàng Tử tội nghiệp nói: “Ngươi phải bay sang Ai Cập đi”

“Tôi sẽ luôn ở bên ngài”, Én nhỏ khăng khăng và ngủ lại bên chân Hoàng Tử.

Cả ngày hôm sau chú đậu trên bờ vai Hoàng Tử, kể cho ông nghe những điều chú nhìn thấy ở những miền đất xa xăm. Chủ kể về những con cò quăm đỏ rực, đứng thành hàng dài trên bờ sông Nin, mỏ ngậm những chú cá vàng óng; về con nhân sư xưa như trái đất, sống nơi sa mạc và hiểu biết mọi điều, về những khách buôn chậm rãi đi bên đoàn lạc đà, tay đeo những chuỗi hổ phách; về vị Hoàng Đế của Núi đồi và Mặt trăng, đen nhánh như gỗ mun và thờ phụng một vật thể lớn trong suốt; về con rắn lục

khổng lồ nằm ngủ trong lùm cây cọ, được mười hai vị giáo sĩ nuôi nấng bằng bánh mật ong; về những người lùn Pigmê, ngồi trên những phiến đá phẳng khổng lồ, bơi trên mặt hồ rộng mênh mông và luôn luôn gây chiến với lũ bươm bướm.

“Én nhỏ thương mến”, Hoàng Tử nói: “Ngươi kể cho ta nghe những chuyện thật là kì diệu, nhưng kì lạ hơn tất thảy chính là những đau khổ của con người, đàn ông cũng như đàn bà. Chẳng có bí ẩn nào lớn hơn sự bần hàn. Hãy bay khắp kinh thành của ta, Én nhỏ nhé, và kể cho ta nghe những gì người nhìn thấy ở nơi đây”.

Thế là Én nhỏ bay khắp kinh thành rộng lớn. Chú chứng kiến những kẻ giàu có vui chơi trong các tòa nhà xa hoa của họ, còn đám hành khất thì ngồi chầu ngoài cổng. Chú bay vào những con hẻm tối tăm và nhìn thấy gương mặt tái nhợt của lũ trẻ đói ăn đang đờ đẫn trông ra những đường phố đen ngòm. Dưới gầm một cây cầu có hai thằng bé đang nằm ôm quắp lấy nhau cho đỡ lạnh. “Chúng mình đói quá đi mất!”. Chúng rền rĩ. “Chúng bay không được nằm ở đây,” viên gác cầu quát, và chúng đành ra đi lang thang dưới trời mưa.

Én nhỏ bay trở về và kể mọi điều mình nhìn thấy cho Hoàng Tử nghe.

“Người ta phủ đầy lá vàng ròng”, ngài nói, ngươi hãy bóc chúng ra, từng lá một, và phân phát chúng cho các thần dân nghèo khổ của ta; chúng sinh vẫn nghĩ rằng vàng bạc làm họ thành người hạnh phúc”.

Én nhỏ bóc từng lá, từng lá vàng ròng, cho đến khi Hoàng Tử trở nên xỉn đục và xám nghoét. Từng lá, từng lá vàng ròng, chú đem phân phát cho người nghèo. Những gương mặt trẻ thơ ửng hồng dần lên, chúng bắt đầu tươi cười và vui chơi trên các đường phố. “Giờ đây chúng mình đã có cơm ăn!” Chúng reo lên.

Thế rồi tuyết bắt đầu rơi, theo sau tuyết là băng giá. Đường phố như lát bạc, lóng lánh sáng rực; những dải băng trong suốt như pha lê viền khắp mái che các ngôi nhà, mọi người ra đường đều khoác áo lông, các cậu bé đội mũ đỏ thắm đi trượt tuyết ngoài trời giá lạnh.

Én nhỏ tội nghiệp ngày một lạnh cóng nhưng vẫn không rời xa Hoàng Tử bởi chú đã quá quyến luyến với ngài. Chú nhặt những vụn bánh trước cửa hiệu khi ông chủ hiệu không để ý và cố đập cánh tự sưởi ấm cho mình.

Nhưng rồi cuối cùng chú cũng hiểu rằng mình đang chết dần. Chú chỉ còn đủ sức vỗ cánh lần cuối bay đến đậu bên bờ vai Hoàng Tử. Vĩnh biệt nhé, Hoàng Tử thương mến!" Chú thì thào: "Cho phép tôi được hôn tay ngài nhé?"

"Ta rất mừng cuối cùng ngươi sẽ bay đi Ai Cập, Én bé bỏng ạ", Hoàng Tử nói: "Ngươi dừng lại đây quá lâu rồi; nhưng ngươi phải hôn lên môi ta vì ta yêu ngươi lắm".

"Không phải tôi bay sang Ai Cập đâu", Én nhỏ đáp: "Tôi sẽ bay tới ngôi nhà của Thần Chết, Thần Chết là anh em với Thần Ngủ, phải vậy không?"

Chú hôn lên môi Hoàng Tử và ngã xuống chết bên chân ngài.

Đúng lúc ấy, trong pho tượng vang ra tiếng răng rắc kì lạ, như thể một cái gì vừa mới vỡ tan ra, thì ra trái tim chì đã vỡ. Đó nhất định là vì trời quá lạnh đấy mà.

Sáng sớm hôm sau, ngài Thị Trưởng, có các ủy viên Hội đồng thành phố tháp tùng, đi dạo ở dưới quảng trường. Khi đi qua bệ đá ngài ngước nhìn pho tượng: "Ôi trời! Trông Hoàng Tử mới tiều tụy làm sao!" Ngài thốt lên.

"Quả thế, tiều tụy quá!" Các ủy viên, lúc nào cũng tán đồng với ngài Thị Trưởng, cùng kêu tướng lên, và họ leo lên xem xét pho

tượng.

“Viên *rubi* đã rơi khỏi đốc kiếm của ngài, cặp mắt ngài cũng biến đâu mất, toàn thân ngài cũng hết được phủ vàng”, ngài Thị Trưởng kêu lên: “Trông ngài thật không hơn một gã ăn mày!”

“Chẳng hơn gì một gã ăn mày”, các ủy viên Hội đồng cũng đồng thanh phụ họa theo.

“Và đây rõ là một con chim nằm chết dưới chân ngài!” Ngài Thị Trưởng tiếp lời. “Chúng ta nhất định phải đăng một bố cáo, cấm lũ chim không được phép đến chết ở nơi này”. Tòa thị chính thành phố thực thi ngay gợi ý này.

Thế là họ liền hạ pho tượng Hoàng Tử Hạnh Phúc xuống.

“Ngài không còn đẹp đẽ nên cũng không còn ích lợi gì nữa”, vị giáo sư mĩ thuật tuyên bố tại trường Đại học Tổng hợp.

Rồi họ đem pho tượng vào lò luyện nung chảy ra. Ngài Thị Trưởng triệu tập một cuộc họp Hội đồng thành phố, để quyết định sẽ làm gì với số sắt đã nung đó. “Dĩ nhiên chúng ta sẽ phải có một pho tượng khác”, ngài tuyên bố, “và đó sẽ là tượng của tôi”.

“Tượng của tôi kia”, từng ủy viên Hội đồng thành phố lên tiếng, rồi họ quay ra cãi lộn với nhau. Gần đây tôi nghe nói họ vẫn còn đang tiếp tục cãi nhau.

“Lạ chưa kìa!” Một trong những công nhân làm việc ở xưởng đúc phát hiện. “Trái tim chì đã vỡ kia không hề bị nung chảy trong lò. Chúng ta đành phải vứt nó ra khỏi lò thôi”. Thế là họ quăng nó ra đống rác, nơi có xác chú chim Én.

“Hãy mang về cho ta hai vật quý nhất của thành phố này”, Thượng Đế phán bảo một trong các thiên thần của Người. Vị

thiên thần này liền mang dâng Người trái tim chì cùng xác chú Én nọ.

“Ngươi chọn chúng đấy”, Người phán. “Trong vườn Thiên đàng của ta con chim nhỏ này sẽ đời đời ca hót, còn trong kinh thành vàng của ta Hoàng Tử Hạnh Phúc sẽ ca tụng danh ta.

HỌA MI VÀ HOA HỒNG

"Nàng hứa sẽ khiêu vũ cùng ta nếu ta mang đến tặng nàng những đóa hoa hồng nhung", chàng Sinh Viên trẻ kêu lên: "Nhưng không hề có một bông trong khu vườn nhà ta".

Nằm trong tổ trên cây sồi xanh Họa Mi nghe tiếng than của chàng, cô nhòm qua kẽ lá, ngạc nhiên.

"Chẳng có hồng nhung trong khắp khu vườn của ta!" Chàng than, cặp mắt tuyệt đẹp của chàng đẫm lệ. "A, hạnh phúc sao lại lệ thuộc vào một vật nhỏ nhoi nhường ấy! Ta đã đọc mọi điều các nhà thông thái viết ra, mọi bí ẩn của môn triết học đều đã thuộc về ta, vậy mà ước mong có được một đóa hồng nhung lại khiến đời ta khốn khổ".

"Cuối cùng cũng đã có một người tình đích thực", Họa Mi tự nhủ. "Đêm đêm ta hót về chàng, vậy mà ta đâu biết có chàng: Đêm đêm ta kể về chàng với các vì sao, giờ đây ta đã nhìn thấy chàng. Tóc chàng sẫm màu dạ lan hương, môi chàng thắm như đóa hồng - niềm say đắm của chàng; nhưng niềm đam mê khiến gương mặt chàng nhợt màu ngà và nỗi phiền muộn đã lưu dấu trên từng nét mày của chàng".

"Hoàng tử sẽ tổ chức vũ hội vào đêm mai", chàng Sinh Viên thì thầm, "và người ta yêu sẽ tới nơi đó. Nếu ta tặng được nàng đóa hồng nhung, nàng sẽ khiêu vũ cùng ta tới rạng đông. Nếu ta trao tặng nàng đóa hồng nhung ta sẽ được ôm nàng trong vòng tay, mái đầu nàng sẽ ngả bên vai ta, tay nàng sẽ nằm trong tay ta. Nhưng không có hồng nhung trong khu vườn nhà ta, vậy nên ta sẽ phải ngồi xuống một mình, nàng sẽ lướt qua mặt ta. Nàng sẽ chẳng thèm để mắt đến ta, trái tim ta sẽ vỡ tan ra mất".

“Đây quả là một người tình đích thực”, Họa Mi tự nhủ: “Chàng đớn đau bởi những điều ta ca hót; những gì khiến ta vui thích, với chàng lại chính là nỗi đau. Tình yêu quả là kì lạ. Nó quý giá hơn ngọc lục Bảo, hơn đá tản bạch. Ngọc trai cùng ngọc thạch lựu không mua nổi nó, ngoài chợ kia chẳng hề có bán nó. Nó không phải hàng hóa của đám khách thường, cũng không thể dùng vàng mà đo đếm”.

“Các nhạc công sẽ ngồi vào dàn nhạc”, chàng Sinh Viên mường tượng, “và họ sẽ lựa tay gảy đàn. Người ta yêu sẽ khiêu vũ trong tiếng đàn hạc cùng Viôlông. Nàng lướt như bay, chân không chạm sàn, các khách cung đình vận lễ phục sang trọng sẽ xúm xít quanh nàng. Mà nàng thì không khiêu vũ với ta bởi vì ta đã không có đóa hồng nhung để tặng nàng”, thế là chàng ngã nhào xuống cỏ, vùi mặt vào cánh tay mà nức nở.

“Cớ sao chàng ta khóc thế nhỉ?” Một chú Thằn Lằn nhỏ màu xanh tò mò hỏi khi chạy lướt qua chàng Sinh Viên với chiếc đuôi vểnh tít lên.

“Quả thực là sao thế nhỉ?” Ả Bướm lượn lờ chấp chới đuổi theo một tia nắng cũng hỏi.

“Ờ mà sao vậy nhỉ?” Cây Cúc giọng trầm ấm thì thầm với cô bạn đứng bên.

“Chàng khóc vì một đóa hồng nhung?” Họa Mi giảng giải

“Vì một đóa hồng nhung?” Cả bọn cùng kêu lên. “Thật quá là tức cười!” Chú Thằn Lằn nhỏ, kẻ vốn ưa nhạo báng cười toáng lên.

Riêng Họa Mi thầm hiểu uẩn khúc trong nỗi phiền muộn của chàng Sinh Viên, cô ẩn mình lặng lẽ trong lùm cây sồi, ngẫm ngợi về sự huyền bí của tình yêu.

Rồi cô bỗng xòe đôi cánh nâu bay vút lên, chao liệng giữa không trung. Cô bay qua khu rừng nhỏ như một cái bóng và như một

cái bóng cô liệng qua khu vườn.

Mọc giữa thảm cỏ là một cây hoa hồng tuyệt đẹp. Nhìn thấy cây hoa Họa Mị chao xuống và đậu lên một cành hồng.

“Hãy cho tôi một bông hồng đỏ”, cô kêu to “tôi sẽ hót bạn nghe bài ca ngọt ngào nhất của tôi”

Nhưng cây Hồng lắc đầu.

“Hoa của tôi màu trắng”, nó trả lời: “Trắng như bọt sóng biển và trắng hơn cả tuyết trắng trên non cao. Nhưng thử bay đến nhà anh trai tôi, ở bên cây đồng hồ mặt trời cũ kĩ ấy, có khi anh ấy sẽ cho cô loài hoa cô cần.”

Thế là Họa Mi liên bay tới cây hoa hồng mọc bên đồng hồ mặt trời.

“Hãy cho tôi một bông hồng đỏ”, cô kêu to. “Tôi sẽ hót tặng bạn bài ca ngọt ngào nhất của tôi.”

Nhưng cây Hồng lắc đầu.

“Hoa của tôi màu vàng”, và nó trả lời: “Vàng như mái tóc của nàng Tiên Cá ngự trên chiếc ngai hổ phách, vàng hơn cả những đóa thủy tiên nở rộ trên đồng cỏ trước lúc thợ cắt cô kịp đến cùng chiếc lưỡi hái cắt cỏ. Nhưng hãy thử đến nhà anh tôi ở bên cửa sổ nhà chàng Sinh Viên xem, biết đâu anh ấy có cả loài hoa bạn cần.”

Thế là Họa Mi lại bay vụt trở về bên cây hồng mọc dưới cửa sổ nhà chàng Sinh Viên.

“Hãy cho tôi một bông hồng đỏ”, cô kêu to: “Tôi sẽ hót tặng bạn bài ca ngọt ngào nhất của tôi.

Nhưng cây Hồng lắc đầu.

“Hoa của tôi màu đỏ”, nó trả lời: “Đỏ như mỏ chim bồ câu, đỏ hơn cả những cánh san hô khổng lồ rập rờn trong các hang động nơi đại dương kia. Nhưng lão mùa đông đã làm cóng lạnh gân lá tôi, băng giá đã làm tê buốt chồi non tôi, giông gió đã vặt gãy cành lá tôi và năm nay tôi sẽ chẳng có nổi một bông hoa nào đâu.”

“Một bông hồng đỏ thôi - đó là tất cả những gì tôi muốn”, Họa Mi kêu lên: “Chỉ một bông hồng đỏ thôi mà! Không có cách nào để tôi có nó hay sao?”

“Có một cách đấy”, cây Hồng trả lời: “Nhưng nó khủng khiếp tới mức tôi không dám bảo với bạn đâu.”

“Nói cho tôi đi”, Họa Mi nài: “Tôi chẳng sợ”.

“Nếu bạn muốn có một đóa hồng nhung”, cây Hồng mách: “Bạn phải tạo ra nó từ giai điệu của ánh trăng và nhuộm màu nó bằng máu từ trái tim bạn, bạn phải hót cho tôi nghe trong khi gai tôi đâm sâu vào ngực bạn. Bạn phải hót cho tôi nghe suốt đêm, và gai tôi sẽ xuyên vào trái tim bạn, máu trong người bạn phải nhỏ xuống chồi non tôi và biến thành máu của tôi”.

“Cái chết là một cái giá quá lớn để trả cho một bông hồng đỏ”, Họa Mi kêu lên: “Và cuộc sống xiết bao quý giá với mỗi sinh linh. Thật thoải mái được ở trong cánh rừng tươi xanh, được ngắm mặt trời ngủ trong cỗ xe vàng và mặt trăng ngủ trong cỗ xe ngọc trai của chúng. Thật ngọt ngào xiết bao hương cây táo gai, hương những đóa hoa chuông xanh ẩn mình trong thung lũng, hương những cây thạch nam bay theo gió trên những trái đồi. Nhưng tình yêu còn quý hơn cả cuộc sống, và trái tim một con chim nhỏ là gì đâu so với trái tim một con người?”

Thế là Họa Mi bay vút lên, chao liệng trong không trung. Cô lướt qua khu vườn như một cái bóng, và như một cái bóng cô bay quanh cánh rừng.

Chàng Sinh Viên vẫn nằm trên thảm cỏ như khi cô bay đi và nước mắt vẫn còn hoen trên khóe mắt tuyệt vời của chàng.

“Hãy hạnh phúc nhé”, Họa Mi kêu lên: “Hãy hạnh phúc; chàng sẽ có đóa hồng nhung của chàng. Ta sẽ làm ra nó, từ giai điệu của ánh trăng và nhuộm nó bằng máu của ta. Bù lại, tất cả những gì ta đòi hỏi nơi chàng - hãy là một người tình chân chính, bởi tình yêu còn thông thái hơn cả triết học, dẫu rằng người tình ấy có thông thái và hùng mạnh hơn cả uy quyền, dẫu rằng chàng rất oai phong. Đôi cánh chàng rực màu lửa và lửa là màu thân thể của chàng. Đôi môi chàng ngọt ngào như mật, hơi thở tựa như hương trầm”.

Từ thảm cỏ chàng Sinh viên ngước nhìn nhưng chàng đâu hiểu nổi những điều Họa Mi nói cùng chàng, bởi chàng chỉ thông tuệ những gì được viết trong sách vở.

Thế nhưng cây Sồi lại hiểu và cảm thấy buồn bởi nó rất thích để Họa Mi bé nhỏ làm tổ trong vòm lá nó.

“Hãy hót tôi nghe lần cuối đi”, cây Sồi thì thào: “Tôi sẽ thấy cô đơn khi cô không còn ở đây.”

Thế là Họa Mi hót tặng cây Sồi, giọng hót như tiếng nước reo trong chiếc bình bạc.

Chim Họa Mi vừa dứt lời ca chàng Sinh Viên vùng dậy, lôi quyển vở cùng cây bút khỏi túi chàng.

“Nó có một hình hài”, chàng tự nhủ khi băng qua cánh rừng - “chẳng thể phủ nhận được điều đó; nhưng nó có cảm giác chăng? Ta e rằng không. Nó giống hầu như các bậc nghệ sĩ, ngoại trừ tấm chân tình. Nó chẳng có khả năng hiến thân vì kẻ khác. Nó chỉ đơn thuần nghĩ đến âm nhạc, mà các bộ môn nghệ thuật thì ai cũng biết rất chi ích kỷ. Tuy nhiên phải thừa nhận rằng giọng hót của nó thật tuyệt vời. Đáng tiếc điều này đâu có chút ý nghĩa nào, mà cũng chẳng đem lại chút lợi ích thực tế

nào!" Rồi chàng vào phòng, ngả mình xuống chiếc giường nệm rơm và bắt đầu tương tư về người chàng yêu. Một lát sau chàng đã ngủ thiếp đi.

Khi vầng trăng tỏa sáng bầu trời Họa Mi bay đến bên cây Hồng và tì ngực mình vào chiếc gai hồng. Cô hót suốt đêm, ngực tì lên gai hồng. Vầng trăng lạnh như pha lê cúi xuống lắng nghe. Họa Mi hót suốt đêm, mũi gai hồng cứ cắm sâu, cắm sâu mãi vào ngực cô và máu trút dần khỏi thân thể cô.

Cô hót về tình yêu hé nở trong tim chàng trai cô gái. Và trên cánh hồng cao xòe từng cánh, từng cánh một bông hoa tuyệt sắc, như lời ca cứ nối tiếp lời ca. Thoạt đầu, bông hoa nhợt nhạt như làn sương mù giăng trên sông, như bước chân của buổi ban mai, rồi lấp lánh sáng dần như đôi cánh của rạng đông. Bông hoa nở trên ngọn hồng trông giống như bóng một bông hồng in trên mặt gương bạc, như bóng một bông hồng in mặt nước đầm.

Còn cây hồng vẫn không ngừng gọi chim Họa Mi ghì sâu nữa khuôn ngực cô vào mũi gai của nó. "Ghì sâu nữa đi, Họa Mi bé bỏng", cây Hồng kêu lên: "Nếu không, ngày mai tới trước khi bông hồng kịp sinh ra".

Thế là Họa Mi lại ấn mình sâu thêm vào mũi gai hồng. Mũi gai đã chạm đến trái tim, một cảm giác đau nhói xuyên suốt cơ thể cô bé. Buốt nhói, nỗi đau càng buốt nhói, tiếng Họa Mi lại càng ngân vang, ngân xa, bài ca về một tình yêu được tròn đầy bởi cái chết, về một tình yêu chết đi mà không chịu ẩn mình trong một nấm mồ.

Và đóa hoa tuyệt sắc kia đã được nhuộm một màu đỏ thẫm, giống như một đóa hồng dưới bầu trời phương Đông. Màu thẫm đỏ ôm phủ mỗi cánh hoa là mỗi trái tim thẫm như hồng ngọc.

Còn tiếng hót của Họa Mi cứ mỗi lúc một yếu dần, đôi cánh nhỏ của cô đập liên hồi, đôi mắt dần mờ tối. Lời ca cứ yếu dần, yếu mãi cho tới khi Họa Mi cảm thấy nơi cổ họng nhói đau.

Thế là Họa Mi cất tiếng ca cuối cùng. Vầng trăng bạc lắng nghe quên cả rạng đông, cứ chần trừ nán lại bên trời. Đóa hồng nhung lắng nghe, run rẩy mê li để rồi hé dần từng cánh mỏng trong bình minh se lạnh. Tiếng vọng mang lời ca về nơi hang động son tía của nó ở trong các ngọn đồi, đánh thức các chàng mục đồng rời khỏi giấc mơ. Tiếng ca bồng bềnh qua đám lau sậy bên sông, rồi được truyền ra biển cả.

“Xem này! Xem này!” Cây Hồng kêu lên: “Đóa hồng đã hoàn mĩ”, nhưng Họa Mi không trả lời bởi cô đã gục chết bên thảm cỏ, mũi gai hồng xuyên vào trong tim.

Xế trưa chàng Sinh Viên mở cửa sổ và nhìn ra ngoài.

“Ô kìa, một niềm hạnh phúc kì diệu nào đây!” Chàng kêu lên, “một đóa hồng nhung tại nơi này! Cả đời ta chưa từng thấy một đóa hồng nhung như vậy. Đóa hoa kiều diễm đến độ kiến ta tin rằng nó phải mang một cái tên Lating dài dằng rặc” và chàng nhoài người với hái đóa hồng.

Thế rồi chàng chộp vội mũ lên đầu, chạy như bay đến nhà vị Giáo sư, với đóa hoa hồng trên tay.

Ái nữ của Giáo sư đang ngồi cuộn tơ xanh trước cửa, chú chó nhỏ của nàng nằm bên chân nàng.

“Nàng hứa sẽ khiêu vũ cùng ta nếu ta mang tặng nàng một đóa hồng nhung”, chàng Sinh Viên reo lên: “Đây là đóa hồng thắm nhất thế gian. Đêm nay nàng sẽ cài nó bên trái tim nhé, và khi chúng ta khiêu vũ nó sẽ mách bảo nàng ta yêu nàng đến nhường nào.”

Nhưng cô gái xịu mặt.

“Em sợ rằng nó không hợp với bộ xiêm y của em”, nàng trả lời: “Mới lại, chàng cháu ngài Thị thần hứa sẽ gửi tặng em vài món

đồ trang sức bằng ngọc thật, và ai mà chả biết ngọc thì đắt hơn hoa hoét rất nhiều".

"Ồ, xin thề rằng cô là một con người tệ bạc vô cùng," chàng Sinh Viên giận dữ thốt lên; và chàng quẳng luôn bông hoa hồng ra đường, nó nhào xuống một rãnh nước và bị một bánh xe bò đè nghiến lên.

"Tệ bạc!" Cô gái kêu lên. "Nghe tôi này, chàng thật là thô lỗ; mà thực ra chàng là ai kia chứ? Chỉ là một gã sinh viên. Chứ sao, tôi chẳng tin chàng lại có nổi một đôi khoa bạc cho đôi giày của chàng như cháu trai ngài Thị thần". Rồi cô nàng đứng phắt khỏi chiếc ghế bành đang ngồi, đi thẳng vào nhà.

"Tình yêu thực là thứ ngớ ngẩn!" Chàng Sinh Viên nói khi bỏ đi. "Nó chẳng ích bằng một nửa môn *logíc* học, bởi nó chẳng chứng minh được điều gì. Nó chỉ luôn nói về những thứ chẳng bao giờ xảy ra trên đời, khiến con người ta tin vào những cái không có thật. Thực chất, nó quá phi thực tế, mà ở thời buổi này, thực tế là tất cả. Ta sẽ quay về với triết học và sẽ nghiên cứu môn siêu hình".

Thế rồi chàng quay về phòng mình, lôi ra một pho sách dày cộp và cắm cúi đọc.

GIANT[1] ÍCH KỶ

[1] *Giant – người khổng lồ*

Mỗi buổi trưa trên đường đi học về, lũ trẻ thường ghé vào chơi đùa trong khu vườn của Giant. Đó là một khu vườn mênh mang, tươi tốt, có thảm cỏ xanh mềm mại. Đó đây trên thảm cỏ vươn lên những bông hoa xinh đẹp tựa những vì sao. Trong vườn mọc mười hai cây đào, cứ độ xuân về lại phủ đầy những bông hoa duyên dáng màu hồng và màu ngọc trai, sang thu lại đơm quả trĩu trịt, chín vàng. Từng đàn chim bay về, đậu đầy trên cây và cất tiếng hót ngọt ngào khiến bọn trẻ phải ngừng chơi lắng tai nghe. “Ở đây chúng mình vui sướng quá!” Lũ trẻ bảo nhau.

Rồi một hôm Giant trở về nhà, Y đến thăm bạn là gã yêu Cornish và ở chơi đó suốt bảy năm. Bảy năm trôi qua, y đã dốc cạn bầu tâm sự, thành ra cũng chẳng còn gì để nói nữa, thế là y quyết định trở về lâu đài nhà mình. Về đến nơi y trông thấy lũ trẻ đang chơi đùa trong khu vườn.

“Chúng bay làm gì ở đây?” Y quát rất cọc cằn và lũ trẻ ù té bỏ chạy.

Ai cũng hiểu vườn của ta là của riêng ta” y nói, “ta không cho phép một kẻ nào được chơi đùa ở đây, ngoài ta ra.”

Rồi y xây bức tường thật cao bao quanh khu vườn và cắm một cái bảng đề rằng: KẺ XÂM PHẠM SẼ BỊ KHỞI TỐ

Bởi Giant là một gã khổng lồ rất chi là ích kỷ mà.

Lũ trẻ tội nghiệp giờ đây chẳng có chỗ nào chơi.

Chúng thử ra chơi ngoài đường, nhưng đường đầy bụi bặm và lổn nhổn những đá hộc, làm sao chúng thích được. Chúng kéo nhau đi quanh bức tường bao khu vườn sau giờ học và bàn tán về khu vườn tuyệt vời nằm trong kia. “Hồi đó chúng mình thật vui vẻ làm sao!” Chúng bảo với nhau.

Thế rồi mùa xuân đến, đất đai cỏ hoa nở rộ, từng đàn chim chóc bay về. Chỉ còn mỗi khu vườn của Giant ích kỷ là vẫn đang mùa đông. Bầy chim không buồn đến hót trong khu vườn bởi ở đó làm gì có lũ trẻ, và cây cối cũng quên cả ra hoa. Một bận, có bông hoa rất đẹp ghé đầu khỏi lớp cỏ, nhưng khi nhìn thấy tấm biển, thương lũ trẻ quá, nó lại thụt đầu trở xuống đất và tiếp tục ngủ thiếp đi. Duy nhất chỉ có mấy kẻ cảm thấy hài lòng, là ả Tuyết cùng gã Băng giá. “Mùa xuân quên khu vườn này rồi,” chúng reo lên, “vậy thì chúng tôi cứ việc quanh năm ngự trị ở đây”. Ả Tuyết phủ lên thảm cỏ tấm thảm trắng mênh mông, còn gã Băng giá quét lên các thân cây một lớp băng bạc. Rồi chúng mời lão Gió bấc đến ở cùng chúng. Lão này dọn đến ngay. Lão bới tung, lão gào rú suốt ngày quanh khu vườn, lão thổi xuống những ống khói lò sưởi. “Đây quả là chốn vui thích,” lão thốt lên: “Chúng ta phải mời gã Mưa đá đến chơi một chuyến. Thế là gã Mưa đá mò đến. Mỗi ngày gã đổ mưa đá rào rào xuống mái lâu đài ba tiếng đồng hồ, cho đến khi đập vỡ gần hết lớp ngói lợp, rồi gã chạy lồng lên vòng quanh, vòng quanh khu vườn cho kì hết hơi mới thôi. Gã mặc đồ xám và hơi thở lạnh giá như băng.

“Không hiểu sao mùa xuân đến muộn thế,” Giant ích kỷ thắc mắc lúc ngồi bên cửa sổ nhìn ra khu vườn cóng lạnh, trắng xóa của mình; “ta hi vọng thời tiết sẽ thay đổi”.

Nhưng mùa xuân vẫn biệt tăm mùa hè cũng thế. Thu đem mùa vàng trĩu quả đến mọi khu vườn, chỉ có khu vườn của Giant là

chẳng được gì. “Gã này ích kỷ quá lắm,” mùa thu nhận xét. Vậy là ở đó lúc nào cũng chỉ có mùa đông, cùng Gió bấc và Mưa đá; Băng giá cùng ả Tuyết lồng lộn suốt ngày trong các rặng cây.

Một buổi sáng đang nằm thức trên giường, Giant bỗng nghe thấy tiếng nhạc rất êm ái, du dương ngọt ngào bên tai khiến Giant nghĩ rằng có dàn nhạc Hoàng gia đi ngang qua. Thực ra đó chỉ là một chú Sẻ lanh nhỏ đang véo von hót bên cửa sổ, nhưng bởi quá lâu rồi trong khu vườn vắng tiếng chim hót nên Giant mới cảm thấy đó là tiếng nhạc tuyệt vời nhất trên cõi đời.

Thế rồi Mưa đá ngừng đổ xuống đầu y, gió Bấc cũng ngừng gào rú, một mùi hương thơm ngát bay vào qua cửa sổ hé mở. “Ta tin rằng mùa xuân cuối cùng cũng đã về”, Giant nói: Giant nhảy khỏi giường và nhìn ra.

Giant thấy gì vậy nhỉ?

Y thất một cảnh sắc tuyệt vời nhất.

Lũ trẻ đã đột nhập qua một lỗ hổng ở bức tường bao và leo lên ngồi đầy trên các cành cây trên vườn. Giant nhìn thấy trên mỗi cành cây vắt vẻo một đứa bé. Cây cối mừng rỡ đón lũ trẻ quay trở lại, nở xòe hoa, dịu dàng vẫy những tay lá trên đầu từng đứa trẻ. Chim chóc bay về, líu lo vui nhộn, những khóm hoa từ thảm cỏ xanh ngước lên nhìn và bật cười vui vẻ. Đó là một cảnh sắc thật tuyệt vời dễ thương, mùa đông chỉ còn lưu lại trong một góc vườn, một góc vườn hẻo lánh nhất, ở đó cũng có một chú nhóc đang đứng. Chú nhóc bé quá nên không với nổi lên cành cây. Chú đi quanh gốc cây, khóc cay khóc đắng. Cái cây tội nghiệp vẫn còn bị tuyết và băng giá phủ đầy, gió bão vẫn lồng lộn, gầm gào ở phía trên nó. “Trèo lên cây đi, cậu bé!”, Cây giục, cố sức sà cành xuống, nhưng cậu bé còn thấp quá. Trái tim Giant bỗng mềm lại khi y nhìn ra. “Ta đã ích kỷ quá!” Y tự nhủ, “giờ đây ta đã hiểu vì sao mùa xuân không tới đây. Ta sẽ đặt cậu bé lên tận ngọn cây và ta sẽ đập bỏ bức tường. Từ nay khu vườn của ta sẽ

mãi mãi là sân chơi cho lũ trẻ". Giant thực lòng rất ân hận bởi những gì đã làm trước đây.

Thế là Giant lần xuống gác, mở cửa thật khẽ khàng và đi ra vườn. Nhưng vừa trông thấy Giant, tất cả lũ trẻ vô cùng hoảng sợ và ù té bỏ chạy ráo cả. Khu vườn lại trở lại mùa đông. Chỉ có chú nhỏ là không bỏ chạy: Lệ tràn mi khiến chú không trông thấy Giant đi tới. Giant cúi xuống nhẹ nhàng nâng chú nhỏ lên tay và đặt chú lên cây. Cây táo lập tức bừng nở hoa, chim chóc lại quay về bụi hót líu lo. Cậu bé choàng hai tay ôm choàng lấy cổ Giant. Những đứa trẻ khác, thấy ông khổng lồ không dữ tợn nữa, cũng chạy ùa trở lại, cùng với chúng, mùa xuân đã quay trở về.

"Từ nay, đây sẽ là khu vườn của các cháu, các cháu nhé", Giant nói và cầm lấy cái búa to tướng, đập tan bức tường.

Cứ 12 giờ trưa, lúc mọi người đi chợ về họ lại nhìn thấy Giant khổng lồ chơi đùa cùng lũ trẻ trong khu vườn tuyệt vời họ chưa bao giờ thấy từ xưa đến nay.

Lũ trẻ vui đùa suốt cả ngày, đến tận chiều tối chúng mới kéo vào nhà để chào từ biệt ông Giant.

"Thế cậu bạn nhỏ của các cậu đâu?" Giant hỏi: "Cái cậu bé nhất ấy vì cậu đã hôn Giant.

"Chúng cháu không biết ạ", lũ trẻ đáp: " Nó đi về rồi ạ"

"Các cháu nhất định phải rủ cậu ấy đến nhé".

Giant dặn chúng. Nhưng lũ trẻ bảo rằng chúng không biết nhà cậu nhóc ấy ở đâu và từ trước chưa gặp cậu ta bao giờ; Giant cảm thấy rất buồn.

Mỗi buổi trưa sau giờ tan trường, lũ trẻ vẫn đến chơi đùa cùng Giant, nhưng đứa nhỏ Giant quý nhất ấy, y chẳng bao giờ gặp lại

nữa. Giant dễ thương với mọi đứa trẻ, nhưng vẫn nhớ nhung mong chờ người bạn nhỏ ban đầu và luôn luôn hỏi thăm về cậu.

Bác mong gặp cậu nhóc ấy quá!" Giant thường nhắc.

Năm tháng qua đi, Giant ngày một già yếu lụ khụ. Ông ta không thể đi lại chơi đùa được nữa, mà chỉ có thể ngồi trong một chiếc ghế bành to sụ, nhìn ngắm lũ trẻ vui chơi và chiêm ngưỡng khu vườn nhà mình.

"Ta có bao nhiêu là đóa hoa tuyệt sắc," Giant nói: "Thế nhưng lũ trẻ mới chính là những đóa hoa tuyệt vời nhất."

Một sớm mùa đông, Giant nhìn qua cửa sổ trong lúc mặc quần áo. Giờ đây Giant không còn ghét mùa đông nữa bởi ông ta hiểu đó chỉ là giờ khắc mùa xuân đang thiếp ngủ, là khi các bông hoa đang nghỉ ngơi.

Bỗng Giant dụi mắt ngạc nhiên, ông ta nhìn, nhìn mãi. Có một cảnh sắc rất đỗi lạ thường. Ở tít xa trong góc vườn, một cây táo đã nở hoa trắng xóa. Cành táo bằng vàng, quả bạc treo lủng lẻu, còn bên dưới gốc táo, cậu bé Giant hằng yêu quý đang đứng.

Giant lao xuống nhà trong niềm sung sướng vô bờ. Ông ta hối hả băng qua vạt cỏ, tiến đến bên đứa trẻ. Khi đến sát gần, mặt Giant trở nên đỏ gay vì tức giận, ông ta nói: "Kẻ nào dám làm đau cháu? "Bởi trong lòng bàn tay đứa trẻ có hai vết đinh đóng, hai vết đinh đóng ở bên chân bé nhỏ.

"Ai giám làm đau cháu?" Giant quát to: "Nói cho bác, bác sẽ hạ gục nó với thanh kiếm lớn của bác."

"Không phải," đứa trẻ trả lời: "Mà đấy là vết thương của tình yêu".

"Cháu là ai?" Giant hỏi, một niềm kinh hãi kì lạ xâm chiếm ông ta, Giant quỳ xuống trước đứa bé.

Đứa bé mỉm cười với Giant và vào: “Một bận ngươi đã cho ta vui đùa trong khu vườn của ngươi, hôm nay ngươi sẽ cùng ta đi vào khu vườn của ta, đó là Thiên đàng”. Đến trưa, khi lũ trẻ ùa vào trong vườn, chúng thấy Giant nằm chết dưới cây táo phủ đầy hoa trắng xóa.

NGƯỜI BẠN TẬN TỤY

Một buổi sớm, già Chuột Nước ngó đầu ra ngoài cửa hang. Lão có cặp mắt tròn sáng, hàng ria xám cứng đơ, còn cái đuôi trông giống một khúc cao su dài ngoằn. lũ vịt con đang bơi lội trên mặt ao, trông hệt như những chú hoàng yến vàng ươm, còn mẹ chúng, lông trắng tuyền cùng cặp chân son roi rói, đang cố dạy cho chúng cách bơi chúc đầu xuống nước.

“Các con sẽ chẳng lọt nổi vào giới thượng lưu nếu không biết cách bơi đứng chúc đầu xuống nước.” Chị ta nhắc đi nhắc lại và chốc chốc lại làm mẫu cho lũ con. Nhưng lũ vịt con phớt lờ mẹ chúng. Chúng còn quá nhỏ, nên chưa hiểu được lợi thế khi thuộc về giới thượng lưu.

“Một lũ trẻ đến là ương bướng!” Chuột Nước già kêu lên: “Chúng thật là đáng chìm nghỉm”.

“Nói thế sao được”, chị Vịt mái đối đáp: “Ai mà chả có bước khởi đầu, mà các bậc cha mẹ không thể lúc nào cũng quá nhẫn nại”.

“À, ta thật chẳng biết gì về tình cảm của các bậc cha mẹ”, Chuột nước nói: “Ta là kẻ độc thân. Ta thực chưa bao giờ lập gia đình và cũng chẳng hề có ý định. Tình yêu theo cái cách của nó cũng hay thực đấy, nhưng tình bạn còn cao quý hơn nhiều. Ta thực chẳng thấy gì trên thế gian cao quý hơn, hiếm hoi hơn một tình bạn tận tụy.

“Thưa già, vậy theo già, thế nào là bổn phận của một người bạn tận tụy?” Sẻ Lanh Xanh, đang đậu trên cây liễu nghe được câu chuyện hỏi Chuột Nước.

“Phải đó là điều tôi muốn biết đấy”, Vịt mái nói; và chị ta bơi tít xuống cuối ao làm mẫu động tác bơi chúc đầu cho lũ con.

“Một câu hỏi đến là ngớ ngẩn!” Chuột Nước kêu lên: “Tôi chỉ mong người bạn tận tụy của tôi với tôi, thế thôi.”

“Thế về phần già, già sẽ cư xử thế nào?” Một chú chim nhỏ, liệng trên một cành cây màu bạc; đập đập đôi cánh tí xíu hỏi.

“Ta không hiểu ý cháu”, Chuột Nước trả lời.

“Để cháu kể già nghe một câu chuyện về đề tài này”, Sẻ Lanh vào chuyện.

“Câu chuyện về ta ấy à?” Chuột Nước hỏi. “Nếu vậy, ta sẽ lắng nghe, bởi ta mê truyện hư cấu lắm.

“Nó thích hợp với già đấy ạ”, Sẻ Lanh trả lời.

Nó bay sà xuống, đậu vào bờ rồi kể câu chuyện về người bạn tận tụy.

“Thuở ấy, có một anh chàng bé nhỏ, tính tình chân thật tên là Hans”.

“Hắn nổi bật lắm à?” Chuột Nước hỏi.

“Không, tôi nghĩ anh ta chẳng có gì nổi bật ngoài trái tim nhân hậu và khuôn mặt ngộ nghĩnh, vui vẻ và cởi mở. Anh ta sống trong một túp nhà tranh bé nhỏ, tự làm lấy, hàng ngày cuốc xới trồng trọt trong khu vườn nhà mình. Khắp vùng quê chẳng nhà nào có mảnh vườn đẹp như vườn của Hans. Trong vườn mọc đủ loại hoa: Hoa Williams ngọt ngào, hoa Gilly, hoa mao lương; hoa hồng Đan Mạch; hoa hồng vàng; tử đinh hương, Violet tía và trắng, thủy tiên, cẩm chướng hồng…Loài nọ nối tiếp loài kia như tháng năm tuần tự, quanh năm thay nhau đua nở, nên nơi

đó lúc nào cũng hiện diện cảnh sắc tuyệt vời để chiêm ngưỡng cùng hương thơm dễ chịu để thưởng thức.

“Hans nhỏ có nhiền bạn bè lắm, nhưng người bạn gắn bó nhất phải kể đến lão Miller[1] to đùng. Tất nhiên lão Miller giàu sụ ấy gắn bó với Hans nhỏ lắm, đến nỗi lão chẳng lần nào đến khu vườn của Hans mà lại không trèo lên tường rào hái bó hoa to tướng, hoặc một ôm đầy cỏ thảo[2], hay ních một túi quần đầy mận, anh đào nếu đang dịp mùa quả chín.

---

[1] *Chủ cối xay bột (bằng sức gió)*

[2] *Loại cỏ dùng làm thuốc*

“Những người bạn đích thực phải có chung mọi cái”, Miller thường nói, Hans Nhỏ thì gật gù và tủm tỉm cười, cảm thấy kiêu hãnh vì có một người bạn có những ý tưởng cao quý làm vậy.

“Hàng xóm dĩ nhiên đôi khi cũng lấy làm lạ vì lão Miller giàu nứt đố kia chẳng khi nào biếu lại Hans Nhỏ một thứ gì, mặc dù lão có hàng trăm bao bột dự trữ trong nhà máy xay của lão, cùng sáu con bò sữa, với một đàn cừu đông lúc nhúc; nhưng Hans thì chẳng mảy may bận lòng về những điều đó, không gì khiến anh chàng hài lòng hơn khi được nghe những lời cao siêu của Miller về sự không vụ lợi trong tình bạn đích thực.

“Cứ như thế, Hans cần cù làm lụng trên mảnh vườn nhà mình. Suốt mùa xuân, mùa hạ, rồi đến mùa thu, lúc nào anh chàng cũng thấy hạnh phúc, mãn nguyện, nhưng sang mùa đông, khi trong nhà không còn hoa quả đem ra chợ bán, anh liền bị cái đói, cái rét giày vò và thường đi ngủ nhịn bữa tối, ngày thì vài trái lê khô cùng vài hạt dẻ cứng đanh. Mùa đông cũng là mùa anh chàng phải chịu cảnh lẻ loi khủng khiếp vì khi lão Miller chẳng hề bén mảng đến thăm bạn.

“Tuyết còn rơi thì tôi chẳng nên đến thăm Hans Nhỏ làm gì”, lão Miller thường bảo với vợ, “bởi khi con người ta túng bấn, tốt nhất nên để anh ta yên thân không bị khách khứa quấy rầy. Ít ra đó cũng là ý tưởng của tôi về tình bạn và tôi tin chắc rằng mình đúng. Vậy nên tôi cứ đợi sang mùa xuân mới đến thăm anh ta. Khi đấy Hans mới có thể biếu tôi hàng giỏ anh thảo khiến anh ta sướng ghê lắm”.

Ông hẳn phải bận lòng về người khác lắm, vợ Miller tiếp lời, mụ đang tọa trong chiếc ghế bành ấm cúng, bên lò sưởi ấm rực lửa củi thông; hẳn phải rất bận lòng. Thật dễ chịu được nghe ông luận bàn về tình bạn. Tôi đoán chắc bản thân mục sư cũng không thể nói những lời tuyệt tác như ông dù ông ta có sống trong một tòa nhà ba tầng và đeo nhẫn vàng ở ngón tay út”.

“Nhưng sao chúng ta không mời chú Hans Nhỏ đến đây ạ?” Cậu trai út nhà Miller lên tiếng. “Nếu chú Hans đáng thương túng bấn, con sẽ nhường chú nửa suất cháo của con và cho chú xem lũ thỏ trắng của con”.

“Thằng nhóc này ngố quá đi mất! Lão Miller quát: “Tao thật không hiểu cho mày đi học phỏng có ích gì. Mày hình như chẳng học được gì ráo. Chứ sao, nếu Hans Nhỏ đến đây, nhìn thấy bếp sưởi, bữa tối thịnh soạn, thùng vang đỏ to tướng nhà ta, hắn sẽ ghen tức, mà lòng ghen tị là thứ kinh khủng nhất, nó sẽ làm hỏng tâm tính của bất cứ ai. Ta đương nhiên không cho phép ai làm hỏng tâm tính của Hans. Ta là bạn thân nhất của hắn mà. Ta phải luôn để mắt chăm coi để hắn đừng bị sa sẩy vào bất kì sự cám dỗ nào. Ngoài ra, nếu đến đây, thế nào Hans cũng ngỏ lời vay ta ít bột và ta không thể. Bột là một chuyện, tình bạn lại là một chuyện, không thể đánh đồng hai thứ đó. Vì sao, hai từ đó phát âm khác nhau và nghĩa cũng khác nhau hoàn toàn. Ai mà chả biết điều này.”

“Ông nói hay quá!” Vợ Miller trầm trồ, tự rót cho mình một vại bia ấm, “tôi thật sự cảm thấy đê mê, cứ y như đang ở trong nhà

thờ vậy".

"Có ối người hành động rất khá", Miller nói: "Nhưng ít ai nói được hay, chứng tỏ nói là thứ khó hơn nhiều trong hai thứ đó, và cũng là thứ đẹp hơn nhiều", và lão ngạo nghễ nghiêm khắc phóng mắt qua bàn nhìn đứa con trai nhỏ, lúc này đang thấy xấu hổ quá, cứ cúi gằm mặt xuống, mặt đỏ tía tai và bắt đầu thút thít khóc bên tách nước trà. Vì hắn còn quá nhỏ nên ta cũng nên lượng thứ cho hắn."

"Hết chuyện rồi đấy hẳn?" Chuột Nước hỏi.

"Tất nhiên là chưa", Sẻ Lanh đáp: "Đấy mới chỉ là bắt đầu thôi ạ".

"Vậy thì cậu lạc hậu quá", Chuột Nước phán: "Thời nay, bọn kể chuyện nhà nghề thường bắt đầu từ cuối chuyện, sau đó mới vào đề và kết luận ở giữa chuyện kia. Một phương pháp mới đấy. Hôm nọ ta nghe điều này từ một ông phê bình lúc ông này đi dạo quanh hồ cùng một gã trai trẻ. Ông ta bàn chuyện lớn tiếng lắm và ta tin là ông ta phải đúng bởi cặp kính xanh với cái đầu hói của ông ta. Khi gã trai trẻ có bất cứ một lưu ý gì ông ta luôn đáp lại bằng một tiếng "Pù…ù…ù!" Nhưng xin cậu hãy kể tiếp câu chuyện cho. Ta thấy thích cái lão Miller hết sức. Ta có đủ mọi tình cảm tốt đẹp, vì thế có sự đồng cảm giữa ta với lão đó".

"Thế là", Sẻ Lanh đổi chân, tiếp tục câu chuyện. "Vừa hết mùa đông, khi nhóm anh thảo hé nở những bông hoa như những ngôi sao vàng nhạt, Miller liền bảo vợ là lão sẽ đi thăm Hans Nhỏ một chuyến.

"Ồ, ông quả có trái tim nhân hậu!" Vợ lão thốt lên. "Ông luôn nghĩ đến người khác. Mà ông nhớ mang theo cái giỏ to to mà đựng hoa nhé."

"Thế là Miller kiếm sợi dây xích thật chắc khóa cánh cối xay gió lại rồi đi xuống đồi cùng một chiếc giỏ lớn trong tay.

“Xin chào”, Hans Nhỏ! Miller đon đả.

“Xin chào”, Hans đáp, trườn người trên chiếc mai, cười ngoác đến mang tai.

“Suốt mùa đông qua cậu thế nào?” Miller hỏi.

“Ồ, cậu thật tốt đã hỏi thăm, quả thật là tốt. Tôi e mình vừa trải qua một đận khó khăn quá đỗi, nhưng bây giờ đã sang xuân, tôi vui lắm, và hoa của tôi rất tốt”.

“Suốt mùa đông, cả nhà mình vẫn nhắc đến cậu, Hans ạ”, Miller nói: “Và chẳng hiểu cậu phải chèo trống ra làm sao.”

“Mọi người chu đáo quá”, Hans đáp: “Tôi lại cứ sợ có khi mọi người quên tôi rồi”.

“Kìa Hans, mình ngạc nhiên vì cậu quá đấy”, Miller bảo: “Có ai quên tình bạn bao giờ. Đó là điều kì diệu lắm, nhưng tôi sợ rằng cậu chả hiểu gì về chất thơ của đời. Đám anh thảo nhà cậu trông thích mắt quá!”

“Chúng quả rất đáng yêu”, Hans tán thành, “đó là niềm hạnh phúc của tôi, vì chúng rất được mùa. Tôi sẽ thu hoạch chúng và đem ra chợ bán cho con gái ngài Thị Trưởng, lấy tiền mua lại cái xe cút kít”.

“Mua lại cái xe cút kít của cậu ư? Cậu không định nói đã bán nó đấy chứ? Một việc làm ngu ngốc quá!”

“Ờ, sự thể là như thế này”, Hans kể: “Tôi buộc phải làm thế. Cậu thấy đấy, mùa đông là mùa lao đao đối với tôi. Tôi thật không còn tiền để mua bánh nữa. Thế nên đầu tiên tôi bán bộ cúc bạc ở áo lễ phục, sau đó bán đến sợi xích bạc rồi đến chiếc tẩu lớn, cuối cùng là đến chiếc xe cút kít. Nhưng giờ đây tôi sẽ mua lại được tất cả những thứ đó.”

“Hans này”, Miller bảo: “Tôi sẽ cho cậu chiếc xe cút kít nhà tôi. Nó chưa được sửa cho tử tế lắm; thực ra nó bị vạt một bên và nan hoa bánh xe bị trục trặc.

Dù thế nào tôi cũng sẽ cho cậu. Tôi biết mình như vậy là hào phóng đấy. Ối người nghĩ rằng tôi cực ngu nên mới cho đi. Nhưng tôi đâu có giống thiên hạ. Tôi cho rằng sự hào phóng là bản chất của tình bạn. Ngoài ra, tôi đã có xe cút kít mới rồi. Đúng, cậu cứ yên tâm đi, tôi sẽ cho cậu chiếc xe của tôi”.

“Ồ, cậu quả là hào phóng”, Hans Nhỏ nói, khuôn mặt tròn ngộ nghĩnh của anh chàng sáng bừng lên vẻ hài lòng. “Tôi sẽ sửa nó dễ không ấy mà, vì nhà tôi có một tấm ván”.

“Một tấm ván ư!” Miller nói: “Ấy đúng đó là thứ tớ đang cần để sửa mái nhà kho. Có một lỗ hổng tướng trên đó mà. Lúa ngô sẽ hỏng ráo nếu không sửa mau. Thật may cậu lại nhắc đến! Quả là phi thường khi hành động này lại làm nảy sinh hành động kia. Tôi cho cậu chiếc xe của tôi, và bây giờ cậu lại cho tôi tấm ván của cậu. Chiếc xe đương nhiên đáng giá hơn nhiều so với tấm ván, nhưng tình bạn đích thực không bao giờ nhìn nhận theo kiểu ấy. Nào đưa ngay tấm ván đây và tôi sẽ sửa nhà kho ngay hôm nay.”

“Hẳn rồi,” Hans kêu lên và anh chàng chạy vội vào lán kho kéo tấm ván ra.

“Tấm ván chẳng được to lắm”, Miller nhìn tấm ván, “tôi sợ rằng sau khi sửa xong kho thóc nhà tôi, sẽ chẳng còn thừa cho cậu sửa xe cút kít đâu, nhưng đó hẳn đâu phải là lỗi của tôi. Và bây giờ, vì tôi sẽ cho cậu chiếc xe của tôi, tôi tin rằng về phần cậu, cậu sẽ cho tôi ít hoa chứ. Cái giỏ đây, cậu lấy cho thật đầy giỏ nhé”.

“Thật đầy cơ à?” Hans hỏi, hơi có vẻ âu sầu, vì cái giỏ thật là rất lớn, anh chàng hiểu rằng nếu đút đầy được nó, anh sẽ chẳng còn

lại ít hoa nào mang ra chợ, mà anh thì đang rất muốn mua lại bộ cúc bạc cho mình.

“Ồ thật ra”, Miller nói, “vì tôi cho cậu chiếc xe, tôi không nghĩ rằng quá nhiều nếu tôi xin cậu một ít hoa. Tôi có thể nhầm, nhưng tôi nghĩ tình bạn, một tình bạn chân chính, hoàn toàn thoát khỏi mọi sự ích kỷ ở mọi thể loại”.

“Bạn thân mến của tôi, bạn tốt nhất của tôi”, Hans Nhỏ kêu lên “xin đón mời bạn mọi bông hoa trong vườn nhà tôi. Tôi thà có được ý nghĩ tốt của bạn hơn bộ cúc bạc ấy”; và anh chàng chạy đi hái tất cả chỗ anh thảo mơn mởn, bỏ đầy chiếc giỏ của lão Miller.

“Tạm biệt nhé, Hans Nhỏ”, Miller chào và gã leo lên đồi với tấm ván trên vai cùng chiếc giỏ to tướng trong tay.

“Tạm biệt”, Hans Nhỏ đáp, rồi anh chàng lại bắt tay vào xới một cách vui vẻ, thấy rất hài lòng về chiếc xe cút kít.

“Ngày hôm sau, đang nhổ mấy cây kim ngân ngoài cổng, Hans nghe tiếng Miller gọi vọng từ ngoài đường vào. Thế là anh chàng nhảy từ thang xuống, chạy ù ra vườn, ghé nhìn qua tường rào.

Đó là lão Miller cõng một bao bột to tướng trên lưng”

“Hans Nhỏ thân mến ơi”, Miller ngọt ngào: “Cậu mang giúp tôi bao bột này ra chợ được không?”

“Ồ, tiếc quá Hans đáp: “Nhưng hôm nay tôi quả là bận lắm. Tôi phải nhổ sạch cái đám dây leo này, rồi tưới hoa và đánh đống cỏ lại”.

“À, thế hả”, Miller nói: “Tớ thấy khi tớ đã tính cho cậu chiếc xe cút kít mà cậu lại chối không giúp tớ thì chẳng tình nghĩa chút nào”.

“Ồ, đừng nói vậy mà”, Hans nhỏ kêu lên: “Tôi thà không tình nghĩa với cả thiên hạ”, rồi chạy vội vào lấy mũ và lê bước ra cùng chiếc bao to tướng trên vai.

“Đó là một ngày nóng nực, đường xa bụi mù và trước khi đến được cột cây số thứ sáu, Hans mệt quá phải ngồi xuống nghỉ mất một lúc. Nhưng rồi anh chàng lại phăng phăng bước tiếp, cuối cùng đã đến được chợ. Chầu chực một hồi anh chàng bán hết bao bột với giá hời, rồi lại quay về ngay vì sợ nấn ná ở lại quá muộn, anh có thể gặp cướp trên đường”.

“Quả là một ngày nặng nhọc”, Hans nhủ thầm khi leo lên giường”, “nhưng mình thấy mừng vì đã không từ chối Miller, bởi anh ta là bạn tốt nhất của mình.

Ngoài ra, anh ta sắp cho mình chiếc xe cút kít”.

“Sớm tinh mơ ngày hôm sau Miller đến lấy tiền bán bột của mình. Hans mệt quá nên vẫn còn đang nằm trên giường.

“Theo tôi thì cậu quá lười. Chứ sao, vì tôi sẽ cho cậu chiếc xe của tôi, tôi nghĩ cậu phải chăm chỉ hơn mới phải. Lười nhác là một trọng tội đó. Tôi đương nhiên không thích một người bạn nào của mình lười nhác, chậm chạp. Cậu đừng có khó chịu khi nghe những lời nói thẳng của tôi nhé. Tôi hẳn không thiết làm chuyện này nếu cậu không phải là bạn tôi. Nhưng tình bạn phỏng có tích sự gì khi người ta không được nói lên đúng cái điều ta muốn nói? Ai ai cũng có thể nói những lời mê li, cố lấy lòng và tâng bốc nhau, nhưng một người bạn thực sự là phải luôn nói những điều không dễ chịu và cũng đừng ngại làm đau lòng nhau. Đúng ra, nếu anh ta là một người bạn thực sự, anh ta phải mong làm như thế vì biết rằng mình đã làm được điều tốt”.

“Tôi thật biết lỗi” Hans đáp, dụi mắt và giật phắt chiếc mũ ngủ, “nhưng tôi mệt quá nên muốn nằm rốn thêm chút nữa nghe chim hót. Cậu biết không, sau khi nghe chim hót bao giờ tôi cũng thấy khỏe hơn.

“Ồ, tôi vui vì điều đó”, Miller nói, vỗ vỗ vào lưng Hans Nhỏ. “Tôi muốn cậu mặc xong quần áo là đến ngay nhà máy xay sửa giúp tôi cái mái nhà kho”.

Hans nhỏ đáng thương bồn chồn muốn đi làm ngay đống công việc chờ mình ở ngoài vườn bởi hoa nhà anh đã hai ngày chưa được tưới, nhưng anh lại không muốn từ chối Miller bởi lão là người bạn tốt quá mà.

Nếu tôi bảo mình bận cậu có cho tôi là không tình nghĩa không?” Hans rụt rè hỏi bằng một giọng bẽn lẽn.

“Ồ, thực ra”, Miller nói: “Tôi không nghĩ mình nhờ cậu nhiều quá vì tôi sắp cho cậu chiếc xe cút kít, nhưng nếu cậu không hộ tôi vẫn tự làm vậy”.

“Ồ, không hề gì”, Hans kêu lên rồi anh chàng nhảy ra khỏi giường, mặc quần áo và đến ngay kho thóc.

“Anh chàng làm việc ở đó cả ngày đến tận chiều tối. Mặt trời lặn Miller mới tới xem Hans làm ăn ra sao.

“Cậu dọi kín lỗ hổng trên mái nhà kho rồi chứ, Hans Nhỏ? Miller phấn khởi quát hỏi.

“Đâu vào đấy rồi,” Hans nhỏ đáp, leo xuống chiếc thang.

“Ồ” Miller nói: “Không gì sảng khoái bằng làm việc hộ người khác.”

“Thật có phúc lớn khi được nghe cậu đàm luận”, Hans đáp, vừa ngồi bệt xuống, lau mồ hôi trán, “đặc ân lớn đấy. Còn tôi, tôi sợ rằng mình chẳng khi nào có được những ý tưởng tuyệt vời như của cậu đâu”.

“Ồ, cậu sẽ có thôi Miller khẳng định: “Nhưng cậu phải nỗ lực nhiều hơn nữa. Hiện thời cậu mới chỉ có những thực hành về

tình bạn rồi cậu sẽ có cả lý thuyết nữa.

“Cậu thực lòng nghĩ tôi sẽ có ư?” Hans Nhỏ căn vặn.

“Tôi tin chắc ấy chứ” Miller trả lời, “còn bây giờ, sửa xong mái nhà rồi, tốt nhất cậu hãy về nghỉ đi, vì sáng mai tôi muốn nhờ cậu lùa giúp đàn cừu nhà tôi vào trong núi.”

Hans Nhỏ tội nghiệp rất ngại phải nói lời chối từ. Sớm hôm sau lão Miller lùa đàn cừu đến bên nhà tranh của Hans và Hans lên đường lùa chúng vào trong núi. Anh chàng mất trọn một ngày đi đến nơi rồi quay trở về; khi về đến nhà Hans mệt quá liền ngủ lịm đi trong ghế bành, mãi đến sáng bạch ra mới thức giấc nổi.

“Thích quá vì sự sắp đặt được làm việc trong vườn nhà mình rồi!” Hans tự nhủ và bắt tay vào việc ngay tức thì.

“Nhưng rồi Hans chẳng có lúc nào kịp chăm sóc vườn hoa nhà mình cho ra hồn, bởi lão Miller tới luôn luôn, sai anh chàng làm đủ mọi việc vặt hoặc nhờ anh tới giúp làm ở cối xay gió. Hans nhỏ đôi khi cảm thấy phiền muộn vô cùng vì sợ đám hoa vườn nhà sẽ cho rằng anh quên bẵng chúng rồi. Nhưng rồi anh tự an ủi rằng Miller là người bạn tốt nhất kia mà. “Ngoài ra”, Hans nhủ thầm, “anh ấy sắp cho mình chiếc xe cút kít, và đấy là hoàn toàn do lòng rộng rãi của anh ấy mà thôi.”

“Cứ thế, Hans thì làm mọi việc hộ lão Miller, còn lão ta thì luôn nói những lời hoa mĩ về tình bạn rồi sau được Hans cẩn thận chép vào một cuốn vở và thường đem đọc nghiền ngẫm hàng đêm, bởi anh chàng là một trò rất hiếu học.

“Một tối, Hans đang ngồi bên bếp sưởi thì nghe thấy tiếng gõ đánh độp vào cánh cửa. Đó là một đêm gió rất to. Gió thổi điên cuồng, gào rú quanh túp nhà của Hans khiến anh chàng thoạt tiên cứ ngỡ là do giông. Rồi có tiếng gõ thứ hai, rồi thứ ba, lần này nối tiếp lần kia.

“Chắc có ai tội nghiệp lỡ độ đường”, Hans tự nhủ và chạy ra cửa.

“Chính là Miller đang đứng đó, chiếc đèn lồng một bên tay, còn bên kia là chiếc gạy to.

“Hans nhỏ thân mến ơi,” Miller kêu lên: “Tôi gặp nạn to rồi. Thằng con nhỏ nhà tôi gã từ trên thang xuống bị thương rồi. Tôi sẽ đi gọi bác sĩ. Nhưng ông ấy ở xa quá, đêm lại mưa bão thế này, rồi chợt nghĩ ra, cậu mà đi thay tôi thì hay hơn. Cậu cũng biết là tôi sắp cho cậu chiếc xe cút kít mà. Cũng công bằng nếu cậu có làm hộ tôi chút việc gì.

“Đương nhiên rồi”, Hans Nhỏ kêu lên, “cậu đến nhờ tôi đã là sự khen ngợi rồi, tôi sẽ lên đường ngay đây. Nhưng cậu phải cho tôi mượn cái đèn nhé, bởi trời tối như mực, tôi sợ mình sẽ sa xuống rãnh mất”.

“Tiếc quá”, Miller trả lời, “cái đèn của tôi còn mới tinh, nó mà làm sao thì thiệt hại cho tôi lắm lắm.”

“Thôi, khỏi cần, thì không có đèn vậy”, Hans chấp nhận, rồi vơ lấy chiếc áo lông, chiếc mũ đỏ ấm áp, quấn thêm khăn phu la quanh cổ và hối hả lên đường.

Thật là một cơn bão khủng khiếp! Đêm đem như mực khiến Hans hầu như không trông thấy gì, gió thổi mạnh khiến Hans hầu như không đứng vững. Song Hans thật can trường, sau khi cuốc bộ một mạch khoảng ba tiếng đồng hồ, Hans đến được nhà bác sĩ và gõ cửa.

“Ai ngoài đó thế?” Bác sĩ quát hỏi, ngó đầu ra khỏi cửa sổ phòng ngủ.

“Hans nhỏ đây thưa bác sĩ”.

“Có gì vậy Hans?”

“Đứa con nhỏ nhà Miller bị ngã thang và bị thương. Miller muốn bác sĩ đến ngay cho”.

“Thôi được”, bác sĩ bảo và ông ta cho chuẩn bị ngựa, lấy đôi ủng to, xách đèn lồng, xuống gác rồi khởi hành về hướng nhà Miller. Hans nhỏ lê bước theo sau ông ta.

Nhưng cơn bão ngày một to, mưa trút xối xả, Hans chẳng thể nhận ra mình đang đi đâu để theo kịp chân ngựa. Cuối cùng Hans đã bị lạc và lang thang mãi trên đồng hoang, một chốn rất nguy hiểm, đầy rẫy những hố sâu và Hans đã bị sa chân xuống đó. Ngày hôm sau mấy người đi chăn dê trông thấy xác Hans trôi lềnh bềnh trên một ao nước rộng, vớt lên rồi đem về túp nhà tranh của Hans.

Mọi người đều đến dự đám tang bởi ai cũng biết Hans. Miller là người tỏ vẻ đau thương nhất.

“Vì tôi là bạn tốt nhất của anh ấy”, Miller tuyên bố: “Nên tôi đương nhiên phải giữ vị trí trang trọng nhất”, thế là lão vận áo choàng đen dài thườn thượt dẫn đầu đám tang, thi thoảng lại chùi mắt bằng chiếc khăn tay to tướng.

“Hans Nhỏ mất đi quả là nỗi mất mát to lớn đối với mỗi chúng ta” bác thợ rèn tuyên bố khi tang lễ kết thúc, rồi bọn họ tất cả ai nấy tìm chỗ an tọa trong gian nhà tranh của Hans, uống vang thơm và ăn bánh gatô.

“Một tổn thất lớn đối với tôi ở mọi phương diện” Miller tiếp lời: “Chứ sao, tôi đã tính cho cậu ấy chiếc xe cút kít, giờ đây tôi thật không biết làm gì với nó. Nó nằm chềnh ềnh trong nhà tôi và tã quá đi rồi, dẫu có đem bán cũng chẳng thu được mấy tí. Tôi đến phải tính chuyện đừng đem cho ai cái gì mất. Lòng hào phóng chỉ tổ khiến người ta phải áy náy, day dứt”.

“Thế nào nữa?” Chuột Nước đánh tiếng sau hồi lâu im lặng.

“Thế là hết chứ sao” Sẻ Lanh đáp.

“Thế còn Miller?” Chuột Nước gặn.

“Ồi, cháu cũng chả biết được”, Sẻ Lanh trả lời. “Với lại cháu cũng chả quan tâm.”

“Rõ ràng cậu chả có lòng cảm thông gì sất”, Chuột Nước kết luận.

Cháu sợ già chẳng tìm ra được bài học gì trong câu chuyện này đâu”, Sẻ Lanh nhận định.

“Cái gì kia?” Chuột Nước thất thanh.

“Bài học ấy ạ”

“Cậu định nói chuyện ấy có một bài học sao?”

“Hẳn rồi ạ”, Sẻ Lanh khẳng định

“Ồ, thế à”, Chuột Nước coi bộ vô cùng tức tối nói: “Nhẽ ra cậu nên cho ta biết trước khi vào chuyện chứ. Nếu cậu bảo trước ta đã không nghe cậu kể làm gì; ta sẽ “Phù” cho một cái như tay nhà phê bình nọ. Dù gì, ta vẫn có thể nói ngay lúc này đây”, thế rồi lão gân cổ lấy hết sức thét to “Phù” ngoắt đuôi đánh vút, lão chui tụt vào hang.

“Và em thấy già Chuột Nước thế nào?” Chị vịt mái một lúc sau bơi lại hỏi? “Già ấy có vô khối những quan điểm hay ho đấy chứ, nhưng cứ như chị nghĩ, với linh cảm một người mẹ, chị chẳng bao giờ có thể nhìn một kẻ độc thân cố hữu mà không ứa nước mắt ra”

“Em sợ mình sẽ khiến già ấy bực mình”, Sẻ Lanh đáp. “Thực chất của vấn đề là em đã kể cho già ấy nghe một câu chuyện có một bài học rút ra”.

“A! Đó bao giờ cũng là một việc làm quá nguy hiểm”. Vịt mái nhận xét.

Và tôi rất đồng ý với chị ta.

PHÁO THĂNG THIÊN TRỨ DANH

Hoàng tử con vua sắp cưới vợ vậy nên khắp nơi nơi đều hoan hỉ tưng bừng. Hoàng tử chờ đợi cô dâu đến cả năm trời nay, cuối cùng thì nàng cũng sắp đến. Nàng là một công chúa nga La Tư, thắng cỗ xẽ trượt tuyết sáu tuần lộc, đang trên đường từ đất Phần Lan tới đây. Cỗ xe bằng vàng mang hình một con thiên nga khổng lồ. Ngồi giữa cặp cánh thiên nga chính là nàng công chúa xinh xẻo nọ. Chiếc áo khoác lông chồn Ecmin thướt tha rủ xuống chân nàng, đầu nàng đội chiếc mũ chóp xinh xinh phủ nhũ bạc trông nàng nhợt nhạt tựa như lâu đài tuyết, nơi nàng hằng sống. Nàng nhợt nhạt đến nỗi khiến tất cả mọi người kinh ngạc khi rong xe qua các đường phố. “Nàng trông tựa một đóa hồng bạch!” Họ reo lên, và từ trên các ban công ném hoa xuống mừng nàng.

Hoàng tử đứng trước cổng cung điện nghênh đón nàng. Chàng có cặp mắt tím mơ màng, mái tóc vàng rực tựa vàng ròng.

Vừa thấy nàng, chàng quỳ một gối xuống và hôn lên tay nàng.

“Chân dung nàng đã thật kiều diễm”, Chàng thì thào “nhưng ở ngoài nàng còn kiều diễm hơn nhiều”.

Công chúa bé nhỏ thấy bối rối tệ.

“Trước đó nàng trông tựa một đóa hồng bạch”, một chú thị đồng rỉ tai chú bên cạnh, “còn bây giờ nàng giống hệt một đóa hồng nhung” và cả triều đình đâm vui nhộn hẳn lên.

Ba ngày sau, ai ai cũng truyền tai nhau: “Hồng bạch, hồng nhung, hồng nhung, hồng bạch”, và nhà Vua xuống chiếu tăng lương gấp đôi cho chú thị đồng nọ. Nhưng vì chú thị đồng chưa

từng được nhận lương nên việc này cũng chẳng đem lại mấy lợi ích cho chú. Dù gì điều này cũng được coi là một vinh hạnh lớn lao nên được đăng kịp thời trên tờ báo Cung Đình.

Ba ngày kết thúc, đám cưới đã được cử hành. Một đám cưới lộng lẫy, cô dâu chú rể khoác tay nhau đi dưới lọng nhung tía có đính hạt ngọc trai nhỏ li ti. Tiếp đó là bữa tiệc cung đình, kéo dài suốt năm giờ liền. Hoàng tử và Công chúa ngự trên bục cao tòa đại sảnh và cùng uống chung một chiếc cốc pha lê trong văn vắt. Chỉ những cặp tình nhân thật lòng mới dùng được loại cốc này, bởi nếu bị cặp môi gian dối đụng vào, cốc sẽ sỉn ngay sang màu xám và mờ đục đi.

“Họ rõ thực là yêu nhau nhé”, chú thị đồng nọ lên tiếng “sáng rõ tựa pha lê vậy!” và nhà Vua lại tăng lương cho chú một lần nữa.

“Vinh hạnh quá!” Văn võ bá quan cùng ồ lên.

Sau bữa tiệc là đến Vũ hội. Cô dâu chú rể cùng nhau nhảy vũ khúc hoa hồng. Nhà Vua hứa sẽ có tiết mục thổi sáo. Ngài thổi dở thôi là dở nhưng chẳng ai giám tâu điều đó với ngài, bởi ngài là Vua mà. Thực ra, ngài biết có đúng hai âm khúc và chẳng khi nào giám chắc mình đang chơi khúc nào; nhưng có sao vì dù ngài có thổi điệu gì, người ta đều nhất loạt kêu to tướng lên: “Mê li! Mê li!”

Tiết mục cuối cùng là màn đại trình diễn pháo hoa, tiến hành vào đúng nửa đêm. Công chúa bé nhỏ chưa từng được xem pháo hoa nên nhà Vua truyền chỉ cho thợ pháo hoa cung đình dành tiết mục này đến ngày đám cưới.

“Pháo hoa giống thứ gì nhỉ?” Một buổi sáng khi đi dạo ngoài sân hiên, Công chúa hỏi Hoàng tử.

“Nó giống như bắc cực quang vậy”, nhà Vua chuyên trả lời những câu hỏi dành cho người khác, chen vào. “Có điều nó tự nhiên hơn nhiều. Còn ta lại thấy nó giống các vì sao hơn. Khi ta

thấy chúng như đang sà xuống bên ta và nó tưng bừng tươi sáng hệt như tiếng sáo của ta vậy. Con nhất thiết phải xem nó đấy nhé".

Ở cuối vườn thượng uyển một cái giá to sừng sững được dựng lên và khi bác thợ pháo hoa Hoàng gia đã sắp đặt mọi thứ xong xuôi bọn pháo hoa bắt đầu chuyện gẫu với nhau.

"Thế gian này hẳn rất tuyệt", một nhỏ Pháo Ném trầm trồ. Giống y như những đóa uất kim cương vàng rực kia. Chứ sao! Nếu chúng ta là những tay pháo hoa thực thụ, chúng cũng không thể yêu kiều hơn thế. Tôi mừng được đi chu du một chuyến. Đi chu du khiến đầu óc con người ta rất chi là mở mang và làm tan biến mọi định kiến".

"Vườn thượng uyển không phải là cả thế gian, chú Pháo Ném ạ", một Pháo Nến La Mã to đùng nói: "Thế gian rộng mênh mông, khiến chú phải mất tới ba ngày để xem cho cặn kẽ".

"Bất cứ nơi nào ta yêu là thế gian đối với ta", Pháo Hoa Vòng dáng trầm tư lắc đầu thốt lên. Chị chàng này có thời đã sớm phải lòng một chàng hộp gỗ thông già và tự lấy làm hãnh diện bởi trái tim mình tan nát; "nhưng tình yêu đâu còn hợp thời nữa, các nhà thơ đã giết chết mất nó rồi. Họ viết quá nhiều về tình yêu, đến độ chẳng còn ai tin họ nữa, và tôi không lấy làm ngạc nhiên. Tình yêu đích thực thường đau đớn và nó không lời. Tôi nhớ có một lần -- nhưng giờ đây chẳng còn quan trọng nữa. Sự lãng mạn đã là thứ thuộc về quá khứ."

"Vớ vẩn", Pháo Nến La Mã bác bỏ. "Sự lãng mạn chẳng bao giờ mất. Nó giống mặt trăng kia, tồn tại muôn đời. Ví như cô dâu chú rể kia, họ yêu nhau đếm thắm thiết. Sáng nay, Bìa Giấy lúc cùng đứng trong ngăn kéo đã kể cho tôi nghe mọi điều về họ. Anh ta biết mọi tin sốt dẻo nhất từ triều đình."

Nhưng Pháo Hoa Vòng lại lắc đầu.

“Sự lãng mạn đã chết rồi, chết rồi, chết rồi.” Chị chàng lẩm bẩm. Chị chàng thuộc loại người cứ đinh ninh rằng, một khi mình nói đi nói lại mãi một điều, cuối cùng thế nào nó cũng biến thành hiện thực.

Thình lình bật lên một tiếng ho gắt, khô khốc, tất cả đưa mắt tìm quanh.

Tiếng ho ấy là của một gã Pháo Thăng Thiên cao kều, vẻ hợm hĩnh, đang bám chặt vào một đầu que dài. Gã thường bật ho trước khi nêu ra một nhận xét gì, cốt để lôi kéo sự chú ý.

“E hèm! E hèm!” Gã dặng hắng, tất cả đều lắng tai nghe, trừ chị Pháo Hoa Vòng tội nghiệp, còn đang lắc đầu và lẩm bẩm: “Sự lãng mạn đã chết rồi”.

“Trật tự! Trật tự!” Một chú Pháo kêu to. Chú này giống một nhà chính trị thường giữ vai trò nổi bật trong các cuộc bầu cử địa phương, nên biết cách diễn đạt rất chính xác cách nói ở Nghị viện.

“Chết thật rồi”, Chị Pháo Hoa Vòng thì thào rồi bỏ đi nằm.

Khi đã im lặng hoàn toàn, Pháo Thăng Thiên ho lần thứ ba và bắt đầu thuyết trình. Gã nói thật chậm rãi, tiếng rõ ràng mạch lạc, như thể đang đọc chính tả hồi kí của mình, luôn nhìn qua vai kẻ đang đối thoại với gã. Phong thái của gã quả thật là đĩnh đạc.

“Cũng may cho Hoàng tử” gã nói: “Rằng chàng định ngày cưới vợ đúng vào hôm tôi được phóng lên! Hẳn thế rồi, mọi cái mà không được chuẩn bị sẵn từ trước sẽ chẳng mấy hay ho cho chàng ta, dù các Hoàng tử lúc nào cũng gặp may”.

“Ôi, trời!” Nhỏ Pháo Ném thốt lên: “Tôi lại cứ nghĩ khác hẳn, rằng chúng ta được phóng lên nhờ phúc của Hoàng tử kia đấy”.

“Với cậu có thể là như thế”, Pháo Thăng Thiên trả lời: “Tôi chẳng mảy may nghi ngờ, nhưng với tôi thì khác. Tôi là một Pháo Thăng Thiên trứ danh, thuộc dòng dõi tiếng tăm. Mẹ tôi là một Pháo Hoa Vòng danh tiếng nhất vào thời của bà, nổi tiếng bởi vũ điệu duyên dáng. Khi trình diễn, bà xoay tròn đủ mười chín vòng trước khi phóng lên và mỗi lần xoay bà ném vào không trung bảy ngôi sao màu hồng. Bà có đường kính hai *phút rưỡi* và ra đời từ loại thuốc nổ hảo hạng nhất. Cha tôi là một Pháo Thăng Thiên như tôi, dòng dõi Pháp quốc. Người bay cao đến nỗi mọi người cứ sợ rằng người chẳng khi nào hạ xuống nữa, người xuống chứ bởi người vốn bản tính đáng yêu và người đã hạ cánh ngoạn mục trong một trận mưa vàng. Các báo tha hồ thi nhau tán dương tiết mục trình diễn của người. Tờ Cung Đình đã ca ngợi người là một kì tích của nghệ thuật *tháp* hoa.

“Pháo hoa chứ, cậu định nói là pháo hoa chứ gì[1] một Pháo Hoa Belgan đỡ lời; “tôi biết đó là nghệ thuật pháo hoa bởi tôi thấy viết như thế trong chiếc hộp đựng trà nhà tôi”.

---

[1] *Trong tiếng Anh, pháo thăng thiên nói nhầm Pyro (pháo hoa) thành Pylo, gần như Pylon (nghĩa là tháp). ND*

“Ồ, tôi nói là nghệ thuật tháp hoa kia”, Pháo Thăng Thiên đáp lại bằng giọng lạnh lùng khiến Pháo Belgan cảm thấy ấm ức quá, bèn quay ngay sang chèn ép các nhỏ Pháo Ném, hòng chứng tỏ mình vẫn là một nhân vật có chút quan trọng.

“Tôi nói rằng là” - Pháo Thăng Thiên tiếp lời: “Tôi nói rằng là -- rằng gì nhỉ?”

“Cậu đang nói về bản thân”, Pháo Nến La Mã đỡ lời.

“Hẳn rồi, tôi biết là mình đang bàn luận về một vấn đề lý thú thì bị cắt ngang một cách thô bạo. Tôi ghét cay ghét đắng sự thô bạo

và cách cư xử tồi ở mọi phương diện, bởi tôi cực kì là nhạy cảm. Chẳng có một ai trên thế gian này nhạy cảm bằng tôi, tôi tin chắc như đinh đóng cột vậy."

"Người nhạy cảm là người thế nào?" Pháo Nổ hỏi Pháo Nến La Mã.

"Là người có mụn cơm ở ngón chân nên luôn giẫm lên chân người khác", Pháo Nến La Mã hạ giọng giải thích; Pháo Nổ suýt nữa thì cười phá lên.

"Này cậu cười gì thế?" Pháo Thăng Thiên vặn vẹo. "Tôi có cười đâu nào."

"Tôi cười vì tôi đang sung sướng đây", Pháo Nổ đối đáp.

"Một lí do quá ích kỷ", Pháo Thăng Thiên giận dữ nói: "Cậu có quyền gì được sung sướng thế? Cậu nên nghĩ đến người khác với chứ. Tức là cậu nên nghĩ đến tôi đây này. Tôi luôn nghĩ về mình và mong mọi người ai cũng như vậy. Đó là sự cảm thông đấy, một đức tính tuyệt vời, một thuộc tính cao cấp. Ví như tôi cho rằng, những gì xảy đến với tôi đêm nay, biết đâu sẽ là họa cho tất cả các người! Hoàng tử và Công chúa sẽ chẳng bao giờ hạnh phúc trở lại, cuộc sống vợ chồng của họ sẽ tan vỡ; còn nhà Vua, tôi biết ngài sẽ chẳng chịu đựng nổi điều này. Thực ra, khi nhận thức được tầm quan trọng của mình, tôi đến suýt phát khóc lên."

"Nếu cậu muốn mọi người được dễ chịu", Pháo Nến La Mã kêu lên: "Tốt nhất cậu cứ giữ cho mình được khô ráo."

"Hẳn rồi", Pháo Hoa Belgan, đang cực kì hứng chí, tán thưởng: "Thế là phải lẽ nhất".

"Phải lẽ!" Pháo Thăng Thiên phẫn nộ; "cậu quên rằng tôi là người khác thường và rất danh giá sao. Chứ không à, ai mà chả cư xử phải lẽ, một khi họ không có óc tưởng tượng. Còn tôi lại

có, vì tôi không bao giờ nhìn sự vật như nó có trong thực tế, tôi luôn nghĩ rằng chúng luôn khác hẳn kia. Vì để giữ cho tôi được khô ráo, rõ ràng ở đây chả có vị nào đánh giá được nổi ý nghĩa của một tâm hồn đa cảm. May thay tôi lại chẳng quan tâm. Cái duy nhất giúp con người ta chèo chống đi được suốt cuộc đời, là nhận thức được vị trí thấp kém hơn hẳn của mọi người khác. Đây chính là thứ tình cảm tôi luôn luôn nuôi dưỡng cho mình. Mà chẳng ai trong các vị có trái tim cả. Ở đây các vị cười đùa, vui chơi như không phải Hoàng tử và Công chúa vừa cười với nhau vậy".

"Ồ, quả thế", một Pháo Hoa Khí Cầu thốt lên: "Sao lại không? Đây quả là dịp vui vẻ nhất, và khi tôi bay lên không trung, tôi muốn kể với mọi vì sao về chuyện này. Cậu sẽ thấy chúng lấp la lấp lánh khi chúng nghe kể về cô dâu dễ thương."

"Ôi! Một thế giới quan quá tầm thường!" Pháo Thăng Thiên dè bỉu: "Nhưng tôi chỉ biết có thể chờ đợi có thế. Có gì trong con người cậu đâu, cậu rỗng tuếch, vô vị và dốt nát. Sao à, Công chúa và Hoàng tử có thể đến sống ở một đất nước, nơi có một dòng sông sâu thẳm. Họ có thể chỉ có một đứa con trai, một cậu nhỏ có mái tóc sáng rực và cặp mắt tím giống như Hoàng tử; rồi có thể một hôm nào, chú ta cùng ra ngoài dạo chơi với nhũ mẫu, và bà này sẽ có thể ngủ thiếp đi dưới một bóng cây cơm cháy; và có thể cậu bé sẽ bị ngã lăn xuống dòng sông sâu và chìm mất tăm. Một bất hạnh khủng khiếp! Những con người tội nghiệp, bị mất đứa con duy nhất! Quả là khủng khiếp quá đi mất! Tôi sẽ chả bao giờ chịu được nổi!"

"Nhưng họ đâu có mất đứa con trai độc nhất", Pháo Nến La Mã cãi lại. "Chả có tai họa nào đến với họ sất!"

"Tôi có nói họ bị thế đâu", Pháo Thăng Thiên đáp; "Tôi nói rằng họ có thể bị như thế. Nếu họ đã mất đứa con duy nhất rồi thì còn nói chuyện gì nữa. Tôi rất ghét tất cả những kẻ mất bò rồi mới lo

làm cuồng. Nhưng cứ nghĩ họ có thể mất đứa con duy nhất, tôi thấy xúc động quá".

"Hẳn vậy rồi", Pháo Hoa Belgan kêu lên: "Cậu quả là người dễ mủi lòng nhất tôi từng gặp".

"Còn cậu là kẻ thô thiển nhất tôi từng thấy", Pháo Thăng Thiên nói: "Và cậu làm sao mà hiểu được tình cảm của tôi với Hoàng tử".

"Sao lại thế, cậu chưa từng quen chàng kia mà", Pháo Nến lầu bàu.

"Tôi chưa hề bảo tôi quen chàng", Pháo Thăng Thiên nói. "Tôi chỉ mạn phép nói rằng, nếu tôi có biết chàng, tôi cũng chẳng khi nào đánh bạn với chàng. Nguy hiểm lắm khi kết bạn với ai đó".

"Tốt nhất cậu nên giữ cho bản thân được khô ráo", Pháo Hoa Khí Cầu kết luận. "Điều đó quan trọng đấy".

"Rất quan trọng với cậu thôi, tôi đoán chắc thế", Pháo Thăng Thiên đáp: "Còn tôi sẽ khóc kia, nếu tôi được lựa chọn". Và gã thực đã chảy nước mắt, những giọt nước mắt lăn dài theo cây que gã bám vào, giống như những giọt nước mưa và suýt làm chết đuối hai con cánh cam, đúng lúc chúng định cùng dựng nhà và cùng kiếm một chốn khô ráo để chung sống.

"Cậu ta phải có một bản tính lãng mạn lắm đấy nhỉ", Pháo Hoa Vòng nói, "bởi khóc được cả những khi chả có gì đáng khóc", và chị chàng thở dài đánh sượt, lại nghĩ đến chàng hộp gỗ thông.

Nhưng Pháo Nến La Mã và Pháo Hoa Belgan đang rất phẫn nộ nên không chịu bỏ cuộc "trò bịp bợm!" Chúng the thé rít lên. Chúng rất chi là thực dụng và khi phản đối điều gì chúng đều gọi đó là trò bịp bợm.

Thế rồi mặt trăng nhô lên như một chiếc khiên bạc lộng lẫy, các vì sao cùng tỏa sáng long lanh, và tiếng nhạc vẳng ra từ trong cung đình.

Hoàng tử cùng Công chúa đang hòa mình trong một vũ khúc. Họ nhảy thật là điệu nghệ, khiến những bông huệ tây trắng cao mảnh mai cũng phải hé mắt qua cửa sổ chiêm ngưỡng họ, còn những cây anh túc nở nang rực đỏ hoa thì gật gù đánh nhịp theo. 10 giờ đêm, 11 giờ, rồi 12 giờ vừa dứt tiếng chuông cuối cùng điểm lúc nửa đêm, tất cả mọi người cùng ùa ra hiên hóng mát và nhà Vua cho vời bác thợ pháo hoa Hoàng gia.

“Hãy cho bắn pháo hoa”, nhà Vua truyền; bác thợ pháo hoa cúi rạp người chào rồi tiến về cuối vườn thượng uyển. Bác có sáu thợ giúp việc, mỗi người đều cầm một cây đuốc cháy sáng, buộc trên những cây sào dài.

Đây quả là một màn trình diễn ngoạn mục

Vitz! Vitz! Pháo Hoa Vòng dẫn đầu, chị ta quay tròn, quay tròn không thôi. Bu-un! Bu-un! Tiếp đến là Pháo Nến La Mã. Rồi tiếp là các nhỏ Pháo Ném nhảy múa khắp bầu trời, Pháo Hoa Belgan thì nhuộm đỏ thắm mọi vật. “Tạm biệt nhé” Pháo Hoa Kinh Khí Cầu cùng reo to khi phóng vút đi và rắc xuống những tia sáng xanh nhũ bạc. Bang! Bang! Được vui chơi đến thỏa thích các nhỏ pháo tép đáp lời. Ai ai cũng gặt hái thành công lớn ngoại trừ Pháo Thăng Thiên trứ danh nọ. Bởi khóc lóc gã ẩm ướt đến độ không sao mà vọt lên được. Thứ tốt nhất trong người gã chính là bột thuốc nổ, nhưng đã trở nên ướt nhoét vì nước mắt, nên không còn được tích sự gì nữa. Các người bà con tội nghiệp mà gã chẳng khi nào thèm chuyện trò với ngoài những lời chế nhạo, nay đều tung vọt cả lên bầu trời, kết thành những khóm hoa lộng lẫy bằng vàng với những chồi lửa. Hoan hô! Hoan hô! Cả cung đình reo lên, và Công chúa bé nhỏ cười mãn nguyện.

“Tôi nghĩ người ta để dành cho tôi một dịp linh đình hơn”, Pháo Thăng Thiên nói; “rõ ràng có ý tứ như vậy”, và trông gã càng hợm hĩnh hơn bao giờ hết.

Ngày hôm sau các công nhân đến dọn dẹp mọi thứ: “Rõ ràng đây là đoàn đại biểu”; Pháo Thăng Thiên nói: “Ta sẽ đón họ một cách trọng thị”; rồi gã hếch mũi lên trời, lạnh lùng cau mày một cách khô khan, như thể đang nghiền ngẫm một sự gì rất chi là quan trọng. Nhưng đám người làm chẳng hề trông thấy Pháo Thăng Thiên cho tới khi họ sắp bỏ đi. Có một người trong đám nhìn thấy gã. “Hừ!” Anh chàng này thốt lên, “cái pháo xịt này!” Và anh ta ném Pháo qua tường xuống một con hào.

“PHÁO XỊT? PHÁO XỊT?” Pháo Thăng Thiên tự nhủ lúc bay vào trong không trung; “không thể nào! PHÁO XỊN, ý người đàn ông chính là như vậy XỊT và XỊN nghe cứ hệt như là một”; rồi gã rơi tõm xuống bùn,

“Ở đây chả được tiện nghi”, gã nhận định: “Nhưng rõ là một vũng nước thời thượng, và họ gửi ta đi điều dưỡng đây. Hệ thần kinh của ta hẳn đã quá rão rệu, ta cần phải được nghỉ ngơi!”

Rồi một chị Nhái Bén với cặp mắt ngọc lam, thắng bộ cánh đốm xanh, bơi lại phía gã.

“Mới đến hả, rõ rồi!” Chị Nhái mở lời. “Hừ, dẫu sao cũng chả có gì giống thứ bùn này. Cứ ban cho tôi tiết trời mưa với lại một con mương, là tôi mãn nguyện rồi. Anh tính chiều nay trời có mưa không? Tôi chắc chắn mình hi vọng như vậy. Thế nhưng trời lại xanh và quang mây thế kia. Tiếc thật!”

“E hèm! E hèm!” Pháo Thăng Thiên hắng giọng và cất tiếng ho.

“Giọng anh đến là du dương!” Chị Nhái kêu lên. “Nghe thật giống tiếng ộp ộp, thứ âm thanh dĩ nhiên là giàu âm điệu nhất thế gian này. Anh sẽ được thưởng thức tiếng hát câu lạc bộ bạn bè của chúng tôi tối nay. Chúng tôi ngồi trong một cái ao thả vịt

cũ, gần nhà ông chủ trại, chờ đến khi trăng lên là chúng tôi bắt đầu. Thật mê li khiến mọi người đều thức nằm nghe chúng tôi. Vừa mới hôm qua. Tôi đã nghe bà chủ trại nói với mẫu thân bà rằng không thể chợp mắt một chút nào bởi giọng ca của chúng tôi. Khoái nhất là khi biết được mình đã nổi tiếng".

"E hèm! E hèm!" Pháo ta bực mình đánh tiếng.

Gã phật ý quá chừng bởi không thể chen vào được một lời.

"Một chất giọng du dương, hẳn vậy rồi", chị Nhái vẫn tiếp tục; tôi hi vọng anh sẽ tới ao thả vịt. Tôi đi tìm lũ con gái của tôi đây. Tôi đã có sáu cô con gái đẹp tuyệt, và tôi sợ gã cá măng sẽ bắt gặp chúng mất. Hắn đích thị là một tên quái vật và không ngần ngại gì không dùng mấy đứa nhỏ đó làm bữa sáng. Thôi nhé, tạm biệt đã nhé, tôi rất vui được trò chuyện với anh, tin tôi đi".

"Trò chuyện, hẳn rồi!" Pháo ta thốt lên: "Chỉ một mình huyên thuyên suốt từ đầu đến cuối. Đấy đâu phải là một cuộc trò chuyện".

"Thì phải có ai lắng nghe chứ", Nhái Bén đối lại: "Mà tôi thì lại thích nói tất câu chuyện kia. Vừa đỡ tốn thời gian lại vừa tránh được các sự tranh cãi".

"Nhưng tôi thích tranh cãi kia", Pháo Thăng Thiên cãi.

"Tôi hi vọng rằng không", Chị Nhái nói một cách tự mãn. "Mọi sự tranh cãi đều rất chi là thô thiển, những người có giáo dục đều có chung ý kiến như vậy. Tạm biệt lần nữa nhé; tôi trông thấy lũ con gái tôi ở đằng kia rồi" và chị ta bơi vù đi mất.

"Chị thật đến là khó chịu", Pháo Thăng Thiên nói với theo, "và rất là vô giáo dục. Tôi chúa ghét loại người chỉ nói về bản thân mình như chị ấy, trong khi ai đó muốn nói về bản thân họ, như tôi đây. Chính cái đó mà tôi gọi là sự ích kỷ là thứ đáng ghê tởm nhất, đặc biệt đối với những người có khí chất như tôi vốn có

tiếng là một người bản tính đầy thông cảm. Đáng lẽ chị nên noi gương tôi. Chả có tấm gương nào tốt hơn được. Lúc này có cơ hội, chị nên tận dụng lấy, không rồi tôi còn phải trở lại cung đình ngay. Tôi rất được sủng ái trong triều; thực ra, Hoàng tử và Công chúa kết hôn hôm qua vì lòng tôn kính tôi đấy chứ. Dĩ nhiên chị làm sao mà biết được vì chị chỉ là một mụ tỉnh lẻ."

"Nói với chị ta làm quái gì", một cô Chuồn Chuồn đậu tít trên ngọn cây sậy màu nâu bảo: "Được gì đâu vì chị ta chuồn mất rồi".

"Tôi không định ngừng nói chuyện với chị ta chỉ là vì chị ta không để ý đến tôi. Tôi thích nghe mình tự chuyện trò một trong những cái thú nhất của tôi. Tôi thường có những cuộc độc thoại dài và tôi thông minh đến độ nhiều khi chả còn hiểu được một lời mình đang nói".

"Đó hẳn là lúc anh đang giảng về triết học", Chuồn Chuồn đỡ lời, rồi cô ta vẫy vẫy cặp cánh mỏng tang một cách đáng yêu và bay vù lên bầu trời xanh.

"Cô ta thật dại vì không ở lại đây!" Pháo Thăng Thiên tự nhủ. "Chắc chắn cô ta không có mấy dịp mở mang đầu óc như thế này. Nhưng mình chả quan tâm. Những thiên tài như mình đây nhất định có ngày sẽ được đánh giá cao", và gã ngụp sâu chút nữa xuống lớp bùn".

Một lát sau, một nàng Vịt trắng to đùng bơi lại phía gã Pháo. Nàng ta có cặp giò vàng ươm cùng đôi chân có màng và được coi là một trang tuyệt sắc bởi dáng đi núng nính.

"Cạc, cạc, cạc", nàng cất tiếng. "Thân hình anh đến là kì! Cho phép tôi hỏi, anh vốn sinh ra như vậy hay đó là hậu quả của một vụ tai nạn?" "Quá rõ rằng cô chỉ tuyền sống ở nhà quê", Pháo ta đáp: "Nếu không cô đã biết tôi là ai. Dù gì tôi cũng tha thứ cho sự dốt nát của cô. Không công bằng nếu cho rằng ai cũng có danh

tiếng như mình. Cô hẳn sẽ phải sững sờ nếu biết tôi có thể bay lên trời và rơi xuống trong một trận mưa bằng vàng".

"Tôi chả nghĩ mấy về điều đó", nàng Vịt nói, "vì tôi không thấy nó có ích lắm cho một ai. Đây này, nếu anh mà cày ruộng được như anh Bò đực, hay kéo được xe, tỉ như anh Ngựa, hay trông được lũ cừu như anh Chó Coli nòi Êcôt kia chẳng hạn thì còn có thể được".

"Lày trời!", Pháo ta kêu lên the thé: "Cô rõ là thuộc tầng lớp hạ lưu. Loại người ở vị trí như tôi đây không hề có ích lợi. Chúng tôi có những tài nghệ nhất định, cái đó còn hơn nhiều những khả năng biết làm một thứ gì đó. Tôi không bao giờ có thiện cảm với một ngành công nghiệp nào ở mọi phương diện, hay chí ít là những nghề cô vừa nhắc đến kia. Thực tình, tôi luôn có quan điểm rằng, loại công việc ăn no vác nặng là dành cho những kẻ vô công rồi nghề dựa dẫm vào."

"Thôi được, thôi được", nàng Vịt, một bản tính dĩ hòa vi quý, chẳng khi nào thích đôi co với ai, xuê xoa nói: "Mỗi người có một sở hữu thích khác nhau. Tôi hi vọng thế nào anh cũng sẽ cư trú lại đây nhé."

"Ôi, không đâu", Pháo Thăng Thiên giãy nảy: "Tôi chỉ là khách vãng lai; một khách vãng lai nổi tiếng đấy. Thực tâm, tôi thấy nơi này có phần tẻ nhạt. Không phải chốn phồn hoa, cũng chẳng phải nơi thôn dã. Đây chẳng qua chỉ là một vùng ngoại ô. Tôi nhất định sẽ quay về cung đình, bởi biết chắc sứ mệnh được định sẵn của mình là làm náo động thiên hạ kia".

"Có thời tôi đã tính tham gia hoạt động xã hội đấy chứ", nàng Vịt tâm sự "có nhiều cái cần cải tổ lắm. Cách đây ít lâu tôi thực cũng giữ một vai trò trong một cuộc mít tinh, và chúng tôi đã ra nghị quyết lên án mọi cái chúng tôi không ưng. Thế nhưng, chúng chẳng đem lại mấy hiệu quả. Giờ đây tôi quay về công

việc nội trợ, chăm nom cho riêng cái gia đình của mình mà thôi."

"Còn tôi sinh ra để sống cho xã hội", Pháo Thăng Thiên tiếp lời: "Các bà con của tôi cũng vậy, kể cả những người nhút nhát nhất. Chúng tôi đi đến đâu là kéo theo sự chú ý lớn đến đấy. Tôi kể ra cũng chưa thực sự trình diễn, nhưng một khi tôi đã ra tay thì cảnh tượng phải hết ý. Còn như cuộc sống gia đình, nó làm con người ta già đi nhanh lắm và tôi kéo đầu óc ta khỏi những điều cao cả".

"A! Những điều cao cả trong cuộc sống, chúng quả thật là tuyệt mĩ!" Nàng Vịt xuýt xoa; "và chúng khiến tôi nhớ ra rằng tôi quả đang đói đây"; và nàng ta theo dòng nước bơi đi mất hút, miệng cứ "cạc, cạc, cạc" không thôi.

"Quay lại! Quay lại đã!" Pháo Thăng Thiên kêu với theo, "tôi còn nhiều điều muốn nói cùng chị mà; thế nhưng nàng Vịt chẳng để tâm đến gã. "Ta mừng vì chị ta đã đi rồi", gã tự nhủ: "Đúng là đầu óc của một kẻ thị dân", và gã ngụp sâu thêm một chút nữa xuống bùn, bắt đầu suy ngẫm về sự cô đơn của các thiên tài. Đúng lúc ấy có hai cậu nhỏ mặc áo xổ nách trắng, chạy dọc theo bờ mương đến, tay mang một chiếc ấm với vài bó củi.

"Hẳn đây là một phái đoàn", Pháo Thăng Thiên tự nhủ và gã cố tỏ ra thật đàng hoàng.

"Ồ! Này!" Một đứa nhỏ kêu lên, "nhìn cái que tàng này; làm sao nó xuống được tận chỗ này nhỉ?" Và nó kều gã pháo ra khỏi con hào.

"CÁI QUE TÀNG!" Pháo Thăng Thiên tự hỏi: "Không thể như vậy! CÁI QUE VÀNG, cậu ta định nói thế. Cái que vàng là sự khen ngợi tuyệt đỉnh rồi. Thực ra cậu ta nhầm mình là một triều thần đấy mà!"

“Chúng mình cho nó vào đống lửa đi!” Cậu bé kia nói: “Nó sẽ đun giúp chúng mình ấm nước.

Thế là hai đứa chụm củi, đặt trái pháo lên chốc và châm lửa đốt.

“Đến là tuyệt”, Pháo ta kêu tướng lên: “Họ sắp phóng ta lên ánh ngày rộng rãi, để cho khắp lượt mọi người ai cũng nhìn thấy ta.”

“Giờ thì chúng mình đi ngủ đi”, bọn trẻ bảo nhau, “khi chúng mình thức dậy, ấm nước sẽ sôi rồi”, và chúng ngả mình xuống cỏ nhắm mắt lại.

Cái pháo ướt quá nên phải sấy mình đến là lâu. Cuối cùng thì lửa cũng bắt được vào gã.

“Giờ ta sẽ phóng lên”, gã kêu to, và dướn thẳng người ngay đơ ra. “Ta biết ta sẽ bay cao hơn các vì sao rất nhiều, cao hơn mặt trăng, cao hơn cả mặt trời nhiều nhiều nữa. Ta sẽ bay cao đến nỗi---”

Víu! Víu! Víu! Vã gã phóng thẳng vào không trung.

“Thú quá!” Gã reo lên. “Ta sẽ phóng mãi như thế này. Ta thành công rồi!”

Nhưng chẳng ai nhìn thấy gã.

Rồi một cảm giác râm ran kì lạ lan khắp người gã.

“Ta sắp nổ tung rồi đây”, gã hét lên. “Ta sẽ thắp lửa khắp thế gian này, sẽ gây một tiếng vang lớn để không một ai có thể bàn tán về một điều gì khác trong suốt cả một năm”. Và gã nổ tung ra thật. “Bang! Bang! Bang!” Thuốc nổ bắn vung vãi. Không có gì nghi ngờ về điều này.

Nhưng chả ai nghe thấy gì sất, kể cả hai cậu bé, bởi chúng đều ngủ say như chết cả.

Những gì còn lại từ Pháo Thăng Thiên là chiếc que cầm. Chiếc que rơi nhào xuống trúng lưng một ả Ngỗng đang đi dạo dọc con hào.

“Ôi trời!” Ngỗng ta kêu ầm lên. “Trời sắp mưa que rồi”, và ả ngụp sâu xuống nước.

“Ta biết mình sẽ tạo ra một cảm giác lớn mà”, Pháo ta hổn hển rồi biến mất tăm.

ÔNG HOÀNG TRẺ TUỔI

Đó là một đêm trước lễ đăng quang. Ông Hoàng trẻ ngồi một mình trong tẩm cung lộng lẫy của ngài. Các cận thần đã lui cả ra ngoài sau khi rập đầu sát đất, cúi chào ngài theo đúng nghi lễ của thời đó. Họ tới đại sảnh đường cung đình để nghe bài giảng cuối cùng cả vị Giáo sư Nghi lễ, một số người trong bọn họ, cung cách còn quá bình dân, mà với một triều thần, tôi cho rằng, điều này thật quá ư là đáng bực.

Cậu bé - bởi ngài quả thực là một cậu bé, mới mười sáu tuổi đầu - chẳng hề luyến tiếc phải chia tay với đám triều thần. Ngài thả mình trên tràng kỉ nệm gấm hoa thêu mềm mại và thở phào một hơi dài nhẹ nhõm, ngài nằm đó, miệng há, mắt giương to, như vị thần Faun[1] rám nắng và hoang dã, hay như một con thú non tơ nơi rừng sâu, vừa sa vào tay đám thợ săn.

---

[1] *Faun – vị thần rừng và đồng áng trong thần thoại La Mã – thường bảo trợ cho gia súc và mục đồng.*

Thì chính là đám thợ săn đã tìm ra ngài, khi tình cờ bắt gặp ngài, thân trần, với một ống sáo trong tay, đang đi theo sau đàn gia súc nhà lão chăn dê nghèo khổ. Ông lão này đã nhặt được ngài và nuôi nấng ngài, để ngài cứ tưởng mình là con trai đẻ của ông.

Thực ra, ngài là giọt máu của một Công chúa, con gái của một đức Vua, là kết quả của cuộc hôn phối bí mật giữa nàng với một người có địa vị thấp kém hơn nàng rất nhiều, một người nước ngoài, nghe nói bằng tài chơi đàn *luyt* có sức hấp dẫn ma lực, đã

quyến rũ được nàng. Cũng lại có lời đồn rằng, đó là một nghệ nhân từ Rimini[1] được công Chúa sủng ái một cách khác thường. Sau đó, người này đột ngột bỏ dở công việc ở nhà thờ lớn và biến mất khỏi kinh thành. Đứa trẻ sinh ra được một tuần thì bị đánh cắp khi nó nằm ngay bên người mẹ ngủ say, rồi được chao cho một cặp vợ chồng nông dân tầm thường hiếm con, sống ở nơi rừng hoang núi đỏ, cách kinh thành hơn một ngày đường đi ngựa. Theo giám định của quan ngự y hay theo phỏng đoán của một số người không hiểu nỗi sầu, bệnh dịch hay một thứ thuốc độc Ý cực mạnh pha trong cốc rượu vang thơm hương liệu, đã giết chết người mẹ của đứa trẻ đúng nửa giờ sau khi nàng tỉnh giấc. Khi kẻ thuộc hạ tin cẩn, với đứa trẻ nằm vắt trên yên ngựa, nhảy khỏi mình con ngựa mệt lử, đến gõ vào cánh cửa thô dày của túp lều người chăn dê. Thì cũng là lúc xác Công chúa được mang vùi xuống một lỗ huyệt lộ thiên nằm ở góc sân một nhà thờ. Còn ở bên ngoài cổng thành, trong một huyệt mộ khác, là xác một chàng trai trẻ tuấn tú, có vẻ đẹp ngoại quốc, bị chôn vùi, tay chàng bị dây thừng chói trặt, ngực chàng chi chít những vết thương đỏ ngòm.

---

[1] *Một thành phố ở bắc Italia*

Ít ra thì đó là câu chuyện người ta thì thào truyền tai nhau. Hẳn trước lúc lâm chung Đức Vua vô cùng ân hận bởi tội lỗi tày đình, hoặc chỉ vì không muốn ngai vàng tuột khỏi dòng huyết thống nhà mình, nên đã phái người đi đón đứa trẻ về và trước văn võ bá quan đã tuyên chỉ nó là người kế vị của ngài.

Ngay từ những giây phút đầu được kế vị, ông Hoàng trẻ đã biểu lộ một niềm đam mê kì lạ với cái đẹp, điều đã có ảnh hưởng sâu sắc một cách định mệnh tới cuộc đời ngài. Đám tôi tớ hầu hạ trong cung của ngài tường thuật lại những lời trầm trồ ngài thốt ra khi nhìn thấy những y phục trang nhã, đồ châu báu lộng lẫy

được dâng lên ngài. Reo lên cuồng nhiệt, ngài liệng bỏ tấm áo chẽn da thô kệch cùng chiếc áo khoác da cừu. Đôi khi ngài cũng nhớ cuộc sống phóng khoáng nơi rừng hoang và luôn tỏ vẻ bực bội trước những buổi thiết triều tẻ ngắt, thường chiếm quá nhiều thời gian trong một ngày, nhưng cung điện tráng lệ - *Joyeuse*[1], như người ta thường gọi nó - nơi giờ đây ngài nhận thức được mình là chủ nhân, đối với ngài giường như là một thế giới mới lạ, hiện ra đột ngột khiến ngài thích mê đi. Mỗi khi thoát khỏi những buổi thiết triều, ngài thường băng qua dãy cầu thang đồ sộ có những con sư tử bằng đồng mạ vàng và những bậc thang đá *pocphia* lấp lánh, rồi lang thang trong các gian phòng cùng các dãy hành lang, như cố công tìm kiếm trong cái đẹp một thứ thuốc làm dịu cơn đau, đem lại bình phục sau cơn bạo bệnh.

---

[1] *Tiếng Pháp - có nghĩa là sung sướng hạnh phúc*

Trong những cuộc hành trình khám phá, như ngài vẫn gọi chúng - với ngài, đó quả là những cuộc phiêu du qua một miền đất kì diệu; đôi khi tháp tùng ngài còn có cả một đoàn tiểu đồng mảnh mai, tóc sáng, áo choàng rủ bồng bềnh với những dải băng phấp phới vui tươi. Nhưng phần nhiều ngài đi một mình, bởi bản năng nhạy bén, gần như một linh cảm mách bảo ngài rằng bí quyết của nghệ thuật tốt nhất chỉ nên học hỏi một cách thầm lặng, rằng cái đẹp, cũng giống như sự thông thái, thường sủng ái những kẻ tôn thờ cô đơn.

Rất nhiều những đồn đại hiếu kì về ngài, trong thời gian này. Chuyện rằng có một Thị Trưởng béo tốt xin bệ kiến ông Hoàng mục đích thay mặt các thần dân trong kinh thành đọc dâng ngài một bài chúc tụng bóng bẩy, đã bắt gặp ngài đang sùng kính quỳ trước một bức tranh lớn vừa được mang từ Vơnizơ về, và như tiên báo về sự thờ phụng những vị thần mới. Một lần

khác, ngài bỗng biến mất trong vài giờ đồng hồ. Người ta tìm mãi mới thấy ngài trong một phòng nhỏ của một trong những tháp nhỏ thuộc cung điện. Ngài đang mê mẩn ngắm một viên ngọc Hi Lạp chạm hình chàng Adonnis[1] người ta kể đã nhìn thấy ngài gắn cặp môi nóng bỏng của mình lên vầng trán pho tượng cổ đá hoa cương được tìm thấy dưới lòng sông khi người ta xây cây cầu đá. Bức tượng này có điêu khắc tên Hadrian, một nô lệ người Bithynia[2]. Ngài còn ngồi cả đêm để xem tác động của ánh trăng lên hình khắc chàng Edymion[3] bằng bạc.

---

[1] *Theo thần thoại Hi lạp là một chàng trai rất đẹp, say mê nữ thần tình yêu Aphloditơ*

[2] *Tên một nước cổ đại vùng tiểu Á*

[3] *Theo thần thoại Hi lạp là chàng trai được thần Zớt triệu lên thiên đàng nhờ vẻ đẹp của mình.*

Tất cả những thứ quý hiếm, đắt tiền đều có một ma lực nào đó khiến ngài mê đắm. Khao khát có được chúng nên ngài phái vô số các khách buôn đi khắp các nẻo, người đi săn lùng hổ phách với hình các nhân ngư thô nhám ở vùng biển Bắc; kẻ đến Ai Cập tìm kiếm những viên ngọc lam lạ kì; chỉ thấy trong hầm mộ của các bậc vua Chúa, nghe nói có những đặc tính ma quái; người sang Ba Tư kiếm những tấm thảm tơ và đồ gốm có họa tiết; kẻ tới Ấn Độ mua sa lụa cùng với ngà voi, lam bảo ngọc với vòng ngọc bích, guốc gỗ, đồ men xanh và khăn choàng len thượng hạng.

Nhưng điều chiếm ngự đầu óc ngài nhất là tấm long bào ngài sẽ mặc vào một ngày lễ đăng quang, dệt từ chỉ vàng và mũ vương miện có gắn ngọc *rubi* cùng cây quyền trượng nạm ngọc trai. Hằng đêm, ngài trăn trở về điều này khi ngự trên long sàng lộng lẫy uy nghi, đăm đắm ngắm nhìn những thanh củi thông to

tướng bốc cháy ngùn ngụt trong lò sưởi. Những phác thảo do các họa sĩ nổi tiếng đó nhất thời phác ra đã được đệ trình lên ngài từ nhiều tháng trước, và ngài truyền cho các nghệ nhân phải làm việc cật lực để hoàn thành chúng. Thế là cả thiên hạ đổ đi tìm kiếm châu ngọc cho xứng với tác phẩm của họ. Ngài mường tượng mình đứng trước ban thờ của nhà thờ lớn, khoác long bào rực rỡ của bậc quân vương và nụ cười thoáng đọng trên cặp môi non trẻ, làm rạng ngời đôi mắt sẫm hoang dại của ngài.

Một lát sau ngài đứng dậy, tựa người bên mái chạm trổ của ông khói lò sưởi, ngó quanh căn phòng được chiếu sáng lờ mờ. Trên tường treo các tấm thảm dệt cảnh bức tranh *Cái Đẹp Chiến thắng*. Một chiếc tủ lớn khảm mã não và ngọc lam đứng choán một góc phòng. Đối diện cửa sổ là một chiếc tủ nhiều ngăn, mặt khảm những họa tiết bằng vàng lấp lánh, trên đặt những chiếc ly có chân, hàng thủy tinh Vơnizơ và một chiếc tách ngọc có những đường viền mã não sẫm. Lụa phủ gương có thêu những đường viền mã não sẫm. Lụa phủ gương có thêu những cây thuốc phiện nhợt nhạt như đang gà gật trong vòng tay mệt mỏi của cơn mơ. Những cây sậy mảnh mai làm từ những cặp ngà voi cong vút đỡ lấy những tấm rèm nhung phất phơ nhô ra những chùm lông đà điểu dày, giống như những đám bọt biển trắng xóa vươn lên trần nhà uốn cong màu phớt bạc. Pho tượng chàng Narcissus[1] bằng đồng thau xanh biếc đang cười và nâng một tấm gương sáng loáng lên quá đầu. Trên bàn đặt một chiếc khay tròn bằng thạch anh tím.

---

[1] *Theo thần thoại Hi lạp là một chàng trai đẹp, suốt ngày soi gương ngắm mình, phải lòng và rồi chết vì sắc đẹp của chính mình là tượng trưng cho sự ích kỷ.*

Nhìn ra ngoài ngài có thể thấy đỉnh mái tháp tròn khổng lồ của Nhà thờ lớn, giống như một trái bong bóng phủ xuống những

căn nhà tối mờ cùng những gã lính canh uể oải lên xuống những tháp canh chìm trong sương mù dọc theo triền sông. Hương hoa nhài thoang thoảng đưa qua những cánh cửa sổ mở toang. Ngài hất những búp tóc xoăn màu hạt dẻ khỏi vầng trán, rồi cầm lấy cây đàn, ngài lướt từng ngón tay theo dây đàn. Hàng lông mi dợp bóng của ngài chập xuống, và một bầu im lặng nặng nề đến kì lạ phủ trĩu xuống ngài. Chưa bao giờ ngài cảm thấy say mê mãnh liệt đến thế, hay với cả một niềm vui tinh tế, đầy ma lực và huyền bí đến thế đối với các mĩ vật.

Khi tháp đồng hồ điểm chuông nửa đêm, ông Hoàng trẻ chạm vào quả chuông gọi các thị đồng của ngài bước vào, thay đồ cho ngài với vô số những thủ tục rườm rà: Phun nước hoa hồng lên tay ngài. Ngài thiếp đi một lát sau khi họ bước ra khỏi phòng.

Trong giấc ngủ ngài mơ thấy một giấc mơ, và đây là những gì ngài thấy trong cơn mơ của mình.

Ngài thấy mình đang đứng trong một gian nhà mái dài và thấp, giữa những tiếng vù vù, lách cách của những cái bóng lờ mờ. Ánh ngày yếu ớt xuyên qua những khung cửa sổ ọp ẹp cho ngài nhìn thấy những thân hình gày guộc của những người thợ dệt đang lom khom cúi xuống các khung cửi. Những đứa trẻ trông xanh xao, ốm yếu nép mình trên những thanh xà ngang to sù. Khi các con thoi lao qua các sợi dọc, chúng nâng các tấm ván lót nặng trịch lên, còn khi các con thoi dừng lại chúng thả phịch các tấm lót ván xuống rồi ép các sợi chỉ dệt lại với nhau. Mặt chúng nhăn nhúm lại vì đói và những cánh tay gày ngẳng run rẩy. Vài chị phụ nữ mặt mũi bơ phờ đang ngồi trên bàn khâu. Một thứ mùi kinh tởm xộc lên từ khắp mọi nơi. Không khí hôi hám, nặng nề, tường nhà nhỏ giọt và chảy nước vì khí ẩm.

Ông Hoàng trẻ bước lại gần một trong những người thợ dệt, đứng bên cạnh và quan sát anh ta.

Anh này giận dữ nhìn ngài và nói: “Anh nhìn gì tôi? Ông chủ sai anh giám sát chúng tôi đấy hả?”

“Ông chủ của các anh là ai?” Ngài hỏi.

“Ông chủ của chúng tôi!” Anh thợ cay đắng kêu lên. “Ông ta cũng là người như tôi đây này. Chỉ có một điều khác nhau giữa chúng tôi, là ông ta thì mặc quần áo đẹp, còn tôi thì khoác giê rách, và trong khi tôi đang lả đi vì đói thì ông ta bị cơn bội thực thừa mứa hành hạ”.

“Đất này là đất tự do,” ông Hoàng trẻ nói: “Và anh chẳng phải là nô lệ của ai cả.”

“Trong chiến tranh”, người thợ trả lời: “Kẻ mạnh bắt kẻ yếu làm nô lệ, còn khi thời bình, thì kẻ giàu bắt kẻ nghèo làm tôi tớ. Chúng tôi làm lụng để kiếm miếng ăn, còn họ thì cho chúng tôi chút lương còm vừa đủ để chết đói. Chúng tôi suốt ngày quần quật làm cho họ, còn họ chất hàng đống vàng vào két nhà mình; con cái chúng tôi phải chết yểu, những khuôn mặt chúng tôi yêu ngày một trở nên nghiệt ác nặng nề. Chúng tôi trồng hái nho cho kẻ khác uống rượu. Chúng tôi gieo cấy lúa ngô mà bàn ăn ở nhà lại rỗng tuếch. Chúng tôi đeo xiềng dù chẳng ai nắm giữ nó; chúng tôi là nô lệ dù người ta bảo chúng tôi tự do.”

“Với các anh tất cả đều như vậy sao?” Ông Hoàng hỏi.

“Đúng đấy, với tất cả chúng tôi,” người thợ trả lời:

“Nói với cả người trẻ cũng như người già; với đàn bà cũng như đàn ông; với những đứa hài nhi cũng như các bậc già lão. Lũ khách buôn chèn ép chúng tôi, buộc chúng tôi phải tuân theo điều kiện của họ. Các cha cố đi qua, tay lần tràng hạt mà có ai nhòm ngó đến chúng tôi đâu. Sự cùng khổ với con mắt đói khát tràn qua các con hẻm tối tăm nhà chúng tôi. Tội lỗi với bộ mặt u tối bám sát ngay sau nó. Nỗi khốn khổ đánh thức chúng tôi mỗi sáng mai, và sự Hổ nhục ngồi cùng chúng tôi đêm đêm. Nhưng

những cái đó là gì đối với anh? Anh không cùng cảnh ngộ với chúng tôi. Trông mặt anh hạnh phúc mãn nguyện lắm." Rồi anh ta cau có quay đi, lia con suốt qua hàng sợi dọc, và ông Hoàng nhìn thấy nó len lỏi qua những sợi chỉ bằng vàng.

Một nỗi kinh hoàng khủng khiếp chụp lên ngài, và ngài bảo với người thợ dệt: "Chiếc áo anh đang dệt này là của ai vậy?"

"Đây là tấm long bào dành cho lễ đăng quang của vị Hoàng đế trẻ", anh ta trả lời: "Nó liên quan gì đến anh?"

Ông Hoàng trẻ thét to lên một tiếng và choàng tỉnh giấc, và kìa! Ngài đang ở trong tẩm cung của mình, qua khung cửa sổ ngài nhìn thấy mặt trăng lừng lựng màu mật ong ngự trên bầu trời mờ tối.

Ngài lại ngủ thiếp đi và lại mơ một giấc mơ như sau:

Ngài thấy mình nằm ở trên sàn một chiếc thuyền *Gali*[1] khổng lồ lái bởi hàng trăm tay chèo nô lệ. Chủ thuyền ngồi trên tấm thảm đặt cạnh ngài. Ông ta đen bóng tựa gỗ mun, đầu quấn khăn lụa điều. Đôi vòng tai bạc to tướng kéo trĩu hai dái tai dày, trên tay ông ta là một chiếc cân bằng ngà voi.

---

[1] *Thuyền cổ của Hi lạp và La Mã*

Đám nô lệ cởi trần trùng trục, chỉ đóng khố da sử tử rách tả tơi, người nọ bị xích vào người kia. Mặt trời nóng bỏng dội nắng xuống họ, những tên da đen chạy lên chạy xuống cầu tàu và quất roi da sống về họ. Họ vươn những cánh tay gầy guộc rạch những mái chèo nặng trĩu vào làn nước làm bắn tung những tia nước mặn chát.

Cuối cùng họ cập thuyền trong một con vịnh nhỏ và bắt đầu dò độ sâu. Gió thổi nhẹ từ đất liền, phủ lên bong thuyền và cánh buồm tam giác lớn một lớp bụi đỏ. Ba tên Ả Rập cưỡi lừa núi hiện ra và phóng lao về phía họ. Ông chủ thuyền *Gali* với lấy một cây cung và bắn trúng họng một tên. Hắn ngã nhào xuống biển, đồng bọn của hắn chuồn thẳng. Một thiếu phụ che mạng màu vàng cưỡi lạc đà chầm chậm đi qua, thi thoảng lại ngoái nhìn cái xác.

Khi họ thả neo và hạ buồm xong, đám da đen chui xuống hầm thuyền và khuân lên một cái thang dây có gắn chì nặng trịch. Chủ thuyền thả nó xuống dọc theo mạn thuyền, buộc hai đầu thang vào những cái trụ cột thép. Rồi đám da đen tóm lấy một tên nô lệ ít tuổi nhất, tháo xiềng ra cho nó, nút sáp vào lỗ mũi và lỗ tai nó và buộc một hòn đá to quanh thắt lưng nó. Nó uể oải leo xuống thang và rồi mất hút trong làn nước biển. Từ mũi thuyền, mấy tên nô lệ tò mò ngó xuống xem, một gã dụ cá mập bập bung gõ đều lên mặt trống.

Ít phút sau, tên thợ lặn ngoi lên mặt nước và hổn hển bám lấy chiếc thang dây, một viên ngọc trai cầm ở tay phải. Bọn da đen dật lấy viên ngọc rồi lại đẩy nó xuống. Đám nô lệ thiêm thiếp bên tay chèo. Tên nô lệ ngoi lên, rồi lại ngoi lên, lần nào cũng đem theo một viên ngọc trai đẹp tuyệt. Chủ thuyền cân chúng rồi bỏ vào một chiếc túi nhỏ bằng da màu lục.

Ông Hoàng trẻ có cất tiếng nhưng lưỡi ngài giường như dính chặt vào vòm họng và cặp môi ngài không chịu động đậy. Đám da đen trò chuyện huyên thuyên rồi chuyển sang cãi cọ, tranh giành nhau một chuỗi hạt lấp lánh, khiến hai thủ cấp bay vèo xuống sàn thuyền và lăn lông lốc xuống khoang thuyền.

Rồi tên thợ lặn cũng ngoi lên lần cuối, và viên ngọc lần này nó kiếm được còn đẹp hơn tất cả các viên ngọc trai của Ormuz[1] bởi nó có hình dạng một mặt trăng rằm tròn đầy và sáng lấp lánh hơn cả sao mai. Nhưng mặt tên nô lệ lại tái xanh đến kì lạ và khi

nó ngã lăn ra sàn thuyền, máu ộc ra từ các lỗ tai, lỗ mũi nó. Nó run rẩy một thoáng rồi bất động. Đám da đen nhún vai rồi quăng xác nó xuống biển.

---

[1] *Tên một thành phố ở Iran, được xây dựng từ thế kỷ 13, là biểu tượng của phương Đông.*

Lão chủ thuyền tươi cười bước lại cầm lấy viên ngọc. Khi nhìn thấy viên ngọc lão áp nó lên trán và cúi đầu. Lão nói: "Nó sẽ được dâng lên tô điểm cho quyền trượng của vị Hoàng đế trẻ," và lão ra hiệu cho đám da đen nhổ neo.

Khi nghe thấy điều đó ông Hoàng trẻ tuổi hét lên và choàng tỉnh giấc, ngài nhìn thấy bên ngoài cửa sổ những ngón tay dài nhợt nhạt của ban mai đang níu lấy những vì sao đang mờ dần.

Ngài lại ngủ thiếp đi và mơ thấy những điều sau đây:

Ngài thấy mình đang thơ thẩn trong một cánh rừng nhập nhoạng, lủng lỉu thứ trái cây lạ với những bông hoa độc tuyệt sắc. Lũ rắn bay Vipe rít lên khi ngài bước qua, từng đàn vẹt trắng bay chuyền trên các cành cây. Những con rùa khổng lồ nằm ngủ trên mặt bùn nóng bỏng. Trong các lùm cây lố nhố từng đàn khỉ người cộc đuôi và công.

Ngài cứ đi mãi đi mãi cho đến khi ra tới bìa rừng, ở đó ngài nhìn thấy một đám đông người đang làm việc cật lực dưới lòng một con sông cạn. Họ bám đầy các vách núi cheo leo như lũ kiến. Họ đào những cái hố sâu thăm thẳm vào lòng đất rồi leo xuống đó. Một số dùng rìu to xẻ đá; những người khác thì mò mẫm vào sâu trong lòng cát. Họ xé rễ cây xương rồng, đạp lên những bông hoa đỏ thắm của nó. Họ hối hả gọi nhau, chẳng ai là không làm việc.

Trong hang động tối tăm Thần Chết và Thần Tham Lam đứng quan sát họ. Thần Chết bảo: “Tôi rã rời cả người, hãy cho tôi một phần ba bọn họ và để tôi đi thôi.”

Nhưng Thần Tham Lam lắc đầu. “Chúng là đày tớ của tôi,” mụ trả lời.

Thần Chết lại bảo mụ: “Trong tay bà có cái gì vậy?”

“Tôi có ba hạt ngô”, mụ đáp: “Việc gì đến ông nào?”

“Cho tôi một hạt đi”, Thần Chết kêu: “Để tôi trồng trong vườn nhà tôi; chỉ một hạt thôi mà, rồi tôi sẽ đi ngay”.

“Ông đừng hòng xin được tôi cái gì,” Thần Tham Lam nói và giấu tay vào sau vạt áo.

Thần Chết cười, lấy ra một chiếc cốc, vục nó xuống đầm nước, từ trong cốc bệnh sốt rét ngóc đầu lên. Nó bay qua đám người, một phần ba số họ chết gục. Sương mù lạnh lẽo bám theo sau nó, lũ rắn nước bò bên cạnh nó.

Khi Thần Tham Lam thấy một phần ba đám người chết gục chết, mụ đấm ngực than khóc. Mụ đấm vào bộ ngực cằn cỗi rồi thét lên: “Ngươi đã giết chết một phần ba đám tôi tớ của ta. Cút ngay đi! Ở vùng núi Tatary đang có chiến tranh đấy, Vua nghe các phe đều đang gọi người. Người Afgan đang giết tế những con bò mộng đen và chuẩn bị xuất chinh. Họ đã đội mũ giáp sắt lên và gõ giáo vào các tấm khiên chắn. Thung lũng của ta có gì với người mà ngươi cứ nấn ná ở mãi đây thế? Cút ngay đi và đừng bao giờ quay trở lại nữa.”

“Không”, Thần Chết trả lời: “Ta sẽ chưa đi nếu ngươi chưa đưa ta một hạt ngô.”

Nhưng Thần Tham Lam nghiến răng nắm chặt tay lại.

“Ta sẽ không đưa cho ngươi cái gì hết”, mụ lẩm bẩm.

Thần Chết bèn cười, cầm lên một viên đá đen và quẳng nó vào khu rừng. Từ bụi cây cần độc rậm rì bệnh Sốt bước ra trong tấm áo choàng lửa. Nó lướt qua đám người, chạm vào họ, chạm vào ai người đó lăn ra chết. Có cây lụi tàn dưới bước chân của nọ.

Thần Tham Lam rùng mình, rắc cho tàn lên đầu mình.

“Người tàn ác quá” mụ hét lên: “Ngươi tàn nhẫn lắm. Nạn đói đang hoành hành trong các thành bang Ấn Độ, các giếng nước ở Samarcand đang cạn khô. Nạn đói cũng đã chiếm ngự các thành bang Ai Cập và nạn châu chấu đã tràn tới từ các hoang mạc. Dòng sông Nin cạn nước, các linh mục thì đọc kinh cầu nguyện Isis và Osiris. Hãy cút đến những nơi đang cần ngươi và để yên đám tôi tớ của ta cho ta.”

“Không”, Thần Chết khăng khăng: “Nếu ngươi chưa đưa cho ta một hạt ngô, ta sẽ chưa đi”.

“Ta sẽ không đưa cho ngươi một cái gì hết,” Thần Tham Lam một mực.

Và Thần Chết lại cười. Lão huýt sáo qua kẽ ngón tay và một mụ đàn bà xé không khí bay tới. Trên trán mụ ghi hai chữ bệnh Dịch. Một ngày kền kền vêu vao vây quanh mụ. Mụ phủ cánh lên thung lũng và chẳng còn một ai sống sót nữa.

Thần Tham Lam gào thét bỏ chạy qua cánh rừng. Còn Thần Chết nhảy lên con ngựa đỏ của lão phi đi mất hút, nhanh hơn gió thổi.

Từ đám bùn loảng ở đáy thung lũng, lũ rồng cùng những con vật kinh dị có vẩy bò lên, lũ chó đừng chạy lồng theo bờ cát, hếch mũi lên trời đánh hơi.

Ông Hoàng trẻ than khóc và hỏi: “Những con người đó là ai? Họ tìm gì vậy?”

“Họ đào ngọc *rubi* cho vương miện của ông Hoàng đó,” một người đứng sau ngài đáp lời.

Ông Hoàng trẻ kinh ngạc. Quay người lại ngài nhìn thấy một người, giống như một kẻ hành hương, tay cầm một tấm gương bạc.

Ngài tái nhợt đi và hỏi: “Cho ông Hoàng nào vậy?”

Kẻ hành hương trả lời: “Soi vào tấm gương này, và ngài sẽ nhìn thấy ông ta”.

Ngài soi vào tấm gương, và nhìn thấy bộ mặt của chính mình. Ngài thét to lên và choàng tỉnh giấc, ánh mặt trời rực rỡ đang tràn khắp gian phòng, lũ chim chóc đậu trong vòm cây của khu vườn cất tiếng hót ca đầy mãn nguyện.

Bá quan văn võ trong triều cùng bước vào, cung kính vái chào ông Hoàng. Bọn thị đồng mang dâng ngài tấm long bào dệt sợi vàng, vương miện cùng cây quyền trượng.

Ông Hoàng ngắm chúng. Chúng thật là tuyệt mĩ. Tuyệt mĩ hơn tất cả những gì ngài đã từng nhìn thấy. Ngài chợt nhớ đến những giấc mơ của mình, ngài truyền bảo các cận thần: “Mang những thứ này đi, vì ta sẽ không dùng tới chúng.”

Các cận thần sững sờ, một số người cười, vì họ nghĩ ông Hoàng nói giỡn.

Nhưng ngài nghiêm giọng nhắc lại ý mình, ngài nói: “Hãy mang tất cả những thứ này đi cho khuất mắt ta. Dù là ngày lễ đăng quang của ta, ta cũng không dùng chúng. Bởi tấm long bào này được dệt từ bàn tay tái ngắt và thương đau, trên khung dệt của sầu khổ. Trong lòng mỗi viên *rubi* là Máu và Thần Chết nằm

dưới đáy viên ngọc trai kia". Và ngài kể cho họ nghe ba giấc mơ của mình.

Khi nghe xong, các triều thần nhìn nhau, thì thào với nhau rằng: "Ngài mất trí rồi, bởi giấc mơ là gì nếu không chỉ là giấc mơ, ảo mộng là gì nếu không chỉ là ảo mộng? Chúng không là thứ có thực để người ta phải để tâm đến chúng. Mà chúng ta thì có liên quan gì tới đời sống của những kẻ ăn người làm cho chúng ta? Dễ thường người ta không ăn cơm nếu chưa tìm thấy kẻ gieo hạt, không uống rượu một khi chưa chuyện trò được với người trồng nho?"

Viên Tổng quản thưa với ông Hoàng trẻ rằng: "Muốn tâu Chúa thượng, thần cầu xin Người hãy dẹp những suy nghĩ u ám đó sang một bên và mặc tấm long bào đẹp đẽ này vào, đội vương miện lên đi ạ. Làm sao các thần dân nhận biết Người là ông Hoàng nếu như người không khoác long bào của bậc quân vương chứ ạ?"

Ông Hoàng nhìn lão. "Thật vậy sao?" Ngài hỏi. Họ không thừa nhận ta một khi ta không khoác long bào thật ư?"

"Họ không thừa nhận đâu, tâu Chúa thượng" viên Tổng quản kêu lên:

"Ta cứ nghĩ có những người vốn đã mang dung mạo của bậc quân vương," ngài bảo. "Nhưng cũng có thể như khanh nói. Dù sao ta cũng không khoác tấm long bào này, không đội mũ vương miện kia, và dù đã bước chân vào cung đình rồi ta cũng sẽ rời bỏ nó".

Ngài truyền cho các triều thần lui ra, chỉ giữ lại một thị đồng, kém ngài một tuổi, ở lại bên ngài, để giúp đỡ ngài. Tắm nước sạch xong, ngài mở chiếc hòm sơn to sù, lấy ra chiếc áo chẽn da, tấm áo khoác lông cừu thỏ ngài thường mặc thủa đi chăn dê bên sườn đồi. Ngài mặc những thứ đó vào, rồi cầm lấy cây gậy chăn dê sù sì.

Gã thị đồng ngạc nhiên mở tròn cặp mắt to xanh biếc và mỉm cười thưa với ngài: “Muôn tâu Chúa thượng, thần đã trông thấy long bào cùng quyền trượng của Người, thế còn vương miệng thì đâu ạ?”

Ông Hoàng bẻ một cành thạch nam vươn vào ban công, uốn thành vòng tròn và đội lên đầu.

“Đây là vương miện của ta”, ngài đáp.

Và cứ ăn vận như thế ngài rời tẩm cung tiến vào đại sảnh đường, nơi hoàng tộc cùng bá quan đang chờ nghênh đón ngài.

Giới quý tộc nhốn nháo. Có ai đó quát to: “Tâu Chúa thượng, thần dân đang chờ đón đức vương quân của họ, Người lại cho họ thấy một kẻ hành khất”, những kẻ khác lại tức giận bảo rằng: “Y làm ô nhục vương quốc của chúng ta, y không xứng đáng là đức quân vương của chúng ta”. Nhưng ông Hoàng không đáp lại một lời, cứ tiếp tục bước đi. Ngài xuống cầu thang *pocphia* lấp lánh, đi qua cổng thành bằng đồng và nhảy lên con ngựa của ngài, phi thẳng về phía nhà thờ lớn, gã thị đồng chạy theo sau ngài.

Các thần dân cười đùa bảo nhau: “Tên hề của đức Chúa thượng vừa chạy qua thì phải”, và họ thi nhau giễu cợt ngài.

Ngài chậm bước vào bảo: “Không phải, ta là đức Chúa thượng đây”. Và ngài kể cho họ nghe ba giấc mơ của ngài.

Một người đàn ông bước ra khỏi đám đông và cay đắng tâu rằng: “Tâu Chúa thượng, người có biết chăng, bên ngoài cánh cổng xa hoa của người giàu có là cuộc sống cơ cực của đám dân nghèo? Nguồn sống của chúng thần là sự phù hoa của các ngài, bánh mì của chúng thần là thói trụy lạc xấu xa của các ngài. Làm việc quần quật hầu các ông chủ đã cay đắng, nhưng không có các ông chủ để mà quần quật làm lụng còn khốn khổ hơn nữa. Người nghĩ lũ quạ sẽ cho chúng thần miếng ăn ư? Người làm

cách gì để thay đổi những cái đó? Chẳng lẽ Người bảo được người đi mua: "Các người hãy mua ngần này", và với người đi bán: "Các người hãy bán giá như thế này?" Thần tin rằng không đâu. Vậy nên hãy quay trở lại cung đình của Người mà sống trong nhung lụa đi. Người có can hệ gì với chúng thần cùng những nỗi cơ cực của chúng thần đâu."

"Chẳng lẽ người giàu, kẻ nghèo không phải là anh em sao?" Ông Hoàng trẻ hỏi.

"Phải đấy," người kia đáp: "Tên người anh giàu có ấy là Cain[1] mà."

---

[1] *Theo thần thoại Hi lạp, Cain đã giết em mình là Avel. Ý muốn nói giữa người giàu và người nghèo không thể có tinh thần.*

Mắt ông Hoàng đẫm lệ, ngài phi ngựa qua đám đông đang rì rầm bàn tán, gã thị đồng đâm sợ nên rời xa ngài. Khi ông Hoàng đến trước cổng thành chính lớn của nhà thờ lớn, đám lính chĩa kích ra và bảo: "Ngươi tìm gì ở chốn này? Không ai ngoài Chúa Thượng được qua cửa này".

Mắt ông Hoàng đỏ rực bởi cơn thịnh nộ, ngài bảo chúng: "Ta là đức Chúa thượng đây" và gạt những mũi kích ra, phi vào.

Khi Đức giám mục trông thấy ông Hoàng trong y phục của kẻ chăn dê, ông ta sững sờ nhổm khỏi ghế ngồi, tiến lại nghênh đón ngài và nói: "Con trai của ta, đây là y phục của bậc quân vương ư? Vương miện nào để ta đội lên cho con, quyền trượng nào để ta đặt vào tay con đây? Với con hẳn đây phải là một ngày tràn đầy niềm vui chứ đâu phải là một ngày ô nhục".

"Niềm vui sẽ khoác những gì nỗi đau khổ dệt nên ư?" Ông Hoàng nói. Và ngài kể cho Đức giám mục nghe ba giấc mơ của

mình. Nghe xong Đức giám mục cau mày bảo: “Con trai của ta, ta đã già rồi, ngày của ta đã tàn. Ta biết có biết bao tội ác diễn ra trên thế gian bao la này. Nào là lũ lục lâm hung tợn tràn từ rừng núi xuống bắt lũ trẻ nhỏ đem bán cho bọn rợ Marôc. Nào là những bày sư tử ngồi rình các đoàn khách buôn hàng vồ bắt lũ lạc đà. Nào là những đàn lợn rừng đào phá hoa màu. Lũ cáo chồn gặm nát các đồi nho. Rồi thì bọn cướp biển nấp trên các bờ bãi hoang vu hòng đốt phá thuyền bè của ngư dân, cướp bóc chài lưới của họ. Ở các đầm lầy chen chúc từng bầy người hủi, trú ngụ trong các túp lều sậy, chẳng ai giám đến gần. Còn đám hành khất thì lang thang khắp các phố phường, kiếm miếng ăn cùng lũ chó. Con có ngăn nổi những điều đó không? Con có cho một con hủi nằm cùng giường với con không, và ngồi cùng kẻ ăn mày bên bàn ăn của con không? Lũ sư tử có tuân lệnh con không, bầy lợn rừng có nghe lời con không? Đấng Tối cao tạo ra những thống khổ lại không thấu suốt hơn con sao? Vậy nên ta không tán dương con bởi những gì con làm mà ta xin con hãy quay về cung đình với bộ mặt vui tươi và khoác lên long bào quân vương, ta sẽ đặt đầu con vương miện vàng và đặt vào tay con quyền trượng ngọc trai. Còn về các giấc mơ của con, hãy quên chúng đi. Gánh nặng thế gian này quá lớn cho một con người gánh vác, nỗi thống khổ thế gian này quá nặng cho sức chịu đựng của trái tim một người.

“Đức cha nói những điều như thế trong ngôi nhà này ư?” Ông Hoàng hỏi ngài, ngài đi qua Đức giám mục, leo lên trước ban thờ và đứng trước hình Chúa Jesus.

Ngài đứng trước hình Chúa Jesus, bên phải ngài, bên trái ngài là những chiếc bình vàng lộng lẫy, một li rượu vang vàng óng và một lọ dầu thánh. Ngài quỳ xuống trước hình chúa Jesus, những cây nến lớn cháy sáng bên hòm đựng thánh cốt nạm ngọc, khói nhang nghi ngút thả những cuộn tròn mảng xanh biếc qua mái vòm nhà thờ. Ngài cúi đầu cầu nguyện. Các giáo sĩ mặc áo lễ cứng đơ rón rén rời khỏi điện thờ.

Bỗng nhiên một đám đông ồn ào từ ngoài đường phố xông vào. Đó là một đám quý tộc gươm kiếm tuốt trần, mũ cài lông vũ nhún nhảy, tay cầm kiên thép sáng loáng. Tên mộng mị vẩn vơ ấy đâu?" Chúng hét lên. "Gã hôn quân ăn mặc như tên ăn mày - thằng nhóc làm ô danh vương quốc của chúng ta ấy đâu? Chúng ta nhất định sẽ giết chết hắn, bởi hắn không xứng đáng được trị vì chúng ta."

Ông Hoàng trẻ lại cúi đầu cầu nguyện, cầu nguyện xong ngài quay lại và buồn rầu nhìn đám người.

Và kìa! Qua khung cửa sổ quét sơn những dòng ánh sáng mặt trời chảy tràn, phủ lên ngài tấm long bào đã được dệt theo cảm hứng của ngài. Cây gậy khô đâm chồi, nảy ra những bông huệ nõn nà hơn cả ngọc trai. Cành gai khô cứng nảy lộc, nở xòe ra những bông hồng còn thắm hơn sắc thắm của đá *rubi*. Trắng muốt hơn cả đá những viên ngọc trai tuyệt hảo, là những đóa huệ, cuống hoa lấp lánh ánh bạc. Thắm hơn cả đá *rubi* đỏ thắm là những đóa hoa hồng, chúng là những lá vàng giát.

Ngài đứng kia trong trang phục quân vương, nắp hòm thánh cốt nạm ngọc bỗng mở toang ra, từ chiếc bình pha lê có nhiều tia phát lóe lên một tia sáng kì diệu và huyền bí. Ngài đứng kia trong trang phục quân vương, và vầng hào quang của Chúa tỏa sáng nơi nơi, các thánh ngự trong các hốc tường thờ chạm khắc dường như đang cử động. Trong trang phục uy nghi của bậc quân vương ngài đứng trước họ, đại phong cầm cất tiếng ngân nga, đội kèn Trompet cùng hòa tấu, các hài đồng hòa giọng hát Thánh ca.

Dân tình quỳ sụp xuống trong nỗi kinh hoàng, các nhà quý tộc tra gươm kiếm vào vỏ và tự tuyên thệ lời trung thành, Đức giám mục tái nhợt đi, tay ông ta run run, "tấn phong cho ngài phải là Đấng bề trên của tôi", ông kêu lên và quỳ sụp xuống trước ông Hoàng.

Ông Hoàng bước xuống khỏi điện thờ, đi qua gian phòng, rẽ qua đám thần dân. Không một ai giám ngẩng nhìn lên gương mặt ngài vì đó là gương mặt của một thiên thần.

NGÀY SINH NHẬT CỦA NÀNG INPHANTA

Đó là ngày sinh nhật của Inphanta. Nàng vừa tròn mười hai tuổi, và mặt trời chiếu sáng rực rỡ trong các khu vườn Hoàng cung. Dù nàng là một Công chúa chính hiệu, lại là Công chúa cả của vương quốc Tây Ban Nha, thì mỗi năm nàng cũng chỉ có một ngày sinh nhật như bất kì đứa trẻ nghèo nào. Vậy đương nhiên, để nàng có được ngày vui huy hoàng nhân dịp này là nhiệm vụ tối quan trọng của toàn xứ Tây Ban Nha. Và đó là một ngày vui huy hoàng nhân dịp này, là nhiệm vụ tối quan trọng của toàn xứ Tây Ban Nha. Và đó quả là một ngày vui huy hoàng. Từng đóa uất kim cương vươn thẳng mình trên những cuống dài mảnh mai giống như những hàng quân dài, vẻ thách thức ngó qua những bông hồng ở bãi cỏ bên khi mà bảo: “Chúng tôi giờ đây cũng rực rỡ chẳng kém gì các cô đâu nhé!” Lũ bướm tía dập dờn những đôi cánh phủ bụi phấn vàng, lần lượt ghé thăm từng bông hoa một, bầy thằn lằn nhỏ xíu bò trong các kẽ tường nứt và nằm phơi mình dưới ánh nắng chói lòa, những trái lựu chín nứt ra vì nóng để lộ một lớp ruột đỏ tươm mật. Thậm chí những trái chanh vàng nhạt, treo lủng lẻu trên những giàn mắt cáo mục và nương theo những mái vòm tối mờ, dường như cũng sậm màu hơn nhờ nắng trời kì diệu, những cây mộc lan nở xòe những bông hoa lớn như những trái cầu ngà, tỏa hương thơm ngọt nồng nàn.

Tiểu Công chúa lên xuống lầu hóng mát cùng bạn bè, chơi với chúng trò trốn tìm quanh những chiếc bình đá và một bức tượng phủ rêu. Ngày thường nàng chỉ được phép giao du với bạn bè cùng tầng lớp, vì thế nàng chỉ chơi thui thủi có một mình. Nhưng ngày sinh nhật là một dịp ngoại lệ, Vua cha cho phép nàng mời tất cả những ai thích nàng, cho phép chúng thỏa thích vui chơi cùng nàng. Những đứa trẻ Tây Ban Nha mảnh khảnh,

trịnh trọng nhẹ gót dạo bước đó đây, các cậu bé thì đội mũ to có gài những chùm lông vũ và mặc áo khoác ngắn buông lỏa tỏa, các cô bé thì nâng đuôi áo dài lê thê thêu kim tuyến, đưa những chiếc quạt to đen ánh bạc lên mắt che nắng mặt trời. Nhưng trông nàng Inphanta là tinh tế, kiêu sa nhất trong bộ xiêm y rất hợp với cái mốt hơi nặng nề của thời bấy giờ. Áo choàng của nàng may bằng xa tanh màu ghi xám, váy và tay áo thêu bằng chỉ bạc căng phồng. Áo nịt cứng đơ có những hàng ngọc trai đẹp tuyệt. Khi nàng bước đi, đôi dép xinh xẻo đính cặp nơ hồng to tướng lấp ló dưới tà váy. Chiếc quạt to bằng sa hồng của nàng đính bằng ngọc trai, trên mái tóc như một quầng vàng phai bao cứng đơ quanh khuôn mặt trắng xanh xinh xắn gài một bông hồng bạch tuyệt đẹp. Bên cửa sổ cung điện đức Vua buồn bã u sầu đang ngắm nhìn lũ trẻ. Đứng sau ngài là Don Pedro Aragon[1], hoàng đệ của ngài, người mà ngài vẫn thường ghét cay ghét đắng. Đứng sau ngài là cha rửa tội, quan chánh Tòa án giáo hội vùng Granada. Đức Vua thấy phiền não hơn thường lệ, bởi khi ngắm nhìn Inphanta đang nghiêm nghị một cách trẻ thơ nghiêng mình chào các quan triều thần, hoặc che quạt cười thầm bà quận công Albuquerque[2] nghiệt ngã, lúc nào cũng kè kè theo sát nàng, ngài lại nhớ đến Hoàng hậu trẻ, mẹ của Inphanta, người vừa mới tới đây - ngài có cảm giác như vậy - từ một đất nước vui tươi là nước Pháp, rồi một ngày héo hon bởi sự lộng lẫy u sầu của triều đình Tây Ban Nha, đã lìa đời sáu tháng sau khi hạ sinh Inphanta, chưa kịp ngắm hết hai mùa hoa hạnh nở trong vườn quả, thưởng thức trọn hai mùa vả chín trên cây vả cổ thụ sù sì đứng sừng sững nơi giữa sân cỏ cung điện kia. Ngài yêu nàng biết chừng nào, đến độ không chịu để, thậm chí huyệt mộ che chắn ngài ngưỡng mộ dung nhan của nàng. Xác nàng được một thầy thuốc người Marôc ướp rất thơm. Ông này bị quy tội dị giáo và hành nghề yêu thuật, đã bị giáo hội xử tội chết, nhờ việc làm trên mà đã bảo toàn được tính mệnh. Thi thể nàng vẫn nằm trong quan tài bọc gấm quan tài nhà thờ nhỏ lát đá hoa cương đen của hoàng cung, vẹn nguyên như mười hai năm trước các thầy tu mang nàng tới đây cứ mỗi tháng một lần

Đức vua lại quấn áo choàng tối màu, tay cầm đèn lồng bọc kín vào quỳ xuống bên nàng và cất tiếng gọi: “Mi reian! Mi reian!”[1] Đôi khi ngài còn phá bỏ cả nghi thức trang trọng được áp dụng nhất cử nhất động trong mỗi hành vi ứng xử hàng ngày ở xứ Tây Ban Nha, quy định mức độ thậm chí cho cả nỗi đau khổ của một bậc quân vương, ngài nắm chặt lấy đôi tay nhợt nhạt đeo châu ngọc ấy, trong tiếng than đau đớn đến cực điểm, ngài cố đánh thức khuôn mặt tô phấn sáp giá lạnh bằng những nụ hôn điên cuồng.

---

[1] *Aragon- một tỉnh ở phía đông bắc Tây Ban Nha*

[2] *Albuquerque – một thành phố ở Tây Nam Tây Ban Nha.*

[3] *Tiếng Tây Ban Nha*

Ngày hôm nay ngài lại có cảm giác như được thấy lại nàng trong lần đầu họ gặp nhau ở lâu đài Pontainnebleau[1] khi ngài mới mười lăm tuổi. Họ long trọng hứa hôn dưới sự trụ trì của Papal Nuncio[2] với sự có mặt của vua Pháp cùng cả triều đình. Rồi ngài trở về Escurial[3] cùng búp tóc xanh vàng óng với hoài niệm của đôi môi trẻ thơ nghiêng xuống hôn tay ngài khi ngài bước lên xe ngựa. Tiếp đó là hôn lễ, cử hành vội vã tại Burgos, một thành phố nhỏ nằm ở vùng giáp danh giữa hai vương quốc, và một đám rước khổng lồ tiến vào Madrid cùng một lễ chúc phụng trọng thể theo đúng nghi thức tại nhà thờ La Atocha, và một auto - da-fé[4] uy nghiêm khác thường với gần ba trăm người dị giáo, trong đó có rất nhiều người Anh Cát Lợi, bị đẩy qua những bàn tay thế tục lên giàn hỏa thiêu.

[1] *Lâu đài ngoại ô Pari, dinh thự nghỉ hè của vua Pháp*

[2] *Đại diện thường trực của giáo hoàng La Mã ở những nước La Mã có quan hệ ngoại giao*

[3] *Dinh thự của vua Tây Ban Nha, cách thủ đô Madrid không xa*

[4] *Lễ hỏa thiêu những người dị giáo.*

Ngài hẳn đã yêu nàng điên cuồng, đến độ để sau đó, khiến đất nước phải lụi bại trong cuộc chiến tranh dành quyền cai trị vùng đất thuộc địa Tân Thế giới với người Anh Cát Lợi, như nhiều người vẫn nghĩ ngài hầu như không để cho nàng ra khỏi tầm mắt mình, vì nàng ngài quên hết, hay giường như quên hết việc triều chính, với sự mù quáng khủng khiếp mà lòng đam mê vẫn thường đem lại cho kẻ nô lệ của nó, ngài không nhận thấy rằng những nghi thức công phu ngài những muốn làm đẹp lòng Hoàng hậu, chỉ càng làm trầm trọng thêm căn bệnh kì lạ của nàng. Sau khi nàng qua đời, có một thời gian ngài giường như mất trí. Hẳn ngài đã thoái vị chẳng hề lưỡng lự, bỏ về ẩn tại Đại tu viện Trapist ở Granada, nơi ngài được thụ phong chức tu viện trưởng danh dự, nếu ngài không sợ phải bỏ lại tiểu công chua bé bỏng cho hoàng đệ của ngài bảo trợ. Ông này là một kẻ nhẫn tâm có tiếng khắp xứ Tây Ban Nha và bị nhiều người ngờ cho là thủ phạm trong cái chết của Hoàng hậu, bởi đã tặng bà đôi găng tay tẩm thuốc độc nhân chuyến bà viếng thăm lâu đài của ông ở Aragon. Ngay cả khi kết thúc ba năm quốc tang trong toàn vương quốc theo chỉ dụ của ngài, đức Vua vẫn không bao giờ cho phép các quan đại thần nhắc đến chuyện tục huyền, ngay cả khi Hoàng đế của ngài phái sứ giả tới đề nghị ngài cưới nữ quận chúa Bohemia, cháu gái yêu quý của Người, ngài bảo với sứ giả về tâu lại với chủ nhân của họ rằng, Vua Tây Ban Nha đã kết hôn cùng nỗi sầu, cho dù nàng chỉ là một cô dâu tàn héo, ngài vẫn yêu nàng hơn cả sắc đẹp. Câu trả lời này đã lấy mất của ngài một

loạt các tỉnh trù phú của xứ Hà Lan, vì các tỉnh này, bị Hoàng đế xúi bẩy, đã liên kết với một số kẻ cuồng tín thuộc Nhà thờ cải cách, nổi dậy chống lại ngài.

Những tháng ngày ái ân trong đắm say cuồng nhiệt, trong niềm vui bốc lửa, cùng nỗi đớn đau quằn quoại bởi sự đứt quãng quá đột ngột dường như cùng trở về bên Đức Vua ngày hôm nay, khi ngài ngắm nhìn Inphanta vui đùa trên sân hóng mát. Ở cô bé có tất cả các giáng vẻ nũng nịu đáng yêu nơi Hoàng hậu, cũng kiểu cứng đầu bướng bỉnh, cũng khóe môi cong lên đầy kiêu sa, cùng nụ cười mê hồn - thực sự Vrai soucrire de France[1] thi thoảng hoặc nàng ngước nhìn ra cửa sổ, hay đưa bàn tay nhỏ nhắn cho các triều thần Tây Ban Nha hôn. Nhưng tiếng cười lanh lảnh của lũ trẻ làm Đức Vua nhức tai, ánh mặt trời rực rỡ vô tình như giễu cợt nỗi đau của ngài và mùi tù đọng của một thứ hương lạ, như hương liệu ướp xác, như làm vẩn đục - hay đó chỉ là tưởng tượng? - Không khí sớm mai trong lành. Ngài vùi mặt vào lòng bàn tay và khi Inphanta ngẩng nhìn lên lần nữa thì các tấm rèm đã buông xuống, Đức Vua đã rời đi.

---

[1] *Tiếng Pháp - nghĩa là: Đặc trưng Pháp*

Inphanta cau mày vẻ thất vọng, nàng nhún vai. Lẽ ra Vua cha phải ở lại bên nàng trong ngày sinh nhật của nàng. Những việc triều chính ngu ngốc ấy là gì chứ? Hay người lại đến cái nhà thở nhỏ mờ tối, nơi các ngọn nến leo lét cháy suốt đêm ngày, nơi nàng chẳng bao giờ được phép bước chân vào? Vua cha lú lẫn mất rồi, trong khi mặt trời chiếu sáng rực rỡ nhường kia, và ai ai cũng hạnh phúc đến thế! Ngoài ra, người sẽ bỏ lỡ màn diễn tấu bò tót, vì tiếng kè Trompet khai màn đã ngân vang kia rồi, chưa kể đến trò múa rối cùng bao nhiêu là trò hay nữa. Xem ra hoàng thúc của nàng cùng ngài chánh quan Tòa lại có lí do hơn nhiều. Họ đã ra sân hóng mát và ban tặng nàng những lời tán dương

thật đáng yêu. Thế là nàng hất mái đầu xinh xắn, cầm tay Don Pedro, từ tốn theo các bậc thang, tiến đến một rạp hát dài bọc lụa tía, được dựng ở cuối khu vườn. Lũ trẻ tăm tắp xếp thành hàng theo địa vị, đứa có tên dài nhất đi ở hàng đầu, nối tiếp Inphanta.

Một đoàn các cậu bé con nhà quý tộc, hóa trang thành những toreador[1] bước ra nghênh đón nàng. Tiểu bá tước vùng Tierra - Nueva, một cậu bé tuấn tú lạ thường, khoảng mười bốn tuổi mái đầu phong nhã của một quý tộc Tây Ban Nha nòi, trịnh trọng dẫn nàng tới bên một ngai nhỏ nạm bằng vàng và ngà voi, đặt trên một bục cao bên trên đấu trường. Lũ trẻ quây thành vòng tròn, phe phẩy những cánh quạt to tướng và thì thào tán chuyện với nhau. Don Pedro và quan chánh Tòa án đứng cười ở bên lối ra vào. Thậm chí bà quận chúa - Camerera Mayor[2] như người ta vẫn gọi bà - một người đàn bà lép khẹp, nét mặt nặng nề, cổ áp xếp nếp vàng, trông cũng không đến nỗi u ám, một nét gì giống như nụ cười lạnh lẽo thoáng hiện trên khuôn mặt nhăn nhúm và kéo nhếch cặp môi mỏng dính của bà lên.

---

[1] *Hiệp sĩ đấu bò*

[2] *Một chức nữ quan trọng trọng cung đình*

Đây quả là một màn đấu bò tuyệt trác, còn tuyệt hơn cả trận đấu thực, Inphanta nghĩ, nàng được xem ở Seville[1] hồi công ước vùng Parma đến thăm cha nàng. Vài cậu bé nhảy phóc lên những con ngựa gỗ che vải phủ lưng lộng lẫy, vung lao có đính tua đuôi nheo vui mắt với những dải băng rực rỡ, tấn công con bò, nhưng cậu bé khác thì chạy bộ, vẫy vẫy những chiếc khăn đỏ thắm trước mũi con bò và nhảy tót qua lớp rào chắn mỗi khi nó lao vào các cậu; con bò cũng giống hệt như bò thật dù nó chỉ được đan bằng nhánh liễu gai, bọc da sống ra bên ngoài, và

thỉnh thoảng cứ chạy lồng lên quanh đấu trường bằng hai chân sau, điều mà bất kì một con bò thật nào cũng chẳng giám mơ làm được. Nó cầm cự rất tuyệt khiến lũ trẻ bị kích động đến độ đứng cả lên mặt ghế dài, vẫy vẫy khăn tay viền đăng ten vừa kêu tướng lên: “Bravo toro! Bravo toro![2] Như thể chúng là người lớn vậy. Cuối cùng phải sau một trận đấu kéo dài, sau khi vài chú ngựa gỗ đã bị húc đổ, các tay kị mã bị hất ngã, tiểu bá tước Tierra - Nueva mới kéo được con bò tới sát bên gối chàng, sau khi được Inphanta cho phép coup de grâce[3] chàng thọc lưỡi kiếm gỗ vào cổ con vật với một sức mạnh khiến cả cái đầu của nó văng đi, để lộ ra khuôn mặt tươi cười của Monsieur Lorraine, con trai ngài Đại sứ Pháp tại Madrid.

---

[1] *Một thành phố ở miền nam Tây Ban Nha*

[2] *Tiếng Tây Ban Nha – có nghĩa hoan hô các đấu sĩ*

[3] *Tiếng Pháp – có nghĩa đâm một nhát kết liễu*

Sau đó cả đấu trường sáng lên trong tiếng vỗ tay rào rào và những chú ngựa gỗ tử trận được hai tiểu đồng Marôc mặc chế phục vàng và đen trang trọng khiêng ra.

Một quãng giải lao ngắn trôi qua trong tiết mục xiếc trên dây của một diễn viên nhào lộn người Pháp, rồi đến lượt mấy con rối Ý xuất hiện, trình diễn những vở bi kịch cổ điển *Sophonisba* trên sân diễn nhỏ được dựng lên nhân dịp này. Chúng diễn đến là hay, các động tác thật tự nhiên, điêu luyện, khiến cặp mắt nàng Inphanta phải mờ lệ khi vở diễn kết thúc. Quả là có một số trẻ òa khóc khiến phải đưa cả bánh kẹo ra mà an ủi chúng. Quan chánh Tòa án cũng bị xúc động mạnh, không đừng được phải nói với Don Pedro rằng, thật hết chịu nổi khi những vật giản đơn làm từ gỗ và sáp màu, cử động máy móc nhờ những sợi dây

thép mà cũng phải chịu bao bất hạnh, gặp nhiều tai ương đến vậy.

Tiếp đó, một nhà ảo thuật người Phi biểu diễn. Ông ta mang ra một cái giỏ to nhẵn phủ vải đỏ và đặt nó ở giữa đấu trường. Rồi ông rút một ống sáo lạ mắt bằng sậy ra khỏi áo choàng và bắt đầu thổi. Một thoáng sau tấm vải phủ động đậy, và khi tiếng sáo vút lên vi vút, hai con rắn màu lục và vàng óng thò những cái đầu hình nêm kì quái ra và từ từ ngóc lên, uốn éo theo tiếng sáo, trông như những cành rong lả lướt trong làn nước vậy. Lũ trẻ dù sao cũng thấy hơi khiếp cái đầu lốm đốm cùng tia lưỡi phóng ra như chớp của hai con rắn, nên hài lòng hẳn khi nhà ảo thuật chuyển sang phép hóa cho một cây cam nhỏ xíu mọc lên từ dưới cát và nở bùng những chùm quả thật hẳn hoi, và khi ông ta lấy chiếc quạt của tiểu hầu tước vùng Las- Torres và biến nó thành một chú chim xanh vừa bay vòng quanh sàn diễn vừa cất tiếng hót líu lo, thì sự vui thích cùng nỗi kinh ngạc của lũ trẻ không còn biết đâu mà giới hạn nữa. Vũ khúc *Minuet* trang trọng do các tiểu vũ công của nhà thờ Nuestra Sẽnora Del Pilar biểu diễn cũng thật là hấp dẫn. Nàng Inphanta chưa từng được dự lễ hội tuyệt vời này, thường tổ chức vào dịp mừng xuân tháng năm hàng năm, để ngợi ca Mẹ Đồng Trinh trước điện thờ của Người. Quả không một ai trong hoàng tộc Tây Ban Nha giám đặt chân vào nhà thờ lớn Saragossa kể từ khi nơi đây một giáo sĩ điên, mà người ta đồn là do nữ hoàng Anh Quốc Elizabeth mướn, mưu toan đầu độc hoàng thân Asturias. Vậy nên Inphanta chỉ biết qua tiếng đồn về một "vũ khúc Đức bà của chúng ta" như nó được gọi, và đó quả là một màn trình diễn tuyệt vời. Những cậu bé diện quần nhung trắng kiểu cung đình theo lối cổ, đội mũ ba góc trông rất lạ có đính tua bạc và gài chùm lông đà điểu, mặc áo sơ mi trắng đến lóa mắt, khi chúng chuyển động dưới ánh mặt trời, những khuôn mặt ngăm đen cùng mái tóc đen nhánh càng nổi bật lên. Ai cũng mê tít vẻ trững chạc trang nghiêm của các cậu trong các động tác rắc rối của vũ khúc, trước sự thuần thục duyên dáng của mỗi chuyển động chậm rãi, cách cúi chào long trọng khi các cậu biểu diễn xong và ngả những chiếc mũ

rộng vành gắn lông đà điểu chào Inphanta. Nàng tiếp nhận biểu hiện tôn kính của các cậu một cách nhã nhặn và nguyện sẽ dâng một cây nến sáp thật to lên bàn thờ Đức Bà ở Pilar, bởi người đã ban cho nàng niềm vui lớn lao nhường này.

Tiếp đó là một nhóm các chàng Ai Cập đẹp trai, thời đó được gọi là Gipsy, tiến ra sân khấu, rồi ngồi bắt chéo chân thành vòng tròn, bắt đầu gảy đàn tranh một cách êm ái, đung đưa người theo tiếng nhạc và khe khẽ ngân nga bằng giọng trầm mơ mộng. Khi thấy Don Pedro họ sa sầm nhìn ông ta, một số tỏ ra khiếp đảm, bởi chỉ vài tuần trước đó, ông ta đã cho treo cổ hai người trong bộ lạc của họ trên bãi chợ ở Seville vì tội hành nghề Phù thủy, nhưng nàng Inphanta dễ thương đã cuốn hút họ khi nàng hé cặp mắt xanh biếc nhìn họ dưới cánh quạt, họ yên lòng và tin rằng, một người đáng yêu như nàng chắc không nỡ nhẫn tâm với một ai. Thế là họ tiếp tục gảy đàn rất dịu dàng, hầu như chỉ khẽ chạm những móng tay dài nhọn vào dây đàn và gật gù như đang ngủ thiếp đi. Rồi bất ngờ, bằng tiếng thét trói tai khiến bọn trẻ giật nảy mình và khiến bàn tay của Don Pedro phải tóm chặt lấy núm chuôi dao găm bằng đá mã não, họ nhỏm dậy, xoay tít thành vòng tròn như cơn lốc, tay gõ trống không ngừng và cất tiếng hát đôi bài tình ca hoang dã bằng thứ tiếng âm yết hầu lạ lùng của họ. Rồi với một tín hiệu khác, họ lại nhất loạt quăng mình nằm xoài xuống mặt đất, nằm im phăng phắc, chỉ còn tiếng bập bung đơn điệu của đàn tranh rót vào thinh không lặng tờ. Sau khi lặp lại trò này vài lần, họ biến vào trong một thoáng rồi quay ra, dắt theo một con gấu nâu lông rậm bờm xờm, tròng dây xích, còn trên vai chồm chỗm mấy chú khỉ không đuôi hình người tí hon. Con gấu diễn trò trồng cây chuối với vẻ cực kì nghiêm trang, mấy chú khỉ nhăn nhúm thì bày đủ trò vui nhộn cùng hai cậu bé Gipsy, hình như là chủ nhân của chúng và trình diễn các động tác luyện tập hàng ngày của lính chính quy y hệt như đội ngự lâm quân của đức Vua. Rõ ràng đám người Gipsy đã gặt hái được thành công lớn.

Nhưng phần nhộn nhất của buổi diễn phải là tiết mục nhảy múa của một chú lùn tí hon, khi chú ta ngại ngùng ló ra sàn diễn, lạch bạch đôi chân vòng kiềng, lắc lư cái đầu to dị dạng, lũ trẻ gào toáng lên khoái trá, đến cả nàng Inphanta cũng cười ngặt nghẽo, khiến bà tùy nữ Camerera buộc phải lưu ý nàng rằng, mặc dù ở Tây Ban Nha có rất nhiều tiền lệ cho phép công chúa con Vua than khóc trước những người ngang hàng với mình, nhưng chưa từng cho phép một công chúa dòng dõi hoàng tộc vui vẻ quá mức trước những kẻ có địa vị thấp hèn hơn. Thế nhưng chú Lùn quả có sức hấp dẫn ghê gớm, ngay cả tại triều đình Tây Ban Nha, nơi niềm say mê những thứ quái dị luôn được nuôi dưỡng, thì một con quái tí hon như chú, người ta chưa từng thấy bao giờ. Đây cũng là lần đầu tiên chú Lùn xuất đầu lộ diện. Chú được tìm thấy một ngày trước đó. Có hai nhà quý tộc đến săn ở góc hẻo lánh nhất trong cánh rừng mênh mông bao quanh thành phố đã nhìn thấy chú Lùn khi chú đang chạy nhông qua khu rừng. Họ đem chú về Hoàng cung làm món quà bất ngờ dâng nàng Inphanta. Cha chú Lùn, một lão đốn than nghèo khổ chỉ cảm thấy vô cùng hả hê vì đã rũ bỏ được đứa con xấu xí và vô tích sự. Có lẽ điều nhộn nhất ở chú Lùn là sự vô thức hoàn toàn về dung mạo quá ư kì quái của mình. Chú thực sự sung sướng và hứng chí đến cực độ. Khi bọn trẻ cười chú cũng hồn nhiên cười và vui vẻ như bất kì đứa nào trong đám. Mỗi khi ngừng nhảy múa chú lại mỉm cười gật đầu cúi chào từng người một cách hài hước nhất, như thể chú là một thành viên trong bọn họ - chứ không phải là một con quái dị dạng mà Con Tạo, theo lối đùa cợt, đã tạo cho ra những kẻ khác giễu cười. Còn về Inphanta, nàng quả thực đã hút hết cả hồn vía của chú. Chú không rời nổi mắt khỏi nàng và cảm thấy mình nhảy múa chỉ để cho riêng nàng. Cuối màn biểu diễn, nhớ lại cảnh các đại công nương trong triều ném hoa tặng Caffareli, ca sĩ giọng trầm trứ danh người Italia, người được đức Giáo hoàng phải từ nhà nguyện của người tới Madrid cùng giọng hát ngọt ngào, nhưng mong giải sầu cho Đức Vua, Inphanta bèn rút bông hồng bạch kiều diễm khỏi mái tóc, phần để đùa bỡn, một phần muốn chọc tức bà tùy nữ, nàng quăng nó qua sàn diễn tới chú Lùn cùng nụ

cười ngọt ngào nhất trên môi. Chú lùn đón nhận việc này rất là nghiêm trang, chú áp đóa hồng lên cặp môi thô dày sù sì, rồi đặt tay lên chỗ trái tim, chú quỳ một gối trước nàng, cười toét miệng đến mang tai, cặp mắt nhỏ sáng rực lên ánh mãn nguyện.

Điều này lật nhào vẻ nghiêm nghị của Inphanta khiến nàng cứ cười mãi sau khi chú Lùn tí hon đã rời sàn diễn, rồi nàng bảy tỏ ước muốn được lập tức xem lại vũ khúc kia với ông chú. Nhưng bà tùy nữ lấy lí do trời quá nóng nực nên quyết định tốt nhất là công chúa nên hồi cung ngay, ở đó, tiệc sinh nhật đang chờ đón nàng với chiếc bánh gatô mừng sinh nhật có phết chữ cái đầu tên của nàng bằng đường và một lá cờ bạc dễ thương vẫy lượng trên chóp bánh. Nàng Inphanta theo gợi ý đó, cực kì trịnh trọng đứng lên sau khi lệnh cho chú Lùn phải nhảy múa để nàng xem sau giờ nghỉ trưa và truyền gửi lời cảm ơn tới tiểu bá tước vùng Tierra - Nueva bởi lễ tiếp đón đầy lý thú, nàng hồi cung, lũ trẻ lần lượt nối đuôi theo đúng ngôi bậc như khi chúng đến.

Khi biết mình sẽ nhảy múa lần nữa phục vụ nàng Inphanta theo lệnh của chính nàng, chú Lùn hãnh diện quá liền chạy ngay ra vườn, vừa hôn lên đóa hồng trong một cảm giác đê mê của niềm thỏa mãn ngây ngất, vừa bày tỏ lòng vui sướng bằng những động tác ngô nghê vụng nhất trần đời.

Đám hoa cực kì phẫn nộ bởi chú Lùn giám đường đột xông vào ngôi nhà diễm lệ của chúng và khi thấy chú cứ tung tăng nhảy nhót khắp khu vườn, hai tay huơ huơ những động tác đến là lố bịch thì chúng không thể nhịn nổi nữa.

“Cái gã xấu như ma lem này không được phép chơi đùa ở những nơi có mặt chúng ta”, đám uất kim cương gào lên.

“Gã nhẽ ra phải uống mủ cây thuốc phiện và ngủ đi một ngàn năm”, lũ Huệ đỏ ngốc nghếch nói, chúng bốc hỏa vì tức giận.

“Gã này đích thị là một nỗi kinh hoàng!” Lũ Xương Rồng rít lên.

“Chứ sao, người gã dị dạng, ngắn tun tủn, đầu gã chẳng hề tương xướng với chân. Thực gã làm tôi nhoi nhói khắp cả người lên, gã mà lại gần tôi, tôi sẽ cho gã ăn mấy nhát gai”

“Rõ ràng là gã đã lấy mất một trong các bông hoa đẹp nhất của tôi”, cây Hồng Bạch than phiền. “Sáng nay chính tôi đã tặng nó làm quà sinh nhật cho nàng Inphanta, và rõ ràng gã đã đánh cắp của nàng”. Rồi cô ả gào toáng lên đến hết cả hơi: “Đồ kẻ cắp, kẻ cắp, kẻ cắp!”

Đến như đám phong nữ thảo đỏ, thường chẳng bao giờ ra kênh kiệu, vì ai mà chẳng biết chúng có vô khối những người bà con nghèo, cũng phải cuốn mình lại vì ghê tởm khi nhìn thấy chú Lùn. Và khi các cô Violet nhỏ nhẹ góp lời, rằng dù chú Lùn có quá ư là tầm thường thực đấy nhưng chú ta làm sao mà khác đi được, thì đám phong nữ Thảo đốp chát ngay lại với vô số lí lẽ đích đáng, rằng khuyết tật chính của chú ta là ở chỗ đó, và rằng không vì có gì bắt mọi người phải ca ngợi ai đó chỉ bởi vì khuyết tật bẩm sinh của anh ta. Một vài cô Violet quả cũng thấy rằng, vẻ xấu xí của chú Lùn tí hon dường như cứ phô bày ra ấy thôi, chú ta sẽ dễ coi hơn nhiều nếu tỏ ra buồn rầu, hay chí ít là trầm tư một chút, thay vì cứ hứng chí nhảy tâng tâng lên khắp mọi nơi và lại còn buông thả mình một cách quá ư là ngớ ngẩn và chướng mắt.

Già Đồng Hồ mặt trời, một nhân vật đặc biệt trứ danh, suốt ngày chỉ kể lể về không quá một người, là Hoàng đế Charles V, cũng phải sững sờ trước dung mạo của chú Lùn tí hon, đến nỗi quên mất không vạch ngón tay dài xỉn lên suốt gần hai phút đồng hồ. Già không nhịn được phải bảo với nàng Công lênh khênh lông trắng như sữa, rằng con vua thì lại làm vua, và rằng, con thợ đốt lò[1] thì cũng sẽ chỉ là thợ đốt lò mà thôi, thật vô lí nếu cứ quả quyết rằng không phải như thế. Quan điểm này được nàng công chúa hoàn toàn nhất trí và tất nhiên nàng kêu toáng ngay lên: “Nhất trí! Nhất trí!” Bằng một giọng oang oác chói tai khiến đàn cá vàng ngụ trong lòng vũng của đài phun nước mát

lạnh phải nhô đầu lên hỏi thăm các thần nhân ngủ khổng lồ bằng đá xem có chuyện gì xảy ra trên đất liền thế vậy.

---

[1] *Nguyên văn tiếng Anh là :thợ đốt than*

Thế nhưng lũ chim lại quý chú Lùn. Chúng vẫn thường trông thấy chú nhảy nhót khắp rừng như một con quái con tinh nghịch, đuổi theo những quầng lốc lá rụng, hay lom khom bên gốc cây sồi, chia phần hạt dẻ cùng lũ sóc. Chúng chẳng để tâm mảy may đến vẻ ngoài xấu xí của chú. Chứ sao, ngay như cô họa mi kia, đêm đêm cất tiếng hót ngọt ngào đến thế trong những lùm cây cam khiến mặt trăng đôi khi cũng phải cúi mình lắng nghe, mà cũng chẳng mấy để ý nữa là, ngoài ra chú Lùn lại rất mực tử tế với bầy chim suốt mùa đông khắc nghiệt đến nghê người, khi không còn là một trái trín trên cây, mặt đất cứng đanh lại như sắt, lũ chó sói lởn vởn xuống tận cổng thành săn mồi, chú chẳng hề quên chúng, luôn đãi chúng vụn bánh mì đen từ khẩu phần bánh ít ỏi của chú và chia sẻ với chúng những suất ăn sáng ít ỏi kiếm được.

Thế là chúng lượn tròn quanh chú, chỉ khẽ chạm cánh vào má chú khi bay vút qua và ríu rít hót gọi nhau. Chú Lùn đang hài lòng đến cực độ, không nhịn được giơ khoe ngay chúng đóa hồng bạch xinh đẹp và kể rằng, đích thân nàng Inphanta đã tặng chú, vì nàng yêu chú đấy.

Chúng chẳng hiểu một lời nào những gì chú nói, nhưng có sao nhỉ, bởi chúng vẫn nghiêng đầu vẻ hiểu biết, vẻ như có gì mà chẳng hiểu được kia chứ.

Bầy Thằn Lằn cũng ngưỡng mộ chú lắm. Khi chú đã mệt nhoài vì chạy nhảy và nằm kềnh ra trên cỏ nghỉ lấy hơi, chúng cố bày đủ mọi trò mua vui cho chú: “Không ai đẹp bằng thằn lằn nhà ta”, chúng reo lên: “Còn lâu mới bằng được nhé. Có vẻ như vô lí

thật, nhưng chú Lùn cũng có xấu đâu, nếu cứ nhắm mắt lại, đừng nhìn chú làm gì." Loài thằn lằn vốn là những triết gia thượng hạng, chú vẫn thường ngồi trầm ngâm suy tư giờ này qua giờ kia, khi chẳng có việc gì khác để làm, hoặc khi gặp trời mưa, chúng không ra ngoài được cũng thế.

Lũ hoa rất đỗi bực mình với lũ thằn lằn cùng bày chim. "Chứng tỏ rằng", chúng nhận xét, "Những cái giống vút lên bò xuống ấy nhận thức đến là thô lậu tầm thường. Còn những người có học thường đứng tại một chỗ, giống hệt như chúng ta đây. Đã ai thường nhìn thấy chúng ta nhảy nhảy nhót nhót lên xuống các bức tường hay là phóng như điên qua đám cỏ đuổi theo lũ chuồn chuồn bao giờ chưa; khi muốn thay đổi không khí, chúng ta chỉ cần gọi thợ làm vườn đến, bác này sẽ bê ngay chúng ta sang chỗ khác. Như thế mới là cư xử đoàng hoàng, đúng phép tắc chứ. Nhưng loài chim với thằn lằn thì làm gì có khái niệm về sự tĩnh lặng, loài chim còn thậm chí còn chả có nổi một lãnh địa ổn định nào, chúng chỉ là những kẻ lang thang như dân Gipsy, vì thế cứ là phải đối với chúng như lũ người kia". Thế rồi lũ hoa hếch mũi lên trời, trông đến là kênh kiệu và mừng rơn khi thấy một chú Lùn tí hon rời đám cỏ. Men qua lầu hóng mát, đi về phía lâu đài.

"Cứ phải nhốt gã trong nhà đến hết cái đời hoang dã của gã mới phải", lũ Hoa bảo. "Thử nhìn cái lưng gù với cặp chân cong queo của gã xem", chúng quay ra cười nhạo với nhau.

Nhưng chú Lùn tí hon nào có hay biết gì. Chú yêu bày chim cùng lũ thằn lằn lắm, và coi các bông hoa là thứ tuyệt vời nhất trần gian, dĩ nhiên là trừ nàng Inphanta ra, bởi nàng đã ban tặng chú đóa hồng bạch kiều diễm, và nàng lại yêu chú nữa, đó là một sự khác biệt lớn lắm. Chú mong mình sẽ rời nơi này cùng với nàng! Nàng sẽ đặt chú lên cánh tay phải, sẽ mỉm cười với chú, và chú sẽ chẳng rời nàng đến nửa bước, chú sẽ kết bạn cùng chơi đùa với nàng, sẽ dạy nàng đủ các trò vui nhộn. Dù trước đây chú chưa từng được ở trong một cung điện nhưng chú lại

biết vô khối những thứ kì diệu khác. Chú biết đan những chiếc lồng cói bé xíu đựng những con châu chấu rúc lên ở trong ấy, biết gọt những cây trúc dài nhiều đốt thành ống sáo thổi lên khiến thần Pan[1] cũng phải thích nghe. Chú biết tiếng hót của từng loài chim và có thể gọi chim sáo đá từ trên đỉnh ngọn cây xuống, gọi lũ diệc từ ao hồ vào. Và chú nhận mọi vũ điệu của thiên nhiên hoang dã, vũ khúc điên cuồng trong bộ cánh đỏ rực của mùa thu, vũ khúc tươi vui trên đôi dép xanh của cánh đồng ngũ cốc, vũ khúc trắng xóa những cơn lốc hoa tuyết của mùa đông và vũ khúc bừng nở của mùa xuân tràn qua các vườn rau quả. Chú biết loài bồ câu rừng làm tổ ở nơi đâu, và một lần, khi người thợ săn bẫy mất chim bố mẹ, chú đã tự mình nuôi nấng lũ chim con và làm cho chúng một cái chuồng tí xíu trong kẽ nứt của cây du xém ngọn, lũ chim con rất dạn người, thường mổ thức ăn từ tay chú mỗi buổi sớm mai. Nàng sẽ yêu chúng, những chú thỏ chạy lon ton qua đám dương xỉ dài nghêu, bầy dẻ cùi lông cứng như thép, mỏ đen nhánh, những chú chim có thể cuộn mình lại như một quả cầu gai, những bác rùa to tướng khôn ngoan chậm chạp bò đi, vừa lắc lư đầu, vừa nhấm nháp những búp lá non. Phải, nàng nhất thiết phải vào rừng mà chơi đùa cùng chú. Chú sẽ nhường cho nàng chiếc giường nhỏ xíu của mình, sẽ ngồi canh ngoài cửa sổ đến tận rạng đông để lũ thú hoang có sừng khỏi làm hại nàng, lũ sói ốm đói khỏi lảng vảng quá gần túp lều. Bình minh lên, chú sẽ đập nhẹ vào cửa chớp đánh thức nàng, rồi họ sẽ cùng bước ra nhảy múa bên nhau suốt cả ngày. Ở trong rừng chả hề cô đơn một chút nào. Đôi khi, một vị Giám mục cưỡi la trắng đi ngang qua, cất giọng đọc to một cuốn sách bìa sơn. Có lúc, đám thợ săn chim ưng có mào đậu trên cổ tay. Vào mùa thu hoạch nho, đám thợ đạp nho kéo đến, bàn tay bàn chân tím thẫm, mình quấn dây thường xuân nhẵn bóng, vai vác bầu da đựng rượu nhỏ giọt tong tong, và những tay thợ đốt than suốt đêm ngồi quanh những lò đốt than khổng lồ, canh chừng củi gỗ khúc đang cháy dần và nướng hạt dẻ trong tro nóng rẫy, đám lục lâm cũng rời hang ổ đến góp vui với họ. Một lần chú đã được chứng kiến cả một đám rước lễ linh đình

déo dài quanh co trên con đường bụi mù tới Toledo[2]. Các tu sĩ đi đầu miệng hát ngân nga, vác cờ phướn rực rỡ cùng những cây thánh giá bằng vàng; tiếp sau là các chiến binh mặc áo giáp bạc, vai mang súng và thương, đi giữa họ là ba người chân đất, mặc quần áo màu vàng có những hình vẽ rất đẹp, tay cầm nến cháy sáng. Trong rừng hẳn nhiên có rất nhiều thứ để mà xem, và khi nàng đã thấm mệt, chú sẽ tìm cho nàng một thảm rêu mềm mại, hoặc sẽ bế nàng lên tay, bởi chú khỏe lắm, dù không mấy cao lớn. Chú sẽ sâu cho nàng một chuỗi hạt cườm[3] đỏ thắm, cũng dễ thương hệt như những trái mâm xôi trắng muốt đính trên váy nàng kia, và khi chán rồi nàng có thể quẳng chúng đi, chú sẽ lại kiếm cho nàng những thứ khác. Chú sẽ mang về cho nàng những cốc quả đấu, những túm cỏ chân ngỗng đẫm sương mai và những con đom đóm sáng nhấp nháy như những ngôi sao đậu trên mái tóc vàng nhợt của nàng.

---

[1] *Theo thần thoại Hi Lạp là thần rừng, đồng quê, có đầu, thân người và tai, sừng, chân là dê*

[2] *Một thành phố cổ của Tây Ban Nha*

[3] *Nguyên văn "bryoney" beries- loại cây rừng có quả màu đỏ hoặc màu đen*

Nhưng nàng đâu rồi nhỉ? Chú hỏi bông hồng bạch nhưng nó chẳng trả lời. Cả cung điện như chìm trong giấc điệp, cả những nơi cửa chớp không khép lại, các bức rèm nặng nề cũng buông xuống che kín các cửa sổ để ánh nắng chói ngắt khỏi lọt vào. Chú đi vẩn vơ khắp xung quanh tìm kiếm những chỗ thế nào cũng phải có lối vào, cuối cùng chú nhìn thấy trong một góc khuất có cánh cửa nhỏ đang để ngỏ. Chú lách vào và thấy mình đang đứng trong một sảnh đường lộng lẫy, chú sợ nó còn lộng lẫy hơn ở trong rừng rất nhiều, đâu đâu cũng được mạ vàng, rực cả lên, đến sàn nhà cũng toàn được lát bằng những phiến đá

màu khổng lồ, ghép thành những khối hoa văn đủ mọi hình thù. Nhưng chả thấy nàng Inphanta xinh xắn đâu cả, chỉ có vài pho tượng trắng đẹp tuyệt nhìn xuống chú từ trên các cột đá ngọc thạch với những cặp mắt buồn trống rỗng, những đôi môi mỉm cười lạ lùng.

Cuối sảnh đường rủ xuống một bức màn nhung đen thêu rực rỡ những hình mặt trời với các vì sao, là những biểu tượng Đức Vua rất chuộng, mang màu sắc ngài thích nhất. Hẳn Inphanta đang nấp trong đó? Chú cứ thử nhìn xem.

Thế rồi chú luồn nhẹ qua bức màn. Không có, chỉ là một gian phòng khác, chú nghĩ, mà còn đẹp hơn cả gian sảnh chú đã đi qua. Trên tường treo một tấm thảm xanh dày thêu biết bao nhiêu là hình thù, mô tả một cuộc đi săn, một công trình hơn bảy năm của một số nghệ nhân người Fleming. Nơi đây đã từng là phòng ngủ của Jean loạn trí, một ông vua điên, say mê bắt cuồng nhiệt, đến độ mỗi khi lên cơn, ngài thường làm vẻ tìm cách cưỡi lên những chú ngựa to cao đang lồng lên, tay thì kéo ghì một con thú non đang bị lũ chó săn lộc ngộc nhảy xổ vào, miệng thì rúc tù và đi săn, lại vừa xỉa mũi dao găm vào một con nai nhợt nhạt đang phóng như bay. Hiện giờ nơi đây được dùng làm phòng Hội đồng. Trên mặt chiếc bàn nằm chính giữa phòng có để những chiếc cặp đỏ đựng hồ sơ của các Bộ trưởng, trên có gắn dấu vàng hình hoa uất kim cương, biểu trưng của Tây Ban Nha, và những khí giới cùng các biểu tượng của triều vua Hapsburg[1]

---

[1] *Triều vua đã cai trị nhiều nước ở châu Âu và châu Mỹ hàng trăm năm.*

Chú Lùn kinh ngạc nhìn quanh và ngập ngừng sợ phải đi tiếp. Những tay kị mã im lìm kì lạ đang phi như bay qua mặt đất phẳng xa hun hút mà không hề gây ra một tiếng động kia, với chú thật giống như những bóng ma ghê rợn trong câu chuyện

của các bác thợ đốt than - nhưng *Comprachos*[2], thường chỉ đi bắt mồi vào ban đêm, và nếu gặp ai chúng liền biến người ấy thành hươu để truy đuổi. Nhưng chú liền nghĩ đến nàng Inphanta đáng yêu và lấy lại được ngay can đảm. Chú muốn gặp nàng đang ngồi một mình để bày tỏ cùng nàng lòng yêu thương quá đỗi của chú. Có lẽ nàng đang ở phòng ngủ trong kia.

---

[2] Ý muốn nói những người hành nghề mua và bắt cóc trẻ em (vào thế kỉ 13 – 17) sau đó phẫu thuật cho dị dạng rồi đem bán cho các nhà giàu và các gánh tạp kĩ để làm hề.

Chú chạy qua những tấm thảm Macrôc mềm mại và mở cánh cửa. Không có! Nàng cũng chẳng có ở cả nơi đó. Căn phòng hoàn toàn rỗng không.

Đó là nơi thiết triều, thường tiếp đón các sứ thần nước ngoài, khi Đức Vua chấp nhận những cuộc gặp gỡ riêng - thời gian gần đây trở nên rất hãn hữu - với họ cũng chính tại đây, nhiều năm về trước, phái viên Anh quốc đã có mặt để chuẩn bị hôn lễ giữa nữ hoàng của họ, một trong những vị đế vương tối cao Gia tô giáo ở Châu Âu, với những trưởng nam của Hoàng đế. Trên tường phủ những tấm thảm da Cordovan[1] giát vàng. Một bộ đèn trùm nặng nề ba trăm nến treo dưới trần nhà màu trắng pha đen. Nằm dưới tấm lọng dệt sợi vàng đồ sộ có hình sư tử với những ngọn tháp của pháo đài Castile[2] khảm ngọc trai chính là ngai vàng bọc nhung đen dày, điểm xuyết những bông hoa uất kim cương bạc, viền những dải tua chỉ bạc với ngọc trai rất cầu kì. Trên bậc thứ hai của ngai vàng đặt một chiếc ghế quỳ bọc vải sợi bạc, dành riêng cho nàng Inphanta. Cũng ở bậc thứ hai đó, nhưng nằm bên ngoài lọng che, đặt một chiếc ghế tựa, dành cho Papal Muncio, người duy nhất được quyền ngồi khi có mặt Đức Vua, trong các buổi lễ trọng thể, và chiếc mũ hồng y giáo chủ của ngài với những chùm tua đỏ thẫm, được đặt trên một cái giá

thấp màu tía ở trước mặt. Trên tường, đối diện với ngai vàng, có treo bức chân dung cỡ to như người thật của đức Charles V trong y phục đi săn với chú chó canh tai cụp to lộc ngộc ngồi bên, và bức tranh mô tả đức Philip V[3] tiếp nhận sự thuần phục của các thần dân xứ Hà Lan choán hết phần trung tâm của bức tường tiếp theo. Giữa các cửa sổ đặt một chiếc tủ gỗ mun đen bóng có nhiều ngăn, trên đặt những đĩa tranh khắc bằng ngà, trình bày tác phẩm "vũ điệu của thần chết" của Hobbein[4] nghe nói do chính tay nhà họa sĩ trứ danh khắc họa.

---

[1] Cordovan - một thành phố Tây Ban Nha, thời cổ đại nổi tiếng với nghề kim hoàn và đồ da

[2] Trên quốc huy của Castile (vương quốc Tây Ban Nha) có hình pháo đài, còn trên biểu trưng của Madrid, thành phố chủ chốt của Castile có hình con sư tử có cánh.

[3] Con vua Charles V, vua Tây Ban Nha (1556-1598)

[4] Họa sĩ thiên tài người Đức. Ông có một seri 58 bức vẽ có tên chung là "những hình ảnh của thần chết" (thường được gọi là "vũ điệu của thần chết")

Nhưng chú Lùn tí hon chẳng quan tâm chút nào tới những vật tuyệt tác này. Chú sẽ chẳng đổi đóa hồng bạch của mình lấy dù là toàn bộ số ngọc trai đính trên tấm lọng vàng kia, thậm chí sẽ không đổi dù một cánh hoa lấy cả chính ngai vàng.

Điều chú muốn là được gặp nàng Inphanta trước khi nàng xuống rạp hát để xin nàng ra đi cùng chú khi chú biểu diễn xong. Ở đây, trong hoàng cung này, không khí thật tù hãm và nặng nề, còn ở trong rừng, gió phóng khoáng thổi, nắng trời với những ngón tay vàng phiêu du khẽ lật nghiêng những phiến lá rung rinh. Ở trong rừng kia cũng có hoa, có thể chúng không diễm lệ bằng thứ hoa trong vườn thượng uyển này, nhưng

chúng tỏa hương nồng nàn hơn nhiều; hoa dạ lan hương vào tiết đầu xuân phủ tím những thung lũng se lạnh cùng những quả đồi nhỏ mượt cỏ xanh, hoa anh thảo vàng rực cụm lại thành từng khóm nhỏ xung quanh những lớp rễ sồi sù sì, những mảng hoa dại nhỏ li ti vàng roi rói cùng thủy cự xanh ngăn ngắt, hoa irit màu tím nhạt hay vàng óng. Những chùm hoa xám hình đuôi sóc buông xuống từ các cây phỉ, những bông mạo địa vàng oằn trĩu dưới sức nặng của bầy ong lốm đốm đang hút mật. Cây dẻ đội vành sao hoa trắng muốt, còn cây táo gai thì đã có những vầng trăng xanh xao kiều diễm của mình. Phải, chỉ cần chú tìm ra nàng, nàng nhất định sẽ ra đi! Nàng sẽ đi cùng chú về khu rừng tươi đẹp và chú sẽ nhảy múa suốt ngày mua vui cho nhàng. Những ý nghĩ đó khiến cặp mắt chú sáng lên một nét cười và chú đi tiếp sang gian phòng bên.

Đây là gian phòng lộng lẫy nhất, tráng lệ nhất trong tất cả các gian phòng. Tường phòng bọc lụa đama Lucca[1] màu hoa hồng có thêu hình chim chóc và điểm xuyết những bông hoa bạc xinh xắn, đồ đạc đồ sộ bằng bạc khối được trang hoàng những tràng hoa cầu kì và những thần Cupid đang bay lượn, đằng trước hai lò sưởi lớn là một tấm bình phong rộng thêu hình những chú vẹt và công; sàn nhà lát đá cẩm thạch xanh nước biển tạo cảm giác trải dài ra tít tắp. Chú không chỉ có một mình. Chú nhìn thấy dưới bóng cửa ra vào, tít tận cuối gian phòng một thân hình bé tí đang quan sát chú. Tim chú rung lên, một tiếng kêu vui sướng trượt qua môi chú, chú bước ra chỗ có nắng chiếu. Khi ấy, cái thân hình kia cũng bước ra theo và chú nhìn thấy nó rõ quá.

---

[1] *Lucca- thành phố ở Italia, từ thế kỷ XI đã nổi tiếng về thứ lụa dệt hoa văn đama*

Ôi nàng Inphanta! Đó là một con quái, một con quái kì dị nhất chú chưa từng thấy. Không có hình thù như những con người

khác, mà gù lưng, tay chân cong quèo, cái đầu to tướng ưỡn ra đằng sau với cái túm tóc đen xì. Chú Lùn nhăn nhó, con quái cũng nhăn nhó. Chú cười, và nó cười cùng chú, tay cũng chống nạnh hệt như chú. Chú cúi chào chế nhạo nó, nó cũng khom người đối trả. Chú tiến lên chỗ nó, nó cũng bước tới phía chú và cũng đứng lại khi chú dừng bước. Chú reo lên vui nhộn, chạy về phía trước và giơ tay ra, bàn tay của con quái chạm vào tay chú, lạnh giá như băng.

Chú phát hoảng lia tay sang một bên và cánh tay con quái cũng lia theo. Chú thử ấn chặt lấy nó nhưng có một cái gì trơn và cứng chặn đứng chú lại. gương mặt của con quái giờ đây áp sát vào chú, đầy vẻ khiếp sợ. Chú hất món tóc che mắt ra. Nó nhại chú. Chú đánh nó, nó đánh trả từng cú chẳng kém cạnh. Chú tỏ ra ghê tởm nó, nó liền nhăn mặt gớm ghiếc chú. Chú lùi lại, nó cũng lùi theo luôn.

Cái gì vậy? Chú thoáng nghĩ, và nhìn lại các thứ khác trong phòng. Lạ thật, mọi cái nhìn hình như đều được lặp lại trong cái bức tường như mặt nước trong veo kia. Phải, bức tranh lặp lại bức tranh, tràng kỷ lặp lại tràng kỷ. Thần Faun đang nằm ngủ say trong hốc tường bên lối ra vào có người anh em sinh đôi cũng đang ngủ say sưa, và thần vệ nữ Venus bằng bạc đứng dưới nắng trời cũng đang vươn tay ra với một thần vệ nữ yêu kiều y hệt mình.

Là Tiếng vang ư? Một lần trong thung lũng chú cất tiếng gọi nàng và nàng đáp lại chú ngay, từng lời, từng lời một. Nàng có thể nhại lại bằng mắt, như nàng đã nhại lại bằng giọng ư? Nàng có thể làm ra một thế giới ảo giống y như thế giới thật này sao? Những cái bóng của mọi vật lạ lại có màu sắc, sự sống, có sự chuyển động hay sao? Có thể thế được chăng…?

Chú cử động và rút bông hồng bạch khỏi ngực áo, chú quay lại và hôn lên đóa hoa. Con quái cũng có bông hoa của nó, từng cánh từng cánh y hệt như vậy! Nó hôn lên bông hoa những nụ

hôn yêu dấu và ghì chặt bông hoa vào chỗ trái tim bằng những động tác kinh hoàng.

Khi sự thật lóe sáng, chú tuyệt vọng thét lên hoang rợ và ngã vật ra trong tiếng nức nở. Vậy đó chính là chú, kẻ dị dạng và gù lưng, kẻ nhìn mà phát tởm vì sự xấu xí. Chú chính là một con quái vật, kẻ bị bọn trẻ cười nhạo chính là chú đó, và nàng công chúa bé nhỏ, người chú cứ ngỡ đã yêu chú - chính nàng, đơn thuần cũng chỉ là cười giễu sự xấu xí của chú, và chú vui thú nhìn chân tay cong queo của chú. Sao họ không để lại chú trong rừng, nơi không có tấm gương nói cho chú biết mình gớm ghiếc đến mức nào? Sao cha chú không giết chú đi, còn hơn hổ nhục mà đem bán chú. Những giọt nước mắt nóng hổi tràn trên má chú và chú rứt bông hoa thành từng mảnh. Con quái nằm sõng soài cũng làm hệt như thế, và những cánh hoa mỏng manh bay lả tả trong không trung. Con quái nằm phủ phục dưới nền nhà, và khi chú nhìn nó quan sát chú bằng bộ mặt ủ rũ vì đau khổ. Chú rón rén bỏ đi để khỏi phải nhìn thấy nó và chú đưa tay lên bịt mắt lại. Chú rút vào bóng tối như con thú bị trúng thương và nằm ở đó khóc than.

Đúng lúc ấy nàng Inphanta cùng bầu đoàn bước vào qua cánh cửa mở. Nhìn thấy chú Lùn xấu xí nằm trên nền đất và đang đấm thình thịch đôi tay cong queo xuống sàn nhà với điệu bộ cực kì kì quái cả đoàn reo lên trong tiếng cười vui thích và đứng quây xung quanh mà ngắm chú.

“Chú ta nhảy đã ngộ nghĩnh, nhưng trò diễn này lại càng ngộ nghĩnh hơn nữa. Chú ta đúng là gần giỏi bằng lũ con rối, chỉ có điều trông không tự nhiên bằng”. Nàng Inphanta nói, đoạn phẩy phẩy cánh quạt to tướng và vỗ tay.

Nhưng chú Lùn chẳng ngẩng lên. Tiếng nức nở của chú cứ yếu dần đi, lịm dần, rồi đột nhiên chú giật người lên một cách lạ lùng, tay ghì chặt lấy mạn sườn. Rồi người chú lại rũ xuống, im lìm.

“Tuyệt thật đấy”, nàng Inphanta nói, sau khi ngừng một lát, “còn bây giờ chú phải nhảy múa cho ta xem”.

“Phải đấy”, lũ trẻ cùng reo ầm lên, “ngươi phải dậy và nhảy múa, bởi ngươi tinh khôn như một con khỉ Barbary, và ngộ nghĩnh hơn nhiều”. Nhưng chú Lùn vẫn nằm im lìm.

Nàng Inphanta liền giậm chân và cho gọi ông chú đang tản bộ ngoài hiên bóng mát cùng với ngài Tổng quản và đang đọc bức thông điệp gửi đến từ Mehico, nơi văn phòng giáo hộ vừa mở cách đó ít lâu, “chú Lùn tí hon ngộ nghĩnh của cháu đang hờn. Chú phải lôi nó dậy và bảo nó nhảy múa cho cháu xem.”

Hai người mỉm cười với nhau rồi cũng lững thững đi vào. Don Pedro cúi xuống, vỗ vỗ bàn tay đeo găng thêu vào má chú Lùn. “Mi phải nhảy múa thôi”, ngài phán, “Petit monstre[1]. Công chúa vương quốc Tây Ban Nha muốn được giải trí”.

---

[1] *Tiếng Pháp - có nghĩa là con quái con.*

Nhưng chú Lùn chẳng cựa quậy.

“Cần gọi ngay tên quất roi phạt đến”, Don Pedro uể oải nói, rồi ngài quay trở lại ra hiên hóng mát. Nhưng trông ngài Tổng quản có vẻ nghiêm trọng. Ngài quỳ xuống bên chú Lùn, để tay lên chỗ trái tim chú. Một lát sau ngài nhún vai đứng dậy. Cúi rạp trước nàng Inphanta ngài tâu:

“Mi bella Princessa[2], chú Lùn ngộ nghĩnh của người chẳng còn nhảy múa được nữa rồi. Thật đáng tiếc, xấu xí thế ấy, nó có thể khiến Đức Vua mỉm cười”.

[2] *Tiếng Tây Ban Nha - có nghĩa công chúa kiều diễm của tôi.*

“Nhưng làm sao nó lại không nhảy múa được nữa?” Nàng Inphanta hỏi.

“Bởi nó đã bị vỡ tim rồi ạ”, ngài Tổng quản trả lời.

Nàng Inphanta cau mày, cặp môi đỏ tựa cánh hồng nhỏ xinh cong lên vẻ khinh khi một cách dễ thương. “Sau này chỉ cho phép những ai không có tim đến chơi cùng ta”, nàng hét lên và chạy như bay ra vườn.

CHÚ BÉ SAO BĂNG

Có lần, từ một thủa xa xưa, hai bác Tiều Phu nghèo đi xuyên qua một cánh rừng thông bạt ngàn trở về nhà. Lúc đó đang là mùa đông và là một đêm giá rét căm căm. Tuyết phủ đầy mặt đất, phủ dày trên các cành cây: Những nhánh cành đóng băng lóe sáng suốt hai bên đường đi. Khi họ đi ngang qua thác nước Mountain, nó đứng im lìm đóng băng trong không trung bởi được phủ những nụ hôn của thần băng giá.

Trời rét thấu xương kiến lũ cầm thú trong rừng không biết lẩn trốn đi đâu.

“U!” Con Sói gầm gừ, quặc đuôi vào giữa hai chân sau nó tập tễnh lê bước qua đám cành cây gãy. “Thời tiết quái quỷ thật. Sao chính phủ không quan tâm đến vấn đề này nhỉ?”

“Tuýt! Tuýt! Tuýt!” Một chú Sẻ Lanh Xanh đùa, “bà đất già vừa từ trần và được liệm trong một tấm vải liệm trắng toát”.

“Bà đất sắp lấy chồng thì có, và đây chính là bộ áo cưới của bà ấy”, một cặp Cu gáy thủ thỉ với nhau, đôi chân son tí xíu của chúng tê cóng, nhưng chúng vẫn thấy bổn phận mình phải có một cách nhìn lãng mạn đối với hoàn cảnh.

“Vớ vẩn!” Con Sói lẩm bẩm: “Ta bảo các ngươi đây hoàn toàn là lỗi tại Chính phủ. Nếu các ngươi không tin, ta sẽ làm thịt các ngươi”.

Đầu óc con Sói lúc nào mà chẳng thực dụng, nó không bao giờ bị rối trí khi cần phải tìm ra một lí lẽ thích đáng.

“Về phần tôi ấy à”, chim Gõ kiến, bẩm sinh đã là một nhà triết học góp lời: “Tôi không quan tâm đến một thuyết nguyên tử cho những lời giải thích. Nếu sự vật là như thế, tức là nó thế, và hiện thời, trời đang rét kinh người lên được.”

Thì đúng là trời đang rét kinh người lên rồi! Những chú Sóc nhỏ trú trong lòng một cây thông cao nhất đang cọ mũi vào nhau cho ấm người lên, còn các chú thỏ thì nằm co quắp trong hang, không giám cả hé mắt nhìn qua kẽ cửa ra ngoài trời. Chỉ có mấy gã cú mèo to đùng là thấy vui thích được thôi. Lông của chúng cứng đơ lại vì sương muối chúng cũng chẳng bận tâm, chỉ mải lúng liếng những con mắt vàng khè và gọi nhau oang oác vang động cả cánh rừng, “Tu- uyt! Tu-hu! Tu-uyt! Tu-hu! Chúng ta được hưởng thời tiết đẹp quá!

Hai bác Tiều Phu vẫn mải miết bước đi, vừa thổi phù phù lên các đầu ngón tay, vừa nện đôi ủng to sù đế đóng cá sắt xuống mặt băng lạnh cứng. Có lúc họ bị thụt xuống một hố tuyết, khi ngoi lên được thì toàn thân trắng xóa như những tay thợ đứng bên cối xay bột; lúc lại bị trượt chân gã nhào trên mặt trơn cứng của nước đầm lầy đóng băng, những bó củi bung ra, họ lại phải thu nhặt rồi bó lại. Có lúc họ cứ ngỡ mình đã đi lạc đường và thấy sợ hãi rụng rời vì họ biết bà Chúa Tuyết tàn ác vô cùng với những ai ngủ lịm đi trong vòng tay của bà. Nhưng họ một lòng tin vào vị phúc thánh Martin, luôn che chở cho các lữ khách, thế là họ liền quay về lối cũ và thận trọng dò từng bước. Cuối cùng họ cũng ra được ngoài bìa rừng và nhìn thấy ở xa xa nơi thung lũng bên dưới họ, ánh sáng của ngôi làng thân quen.

Xiết bao vui mừng vì đã thoát được nạn, họ cười vang và trái đất hiện ra như một đóa hoa bạc, còn mặt trăng tựa như một đóa hoa bằng vàng trong mắt họ.

Cười chán, họ lại thấy buồn, bởi trạnh nhớ tới cảnh nghèo túng ở nhà. Rồi người nọ bảo người kia: “Làm sao bọn mình lại vui vẻ được nhỉ, bởi cuộc sống kia là dành cho những kẻ giàu sang chứ

đâu phải cho cánh nghèo chúng mình! Thà mình cứ chết cóng trong rừng, hay lũ thú dữ cứ ăn thịt quách mình đi lại còn hơn."

"Đúng vậy", người kia đồng tình, "kẻ thì mâm cao cỗ đầy, người lại chỉ rặt cơm hẩm cháo hoa. Bất công đã cắt vụn cả trái đất này, nhưng có cái gì được phân chia đồng đều đâu, kể cả nỗi đau khổ."

Trong lúc họ đang than khổ với nhau, một sự kì lạ xảy ra. Một ngôi sao xinh đẹp sáng long lanh sa xuống bên trời. Nó lướt qua các ngôi sao khác trượt xuống chân trời. Họ sững sờ nhìn theo và thấy ngôi sao nọ dường như lặn mất tăm sau một bụi liễu mọc bên bãi nhốt cừu cách chỗ họ chừng một tầm ném đá.

"Này! Ai tìm thấy nó khéo được cả một hũ vàng đấy nhé", họ reo lên và vùng chạy, những mong kiếm được hũ vàng.

Một người chạy nhanh hơn, vượt lên trước người kia, rồi xông qua bên kia bụi liễu, và kia, đúng là có một vật vàng vàng nằm trên mặt tuyết trắng phau. Bác lao vội đến bên vật nọ, cúi xuống và ấp cả hai tay lên nó, đó là một chiếc áo choàng dệt bằng chỉ vàng, có thêu những ngôi sao rất lạ, được quấn lại thành nhiều lớp. Bác gọi báo với người bạn kia, rằng mình đã tìm thấy vật báu từ trên trời rơi xuống. Khi người bạn chạy đến nơi cả hai ngồi phệt xuống mặt tuyết, lần lượt giở từng lớp quấn của chiếc áo choàng ra, tìm lấy vàng chia nhau. Nhưng than ôi! Vàng bạc chẳng thấy đâu, vật báu cũng không có, chỉ thấy một đứa hài nhi đang nằm ngủ say sưa.

Người nọ bảo người kia: "Một kết cục quá cay đắng cho niềm hi vọng của chúng ta. Làm gì có của báu nào cho chúng ta. Một hài nhi thì đem lại được lợi lộc gì? Thôi thì cứ mặc nó ở đây, đường ta ta về. Cánh nghèo ta cũng đầy con cái ra kia kìa, làm sao nỡ bớt phần cơm của chúng mà nuôi con nhà người".

Nhưng người kia trả lời: "Ấy chớ, để mặc đứa bé chết trong tuyết lạnh thì nhẫn tâm quá. Tôi cũng cực như bác, cũng có ối miệng

ăn phải nuôi, thức ăn cũng chẳng còn là bao, nhưng thôi, tôi cứ mang nó về. Vợ tôi sẽ chăm sóc cho nó".

Rồi bác nhẹ nhàng bế đứa bé lên, quấn kĩ nó trong chiếc áo choàng để nó khỏi bị cóng, rồi bác đi xuống chân đồi, về phía ngôi làng để mặc người bạn đang sững sờ vì mủi lòng dại dột của bác.

Về đến làng, người bạn bảo với bác: "Bác có đứa trẻ rồi thì phần tôi chiếc áo choàng này nhé, phải chia nhau thế mới hợp lí chứ".

Nhưng bác trả lời ông bạn kia: "Không được, bởi chiếc áo choàng không phải của tôi, cũng chẳng phải của bác nó là của đứa bé này". Chúc người bạn may mắn rồi bác đi về phía nhà mình và gõ cửa.

Người vợ mở cửa, thấy bác trở về nguyên lành, bèn ôm choàng lấy bác, hôn bác, gỡ bó củi trên lưng rũ tuyết khỏi ủng bác rồi chúc mừng bác đã trở về.

Bác Tiều Phu mới bảo người vợ: "Tôi tìm thấy cái này trong rừng, đành đem về cho mình lo liệu đây". Và bác vẫn không rời ngưỡng cửa.

"Cái gì vậy? Người vợ reo lên: "Đưa tôi xem nào, nhà cửa còn rỗng tuếnh rỗng toàng, chúng ta còn cần nhiều đồ lắm". Bác Tiều Phu lật tấm áo choàng ra cho bác gái thấy đứa bé đang ngủ.

"Ôi trời, ông này tốt ghê!" Bác gái lẩm bẩm: "Chúng mình còn chưa có đủ con hay sao mà mình còn ôm thêm đứa bé tội nợ này về. Ai biết nó có đem tai vạ cho mình không? Với lại, mình làm sao nuôi nổi nó đây?" Bác thấy giận chồng mình quá.

"Nhưng đây là một đứa bé Sao băng", bác trai nói, và bác kể lại cho vợ nghe chuyện mình đã tìm thấy đứa bé một cách lạ lùng như thế nào.

Nhưng vợ bác vẫn không nguôi giận, vẫn cạnh khóe, tức tối trách móc, thậm chí còn hét om lên: “Con cái mình còn đang không có gì mà cho vào bụng kia, mình lại còn muốn nuôi con nhà người?

Có ai ngó ngàng đến chúng ta không? Có ai cho chúng ta cái ăn không?”

“Đến lũ chim sẻ cũng còn được Chúa để mắt, cho cái ăn đó thôi”. Bác trai biện bạch.

“Lũ sẻ chẳng đói chết lăn vào mùa đông sao?” Vợ bác căn vặn: “Có phải bây giờ đang là mùa đông hay không?” Bác trai chẳng biết ăn nói ra sao, đành cứ đứng trơ ra bên bậu cửa.

Một luồng gió buốt cóng từ cánh rừng thốc qua cánh cửa mở khiến bác gái run lên, bác rùng mình, bảo với chồng: “Sao mình không đóng cửa lại? Gió thổi vào nhà làm tôi chết cóng rồi đây này”.

“Gió bấc vẫn thổi vào những ngôi nhà có trái tim lạnh lùng, phải không nhỉ?” Bác Tiều phu hỏi. Vợ bác chẳng biết đối đáp ra sao, chỉ bẽn lẽn lại gần lò sưởi hơn.

Một lát sau bác gái ngoảnh lại nhìn chồng cặp mắt ướt đẫm. Bác Tiều Phu bước nhanh lại gần vợ, đặt đứa trẻ vào tay bác, bác hôn lên nó rồi đặt nó lên một chiếc giường nhỏ, nơi đứa con út của họ đang nằm. Sáng hôm sau, bác Tiều Phu cầm lấy chiếc áo choàng kì lạ dệt chỉ vàng, cất nó vào chiếc rương lớn, chuỗi hạt hổ phách đeo ở cổ đứa bé, bác gái cũng tháo ra để vào trong rương.

Đứa trẻ Sao băng lớn lên cùng bày con nhà bác Tiều Phu, ăn cùng mâm chơi đùa nghịch ngợm cùng với chúng. Càng ngày nó càng trở nên xinh đẹp, khiến dân làng ai ai cũng ngạc nhiên, bởi lẽ trong khi họ đều da ngăm đen, tóc đen thì một mình nó trắng trẻo, duyên dáng, như tạc bằng ngà voi với những món tóc xoăn

giống hệt những tràng hoa thủy tiên. Cặp môi nó tựa đôi cánh hồng nhung, còn cặp mắt thì như hai đóa Violet soi mình bên dòng nước trong veo. Thân hình nó như một cây thủy tiên trên đồng cỏ chưa từng biết đến máy cắt cỏ là gì.

Tuy xinh đẹp nhưng nó lại đến là xấu tính. Càng lớn nó càng kiêu ngạo, tàn nhẫn và ích kỉ. Nó khinh bỉ lũ con nhà bác Tiều Phu cùng tất cả bọn trẻ con trong làng, bảo rằng chúng thân phận thấp hèn, còn nó mới thuộc về một giòng dõi cao sang, bay xuống từ một ngôi sao. Nó tự cho mình là ông chủ, còn gọi tất cả lũ kia là nô lệ. Nó không mảy may thương xót những người nghèo khổ, những kẻ mù lòa, những người tàn tật hay những ai đau yếu; nó chuyên ném đá vào họ, tống họ ra đường, xua họ đến nơi khác mà ăn xin, khiến cho chẳng một kẻ ăn mày nào, ngoài lũ trộm cướp giám mò vào làng lần thứ hai để xin bố thí. Nó quả là một đứa trẻ chỉ biết tôn sùng có mỗi sắc đẹp, nó chế giễu tất cả những ai xấu xí, yếu ớt và thường cười nhạo họ; nó chỉ yêu có bản thân, mùa hè, khi trời lặng gió, nó thường nằm dài bên giếng nước trong vườn nhà ông mục sư, rồi soi mình lên giếng ngắm nghía khuôn mặt mình và ngồi mãn nguyện bởi vẻ xinh đẹp của mình.

Vợ chồng bác Tiều Phu thường trách mắng nó, họ bảo: “Chúng ta chẳng bao giờ đối xử với con như con đã đối xử với những kẻ cầu bơ, chẳng có ai giúp đỡ. Vậy sao con lại nỡ nhẫn tâm với những kẻ cần đến lòng xót thương như vậy?” Vị mục sư già cũng thường gọi nó đến, cố dạy cho nó biết yêu thương các vật sống, bằng cách bảo với nó rằng: “Con ruồi kia cũng là anh em của con. Đừng làm hại nó. Bầy chim rừng bay lượn qua cánh rừng kia cũng có tự do riêng của chúng. Đừng bẫy bắt chúng vì ý thích của con. Chúa tạo ra loài giun mù lòa, rồi loài chuột chũi, mỗi loài đều có một chốn riêng để nương thân. Con là ai mà giám đem đau khổ đến nước của Chúa? Ngay đến gia súc trên đồng cũng còn biết ngợi ca Người”.

Nhưng chú bé Sao Băng để ngoài tai những lời của họ, nó thường phớt lờ, nhăn nhó quay về chỗ lũ bạn bè để tiếp tục làm đầu trò cho chúng. Lũ bạn nghe theo nó bởi nó xinh đẹp, lanh chân, biết nhảy múa, thổi tiêu và chơi nhạc. Chú bé Sao Băng bảo chúng đi đâu thì chúng cũng theo lệnh, cho chúng làm gì chúng làm nấy. Khi nó chọc kim nhọn vào con mắt lờ đờ của con chuột chuỗi, chúng cười; khi nó ném đá vào người hủi, chúng cũng cười nó điều khiển chúng trong mọi thứ và chúng cũng trở nên nhẫn tâm như nó vậy.

Một hôm có một bà ăn mày nghèo khổ đi qua làng. Quần áo bà sờn cũ rách nát, bàn chân bà tươm máu vì những con đường đá lởm chởm bà đã đi qua, trông bà thật là tang thương. Sức đã kiệt, bà liền ngồi xuống một gốc cây để nghỉ lấy hơi.

Khi chú bé Sao Băng nhìn thấy bà, nó bảo với đám bạn bè: “Nhìn kìa, một mụ ăn mày bẩn thỉu mà lại ngồi dưới một cây xanh tươi đẹp. Chúng ta hãy lại đó đuổi cổ mụ đi, bởi mụ thật là xấu xí gớm ghiếc.”

Rồi nó lại gần, ném đá vào bà ăn mày. Bà ta khiếp sợ, nhưng không nhúc nhích, mà vẫn cứ nhìn nó chăm chăm. Bác Tiều Phu, đang xẻ gỗ đến mệt lử, trông thấy hành động của thằng bé, bác liền chạy lại mắng nó: “Mày thật nhẫn tâm, chẳng biết thương xót là gì. Người đàn bà khốn khổ này làm gì mày mà mãy nỡ đối xử với bà ấy như thế hả?”

Thằng bé nổi cáu đỏ mặt tía tai, giậm chân thình thịch và bảo: “Ông là ai mà giám đòi tôi phải làm gì? Tôi không phải là con ông mà phải làm theo lệnh của ông”.

“Mày nói đúng đấy”, bác Tiều Phu nói: “Nhưng tao vẫn thương hại mày khi tìm thấy mày ở trong rừng”.

Nghe thấy những lời ấy người đàn bà thét lên một tiếng và ngất xỉu đi. Bác Tiều Phu liền đưa bà về nhà mình để vợ chăm sóc cho

bà. Khi bà tỉnh lại, họ mang thịt và đồ uống ra, bắt bà phải ăn cho lại sức.

Nhưng bà không ăn không uống, chỉ hỏi bác Tiều Phu: "Có phải bác bảo rằng bác tìm thấy đứa bé ở trong rừng đấy không? Và vào cái ngày cách đây mười năm rồi không?"

Bác Tiều Phu trả lời bà: "Đúng đấy, chính là ở trong rừng tôi đã tìm thấy nó?" Bà kêu lên: "Có phải trên cổ nó đeo một chuỗi hạt hổ phách hay không? Một chiếc áo choàng dệt chỉ vàng thêu hình những ngôi sao bọc nó có phải không?"

"Đúng rồi", bác Tiều Phu khẳng định "đúng y như lời bà nói". Và bác lấy chiếc áo cùng chuỗi hạt từ trong chiếc rương ra và đưa chúng cho bà.

Nhìn thấy những vật ấy, người đàn bà bật khóc vì sung sướng, bà nói: "Nó chính là đứa con trai bé bỏng tôi đã để lạc trong rừng. Bác hãy mau mau gọi nó giùm tôi với, tôi đã lang thang khắp thế gian này để tìm nó đấy".

Thế là hai vợ chồng bác Tiều Phu vội ra ngoài gọi chú bé Sao Băng về, họ bảo: "Vào nhà đi con, mẹ đẻ con đang đợi con trong ấy".

Chú bé chạy vào vô cùng ngạc nhiên và hoan hỉ. Nhưng khi nhìn thấy người ngồi đó, nó cười khẩy và nói: "Sao, mẹ tôi đâu nào? Tôi có thấy ai ngoài mụ ăn mày ghê tởm kia".

Người đàn bà đáp: "Ta chính là mẹ của con".

"Mụ điên hay sao mà nói thế", thằng bé quát lên giận giữ. "Tôi không là con cái gì của mụ, bởi mụ là một mụ ăn mày, lại còn xấu xí, lại còn rách rưới. Hãy cút khỏi đây ngay, đừng bao giờ để tôi còn phải trông lại bộ mặt bẩn thỉu của mụ nữa nhé."

“Không, con đúng là đứa con trai bé bỏng ta đã mang qua rừng”, bà ăn mày kêu lên, bà quỳ xuống, chìa hai tay về phía nó, “bọn cướp đã bắt con và muốn bỏ chết con”, bà lẩm bẩm, “nhưng ta đã nhận ngay ra con khi vừa thấy con, và ta nhận ra cả những đồ vật, chiếc áo chỉ vàng với chuỗi hạt hổ phách. Con ơi, xin con hãy lại đây với ta. Ta đã đi khắp thế gian này tìm con, ta cần đến tình yêu thương của con biết nhường nào”.

Nhưng thằng bé chẳng nhúc nhích, nó đã đóng sập cửa lòng trước mặt người mẹ, chẳng nghe thấy gì trong tiếng nức nở đau đớn của bà.

Cuối cùng nó bảo với bà, giọng lạnh lùng và cay đắng: “Nếu quả bà là mẹ tôi đi chẳng nữa, thì tốt hơn hết lẽ ra bà đừng đến đây làm tôi phải xấu hổ, bởi tôi cứ nghĩ mình là con của một vì tinh tú, chứ không phải là con của một mụ ăn mày như bà vừa bảo với tôi. Vậy nên bà hãy đi ngay khỏi đây đi, đừng để tôi phải nhìn thấy bà lần nữa”.

“Chao ôi! Con trai của ta”, bà kêu lên: “Con không hôn mẹ trước khi mẹ ra đi sao? Mẹ đã phải chịu bao cay đắng trên đường tìm con”.

“Không”, thằng bé nói: “Nhìn bà đến là gớm ghiếc, thà tôi hôn con rắn lục hay là con cóc còn hơn là hôn bà”.

Thế là người đàn bà đứng lên, nức nở cay đắng, bà đi về phía cánh rừng. Thấy bà đi rồi thằng bé Sao Băng mừng rơn, chạy ngay trở lại chơi tiếp với lũ bạn bè.

Nhưng vừa thấy nó lại gần lũ bạn đã cười giễu nó: “Nhìn kìa, trông mày gớm ghiếc như một con cóc, đáng tởm như một con rắn. Hãy cút khỏi đây ngay, chúng tao không thèm chơi với loại mày”, và chúng đuổi thằng bé khỏi khu vườn.

Thằng bé ỉu xìu tự nhủ: “Chúng nói gì với ta vậy? Thôi ta ra giếng nước soi mình nó sẽ cho ta hay ta đẹp đến nhường nào”.

Rồi nó đi đến giếng nước, soi mình xuống đó, và kìa! Mặt nó giống hệt mặt cóc, còn người nó mọc đầy vẩy như một con rắn lục. Nó gieo mình xuống cỏ và khóc nức nở, lòng tự nhủ: "Điều này xảy đến với ta hẳn là do tội lỗi của ta đây, bởi ta đã chối bỏ mẹ, đuổi mẹ đi, đã kiêu căng tàn nhẫn với mẹ đấy mà. Ta sẽ đi tìm mẹ, dù phải lang thang khắp thế gian này, sẽ không dừng chân nếu chưa tìm thấy mẹ ta".

Đứa con gái nhỏ của bác Tiều Phu đến bên chú bé, đặt tay lên vai chú bảo: "Anh không còn đẹp nữa cũng chẳng sao. Hãy ở lại đây với cả nhà, em sẽ không cười anh đâu."

Nhưng chú bé nói với cô bé: "Không được đâu, anh đã nhẫn tâm với mẹ đẻ ra mình, vẻ gớm ghiếc này chính là sự trừng phạt giáng xuống anh đấy. Anh phải đi đây, đi khắp thế gian tìm mẹ, xin mẹ tha thứ cho anh".

Rồi chú chạy vội vào rừng, kêu gọi mẹ đến với chú, nhưng không hề có tiếng đáp lại. Chú gọi mẹ suốt một ngày, đến khi mặt trời lặn, chú nằm ngủ ngay trên lớp lá rừng. Lũ chim chóc cùng thú rừng chạy chốn trú bởi chúng nhớ đến tính hung tợn của chú. Chú nằm trơ một mình, chỉ có lũ cóc trố mắt nhìn chú với lũ rắn lục bò ngang qua.

Sáng sớm chú thức dậy và hái dăm trái dâu rừng đắng chát cầm hơi, rồi chú đi xuyên qua một cánh rừng rộng mênh mông, vừa khóc sụt sùi. Gặp vật gì chú cũng hỏi xem tình cờ có gặp mẹ chú hay không.

Chú bảo với con Chuột Chũi: "Mi chui được xuống lòng đất. Hãy cho ta biết mẹ ta có ở đó không?"

Chuột chũi đáp lời chú: "Cậu chọc mù mắt tôi rồi, làm sao tôi nhìn thấy được gì?"

Chú lại hỏi Sẻ Lanh: "Mi có thể bay tít ở trên ngọn cây cao kia và nhìn thấy cả thế gian. Hãy nói ta hay, mi có nhìn thấy mẹ ta

không?”

Con sẻ lanh trả lời chú: “Cậu đã xén cụt cánh tôi cho bõ thích. Làm sao tôi còn bay được nữa?”

Chú hỏi cả con Sóc nhỏ xíu sống côi cút ở trên cây thông: “Mẹ của ta đâu?”

Con Sóc bảo: “Cậu đã giết mẹ tôi rồi. Có phải cậu cũng muốn giết cả mẹ mình nữa không?”

Chú bé Sao Băng khóc nức nở, cúi gục đầu, chú cầu xin các sinh linh của Chúa tha thứ cho chú, rồi chú lại đi tiếp, xuyên qua cánh rừng tìm kiếm người đàn bà ăn xin đó. Đến ngày thứ ba chú đã qua được bìa rừng bên kia, đi xuống một vùng đồng bằng.

Khi chú đi qua các làng, lũ trẻ con cười nhạo chú, ném đá vào chú, những chủ nhà thô thiển thậm chí còn không muốn cho chú ngủ nhờ trong chuồng bò vì sợ chú làm mốc số ngũ cốc dữ trữ của họ. Nhìn chú mới xấu xí làm sao, đến những người làm mướn của họ cũng đuổi chú quầy quậy, chẳng có lấy một ai tỏ ý xót thương chú. Chú chẳng biết được gì về bà ăn mày mẹ chú, mặc dù suốt ba năm trời đằng đẵng lăng thang khắp thiên hạ, chú tưởng như luôn nhìn thấy bà trên đường, ngay trước mặt mình, rồi chú gọi bà, chạy đuổi theo bà cho đến khi những viên đá lởm chởm nóng rẫy đâm chân chú đến tứa máu. Nhưng chú không sao đuổi kịp bà. Dân sống hai bên đường một mực rằng chẳng nhìn thấy bà hoặc gặp ai đó giông giống bà, họ lại cười cợt nỗi đau của chú.

Suốt ba năm trời chú lang thang trong dương gian, nhưng chẳng ở đâu có một chút tình thương hay một cái gì na ná như thế, chẳng hề có một nhân gian đối xử với chú giống như ngày xưa chú đã kiêu căng, hợm hĩnh đối xử với mọi người.

Một chiều, chú đến chân cổng một kinh thành có tường bao vững chắc, nằm bên một con sông. Dù đã kiệt, chân đau rát, chú vẫn gắng lê vào trong thành. Nhưng những gã lính gác hạ thương chắn lối, cộc cằn cất tiếng hỏi chú: “Ngươi vào thành làm gì?”

“Tôi đi tìm mẹ tôi”, chú trả lời,:“Cầu xin các ông cho tôi đi qua, có khi mẹ tôi đang ở trong thành đó”.

Nhưng họ chế nạo chú. Một gã trong bọn chúng vuốt bộ râu đen sì, hạ tấm khiên xuống và quát: “Nói thật chứ mẹ mi chả sướng gì nếu thấy mi, vì mi còn xấu xí hơn một con cóc, gớm ghiếc hơn cả một con rắn bò trong khu đầm lầy. Cút đi, cút đi. Mẹ mi không có ở trong thành này”.

Một gã lính khác, tay cầm một cây cờ vàng, bảo với chú, “mẹ mi là ai? Làm sao mi lại đi tìm bà ta?”

Chú đáp: “Mẹ tôi cũng là ăn mày như tôi, tôi đã rất hỗn với bà, cầu xin các ông cho tôi qua, vì nếu bà đang ở đây, may ra bà sẽ rủ lòng mà sá tội cho tôi chăng.”

Nhưng họ không chịu, lại còn chọc mũi giáo vào người chú.

Khi chú sụt sùi khóc và bỏ đi thì một người tiến lại. Người này mặc áo giáp có dát những bông hoa bằng vàng, trên mũ sắt có gắn một hình sư tử có cánh. Ông ta hỏi những gã lính, ai vừa xin qua cổng thành. Họ thưa lại với ông, “đó là một thằng nhóc ăn xin, con của một mụ ăn xin. Chúng tôi đã đuổi cổ nó đi rồi.”

“Ấy đừng”, ông ta cười và quát lên: “Chúng ta sẽ bán đồ xấu xí ấy làm nô lệ, với giá một cốc rượu vang ngọt”.

Vừa lúc có một lão già mặt mũi gớm ghiếc đi ngang qua. Lão nói: “Tôi sẽ mua thằng nhóc với giá ấy”, trả tiền xong, lão nắm tay lấy chú bé Sao Băng và dẫn chú vào kinh thành.

Sau khi đi qua rất nhiều dãy phố, họ đến trước một cánh cửa nhỏ trổ vào bức tường nằm dưới tán một cây lựu. Lão già chạm chiếc nhẫn ngọc thạch vào cánh cửa, nó lập tức mở ra, họ bước năm bậc thang đồng xuống một khu vườn mọc đầy những cây thuốc phiện đen và có những chiếc hũ sành màu xanh. Lão già rút một chiếc khăn lụa thêu hoa văn giắt trong vành khăn xếp của lão ra, bịt mắt chú bé và đẩy chú bé về phía trước lão. Khi chiếc khăn bịt mắt được tháo ra, chú thấy mình đang đứng trong một hầm ngục được chiếu sáng bởi một chiếc đèn lồng bằng sừng.

Lão ta đặt trước mặt chú bé Sao Băng một ít bánh đã mốc, đựng trong một chiếc bát gỗ và bảo: "Ăn đi", và một cốc nước mằn mặn và bảo: "Uống đi". Khi chú bé ăn uống xong, lão già đi ra và đóng cửa lại còn khoác thêm một sợi xích sắt cho chắc. Lão già chính hiệu là một Thày pháp cao tay của xứ Libi, đã từng theo học pháp thuật của các Thày pháp trú ngụ trong các khu hầm ở vùng sông Nin. Ngày hôm sau, lão vào chỗ chú bé Sao Băng, cau cau nhìn chú và bảo: "Trong khu rừng mé bên trái cổng thành của cái kinh thành dị giáo này có ba đồng tiền vàng. Một đồng trắng, một đồng vàng, một đồng đỏ. Hôm nay ngươi hãy lấy về cho ta đồng trắng, nếu ngươi không đem được nó về, ta sẽ quất cho ngươi một trăm roi. Biến nhanh đi, đúng lúc mặt trời lặn ta sẽ chờ ngươi bên cửa vườn. Nhớ mà đem đồng vàng trắng về, không ngươi sẽ ốm đòn đấy, vì ngươi là nộ lệ của ta, ta đã mua ngươi với giá một cốc vang ngọt". Lão bịt mắt chú bé bằng chiếc khăn lụa có hoa văn và dẫn chú đi xuyên qua ngôi nhà, qua vườn thuốc phiện, leo lên năm bậc thang bằng đồng, dùng chiếc nhẫn mở cánh cửa nhỏ rồi đẩy chú bé ra ngoài đường.

Thế là chú bé Sao Băng đi ra cổng thành, đến khu rừng lão thày pháp đã dặn chú.

Lúc này, nhìn từ ngoài khu rừng có vẻ rất đẹp, tràn ngập tiếng chim với các loài hoa tỏa hương ngào ngạt khiến chú bé Sao Băng vui vẻ mà bước vào. Nhưng hóa ra, khu vườn không hề có

một chút thiện nào, vì bước chân vào đâu chú cũng bị đám hồng dại lởm chởm cùng những bụi gai chĩa lên tua tủa từ mặt đất vây bọc, lũ tầm ma độc ác thì châm chích, ả kế gai thì đâm nhoi nhỏ khiến chú vô cùng đau đớn và buồn tủi. Chú chẳng tìm đâu cho ra đồng vàng trắng mà lão thầy pháp đã dặn, dù chúng lùng kiếm nó suốt từ trưa đến chiều tối. Hoàng hôn buông, chú đành sụt sùi quay trở về, vì chú biết điều gì đang chờ chú ở nơi đó.

Nhưng khi vừa ra tới bìa rừng, chú bỗng nghe thấy tiếng kêu đau đớn của ai đó phát ra, từ một bụi cây nhỏ rậm rạp. Tạm quên nỗi khốn đốn của mình, chú chạy lại chỗ bụi cây và nhìn thấy một chú Thỏ non đang bị sập trong bẫy của thợ săn.

Chú bé Sao Băng mủi lòng, gỡ Thỏ con ra khỏi bẫy, và bảo với nó: “Ta chỉ là một tên nô lệ nhưng ta vẫn có thể trả lại được tự do cho em.”

Thỏ con đáp rằng: “Đúng là anh đã trả tự do cho em, để đền đáp, em sẽ làm gì được cho anh đây?”

Chú bé Sao Băng bảo nó: “Ta đang tìm một đồng vàng trắng mà không thấy. Nếu ta không tìm được nó, ông chủ của ta sẽ đánh ta”.

“Hãy đi theo em” Thỏ con bảo: “Em sẽ dẫn anh đến chỗ đồng tiền vì em biết nó được giấu ở chỗ nào và vì mục đích gì”.

Thế là chú bé Sao Băng đi theo Thỏ con và kìa! Trong kẽ nứt của cây sồi đại thụ, chú nhìn thấy đồng vàng trắng chú đang tìm. Mừng quá, chú chộp lấy đồng vàng và bảo với Thỏ con, “một việc ta làm cho em, em đã đền đáp lại hơn rất nhiều nhiều lần, tấm lòng tốt của ta đối với em, em cũng đã đền đáp lại gấp trăm lần.”

“Không đâu”, Thỏ con trả lời: “Anh đối với em thế nào, em cũng đối lại như thế ấy mà thôi”, rồi nó phóng vụt đi, còn chú bé Sao Băng thì đi vào trong thành.

Lúc này ngồi bên cổng thành là một người hủi. Mặt y đeo một chiếc mũ trùm vải lanh xám, qua lỗ khoét ở mũ, hai con mắt y lóe rực như hai hòn than hồng. Trông thấy chú bé Sao Băng đi tới, y đạp chân lên chiếc bát gỗ, rung chuông leng keng gọi chú và bảo: “Hãy bố thí cho tôi một xu, không tôi đến chết đói mất. Người ta xua đuổi tôi khỏi kinh thành, chả ai đoái thương tôi cả.”

“Hỡi ơi! Chú bé Sao Băng kêu lên: “Tôi chỉ có một đồng tiền trong túi. Nếu tôi không đem được nó về cho ông chủ tôi, ông ấy sẽ đánh đập tôi, vì tôi là nô lệ của ông ấy”.

Nhưng người hủi cứ nằn nì cầu xin, khiến chú mủi lòng mà đem cho y đồng vàng trắng nọ.

Khi chú bé về tới chỗ lão Thày pháp, lão mở cửa, lôi chú vào trong nhà và hỏi: “Ngươi có lấy được đồng vàng trắng không đấy?” Chú bé Sao Băng liền trả lời: “Cháu không tìm thấy thế là lão lao đến đánh đập chú, rồi đặt trước mặt chú một chiếc mâm gỗ trống trơn và bảo “ăn đi”, đặt một chiếc cốc rỗng và bảo “uống đi” xong rồi lão quẳng chú vào lại hầm ngục.

Ngày hôm sau, lão Thày pháp vào chỗ chú bé Sao Băng và bảo: “Nếu hôm nay ngươi không mang được về cho ta đồng tiền vàng, ta nhất định sẽ giữ ngươi lại làm nô lệ và nện cho ngươi ba trăm roi”.

Thế là chú bé Sao Băng đi vào trong rừng. Suốt ngày chú tìm kiếm đồng tiền vàng mà chẳng thấy nó ở đâu hết. Mặt trời lặn, chú ngồi xuống và cất tiếng than khóc. Vừa lúc ấy, Thỏ con được chú gỡ khỏi bẫy chạy lại chỗ chú.

Thỏ con hỏi: “Tại sao anh khóc? Anh tìm gì ở trong rừng này?”

Chú bé Sao Băng bèn đáp: “Ta tìm đồng tiền vàng giấu ở quanh đây, nếu ta không tìm được nó, ông chủ sẽ đánh đập và giữ ta làm nô lệ”.

“Đi theo em”, Thỏ con kêu to, nó phóng qua khu rừng đến bên một vũng nước.

Và dưới đáy vũng, đồng vàng nọ đang nằm.

“Ta biết cảm ơn em thế nào đây?” Chú bé Sao băng nói, “vì đây là lần thứ hai em đã giúp đỡ ta”.

“Không đâu, anh mới là người tỏ lòng thương em trước nhất”, Thỏ con đáp rồi nhanh nhẹn phóng đi.

Chú bé Sao Băng nhặt lấy đồng vàng, cất vào túi rồi vội vã trở về hướng kinh thành. Nhưng người hủi đã nhìn thấy chú đi tới. Y chạy lại đón gặp chú, quỳ xuống và kêu to: “Hãy cho tôi một đồng, không tôi đến chết đói mất”.

Chú bé Sao Băng bảo y: “Tôi chỉ có một đồng vàng trong túi, nếu tôi không đem nó về cho ông chủ tôi, ông ta sẽ đánh tôi và giữ tôi làm nô lệ”.

Nhưng người hủi cứ một mực cầu xin lòng xót thương khiến chú bé động lòng mà đem cho y đồng vàng.

Khi chú bé về tới chỗ lão Thầy pháp, lão mở cửa, kéo chú vào trong và hỏi: “Ngươi có lấy được đồng vàng không đấy?” Chú bé liền đáp: “Cháu không lấy được”. Thế là lão ta lao vào chú đánh đập, rồi lão xích lại, tống chú trở xuống hầm ngục.

Ngày hôm sau, lão đến chỗ chú bé và bảo: “Nếu hôm nay ngươi mang được đồng vàng đỏ về cho ta, ta sẽ cho ngươi được tự do, còn nếu không, nhất định ta sẽ giết ngươi.”

Chú bé Sao Băng lại đi vào rừng. Suốt cả ngày chú tìm kiếm đồng vàng đỏ nhưng chẳng thấy tăm hơi nó ở đâu. Đến chiều tối, chú ngồi phệt xuống đất mà than khóc, chú đang sụt sùi thì Thỏ con chạy tới.

Và Thỏ con bảo với chú, “đồng vàng đỏ anh đang tìm nằm trong cái hang ở ngay sau anh ấy. Đừng khóc lóc nữa mà hãy vui lên đi nhé”.

“Ta phải đền ơn em sao cho xứng đây?” Chú bé Sao Băng kêu lên: “Bởi đây là lần thứ ba em đã cứu giúp ta”.

“Không đâu, anh mới là người tỏ lòng thương em trước nhất”. Thỏ con nói rồi nhanh nhẹn lao đi.

Chú bé Sao băng đi vào trong hang và ở góc xa nhất chú tìm thấy đồng vàng đỏ. Chú cất nó vào túi rồi vội vã trở vào thành. Người hủi nhìn thấy chú đi tới liền đứng ra giữa đường, kêu to lên với chú: “Hãy cho tôi đồng tiền đỏ đi, không có tôi đến chết mất”, và chú bé Sao Băng lại rủ lòng thương mà đem cho y đồng vàng đỏ, chú nói: “Ông cần nó hơn tôi nhiều”, dù lòng chú đang trĩu nặng bởi chú biết một số phận ác nghiệt đang chờ đợi mình.

Nhưng kìa! Khi chú qua cổng thành, toán lính cúi rạp người tuân phục, tâu với chú: “Chúa thượng của chúng ta mới anh tuấn làm sao!” Một đám đông dân chúng trong thành đi theo chú, reo vang, “trên khắp thế gian thật không ai anh tuấn cho bằng!” Thấy vậy chú bé Sao Băng khóc nức lên tự nhủ thầm, “họ đang giễu mình, đang khơi lại điều bất hạnh của mình đấy thôi”. Dân tình chen chúc đông quá, chú bé bị lạc đường. Cuối cùng chú thấy mình đang đứng trên một quảng trường lớn, nơi ngự trị cung điện của nhà Vua.

Cánh cổng cung điện bật mở, các giáo sĩ cùng võ quan trong triều chạy tới nghênh đón chú. Họ cúi rạp xuống và tâu: “Ngài chính là đức Chúa thượng chúng thần đang chờ đón, và là con trai của đức Vua chúng thần”.

Chú bé Sao băng trả lời họ: “Tôi không phải là con trai đức Vua tôi là con một bà ăn mày nghèo khổ”. Tại sao các ông lại bảo tôi là xinh đẹp vì tôi biết mình xấu xí đến thế nào?”

Khi ấy, người đàn ông mặc áo giáp sắt giát những bông hoa bằng vàng, đội mũ sắt gắn hình sư tử có cánh, giơ cao chiếc khiên, kêu to: “Cớ sao Chúa Thượng của chúng ta có thể nói ngài đẹp vậy nhỉ?”

Chú bé Sao Băng nhìn vào chiếc khiên, và lạ chưa kìa! Gương mặt chú đã trở lại như xưa, vẻ đẹp dễ thương đã trở về với chú và chú thấy trong mắt mình một ánh nhìn chú chưa từng có bao giờ.

Các giáo sĩ cùng võ quan quỳ xuống tâu trình: “Có lời tiên tri rằng đúng ngày hôm nay, người trị vì chúng thần tới. Vì vậy, cúi mong đức Chúa thượng của chúng thần hãy nhận lấy vương miện này, quyền trượng này và hãy là vị vua nhân từ và anh minh của chúng thần.”

Nhưng chú bé bảo với họ, “tôi không xứng đáng, bởi tôi đã chối bỏ người mẹ trông cậy ở nơi tôi. Tôi không thể dừng chân nếu chưa tìm thấy mẹ để được mẹ tha thứ. Vậy hãy để tôi đi, vì tôi còn phải đi khắp thiên hạ. Tôi không thể nấn ná ở lại chốn này dù các ông có trao cho tôi vương miện vùng quyền trượng.” Vừa nói chú vừa quay đi, hướng tới con đường dẫn ra cổng thành, và kìa. Giữa đám đông đang vây lấy toán binh lính, chú nhìn thấy bà ăn mày, mẹ của chú và đứng cạnh bà là người hủi đã từng ngồi bên vệ đường.

Chú bật kêu lên vui sướng và chạy ào tới, quỳ xuống và hôn lên những vết thương trên bàn chân của mẹ chú, tưới đẫm lên đôi bàn chân ấy nước mắt của mình. Chú gục đầu xuống đất bụi, khóc nức nở, trái tim như muốn vỡ tung. Chú nói với người mẹ: “Mẹ ơi, con chối bỏ mẹ trong lúc kiêu căng, hợm hĩnh. Mẹ hãy nhận con khi con đã học được cách khiêm nhường. Mẹ ơi, con đã hận ghét mẹ. Xin mẹ hãy ban tình yêu thương cho con. Mẹ ơi, con đã từ chối mẹ. Giờ xin mẹ hãy đưa con của mẹ đi, mẹ nhé”. Nhưng bà ăn mày không đáp lại một lời.

Chú liền vươn tay ôm lấy đôi chân trắng bệch của người hủi, nói với ông ta. “Ba lần cháu đã tỏ lòng thương bác, giờ đây xin bác bảo mẹ cháu hãy nói với cháu chỉ một lần đi”. Nhưng người hủi chẳng đáp lại một lời.

Chú lại khóc nức nở và bảo: “Mẹ ơi, nỗi giày vò lớn vượt sức chịu đựng của con. Hãy ban cho con lòng tha thứ rồi cho con quay trở vào rừng”. Bà ăn mày lúc này mới đặt tay lên đầu chú và bảo, “hãy đứng lên”.

Chú liền đứng dậy và ngước mắt nhìn họ, và nhìn kìa! Họ chính là Đức Vua và Hoàng Hậu.

Hoàng Hậu bảo với chú: “Đây là cha con, người được nước mắt con rửa sạch đôi chân”.

Và họ ôm choàng lấy chú, hôn chú rồi đưa chú về cung. Rồi họ khoác long bào uy nghi cho chú, đội lên đầu chú vương miện và đặt quyền trượng vào tay chú. Chú trở thành Đức Vua và bắt đầu trị vị thành phố bên sông này. Chú tỏ ra rất mực nhân từ và anh minh đối với các thần dân. Chú đuổi lão Thày pháp độc ác khỏi kinh thành, gửi rất nhiều quà tặng quý giá biếu vợ chồng bác Tiều Phu, phong quyền tước cao sang cho con cái họ. Chú không cho phép bất cứ ai đối xử tàn nhẫn với các loài muông thú, lại còn dạy họ sống yêu thương, nhân hậu và từ tâm. Chú ban cơm ăn cho người nghèo, áo mặc cho kẻ rách rưới và giữ cho bờ cõi luôn được thái bình, thịnh vượng.

Những năm tháng trị vì của chú không được dài lâu. Bởi nỗi dày vò của chú quá đỗi lớn lao, ngọn lửa thử thách sức chịu đựng của chú quá ư mãnh liệt, ba năm sau thì chú qua đời. Người nối ngôi chú trị vì là một kẻ ác độc.

CHÀNG ĐÁNH CÁ VỚI LINH HỒN CỦA MÌNH

Tối tối chàng Đánh Cá trẻ ra khơi quăng lưới. Khi gió từ đất liền thổi ra chàng chả đánh bắt được gì, một con tép nhỏ cũng không, bởi đó là thứ gió cay xè, cánh đen kịt, kéo những con sóng to nổi lên hứng đón. Nhưng khi gió từ ngoài khơi thổi vào bờ, cá từ lòng biển sâu ngoi lên, mắc vào lưới của chàng, chàng liền bắt cá, đem ra chợ bán.

Tối tối, chàng ra biển. Một lần, tấm lưới nặng trĩu khiến chàng mãi không kéo nổi lên thuyền. Chàng cười và nghĩ thầm: "Khéo mình đã chụp được hết cả lũ cá đang bơi, hay một con quái đần cho mọi người sững sờ, mà cũng có khi là một cái gì ghê gớm khiến Hoàng Hậu cũng phải thèm ước". Gắng hết sức, chàng kéo mạnh những sợi lưới thô ráp, như những sợi men xanh quấn quanh một cái mình đồng, tấm lưới dài ngoẵng đã phủ lên tay chàng. Chàng kéo mạnh những sợi lưới mảnh, những cuộn lưới nhẫn bóng gần lên, gần mãi lên, và cả tấm lưới cuối cùng đã nhô khỏi mặt nước.

Nhưng không có bóng dáng một con cá, cũng chẳng phải một con quỷ đần, hay một vật ghê rợn nào, chỉ có một nàng Tiên Cá đang nằm ngủ say trong tấm lưới mà thôi.

Mái tóc nàng như mớ phoi vàng ướt, mỗi sợi tóc là một sợi vàng ròng lồng trong một lớp thủy tinh. Thân nàng trắng như ngà, còn đuôi nàng kết bởi ngọc trai và bạc. Bạc và ngọc trai là đuôi của nàng, được quấn trong rong biển xanh biếc, tai nàng tựa một đôi sò biển, còn cặp môi như hai mảnh san hô. Những con sóng mát lạnh phủ lên ngực nàng lạnh mát, muốn phủ lóng lánh trên đôi bờ mi của nàng.

Nàng đẹp tuyệt trần khiến chàng Đánh Cá ngẩn ngơ khi nhìn thấy nàng. Chàng đưa tay kéo tấm lưới lại gần, rồi cúi xuống, chàng ôm lấy nàng trong vòng tay mình. Chàng vừa chạm vào nàng, nàng liền kêu lên như một chú hải âu bị kinh động và bừng tỉnh giấc, nàng đưa cặp mắt tím ngát nhìn chàng kinh hoàng và vùng vẫy tìm cách thoát ra. Nhưng chàng cứ ôm chặt lấy nàng không muốn rời xa.

Thấy mình có vùng vẫy cũng vô ích, nàng bật khóc và cất tiếng nói rằng: “Cúi xin chàng để cho em đi, bởi em là con gái duy nhất của Thủy Vương, cha em đã già và cô đơn lắm.

Chàng Đánh Cá liền đáp rằng: “Ta không thả nàng đâu nếu nàng không hứa với ta, rằng bất kì khi nào ta gọi, nàng phải hiện lên ngay và hát cho ta nghe, bởi lũ cá thường thích nghe Tiên Ngư hát, vì thế mà lưới của ta sẽ được nặng đầy”.

“Chàng thực sẽ thả em nếu em hứa với chàng điều đó chứ?” Nàng Tiên Cá kêu lên.

“Ta sẽ thả em thực mà”, chàng Đánh Cá hứa.

Thế là nàng hứa với chàng, và còn thề với chàng lời thề của loài Tiên Ngư, chàng liền thả tay khỏi người nàng, nàng lặn một hơi xuống đáy nước, vẫn còn run rẩy bởi nỗi khiếp sợ lạ lùng.

Tối tối, chàng Đánh Cá trẻ ra khơi và cất tiếng gọi Tiên Ngư, nàng liền nhô lên mặt nước và cất tiếng hát. Quanh nàng bơi lội những chú cá đen phin, còn trên đầu nàng, đàn hải âu chao liệng dập dìu.

Nàng hát những bài ca mê li. Nàng hát về bày Tiên ngư bơi qua các hang động, mang trên vai những hài nhi bé bỏng, hát về các thần Nhân ngư râu xanh dài lê thê, ngực đầy lông, thổi tù và ốc xà cừ khi Thủy Vương đi qua, hát về những cung điện hổ phách của Thủy Vương, mái ngọc lục bảo trong suốt, vỉa hè lát toàn ngọc trai sáng, hát về những khu vườn Thủy Cung ngày đêm

dập dờn những cánh quạt san hô khổng lồ rực rỡ cùng những bầy cá, khu vườn ngả bóng mỗi khi những đàn cá, như những cánh chim bạc bơi qua, và những vạt cỏ chân ngỗng bám vào bờ đá cùng những con thuyền nằm cắm mình trên những bờ cát kẻ lăn tăn những gợn sọc vàng. Nàng hát về những đàn cá voi khổng lồ bơi đến từ vùng biển Bắc, trên vảy còn bám những mảnh băng sắc nhọn; hát về các nữ chim thần có giọng hót mê li, kể chuyện mê hồn khiến các khách buôn bỏ quên không gắn sáp vào tai để nghe chuyện của các nàng, rồi mê mẩn lao mình xuống biển cả, để rồi chết chìm dưới đáy nước, hát về những chiếc thuyền Gale[1] cột buồm cao lênh khênh bị chìm cùng những thủy thủ chết cứng rồi vẫn còn bám chặt vào từng bộ phận trên thuyền, và từng bày cá thu bơi ra bơi vào qua những của sổ ở thành tàu, hát về những con chân tơ nhỏ li ti, lại là những khách du lịch cừ khôi, vì chúng bám chặt vào vỏ tàu và cứ thế không ngừng chu du vòng quanh thế giới; hát về bầy cá mực sống ẩn mình dưới gầm những vách đá, sải ra những ống vòi dài đen ngòm và có thể kéo đêm đen ập xuống khi chúng thích. Nàng hát về loài ốc anh vũ có con thuyền là vỏ của nó cái vỏ giống như mảnh Ôpan trắng đục, và bơi đi dưới một cánh buồm óng ánh mượt mà, hát về những chàng quân ngư hạnh phúc, gảy đàn hạc và có thể mê hoặc một gã Kraken[2] khổng lồ đến ngủ lịm đi, hát về những đứa trẻ nhỏ tóm được rồi vừa cười vừa cưỡi trên lưng những chú cá đen phin trơn tuồn tuột hát về các nàng Tiền Ngư nằm trên những đám bọt biển trắng xóa và chìa cánh tay ra vẫy mời các chàng thủy thủ, hát về bày sư tử biển có những cặp nanh cong vút cùng lũ hải mã có đám bờm nổi lên bồng bềnh.

---

[1] *Loại thuyền có sàn thấp, chạy bằng buồm và chèo, thường do nô lệ hoặc tù nhân chèo thuyền.*

[2] *Theo huyền thoại vùng Xcăngđinavơ là một loài quỷ biển.*

Khi nàng Tiên Ngư hát du dương, lũ cá ngừ từ từ nơi đáy biển ngoi lên nghe nàng, còn chàng Đánh cá thì thả lưới đánh bắt chúng, các loài cá khác thì chàng xiên chúng bằng mũi lao. Khi thuyền của chàng đầy ắp rồi, nàng Tiên Ngư mỉm cười chào chàng rồi lặn trở về đáy biển.

Nhưng chẳng khi nào nàng chịu đến gần để chàng có thể chạm được vào người nàng. Chàng thường kêu gọi, van nài nhưng nàng chẳng bao giờ chịu, còn khi chàng thử tóm lấy nàng thì nàng liền lặn một hơi xuống đáy nước như một chú hải cẩu và cả ngày hôm ấy không xuất hiện nữa.

Mỗi ngày tiếng hát của nàng vang bên tai chàng thêm ngọt ngào mê li. Tiếng hát nàng du dương khiến chàng quên luôn cả tấm lưới cùng tính không ngoan, và cũng quên luôn cả việc đánh bắt lũ cá ngừ vây đỏ như son, mắt lồi vàng óng bơi từng đàn vào lưới của chàng. Chiếc lao nằm mốc bên chàng, còn chiếc giỏ bện bằng liễu gai thì rỗng tuếch. Môi trễ xuống, mắt mơ màng, chàng ngồi đói meo trong chiếc thuyền rỗng và cứ lắng nghe hoài, nghe mãi, cho đến khi sương giăng kín quanh chàng, khi vầng trăng lênh đênh nhuộm bạc đôi cánh tay nâu rám của chàng.

Một tối chàng gọi nàng mà bảo rằng: “Nàng Tiên Ngư bé nhỏ ơi, nàng Tiên Ngư bé nhỏ hỡi, ta yêu nàng mất rồi. Hãy lấy ta làm chồng đi, vì ta yêu nàng mà”.

Nhưng nàng Tiên Ngư lắc đầu. “Chàng có linh hồn”, nàng bảo. Chỉ trừ khi chàng từ bỏ linh hồn của mình, em mới có thể yêu được chàng”.

Chàng Đánh Cá nhủ thầm: “Phỏng linh hồn có ích gì cho ta nhỉ?” Ta không thấy nó, không sờ được vào nó, càng không biết gì về nó. Nhất định ta sẽ từ bỏ nó, rồi ta sẽ còn vui thú hơn nhiều”. Chàng sung sướng reo lên, từ trên chiếc thuyền quét sơn, chàng đứng bật dậy, vươn tay về phía nàng Tiên Ngư. “Ta sẽ bỏ linh

hồn của mình", chàng kêu to, "và nàng sẽ là vợ ta, ta sẽ là chồng của nàng, chúng ta sẽ mãi ở bên nhau nơi đáy biển sâu nhé. Nàng sẽ hát cho ta nghe, còn ta sẽ làm tất cả những gì nàng mong ước. Chúng ta sẽ không bao giờ xa nhau nữa".

Nàng Tiên Ngư bé nhỏ cười sung sướng và giấu mặt vào cánh tay.

"Nhưng ta làm sao đuổi được linh hồn khỏi thân xác ta" chàng Đánh Cá kêu lên. "Hãy bảo ta phải làm gì, ta sẽ làm ngay không nấn ná".

"Ô, em cũng chẳng biết nữa", nàng Tiên Ngư đáp: "Người cá vốn không có linh hồn mà". Và nàng lặn xuống đáy biển, ánh mắt khao khát vẫn hướng về chàng.

Sáng hôm sau, trước lúc mặt trời lên gần tới đỉnh đầu, chàng Đánh Cá tìm đến nhà ngài Linh Mục và gõ ba lần vào cánh cửa.

Một giáo sĩ tập việc nhòm qua ô cửa con, khi thấy ai đứng đó, gã đẩy chốt cửa và bảo: "Vào đi".

Chàng Đánh Cá lách vào, quỳ xuống sàn nhà trải cói tỏa hương ngọt ngào, chàng kêu với ngài Linh Mục đang ngồi đọc kinh thánh: "Thưa cha, con đang phải lòng một nàng Tiên Ngư, và linh hồn của con cản trở ước vọng của con. Xin hãy bảo con cách tống khứ nó ra khỏi người con, bởi vì con thực không cần gì đến nó cả. Nó có đáng giá gì với con đâu? Con không nhìn thấy nó. Con không chạm được vào nó. Con lại càng không biết nó ra làm sao".

Ngài Linh Mục gõ vào ngực chàng mà bảo: "Than ôi! Than ôi! Con mất trí rồi hoặc đã ăn phải thứ cỏ độc bởi linh hồn là phần cao quý nhất Đức Chúa trời ban tặng cho mỗi người chúng ta. Chẳng có gì quý hơn linh hồn con người, không một của báu nào trên trần thế sánh được với nó. Nó đáng giá tất cả vàng bạc trên thế gian này, còn quý hơn ngọc ngà của các bậc vua chúa.

Vì thế, con trai của ta ạ, đừng vương vấn về chuyện này làm gì, bởi đó là tội lỗi không thể tha thứ. Còn như đám nhân ngư, chúng ta sẽ không được cứu rỗi trong ngày tận thế, những kẻ giao du với chúng cũng sẽ cùng chung số phận. Chúng là những loài cầm thú không biết phải quấy, Đức Chúa trời đâu có chịu nạn vì chúng.

Chàng Trai mắt đẫm lệ khi nghe thấy những lời cay đắng của ngài. Rồi chàng nhổm lên, thưa với ngài: "Thưa cha, các nhân dương sống nơi rừng hoang và cảm thấy sung sướng, các nhân ngư ngồi trên những mỏm đá cùng những cây đàn học bằng vàng đỏ của họ. Cứ để cho con được như họ, con van cha đấy, dù cuộc đời của họ có ngắn ngủi như loài hoa kia. Còn như linh hồn của con, nó có lợi lộc gì cho con khi chắn ngang con với người con yêu?"

"Tình yêu thể xác là đồi bại", ngài Linh Mục quát, mày cau lại: "Chính tội lỗi và sự đồi bại là những thứ vô đạo, vì chúng mà Đức Chúa trời đã phải chịu đau đớn lang thang qua khắp nước của người. Đáng nguyền rủa cái ý nghĩ làm nhân dương nơi rừng rú, đáng nguyền rủa cái ý nghĩ làm nhân ngư véo von nơi biển sâu! Khi đêm về ta nghe tiếng hát của chúng, chúng lôi kéo ta ra khỏi giường. Chúng gõ vào cửa sổ và cười cợt. Chúng thì thào bên tai ta, kể về những lạc thú liều lĩnh của chúng. Chúng súi dục ta sa vào sự cám giỗ của chúng, và khi ta cầu nguyện, chúng thè lưỡi giễu ta. Chúng sẽ không được cứu rỗi, ta bảo con đây chúng ta sẽ xuống địa ngục. Đối với chúng, không có Thiên đàng cũng chẳng có địa ngục, nếu không chúng đã cầu cứu Đức Chúa trời".

"Thưa cha", chàng Đánh Cá kêu lên: "Cha chẳng biết mình đang nói gì. Một lần con đánh lưới được con gái của Thủy Vương. Nàng chói sáng hơn cả sao mai, trắng trẻo hơn cả chị Hằng. Con xin hiến linh hồn con vì tấm thân của nàng, vì tình yêu của nàng con xin từ bỏ Thiên đàng. Cầu xin cha bảo cho con cách làm điều đó và cho con được toại nguyện"

“Cút đi! Cút đi!” Ngài Linh Mục quát: “Ả tình nhân của người sẽ sa xuống Địa ngục và người cũng sẽ xuống đó cùng với ả”. Rồi không chúc phúc cho chàng, ngài tống chàng ra khỏi cửa.

Chàng Đánh Cá đi xuống chợ, chàng lê bước, đầu cúi gục đau đớn.

Khi các khách buôn nhìn thấy chàng như thế, họ thì thào với nhau, một người trong bọn họ tiến lại phía chàng, gọi tên chàng và bảo: “Anh cần bán gì vậy?”

“Tôi cần bán linh hồn mình”, chàng đáp: “Xin ngài hãy mua nó giùm tôi bởi tôi chán ngấy nó rồi. Nó có ích gì cho tôi nào? Tôi không thể thấy nó không mó được vào nó, cũng chẳng biết nó ra làm sao”.

Đám khách buôn giễu chàng: “Linh hồn con người có lợi gì cho chúng tôi đây? Nó chả đáng một đồng xèng. Cứ bán thân anh làm nô lệ cho chúng tôi, chúng tôi sẽ mặc đẹp cho anh, đeo nhẫn vào ngón tay anh rồi tiến cử anh làm thị đồng cho Hoàng Hậu. Nhưng chớ có nhắc đến Linh hồn làm gì, với chúng tôi nó là con số không vì nó chả có lợi gì cho công việc buôn bán của chúng tôi sất.”

Chàng Đánh Cá bụng bảo dạ: “Quái lạ thật! Ngài Linh Mục thì bảo mình linh hồn đáng giá tất cả vàng bạc nơi trần gian, còn đám khách buôn lại nói chả đáng giá một đồng xu gì”. Chàng rời khu chợ, đi ra bờ biển và bắt đầu cân nhắc xem mình phải làm gì.

Đến xế trưa, chàng chợt nhớ ra người bạn làm nghề cắt cỏ samphire có lần kể với chàng về một ả Phù Thủy, ả nàng trú trong một cái động ở đầu một con vịnh và rất giỏi về phép thuật. Thế là chàng vùng chạy như bay, vì đang quá mong mau mau tống khư được linh hồn của mình đi, một đám bụi mù mịt bốc theo sau chàng khi chàng phi qua bãi cát ven biển. Thấy gan bàn tay ngứa ran ả Phủ Thủy trẻ biết chàng Đánh Cá đang đi đến chỗ

ả. Ả phá lên cười xõa mớ tóc theo phủ quanh người rồi ra đứng chờ trước cửa hang mở rộng, trong tay cầm một cành độc cầm dại lá đâm tua tủa.

“Ngươi thiếu gì? Ngươi còn thiếu thứ gì?” Ả hát lên khi chàng Đánh Cá hổn hển leo lên xuống và cúi người chào ả. “Cá vào lưới người lúc trời lặng gió ư? Ta có một ống tiêu sậy xinh xinh, khi ta thổi nó, lũ cá đối sẽ bơi vào trong vịnh. Nhưng nó có giá đấy, cậu bé đáng yêu ạ, nó có giá đấy. Ngươi thiếu gì? Ngươi còn thiếu gì vậy? Một trận bão tố nhấn chìm tàu bè và đánh dạt những hòm châu báu vào bờ ư? Ta vốn có nhiều bão tố hơn những cơn gió trong lành, bởi ta phụng sự một kẻ còn mạnh hơn cả gió, với cây cọc và một xô nước ta có thể nhấn chìm cả một chiếc thuyền Gale khổng xuống đáy biển sâu. Nhưng ta luôn ra giá đấy, cậu bé dễ thương ạ, ta luôn đạt giá. Ngươi thiếu gì nào? Ta biết một cây hoa mọc trong thung lũng, không một ai biết ngoài ta ra. Cánh hoa đỏ tía, một ngôi sao ngự trong tim nó, còn mật của nó trắng muốt như sữa vậy. Nếu ngươi chạm được bông hoa này vào cặp môi khắt khe của Hoàng Hậu, nàng sẽ theo ngươi đến tận cùng trời. Nàng sẽ rời bỏ giường êm đệm ấm của nhà Vua mà theo ngươi đến chân trời góc biển. Nhưng nó có giá, cậu bé dễ thương ơi, nó có giá đấy nhé. Ngươi thiếu gì? Ngươi còn thiếu gì không? Ta có thể nghiền nát như tương một con cóc rồi nấu thành súp này bằng bàn tay của kẻ đã chết. Vẩy thứ nước ấy vào kẻ thù của ngươi khi hắn đang ngủ, hắn sẽ biến thành một con rắn đen, khiến mẹ đẻ của hắn cũng phải đập chết hắn đứ đừ. Với một cái bánh xe, ta có thể đẩy mặt trăng khỏi bầu trời, còn trên mặt pha lê trong ta có thể cho ngươi xem dung nhan của Thần Chết. Ngươi thiếu gì? Ngươi còn thiếu gì nào? Hãy kể cho ta ham muốn của ngươi, còn ngươi hãy trả công cho ta, anh bạn thân mến, hãy trả công cho ta đấy”.

“Ham muốn của tôi nhỏ nhoi thôi”, chàng Đánh Cá nói, “vậy mà ngài Linh Mục đã nổi cáu và tống cổ tôi đi. Nó có đáng gì đâu, ấy vậy mà đám khách buôn giễu nhạo tôi và từ chối tôi thẳng cánh.

Tôi bèn đến chỗ bà, dù con người gọi bà là xấu xa, dù bà đặt giá thế nào, tôi cũng xin trả đủ".

"Ngươi muốn điều gì?" Ả Phù Thủy xán lại gần chàng hơn mà hỏi.

"Tôi muốn tống khứ Linh hồn khỏi người tôi", chàng Đánh Cá trẻ đáp. Ả Phù Thủy tái mét, ả rùng rình và giấu mặt vào sau tấm áo choàng. "Anh bạn thân mến", ả lẩm bẩm, "đó là một công việc khủng khiếp đấy".

Chàng Đánh Cá lắc những búp tóc nâu và cười. "Linh hồn của tôi là con số không đối với tôi", chàng ta bảo. "Tôi không thể trông thấy nó, không mó vào được nó, lại càng không biết nó ra làm sao".

"Ngươi cho ta cái gì nếu ta mách cách cho người? Ả Phù Thủy hỏi, nhìn chàng qua cặp mắt mê hồn.

"Năm đồng tiền vàng", chàng đáp, "và tấm lưới của tôi, cùng gian nhà tranh tôi đang sống, với chiếc thuyền sơn tôi vẫn ra khơi. Chỉ cần mách bảo tôi các thoát khỏi linh hồn của mình, tôi sẽ biếu bà tất cả những gì tôi có".

Ả phá lên cười chế giễu, phất cành độc cầm vào người anh chàng.

"Ta có thể biến lá thu thành vàng", ả nói và ta có thể biến ánh trăng nhợt nhạt kia thành bạc nếu ta muốn. Kẻ ta phụng sự giàu có hơn mọi bậc Vua chúa trên thế gian này, cùng với quyền lực của họ.

"Vậy tôi phải trả gì cho bà đây", chàng kêu lên: "Một khi bà không cần bạc cũng chẳng cần vàng?"

Ả Phù Thủy hất mớ tóc bằng bàn tay trắng toát. "Ngươi phải nhảy múa cùng ta, cậu bé dễ thương kia ạ", ả lẩm bẩm và mỉm

cười với chàng.

“Không cần gì hơn ư?” Chàng Đánh Cá kêu lên ngỡ ngàng và chàng nhổm người dậy.

“Không cần gì hơn”, ả đáp và lại mỉm cười với anh chàng.

“Vậy khi hoàng hôn buông, ta sẽ cùng nhảy múa ở một nơi kín đáo nhé”, chàng nói: “Và khi chúng ta nhảy múa xong bà sẽ mách tôi cách thực hiện điều tôi ham muốn”.

Ả gật đầu, “khi trăng tròn đấy nhé,” ả thì thào. Rồi ả nhìn khắp xung quanh, lắng tai nghe ngóng. Một chú chim xanh lao ra khỏi tổ và lượn một vòng quanh những cồn cát, ba chú chim đốm lạch phạch bay qua những bãi cỏ úa vàng và ríu rít hót gọi nhau. Tất cả đều nhường tiếng cho những con sóng vỗ ì oạp lăn tăn vào bờ đá cuội nhẵn bóng phía dưới kia. Ả vươn tay kéo chàng Đánh Cá lại gần và ghé sát cặp môi khô héo vào tai chàng.

“Đêm nay, người phải trèo lên tận đỉnh núi”, ả thì thào. “Có một lễ Xabat[1] và ngươi sẽ ở đó”.

---

[1] Sabbath- ngày thờ phụng Chúa và nghỉ ngơi hoàn toàn (là ngày thứ bảy đối với người Do Thái và ngày chủ nhật với người Cơ Đốc giáo)

Chàng Đánh Cá ngỡ ngàng ngẩng nhìn ả, ả nhe hàm răng trắng ởn và cười. “Người mà bà nói đến là ai vậy?” Chàng hỏi.

“Không quan trọng”, ả đáp. “Đêm nay ngươi cứ đến và đứng ở dưới tán cây trăn đợi ta. Nếu một con chó đen chạy lại phía ngươi, hãy lấy một cành liễu quất nó, nó sẽ bỏ đi. Nếu một con cú hỏi chuyện ngươi, thì đừng có trả lời. Khi trăng tròn ta sẽ đến với ngươi và chúng ta sẽ cùng nhảy múa trên bãi cỏ”.

“Nhưng bà thề sẽ bảo tôi cách thoát khỏi linh hồn của tôi chứ?” Chàng hỏi. Ả bước ra ngoài nắng, mái tóc hoe của ả phất phơ trong gió. “Ta thề có móng của loài dê”, ả đáp.

“Bà là một Phù Thủy tử tế nhất”, chàng Đánh Cá reo lên: “Đêm nay nhất định tôi sẽ nhảy múa cùng bà trên đỉnh núi. Tôi đã tin thật rằng bà chẳng đòi tôi trả vàng trả bạc, mà chỉ có thế thôi, bởi việc của tôi có to tát gì đâu”. Và chàng ngả mũ, cúi rạp chào ả Phù Thủy, rồi chàng chạy như bay về phía thành, lòng tràn trề mừng vui.

Ả Phù Thủy trông theo chàng Đánh Cá đang xa dần, khi chàng đã đi khuất, ả trở vào trong động và lấy một chiếc gương từ một cái hòm gỗ tuyết tùng chạm trổ ra, đặt nó lên một cái giá, rồi cầm một viên than hồng rực, châm vào một nhánh cỏ roi ngựa và quan sát nó qua làn khói. Một lát sau ả vươn tay lên vẻ khao khát: “Chàng sẽ thuộc về ta,” ả lẩm bẩm, “ta cũng sẽ xinh đẹp y như cô ta”.

Tối hôm đó, khi trăng mọc, chàng Đánh Cá lên đỉnh núi và đứng chờ dưới tán cây trăn. Dưới chân chàng, biển bao quanh như một tấm khiên kim loại bóng loáng, bóng những con thuyền đánh cá lay động dập dờn trong con vịnh nhỏ. Một con cú khổng lồ mặt vàng mầu lưu huỳnh cất tiếng gọi tên chàng, nhưng chàng không đáp lời. Một con chó mực chạy về phía chàng, gầm gừ, chàng lấy một cành liễu quất nó, thế là nó rên rỉ chạy biến mất.

Đúng nửa đêm, các mụ Phù Thủy bay đến trong không trung như những con dơi. “Phíu!” Các mụ kêu to khi hạ cánh xuống mặt đất. “Có người lạ đang ở đây! Rồi các mụ đánh hơi ra xung quanh huyên thuyên và làm dấu hiệu với nhau. Ả Phù Thủy trẻ có mái tóc hoe phất phơ trong gió đến sau cùng. Ả mặc một bộ váy thêu mắt công bằng chỉ vàng và đội một chiếc mũ xinh xinh bằng nhung xanh.

“Người đâu, người ở đâu nhỉ?” Các mụ Phù Thủy gào lên khi nhìn thấy ả, nhưng ả chỉ cười và chạy về phía cây trăn, kéo tay chàng Đánh Cá ra ngoài ánh trăng và họ bắt đầu cùng nhảy múa.

Họ lượn vòng, lượn vòng, ả Phù Thủy nhảy rất cao, đến nỗi chàng Đánh Cá nhìn cả thấy gót giày đỏ chót của ả. Chen ngang đôi vũ công, chàng Đánh Cá nghe thấy tiếng ngựa phi nước đại, nhưng chẳng nhìn thấy ngựa đâu, chàng Đánh Cá thấy kinh sợ.

“Nhanh lên”, ả Phù Thủy kêu lên, hai cánh tay ả quấn chặt lấy cổ chàng Đánh Cá, hơi thở ả nóng bỏng vào mặt chàng. “Nhanh lên, nhanh nữa lên! Ả gào lên, mặt đất như xoay tròn dưới chân chàng, đầu óc chàng đâm rối loạn, một nỗi khiếp sợ ập đến bởi có một cái gì hắc ám đang chằm chặp nhìn chàng và cuối cùng chàng nhận ra một hình thù mới xuất hiện đang ẩn dưới bóng một tảng đá.

Đó là một người đàn ông mặc áo sơ mi nhung kiểu Tây Ban Nha. Mặt y nhợt nhạt đến kì lạ nhưng cặp môi lại y như một bông hoa đỏ rực kiêu hãnh. Trông y có vẻ mệt mỏi, người ngả ra phía sau vẻ lơ đãng, y hững hờ dựa lên chuôi kiếm. Phía sau y, nằm trên mặt cỏ là một chiếc mũ tròn, một đôi găng tay cưỡi ngựa viền mạ vàng và đính những hạt ngọc trai, chạm trổ những hình thù kì lạ. Một chiếc áo choàng ngắn màu đen ảm đạm khoác hững hờ trên vai y, và đôi bàn tay trắng muốt tao nhã đeo kín nhẫn mặt ngọc, hàng lông mi rậm phủ rợp cặp mắt.

Chàng Đánh Cá ngắm y trong một thoáng ngơ ngẩn. Cuối cùng mắt họ gặp nhau, rồi dù nhảy ở vị trí nào chàng vẫn cảm thấy ánh mắt của y gắng chặt lấy chàng. Chàng nghe thấy tiếng cười của ả Phù Thủy, bèn tóm chặt thắt lưng ả, cùng ả quay cuồng trong điệu vũ bất tận.

Đột nhiên một con chó sủa vang lên trong khu rừng, các cặp nhảy dừng lại, từng đôi một bước tới và hôn tay người đàn ông.

Khi họ làm như vậy, cặp môi ngạo nghễ của y thoáng hiện lên nét cười, như cánh chim nhẹ xuống mặt nước khiến nó lăn tăn gợn sóng, nhưng đượm vẻ khinh khi. Gã vẫn dán mắt nhìn chàng Đánh Cá.

“Xin hãy lại đây! Để chúng ta được chiêm ngưỡng”, ả Phù Thủy thì thào, vừa kéo tay chàng lên, nắm tay cầu xin chàng với vẻ khao khát cháy bỏng và chàng bước theo ả. Nhưng khi tới gần bất ngờ một cách vô thức, chàng vạch một dấu thập giá lên ngực mình và gọi tên Đấng thiêng liêng.

Các mụ Phù Thủy hét lên thất thanh và bay vọt đi như những con diều hâu, khuôn mặt vàng khè đang chằm chằm dán vào chàng kia rúm lại trong cơn đau co thắt. Người đàn ông đi vào cánh rừng nhỏ và huýt sáo. Một con ngựa giống Tây Ban Nha với bộ yên cương bạc phóng tới đón y. Khi đã nhảy lên yên ngựa, y ngoái người lại, buồn rầu nhìn chàng Đánh cá. Ả Phù Thủy tóc hoe cũng cố tìm cách bay đi nhưng chàng Đánh Cá nắm được cổ tay ả và tóm chặt lấy ả.

“Buông ta ra,” ả hét lên, “để cho ta đi. Bởi người đã gọi cái không nên gọi và làm những dấu hiệu không được phép làm”.

“Không” chàng đáp, “đừng hòng ta để bà đi nếu bà chưa bảo ta điều bí mật kia”

“Bí mật nào?” Ả hỏi, giằng co với chàng như một con mèo hoang và cắn chặt cặp môi sùi bọt.

“Bà biết rồi mà,” chàng đáp.

Cặp mắt xanh màu cỏ của ả đẫm lệ, ả bảo chàng Đánh Cá “hỏi ta cái gì cũng được nhưng trừ điều ấy”.

Chàng cười và càng tóm chặt ả hơn.

Khi thấy mình không thoát được ả thì thào với chàng, “chắc chắn ta đẹp không kém gì con gái Thủy Vương, cũng duyên dáng chẳng thua gì những cô ả ngự trong làn nước xanh”, và ả xăm xoe ghé sát mặt lại gần chàng.

Nhưng chàng Đánh Cá cau mày đẩy phắt ả ra và bảo: “Nếu bà không giữ lời hứa với ta, ta sẽ giết bà vì bà là một mụ Phù Thủy gian trá”.

Ả tái mét như chàm đổ và rùng rình. “Thôi đành”, ả lẩm bẩm. “Là linh hồn của người chứ chẳng phải của ta. Muốn làm gì thì tùy ngươi”. Ả lấy từ thắt lưng ra một con dao nhỏ, cán bọc ra rắn lục và đưa nó cho chàng Đánh Cá.

“Thứ này giúp gì được ta?” Chàng Đánh Cá ngạc nhiên hỏi ả. Ả im lặng một thoáng, nét mặt đầy vẻ khiếp sợ. Rồi ả vén mớ tóc rũ xuống trán, mỉm cười kì lạ bảo chàng: “Người ta không gọi cái bóng của thân xác là cái bóng của nó, mà là thân xác của linh hồn. Hãy đứng trên bờ biển, quay lưng về phía mặt trăng rồi cắt bỏ cái bóng của người khỏi chân người, đó chính là thân xác của linh hồn người, và hãy ra lệnh cho linh hồn ngươi lìa khỏi người, nó sẽ tuân lệnh”.

Chàng Đánh Cá run lên. “Thật thế chứ?” Chàng lẩm bẩm.

“Đúng, và ta đã không nói nếu không phải nói với ngươi điều này” ả kêu lên, quỳ xuống khóc than sụt sùi.

Chàng Đánh Cá buông ả ra, đặt xuống mặt cỏ rồi đi về phía đỉnh núi. Chàng dắt con dao vào thắt lưng rồi xuống núi.

Linh Hồn chàng ở trong chàng cất lên tiếng gọi và bảo: “Lạ thật! Tôi đã ở với anh từng ấy tháng năm, đã là tôi tớ của anh. Đừng xua đuổi tôi, tôi đã làm gì ác với anh nào?

Chàng Đánh Cá cười: “Người chẳng làm gì ác với ta, nhưng ta không cần người”, chàng đáp. “Thế gian rộng bao la, có Thiên

đàng, có cả Địa ngục, có ngôi nhà hoàng hôn nhập nhoạng ngăn giữa hai nơi đó. Ngươi muốn đi đâu thì đi, chỉ đừng làm phiền ta nữa, bởi tình yêu của ta đang vẫy gọi ta".

Linh Hồn thảm thiết cầu xin chàng, nhưng chàng làm ngơ, chỉ nhảy thoăng thoắt qua các mỏm đá, thành thục như một con dê núi, cuối cùng chàng đã tới được bờ biển óng cát vàng.

Thân hình rắn chắc đỏ rực màu đồng, như một pho tượng Hi Lạp chàng đứng trên bờ cát, quay lưng về phía mặt trăng từ đám bọt sóng những cánh tay trăng muốt đang vẫy gọi chàng, từ những con sóng vươn lên những bóng dáng mờ ảo khiến chàng ngưỡng mộ. Ngả dài trước mặt chàng là cái bóng của chàng, thân xác của Linh hồn, và sau lưng chàng là mặt trăng in hình trên nền trời vàng óng mật ong.

Linh hồn chàng bảo với chàng: "Nếu quả thật anh phải rũ bỏ tôi, đừng để tôi ra đi khi không có trái tim. Thế gian này tàn nhẫn lắm, hãy để trái tim ra đi cùng với tôi".

Chàng mỉm cười lắc đầu: "Ta sẽ yêu người yêu ta bằng gì nếu ta cho ngươi trái tim của ta?" Chàng kêu lên.

"Hãy rủ lòng thương đi mà," Linh Hồn của chàng khẩn khoản: "Hãy ban cho tôi trái tim của anh, bởi thế gian này tàn nhẫn lắm, tôi thấy sợ"

"Trái tim của ta là của người yêu ta," chàng đáp, "vậy nên đừng nấn ná làm gì, xéo ngay đi".

"Thế tôi không yêu sao?" Linh Hồn chàng hỏi.

"Cút đi, bởi ta không cần ngươi", chàng Đánh Cá quát lên và chàng nắm lấy cán bọc da rắn lục của con dao nhỏ, cắt phăng cái bóng của chàng từ chân, cái bóng nhỏm lên, đứng trước mặt chàng, nhìn chàng, trông nó thậm chí giống hệt như chàng.

Chàng lùi lại, cố ấn con dao vào thắt lưng, một cảm giác khiếp sợ ôm trùm lấy chàng. “Cút đi”. Chàng lẩm bẩm: “Và đừng bao giờ để ta thấy lại người nữa”.

“Không, chúng ta sẽ còn gặp nhau,” Linh Hồn đáp. Giọng nó trầm như tiếng sáo, môi nó cử động chật vật khi nó nói.

“Làm sao chúng ta gặp được nhau? “Chàng Đánh Cá quát: “Ngươi sẽ không bám gót được ta xuống đáy biển chứ?”

“Mỗi năm một lần tôi sẽ trở lại nơi này và sẽ gọi anh,” Linh Hồn nói. “Biết đâu anh sẽ còn cần đến tôi”.

“Ta cần gì ngươi nào?” Chàng Đánh Cá kêu lên: “Nhưng tùy ngươi đấy,” và chàng lao mình xuống làn nước, các thần ngư thổi tù và, còn nàng Tiên Ngư bé nhỏ thì ngoi lên đón chàng, nàng choàng cánh tay ôm lấy cổ chàng và hôn lên môi chàng.

Linh Hồn đứng lại trên bờ biển quạnh vắng và nhìn theo họ. Khi cả hai đã khuất sâu xuống đáy nước, nó thổn thức bỏ đi về phía các đầm lầy.

Một năm sau Linh Hồn quay về bờ biển và cất tiếng gọi chàng Đánh Cá. Chàng ngoi từ đáy nước lên và hỏi: “Ngươi gọi ta có chuyện gì?”

Linh Hồn đáp: “Hãy lại gần đây, để tôi có thể chuyện trò cùng anh, bởi tôi đã được thấy những thứ kì lạ lắm”.

Chàng Đánh cá bơi lại gần, nằm dài trong vũng nước cạn, ngả đầu trên cánh tay, chàng lắng nghe.

Và Linh Hồn kể với chàng: “Khi rời xa anh rồi tôi quay mặt về hướng Đông và đi chu du. Mọi thứ đến từ hướng Đông đều thông thái. Tôi đi trong sáu ngày, buổi sáng ngày thứ bảy tôi đến một quả đồi thuộc đất Tartary[1] tôi ngồi tránh nắng dưới một bóng cây thánh liễu. Mặt trời khô rang và hầm hập nóng. Dân

tình đi lại trên cánh đồng như một đàn ruồi lúc nhúc trên mặt đĩa cháo.

---

[1] *Tên gọi chung cho vùng lãnh thổ giữa Dniepơ và biển Nhật Bản*

“Đến trưa, từ mặt đất bốc lên một đám bụi đỏ ngầu. Khi đám người Tartar nhìn thấy đám bụi, họ nhảy phắt lên yên ngựa quét sơn, cưỡi trên những con ngựa bé nhỏ, họ phi nước kiệu lao đón đám bụi nọ. Bọn đàn bà thì la hét thất thanh vừa bỏ chạy về phía các xe ngựa và ẩn mình sau những tấm màn rủ.

“Hoàng hôn buông, những người Tartar mới trở về, nhưng đã mất năm người, số còn lại bị thương không ít. Họ xua ngựa về phía những cỗ xe và vội vã lùa chúng đi. Ba con chó rừng rời khỏi hang ổ, chằm chằm ngó theo họ; rồi chúng hếch mũi lên, hít hít không khí, và phóng thẳng về hướng ngược lại”.

“Khi trăng lên tôi nhìn thấy ánh lửa trại trên cánh đồng bèn lần về phía đó. Một toán khách buôn đang quây quần bên trên các tấm thảm quanh đống lửa. Đàn lạc đà của họ được buộc phía sau lưng họ, còn những tên nô lệ da đen thì đang dựng lều phủ da thuộc trên bãi cát và dựng cả một bức rào chắn cao bằng cây lê gai.

“Khi tôi tiến lại gần họ, người đứng đầu toán khách buôn đứng lên, rút kiếm ra và hỏi tôi là ai.”

“Tôi đáp mình là Tộc trưởng có lãnh địa riêng, rằng tôi đang chạy chốn những người Tartar có ý đồ săn bắt tôi làm nô lệ cho họ. Viên đứng đầu mỉm cười, chỉ cho tôi năm cái đầu cắm trên những chiếc cọc tre dài.”

“Rồi họ hỏi tôi, ai là nhà tiên tri của Đức Chúa trời, tôi đáp rằng đó là Môhamet.

“Khi nghe tên của vị tiên tri rởm đó, ông ta cúi đầu cầm lấy tay tôi, dắt đứng bên cạnh ông. Một tên da đen mang đến cho tôi sữa ngựa đựng trong một cái bát gỗ và một miếng thịt cừu rán.

“Đến tảng sáng chúng tôi lên đường. Tôi ngồi bên cạnh viên đứng đầu, trên một con lạc đà lông hung. Một gia nhân vác giáo chạy ở đằng trước. Các chiến binh hộ tống hai bên và những con la chất đầy hàng hóa nối tiếp sau. Trong đoàn có cả thẩy bốn mươi con lạc đà, còn số la thì gấp đôi.

“Chúng tôi rời lãnh thổ của những người Tartar, sang lãnh thổ những kẻ báng bổ mặt trăng. Chúng tôi trông thấy các con quái vật đầu sư tử, mình cánh chim ưng đứng trên những mỏm đá trắng canh giữ kho vàng của chúng và những con rồng có vẩy nằm ngủ say trong các hang động. Khi chúng tôi vượt qua đỉnh núi, ai ai cũng nín thở để tuyết khỏi lở ụp xuống đầu, và người nào cũng che một tấm mạng sa mỏng trước mắt. Khi chúng tôi đi qua các thung lũng, những người Pigmé bắn tên rào rào vào chúng tôi từ trên các hốc cây, còn đến đêm chúng tôi nghe tiếng lũ người rừng khua trống rầm rầm. Khi qua thành lũy của lũ khỉ không đuôi, chúng tôi đặt hoa quả trước chúng nên chúng không gây sự gì. Còn khi qua hang ổ của lũ rắn, chúng tôi để sữa ấm cho chúng trong những cái bát bằng đồng, thế là chúng để chúng tôi đi qua. Có tới ba lần trong chuyến đi, chúng tôi đến gần bờ con sông Oxus[1] chúng tôi vượt sông bằng bè gỗ với những quả bong bóng da thổi căng. Lũ hà mã nổi sung đuổi theo và tìm cách giết chúng tôi. Khi nhìn thấy chúng, bầy lạc đà cứ run lên cầm cập.

---

[1] *Tên cổ của con sông Amu- Đari*

“Các nhà vua của những kinh thành chúng tôi đi qua đều thu thuế của chúng tôi, nhưng chả vị nào làm phiền chúng tôi phải bước qua cổng thành của họ. Họ ném qua tường thành cho

chúng tôi bánh mì, bánh ngô nướng mật ong và bánh ngọt nhân chà là làm từ thứ bột hảo hạng. Cứ một trăm túi bánh chúng tôi trả họ một hạt hổ phách.

“Khi dân tình ở các làng mạc nhìn thấy chúng tôi, họ thả thuốc độc xuống các giếng nước và chạy trốn lên các đỉnh đồi. Chúng tôi giao chiến với những người Magadae, khi mới sinh ra đã già khú khụ, càng về sau càng trẻ lại, và chết khi trở về là những đứa hài nhi, chiến đấu với người Lactroi, tự cho mình là con cháu của loài hổ và phết màu vàng, màu đen lên người, đánh nhau với những người Aurant, treo người chết của họ lên các đỉnh ngọn cây, còn người sống thì trú ngụ trong các hang động tối tăm để Thượng Đế của họ là mặt trời không giết chết họ; giao chiến với người Krimnian thờ cá sấu, dâng lên nó những đôi hoa tai cỏ và nuôi nó bằng bơ và thịt gà, chiến đấu với người Agazonbae mặt chó và với người Siban chân ngựa chạy nhanh hơn cả ngựa phi. Một phần ba nhóm chúng tôi hi sinh khi giao chiến, còn một phần ba chết bởi các vết thương. Số còn lại rì rầm chống lại tôi, bảo rằng tôi đem đến điều giữ cho họ. Tôi bèn tóm một con rắn Vipe có sừng từ dưới một tảng đá và để cho nó cắn. Khi thấy tôi không hề hấn gì họ càng sợ chết khiếp.

“Sang tháng thứ tư chúng tôi đến được kinh thành của Illel. Chúng tôi đến một khu rừng nhỏ nằm ngoài tường thành, không khí thật oi ả vì khi đó đang kì trăng khuyết. Chúng tôi hái lựu chín từ trên cây và vắt lấy nước uống. Rồi chúng tôi ngả lưng trên các tấm thảm đợi sớm mai.

“Sáng tinh mơ chúng tôi trở dậy và gõ vào cổng thành. Cổng thành đúc bằng đồng đỏ và chạm những con rồng nước và rồng bay. Lính canh nhòm từ trên tháp canh xuống và hỏi chúng tôi là ai. Người phiên dịch của đoàn khách buôn đáp rằng chúng tôi từ đảo Syria cùng với rất nhiều hàng hóa. Họ giữ các con tin và hẹn đến trưa sẽ mở cổng thành cho chúng tôi và đề nghị chúng tôi chờ cho đến khi đó.

“Đến trưa họ mở cổng thành cho chúng tôi. Khi chúng tôi đã vào cả trong thành, dân tình từ các nhà đổ ra vây kín và quan sát chúng tôi. Một người loan tin đi khắp một lượt quanh kinh thành và truyền tin bằng một chiếc tù và ốc biển. Chúng tôi đứng ở khu chợ, các tên da đen cởi dây các kiện hàng vải hoa và mở những hòm gỗ sung dâu chạm trổ. Khi chúng hoàn tất công việc, đám khách buôn bày những hàng hóa lạ mắt của họ ra, những súc vải lanh Ai Cập hồ sáp, những súc lanh hoa Etiôpia, những tấm bọt biển xốp đỏ thắm của Tyre, những tấm rèm xanh Sidon, và những chiếc tách hổ phách lạnh, những chiếc bình thủy tinh tuyệt đẹp cùng những chiếc bình gốm kì lạ. Trên mái một ngôi nhà, đám phụ nữ hiếu kì quan sát chúng tôi, giữa bọn họ có thấy một bà già đeo mặt nạ da mạ vàng.

“Ngày đầu tiên các vị Linh Mục đến và đổi chác hàng hóa với chúng tôi, ngày thứ hai dành cho các bậc vương tôn quý tộc, còn sang ngày thứ ba mới đến lượt các thợ thủ công cùng đám nô lệ. Đây là cách họ giao tiếp với các đoàn khách buôn khi các đoàn này lưu lại ở kinh thành.

“Chúng tôi ở lại đó một tháng, cuối tháng khi trăng khuyết, tôi thấy buồn tẻ đành đi lang thang khắp các nẻo phố trong kinh thành và đi đến khu thánh đường. Các giáo sĩ mặc áo khóa vàng lặng lẽ đi lại trong những rặng cây xanh, trên một đường phố lát đá cẩm thạch đen có một ngôi nhà màu hoa hồng, là nơi Thượng Đế của họ đang ngự. Các cánh cửa ngôi nhà quét sơn bóng, trên bề mặt đắp nổi hình những con bò đực và chim công mạ vàng sáng choang. Các mái nhà vát xuống và những mái che nhô ra có trang hoàng những chuỗi quả chuông bằng sứ. Khi có đàn bồ câu trắng bay qua, cánh chúng chạm vào những quả chuông khiến chúng ngân lên leng keng.

“Phía trước thánh đường có một bể nước trong veo, miệng bể cạp những dải vân mã não. Tôi nằm xuống cạnh bể nước và chạm những ngón tay nhợt nhạt của mình vào phiến đá to bản của nó, một giáo sĩ tiến lại và đứng ở phía sau tôi. Ông ta đi đôi

dép, một chiếc làm từ da rắn mềm, còn chiếc kia bện từ lông chim. Ông ta đội một chiếc mũ tế bằng nỉ đen có gắn một hình trăng lưỡi liềm bằng bạc. Bảy sắc vàng được dệt trên áo choàng của ông ta, mái tóc quăn nhuộm Antimon.

“Một thoáng sau ông ta cất tiếng hỏi tôi, xem tôi có ước nguyện gì.

“Tôi trả lời, ước nguyện của tôi là được nhìn thấy Thượng Đế.

“Thượng Đế đang săn bắn,” vị giáo sĩ trả lời, lạ lùng nhìn tôi qua cặp mắt xếch hẹp.

“Hãy chỉ cho tôi ngài ngự ở khu rừng nào, tôi sẽ đến với ngài”, tôi nói.

“Ông ta lấy móng tay nhọt hoắt gạt những dải tua mềm mại trên chiếc áo khoác ngắn tay. “Thượng Đế đang nằm nghỉ”, ông lẩm bẩm.

“Hãy bảo tôi ngài ngự ở đâu, tôi sẽ đến nâng giấc hầu ngài” tôi nói.

“Thượng Đế đang dự tiệc,” ông ta kêu lên.

“Nếu rượu ngọt tôi sẽ cùng uống với ngài, nếu rượu có đắng chát tôi vẫn sẽ uống hầu ngài,” là câu trả lời của tôi.

Ông ta cúi đầu sửng sốt và cầm tay tôi, ông ta kéo tôi dậy, dẫn vào thánh đường.

“Ở phòng đầu tiên tôi nhìn thấy một tượng thần ngự trong một ngai ngọc thạch anh viền những viên ngọc trai phương Đông to kếch sù. Bức tượng từ gỗ mun trong vóc dáng một người đàn ông. Trên trán ông ta gắn một viên hồng ngọc, những giọt giầu đặc quánh nhỏ từ tóc ông ta xuống hai bắp đùi. Hai chân bức

tượng nhuốm đỏ máu một con dê non vừa bị giết, ở thắt lưng ông ta đeo một dây lưng bằng đồng có gắn bảy viên ngọc thạch.

“Tôi hỏi vị giáo sĩ, “Thượng Đế đây sao?” Ông ta trả lời tôi, “đây là Thượng Đế”.

“Hãy chỉ Thượng Đế cho ta, không nhất định ta sẽ giết chết ngươi,” tôi quát. Khi chạm vào cánh tay ông ta, tôi thấy nó quắt lại.

“Vị giáo sĩ cầu xin: “Xin chủ nhân của tôi hãy xoa dịu cho kẻ tôi tớ của Người và tôi sẽ chỉ cho anh ta Thượng Đế”.

“Tôi phả hơi thở của mình vào tay ông ta và nó lại phồng ra như cũ, rồi ông ta run rẩy dẫn tôi sang phòng thứ hai. Tôi nhìn thấy một tượng thần ngự trên một đài sen bằng ngọc bích với những viên ngọc lục bảo lớn. Bức tượng được khắc từ ngà voi và to gấp đôi bức tượng thần đàn ông, trên trán có gắn một viên Chrysolite, còn trên ngực bôi bột trầm hương và bột quế. Một tay bức tượng mang cây quyền trượng ngọc bích cong đầu, còn tay kia cầm một quả cầu pha lê, chân xỏ một đôi giầy ống bằng đồng thau và cái cần cổ nần nẫn lồng trong một chiếc vòng nguyệt thạch.

“Tôi hỏi vị giáo sĩ: “Thượng Đế đây sao?” Ông ta trả lời tôi: “Đây là Thượng Đế”.

“Hãy chỉ Thượng Đế cho ta, không nhất định ta sẽ giết chết ngươi,” tôi quát. Khi tôi chạm tay vào mắt ông ta, chúng lập tức trở nên mù lòa.

“Vị giáo sĩ van xin: “Xin chủ nhân của tôi hãy xoa dịu cho kẻ tôi tớ của Người, và tôi sẽ chỉ cho anh ta Thượng Đế”.

Thế là tôi phả hơi thở của mình vào mắt ông ta, đôi mắt lại sáng lại như cũ, rồi ông ta run rẩy dẫn tôi sang phòng thứ ba. Và lạ chưa! Không hề có thần tượng nào ở nơi đó, cũng chẳng có ảnh

thánh hay thứ gì tương tự, chỉ có một tấm gương bọc kim loại đặt trên một bệ thờ bằng đá.

“Tôi mới hỏi vị giáo sĩ: “Thượng Đế ở đâu?”

“Ông ta đáp: “Không có Thượng Đế mà chỉ có tấm gương anh đang nhìn thấy đó, nhưng đây là tấm gương thông thái. Nó phản chiếu mọi thứ trên Thiên đàng và dưới trần gian, phò giúp khuôn mặt nào soi vào nó. Những ai soi vào nó đều có thể trở nên thông thái. Có rất nhiều các tấm gương ở nơi đây, nhưng đó là những tấm gương đáng giá. Chỉ có một tấm gương này là tấm gương thông thái và ai đã làm chủ được tấm gương này, sẽ hiểu biết tất cả mọi điều, không một cái gì trên đời này lọt được qua mắt anh ta. Ai là chủ tấm gương không thể không thông thái. Vì thế, chẳng lẽ tấm gương không phải là Thượng Đế, và chúng ta chẳng thờ phụng nó đấy sao”. Tôi nhìn vào tấm gương và xảy ra điều đúng như ông ta đã nói với tôi.

“Tôi đã làm một việc kì lạ, nhưng điều tôi làm chẳng quan trọng gì đâu, vì tôi đã giấu tấm gương thông thái trong một thung lũng ở cách đây một ngày đường. Hãy cho tôi trở vào người anh để lại được là tôi tớ của anh. Anh sẽ thông thái hơn mọi nhà hiền triết trên thế gian này vì tấm gương thông thái sẽ thuộc về anh. Hãy cho tôi quay về với anh đi. Sẽ không ai có thể thông thái bằng anh”.

Nhưng chàng Đánh Cá chỉ cười. “Tình yêu vẫn hơn sự thông thái”, chàng kêu lên, “và nàng Tiên Ngư bé nhỏ yêu tôi”.

“Không dù sao vẫn không gì có thể hơn được sự thông thái,” Linh Hồn nói.

“Tình yêu hơn”, chàng Đánh Cá đáp và lặn xuống đáy nước sâu, còn Linh Hồn lại sụt sùi đi về phía các đầm lầy.

Năm thứ hai trôi qua, Linh Hồn lại trở ra bờ biển và cất tiếng gọi chàng Đánh Cá. Chàng lại ngoi lên từ đáy biển sâu và hỏi: “Ngươi

gọi ta có chuyện gì?”

Linh Hồn trả lời: “Hãy lại gần đây, để tôi có thể chuyện trò cùng anh, bởi tôi chứng kiến rất nhiều điều kì lạ”.

Chàng Đánh Cá bơi lại gần, nằm dài trên vũng nước cạn, gối đầu lên cánh tay mình, chàng lắng nghe.

Và Linh Hồn kể với chàng: “Khi chia tay anh, tôi quay mặt về hướng Nam và lên đường. Mọi cái đều từ hướng Nam đều quý giá. Tôi đi liền sáu ngày theo đường cái quan và đến được thành phố Ashter[1] tôi đi trên con đường nhuộm đỏ bụi mà những người hành hương vẫn đi, sang buổi sáng ngày thứ bảy, tôi giương mắt lên, và kìa! Một kinh thành đã ở dưới chân tôi, vì nó nằm trong một thung lũng.

---

[1] *tên của nữ thần Mặt trăng ở Vavilon và Axiri*

“Có bảy cổng dẫn vào kinh thành và trước mỗi cổng thành đều có đứng một con ngựa bằng đồng và chúng hí lên khi có người Ả Rập từ trên đỉnh núi đi xuống. Các tường thành đều bọc đồng và các tháp canh phía trên tường đều lợp đồng thau. Trong mỗi tháp có một cung thủ, tay cầm cung. Khi bình minh lên, tay cung thủ bắn một mũi tên vào một cái cồng và lúc hoàng hôn buông, hắn thổi một hồi tù và và báo hiệu.

“Khi tôi định đi vào trong kinh thành, lính gác ngăn tôi lại và hỏi tôi là ai. Tôi trả lời mình là một giáo sĩ Hồi giáo, đang trên đường tới thánh địa Mecca[1] nơi có một bức tường màu xanh, trên đó kinh Coran được khắc chữ bạc bởi bàn tay của các vị thần linh. Họ rất đỗi kinh ngạc và khẩn khoản mời tôi đi qua.

[1] *Một thành phố ở Ả Rập Xê Út nơi sinh của giáo chủ Hồi giáo Mohanet Được coi là thánh địa của người Hồi giáo.*

"Trong thành, trông gần giống như một khu chợ. Tôi chắc anh cũng muốn ở cùng tôi lúc đó. Dọc các con phố hẹp, những chiếc đèn lồng giấy rực rỡ treo mình rún rẩy như những cánh bướm khổng lồ. Khi có làn gió thổi qua, chúng dướn lên trông như những trái bong bóng vẽ. Đằng trước các quán hàng là những khách buôn ngồi trên những tấm thảm tơ. Họ để râu đen thẳng tuột, trên những chiếc mũ quả dưa họ đội có gắn những đồng Sequin[1] những chuỗi hạt hổ phách chạm hình quả đào trượt trên những ngón tay mát rượi của họ. Một số bán dầu thơm, bột giặt thơm cũng những loại nước hoa lạ từ các đảo trên biển Ấn Độ Dương và tinh dàu hồng nhung đặc quánh nhựa thơm cùng những đôi găng tay da rắn sù sì. Khi có ai dừng lại trước quán hàng của họ, họ quẳng một nhúm hương tràm lên đám than hồng đựng trong chậu thau, khiến không gian thơm nức thêm ngọt ngào. Tôi thấy một gã người Siri cầm trên tay một cái que mảnh như cây sậy. Đám khói sáng bốc lên từ cái que đang cháy đó có hương thơm giống như hương quả hạnh hồng trong tiết mùa xuân. Một số khách thì bán vòng đeo tay bạc khảm đá ngọc lam mịn, vòng bọc đồng thau có tua đính những viên ngọc trai nhỏ xíu, vuốt cọp bọc vàng, vuốt mèo rừng, báo cũng bọc vàng, hoa tai ngọc lục bảo xỏ lỗ và nhẫn đeo tay ngọc bích rỗng. Từ các quán trà vang lên tiếng ghi ta và khuôn mặt tươi cười tái nhợt của những tay hút thuốc phiện ngó ra nhìn khách qua đường.

[1] *Đồ trang sức hình tròn, sáng lấp lánh.*

"Lẽ ra anh phải ở cùng tôi. Bọn bán rượu lấy khủy tay dẹp đường lách qua đám đông, trên vai họ là những bọng da đen đựng rượu

to kềnh. Phần đông họ bán rượu Schiraz[1] ngọt lừ như mật ong. Họ rót rượu vào những chiếc tách kim loại nhỏ cho khách và thả lá hoa hồng vào. Ở khu chợ là những người đứng bán hoa quả, đủ các loại; vả chín cùi dày tím lịm; dưa vàng thơm nức như xạ hương, vàng ươm màu hoàng ngọc, thanh yên, doi và những chùm nho trắng; trên trời, dưới là cam vàng rực cùng chanh quả như một khối vàng xanh. Có lần tôi nhìn thấy voi đi qua. Vòi voi sơn son thiếp vàng, trên tai voi che một tấm mạng bằng lụa bọc đỏ sẫm. Nó dừng lại trước một quán hàng và bắt đầu ngốn những trái cam, dân tình chỉ cười vui vẻ. Anh không thể tượng tượng nổi dân chúng ở đó kì quặc đến mức nào. Khi có điều vui họ đến hàng bán chim, mua một con chim rồi phóng sinh cho nó, để niềm vui của họ càng lớn hơn, và khi có điều phiền não, họ tự quất mình bằng roi gai, mong nỗi buồn sẽ vợi bớt đi.

---

[1] *Tên một thành phố cổ của Iran*

“Một buổi tối, tôi thấy mấy tên da đen khiêng một chiếc kiệu nặng đi qua khu chợ. Kiệu được đan bằng tre bằng ngà, tay kiệu sơn son bóng loáng có đính những con công bằng đồng thau. Che cửa sổ kiệu là một tấm rèm Muslin thêu cánh bọ dừa và đính ngọc trai nhỏ. Khi chiếc kiệu đi qua, một khuôn mặt người Tsecket nhợt nhạt ló ra mỉm cười với tôi. Tôi đi theo chiếc kiệu, bọn da đen rảo bước nhanh hơn và quắc mắt lên đe dọa. Nhưng tôi chẳng thấy ngán. Tôi thấy tò mò quá đi mất.

“Cuối cùng họ dừng lại trước một tòa nhà hình khối vuông trắng. Tòa nhà không có cửa sổ, chỉ có một cửa sổ ra vào nhỏ như cửa xuống nhà mồ. Bọn da đen đặt kiệu xuống và gõ cửa ba lần bằng chiếc búa đồng. Một người Ácmêni mặc áo Kaftan da màu xanh nhìn qua lỗ cửa con, khi nhìn thấy chúng, gã mở cửa ra, trải thảm xuống mặt đất, rồi một người đàn bà bước xuống

kiệu. Khi đã vào trong nhà, bà ta còn quay lại mỉm cười một lần nữa với tôi. Tôi chưa từng thấy ai nhợt nhạt đến thế.

“Khi trăng lên, tôi quay lại chỗ đó, tìm kiếm ngôi nhà, nhưng chẳng thấy tăm hơi nó đâu nữa. Khi đó tôi chợt hiểu người đàn bà đó là ai và vì sao bà ta lại mỉm cười với tôi.

“Lẽ ra anh phải ở cùng tôi. Trong lễ mừng trăng lên, vị Quốc Vương trẻ bước ra khỏi cung điện và tiến vào giáo đường để cầu nguyện. Tóc và râu dài nhuộm lá hoa hồng còn má ngài xoa bột mảy vàng, gan bàn tay ngài bôi nghệ tây vàng khè. Bình minh lên, Quốc Vương ra khỏi cung điện, khoác long bào dệt chỉ bạc, còn khi hoàng hôn buông, ngài lại trở ra, khoác long bào dệt chỉ vàng. Các thần dân quỳ rạp xuống đất và giấu mặt đi. Tôi lại không làm như vậy. Tôi đứng sau một quầy bán quả chà là và chờ. Khi Quốc Vương thấy tôi, ngài nhướn cặp lông mày vẽ lên và dừng bước. Tôi đứng im, không cúi lạy ngài. Dân tình sửng sốt bởi sự cả gan của tôi và khuyên tôi nên trốn ra khỏi thành phố. Tôi để ngoài tai những lời của họ, đến ngồi cùng những người bán các tượng thần dị giáo, vì thế mà bị mọi người xa lánh, mỗi người bèn đưa cho tôi một tượng thần và cầu xin tôi hãy lánh xa họ ra.

“Đêm ấy, tôi vừa nằm xuống nệm trong quán trà ở phố những cây lựu, quân lính của Quốc Vương ập vào và giải tôi về cung điện. Sau khi tôi bước vào mỗi cánh cửa, lính gác liền đóng ngay nó lại và quàng thêm một dây sích sắt nữa. Bên trong là một cung điện nguy nga có đường hành lang với mái che bao xung quanh, tường thạch cao tuyết hoa trắng, ngói lợp màu lục và xanh da trời, cột đá cẩm thạch xanh và vỉa hè lát đá cẩm thạch chạm hình hoa đào. Toàn là những thứ tôi chưa từng nhìn thấy bao giờ.

“Khi tôi đi qua cung điện, có hai người đàn bà che mạng từ trên ban công nhìn xuống và cất tiếng nguyền rủa tôi. Toán lính rảo bước, cán giáo lướt phăm phăm trên mặt sàn bóng loáng. Rồi họ

mở một cánh cửa chạm ngà voi, một khu vườn với bảy lầu hóng mát hiện ra trước mắt tôi. Trong vườn có đủ các loài: Uất kim cương cúc đại đóa, lô hội bạc. Một đài phun nước giống như một cây sậy pha lê mảnh mai ẩn hiện trong không gian mờ tối. Trên một cây bách, có tiếng chim họa mi thánh thót hót ca.

“Một đình tạ nhỏ nằm ở cuối vườn, khi chúng tôi tiến lại gần hai viên quan hoạn bước ra đón chúng tôi. Họ bước đi, thân hình phì nộn núng na núng nính và họ hiếu kì liếc nhìn tôi với cặp mắt có hàng mi vàng ươm. Một người kéo viên chỉ huy toán lính ra một chỗ và thì thầm với y bằng một giọng trầm. Người kia vẫn tóp tép nhai viên kẹo thơm ông ta khẽ khàng nhón ra từ một chiếc hộp men hình bồ dục màu tía nhạt.

“Một lát sau viên chỉ huy cho đám lính đi ra. Họ quay trở về cung điện, hai hoạn quan chậm rãi theo sau, vừa với tay hái những trái dâu chín trên cây khi họ đi ngang qua. Viên hoạn quan già hơn quay lại cười với tôi một nụ cười ma quái.

“Rồi viên chỉ huy tiến về phía của đình tạ. Tôi rắn rỏi tiến lên, gạt tấm màn rủ trĩu nặng, tôi bước vào bên trong.

“Quốc Vương trẻ đang nằm dài trên một chiếc sập lót da sư tử thuộc, một con chim ưng gộc đậu trên cổ tay ngài. Một lính hầu người Nubian đội mũ giáp đồng, người để trần đến thắt lưng, tai bị xẻo đeo khuyên nặng trĩu, đứng ở đằng sau ngài. Trên chiếc bàn ở cạnh sập đặt một thanh đại đao lớn bằng thép.

“Nhìn thấy tôi Quốc Vương sầm mặt lại, đoạn hỏi tôi: “Tên nhà ngươi là gì? Ngươi biết ta là Quốc Vương kinh thành này chứ?” Nhưng tôi chẳng trả lời ngài.

“Ngài trỏ tay về phía thanh đại đao, tên người Nubian nắm lấy nó, xông lại phía tôi và chém bổ xuống bằng một sức mạnh khủng khiếp. Lưỡi đao bay vèo qua người tôi mà chẳng làm tôi xước da. Tên lính ngã nhào xuống sàn nhà và khi hắn nhỏm dậy,

răng hắn đánh lập cập vào nhau vì kinh hoàng và hắn chạy nấp vào sau chiếc sập.

“Quốc Vương nhảy phắt dậy, cầm lấy một cây thương đặt trên giá và lao về phía tôi. Tôi chộp lấy khi nó còn đang bay và bẻ cán nó gãy làm đôi. Ngài liền bắn một mũi tên vào tôi, nhưng tôi vừa giơ tay lên, mũi tên dừng ngay lại giữa không trung. Thế là ngài rút một con dao găm từ thắt lưng da màu trắng và đâm vào họng tên người Nubian để nó không thể kể lại được nỗi ô nhục của ngài. Tên này quằn quại như một con rắn bị xéo nát và một dòng bọt đỏ sùi lên bên khóe mép của nó.

“Khi tên người Nubian đã chết hẳn, Quốc Vương quay về phía tôi, sau khi dùng chiếc khăn lau nhỏ bằng lụa tím thấm những giọt mồ hôi lấp lánh trên đôi mày, ngài bảo tôi, “người có phải là một Thiên sứ mà ta không làm gì được ngươi, hay người là con của một Thiên sứ mà ta không thể chạm được vào da thịt của ngươi? Ta xin ngươi hãy rời kinh thành của ta ngay đêm nay, bởi một khi ngươi còn ở đây, ta không còn là chủ nhân của nó nữa.”

“Và tôi trả lời ngài, “tôi sẽ đi cùng một nửa của cải của ngài. Hãy đưa cho tôi một nửa số của cải của ngài, tôi sẽ đi”.

“Ngài cầm tay tôi, dẫn ra khu vườn. Khi tên chỉ huy toán lính nhìn thấy tôi, y ngạc nhiên lắm. Khi các hoạn quan trông thấy tôi đầu gối họ run lập cập và họ ngã lăn ra đất vì khiếp sợ.

“Có một gian phòng trong cung điện có tám bức tượng đá *pocphia* đỏ, trần lát đồng thau có treo những chùm đèn. Quốc Vương chạm tay vào một bức tường, nó lập tức mở ra và chúng tôi đi qua một hành lang thắp rất nhiều đuốc. Trong mỗi góc tường đều đặt những chiếc bình khổng lồ màu vàng thẫm, chứa đầy ắp những đồng tiền bạc. Khi chúng tôi vào đến giữa hành lang Quốc Vương thốt ra một câu phạm thánh và cánh cửa đá *granít* bật mở, để lộ một dòng chảy bí mật; ngài phải lấy tay bịt mặt để mắt khỏi bị lóa.

“Đó là một nơi tuyệt diệu đến khó tin. Ở đó, có một chiếc mai rùa khổng lồ chứa đầy ngọc trai, lam bảo ngọc rỗng cỡ lớn cùng ngọc *rubi* đỏ. Vàng thì được chứa trong những cái két bọc da voi, bột vàng thì đựng trong các bầu bằng da. Đá *opan* và *xaphia* khuôn theo hình những chiếc cốc pha lê, còn latter[1] trong những chiếc cốc ngọc bích. Ngọc lục bảo xanh nằm xếp lớp trên những chiếc đĩa ngà mỏng manh. Trong một góc phòng xếp đống những túi lụa căng phồng ăm ắp, một số túi đựng ngọc lam, còn một số chứa berin. Những cặp ngà voi đựng đầy thạch anh tím, còn các tù và đồng thau thì ăm ắp đá *canxeđoan*. Các cột gỗ tuyết tùng vấn đầy các chuỗi hạt đá mắt mèo vàng óng ánh. Trên các tấm khiên phẳng hình ô van nằm những viên ngọc *granít* đỏ ánh lên màu vàng sẫm và màu đồng. Đấy là tôi mới kể với anh một phần rất nhỏ những gì có ở đó.

---

[1] *Hợp kim giống đồng,dùng làm chén, bình trong nhà thờ.*

“Quốc Vương bỏ tay che mặt xuống và bảo tôi: “Đây là kho chứa của cải của ta một nửa những gì ở đây là của ngươi, như ta đã hứa. Ta sẽ cấp cho người lạc đà cùng người đánh lạc đà. Chúng sẽ theo lệnh ngươi, chở phần của cải của ngươi đến bất cứ xó xỉnh nào trên thế gian theo ý nguyện nhà ngươi. Mọi cái sẽ phải hoàn tất trong đêm nay, bởi ta không muốn mặt trời, người anh em của ta phải nhìn thấy trong kinh thành của ta cái con người ta không thể giết nổi”.

“Nhưng tôi trả lời ngài rằng: “Vàng ở đây là của ngài, bạc cũng là của ngài và của ngài cả những đồ châu báu quý giá cùng những vật đắt tiền. Còn tôi, tôi không cần những thứ này. Tôi chẳng lấy gì của ngài ngoài chiếc nhẫn bé nhỏ ngài đang đeo nơi ngón tay kia.”

“Quốc Vương sầm mặt lại.” Đó chỉ là một cái nhẫn bằng chì. Ngài kêu lên: “Nó chẳng có giá trị gì đâu. Vì vậy hãy nhận lấy

một nửa của cải phần của người và rời khỏi kinh thành của ta đi".

"Không" tôi đáp, "tôi chẳng lấy gì ngoài chiếc nhẫn chì bởi tôi biết điều gì được viết trên đó và dành cho mục đích gì".

"Quốc Vương run lên, ngài van nài." Hãy lấy tất cả của cải đi và rời khỏi kinh thành của ta. Nửa phần của ta cũng sẽ là của người đấy."

"Tôi đã làm một việc kì quặc, nhưng chẳng quan trọng, vì trong một cái hang cách đây một ngày đường, tôi đã giấu chiếc nhẫn giàu có. Nó chỉ nằm cách đây có đúng một ngày đường và đang đón chờ anh. Anh, người sở hữu chiếc nhẫn này, sẽ giàu có hơn mọi bậc vua chúa trên thế gian này. Vì vậy hãy tới và lấy nó đi, và mọi của cải trên đời này sẽ là của anh".

Nhưng chàng Đánh Cá chỉ cười. "Tình yêu còn hơn sự giàu có," chàng kêu lên, "và nàng Tiên Ngư bé nhỏ yêu tôi".

"Không đâu, không có gì hơn được sự giàu có," Linh Hồn nói.

"Tình yêu vẫn hơn," chàng Đánh Cá trả lời rồi lao mình xuống đáy nước sâu thẳm, còn Linh hồn than khóc đi về phía các đầm lầy.

Năm thứ ba trôi qua, Linh Hồn quay trở lại bờ biển và cất tiếng gọi chàng Đánh Cá. Chàng ngoi lên từ lòng biển và hỏi: "Ngươi gọi ta có chuyện gì"

Linh Hồn trả lời, "hãy lại gần đây, để tôi có thể chuyện trò cùng anh, bởi tôi thấy nhiều điều kì diệu lắm".

Chàng Đánh Cá bơi lại gần, nằm dài trong vũng nước cạn, gối đầu trên cánh tay mình, chàng lắng nghe.

Và Linh Hồn kể với chàng: “Trong thành phố tôi đã thấy, ở đó có một quán trọ nằm bên một dòng sông. Tôi ngồi cạnh những gã thủy thủ đang uống thứ rượu có hai màu khác nhau và gặm bánh bột lúa mạch, thứ cá muối con để trên lá nguyệt quế trộn với dấm. Chúng tôi ngồi và đang ăn uống vui vẻ, thì một lão già cắp một tấm thảm da với một cây đàn *luyt* có hai cái tai hổ phách đi vào. Trải tấm nệm ra nền đất rồi, lão gảy ống lông ngỗng lên sợi dây bọc sắt của cây đàn *luyt*, khi đó, một cô gái che mạng chạy ra và nhảy múa trước chúng tôi, che mặt cô là một tấm voan sa, nhưng chân cô lại để trần. Cặp chân cô để trần và chuyển động trên tấm thảm như cặp bồ câu trắng xinh xinh. Tôi chưa thừng thấy một vật gì xinh đẹp hơn, và thành phố, nơi cô gái nhảy múa chỉ cách đây có đúng một ngày đường”.

Lúc này, khi nghe những lời ấy của Linh Hồn, chàng Đánh Cá chợt nhớ ra rằng nàng Tiên ngư bé bỏng không có chân, và nàng không thể nhảy múa.

Một nỗi khát khao cháy bỏng trỗi dậy và chàng tự nhủ: “Chỉ một ngày đường, rồi ta lại có thể quay về với người yêu dấu của ta,” chàng bật cười, nhổm dậy khỏi vũng nước nông và bước lên bờ.

Khi lên đến bờ khô ráo chàng lại cười và chìa tay ra cho Linh hồn của chàng. Nó thét vang vì vui sướng, chạy vội lại đón chàng và nhập luôn vào người chàng. Chàng Đánh Cá lại nhìn thấy, trải dài trên cát trước mặt chàng là cái bóng của thân xác và cũng là thân xác của Linh Hồn.

Linh Hồn bảo với chàng: “Chúng ta đừng chần trừ, hãy rời khỏi đây ngay, bởi các thần biển là chúa hay ghen, và lại có lũ quỷ biển thi hành mệnh lệnh của họ đấy”.

Hối hả lên đường, đi suốt đêm dưới ánh trăng, đi suốt cả ngày hôm sau dưới nắng mặt trời, đến tối thì họ tới thành phố.

Chàng Đánh Cá hỏi Linh Hồn của mình: “Đây có phải là thành phố có nàng vũ nữ người kể với ta không?”

Và Linh Hồn trả lời chàng: “Không phải thành phố này, mà là thành phố khác. Nhưng chúng ta cứ vào đây cái đã”.

Thế là họ đi vào thành phố, băng qua cá dãy phố, khi họ đi qua phố Thợ kim hoàn, chàng Đánh Cá nhìn thấy một chiếc cốc bạc rất đẹp bày trên một quầy hàng. Linh Hồn bảo chàng: “Cầm lấy chiếc cốc bạc và giấu nó đi”.

Thế là chàng cầm ngay lấy chiếc cốc và giấu nó và túi áo khoác, rồi họ vội vã rời khỏi thành phố.

Đi được một dặm khỏi thành phố, chàng Đánh Cá cau có quẳng chiếc cốc đi và bảo với Linh Hồn của mình, “tại sao ngươi lại xui ta lấy giấu chiếc cốc này đi, vì đó là một việc làm xấu xa”.

Linh Hồn trả lời chàng, “an tâm đi, hãy an tâm đi nào”.

Đến tối ngày thứ hai họ đến một thành phố. Chàng Đánh Cá hỏi Linh Hồn của mình: “Đây có phải là thành phố có nàng vũ nữ ngươi kể với ta không?”

Và Linh Hồn trả lời chàng: “Không phải thành phố này, mà là thành phố khác. Nhưng chúng ta cứ vào đây cái đã”.

Thế là họ vào trong thành, băng qua các dãy phố, khi họ đi quá phố Hàng giày, chàng Đánh Cá nhìn thấy một đứa trẻ đứng bên một bình nước. Linh Hồn bảo chàng: “Hãy tát cho đứa bé này một cái”. Thế là chàng tát đứa bé cho đến khi nó bật khóc thút thít. Rồi họ vội vã rời khỏi thành phố.

Đi được một dặm khỏi thành phố, chàng Đánh Cá nổi giận bảo với Linh Hồn của mình: “Tại sao ngươi lại xui ta tát đứa bé, vì đó là một việc làm xấu xa?”

Nhưng Linh Hồn đáp lại chàng: “an tâm đi, hãy an tâm đi nào”.

Tối ngày thứ ba họ đến một thành phố. Chàng Đánh Cá hỏi Linh Hồn của mình: “Đây có phải là thành phố có nàng vũ nữ ngươi kể với ta không?”

Linh Hồn đáp: “Cũng có thể là ở trong thành phố này, vậy chúng ta cứ vào xem sao”.

Thế là họ đi vào thành, băng qua các dãy phố, nhưng chàng Đánh Cá chẳng tìm thấy ở đây dòng sông hay quán trọ nằm bên dòng sông ấy. Dân tình trong thành tò mò nhìn chàng khiến chàng thấy sợ. Chàng bèn bảo với Linh Hồn của mình. “Chúng ta rời khỏi đây thôi, vì nàng vũ nữ nhảy múa trên cặp chân trắng ngần không có ở đây”.

Nhưng Linh Hồn chàng đáp: “Không được chúng ta nán lại cái đã, vì trời tối rồi, nhất định có kẻ cắp ở dọc đường”.

Thế rồi nó đặt chàng ngồi xuống nghỉ chân ở khu chợ. Một lát sau có hai khách buôn đội mũ trùm đi tới, họ mặc đồ của người Tartar, cầm một chiếc đèn lồng làm từ sừng rỗng, và treo trên đầu một cây sậy. Một khách buôn bảo với chàng, “tại sao ngài lại ngồi ở khu chợ mà ngắm mấy cái quầy hàng đã đóng cùng với những kiện hàng đã chằng kĩ này làm gì?”

Chàng Đánh Cá trả lời ông ta: “Tôi chả tìm thấy một quán trà nào ở đây, cũng chẳng có một người bà con có thể cho tôi tá túc”.

“Chẳng phải chúng ta đều là bà con sao? Người khách buôn bảo. “Chẳng phải chúng ta cùng một Thượng Đế sinh ra hay sao?” Vì vậy hãy đi với tôi, tôi có một phòng dành cho khách”.

Thế là chàng Đánh Cá đứng lên đi theo người khách buôn về nhà ông ta. Đi qua một vườn lựu, chàng vào đến trong nhà. Ông khách buôn bưng một chậu đồng nước hoa hồng mời chàng rửa tay, bổ dưa hấu mời chàng ăn cho dịu cơn khát rồi bê một bát gỗ đựng cơm với một miếng thịt dê non rán ra mời chàng ăn.

Chàng ăn uống xong, ông khách buôn dẫn chàng vào phòng ngủ dành cho khách và mời chàng đi nghỉ cho lại sức chàng Đánh Cá nói lời cảm ơn, hôn lên chiếc nhẫn đeo ở ngón tay của ông, rồi quăng mình xuống tấm thảm bện lông dê. Đắp chiếc chăn đen lông cừu lên mình, chàng ngủ thiếp đi.

Ba giờ trước rạng đông, khi trời còn tối om, Linh Hồn đánh thức chàng dậy bảo: "Dậy mau và vào phòng người khách buôn, vào đúng phòng ông ta đang ngủ ấy, hãy giết ông ta và lấy hết vàng bạc của ông ta, vì chúng ta sẽ cần đến chúng".

Chàng Đánh Cá nhỏm dậy, rón rén tiến vào phòng người khách buôn, bên trên chân ông ta treo một thanh kiếm cong vút và ở ngăn hòm bên cạnh ông ta để chín túi vàng. Chàng thò tay chạm vào thanh kiếm, vừa lúc ông khách buôn giật mình, choàng tỉnh giấc. Ông nhảy phắt dậy, chộp lấy thanh kiếm và quát hỏi chàng Đánh Cá: "Ngươi định lấy oán trả ân, lấy máu trả nghĩa đối với ngươi sao?"

Linh Hồn chàng giục chàng, "đánh hắn đi", và chàng đập ông khách buôn một cái khiến ông này ngã lăn ra ngất đi. Thế là chàng vơ hết chín túi vàng và chuồn qua vườn lựu. Lúc ngẩng mặt lên chàng bắt gặp một ngôi sao, đó là ngôi sao mai.

Đi được một dặm khỏi thành phố, chàng Đánh Cá đấm ngực, bảo với Linh Hồn của mình. "Tại sao ngươi lại xui giết ông khách buôn và cướp vàng của ông ấy? Ngươi rõ là đồ ác quỷ rồi".

Nhưng Linh Hồn bảo chàng, "an tâm đi, hãy an tâm đi nào"

"Không" chàng Đánh Cá quát lên: "Ta không thể an tâm bởi ta căm thù cả ngươi nữa, và xin ngươi hãy nói cho ta hay, vì sao ngươi nỡ đối xử với ta như vậy?"

Linh Hồn bèn trả lời chàng: "Khi anh tống tôi ra dương gian anh đã không đưa trái tim cho tôi. Vậy nên tôi học cách làm tất cả những chuyện này, và tôi thấy thích lắm".

“Ngươi nói gì vậy?” “Chàng Đánh cá lẩm bẩm”.

“Anh biết mà,” Linh Hồn chàng trả lời: “Anh hiểu rất rõ mà. Anh quên đã không trao trái tim cho tôi rồi sao? Tôi không tin. Chẳng có gì quấy rầy nổi bản thân anh và tôi, ngoài sự yên thân, bởi chẳng có nỗi đau nào khiến anh phải rũ bỏ, cũng chẳng có vui thú nào khiến anh phải đón nhận”.

Nghe những lời này, chàng Đánh Cá run lên và bảo với Linh Hồn của mình, “không đâu, ngươi chính là quỷ dữ, đã khiến ta quên cả người yêu của ta, đã nhử ta đến mỗi lạc thú và đã xui chân ta đi tìm tội lỗi”.

Linh Hồn mới đáp rằng: “Anh chớ quên là đã đuổi tôi ra ngoài đời mà không trao trái tim cho tôi đấy nhé. Nào đi thôi, chúng ta sẽ đến một thành phố khác và vui chơi cho thỏa thích, vì chúng ta đã có chín túi vàng đây.”

Nhưng chàng Đánh cá cầm cả chín túi vàng quẳng xuống đất và giẫm chân lên.

“Không đâu”, chàng quát to: “Ta sẽ chẳng làm gì với ngươi, sẽ chẳng đi đâu cùng ngươi hết. Trước kia đã từ bỏ ngươi thì giờ đây ta cũng sẽ tống khứ ngươi đi, bởi người đã xúi bẩy ta làm những việc xấu xa”.

Chàng quay lưng về phía mặt trăng và với con dao găm cán bọc da rắn lục chàng tìm cách cắt khỏi chân mình cái bóng của thân thế, cũng là thân thể của Linh Hồn.

Nhưng Linh Hồn chẳng nhúc nhích, chẳng đếm xỉa đến mệnh lệnh của chàng mà lại bảo với chàng, “lời của ả Phù Thủy đã nói với anh không còn giúp gì được cho anh nữa đâu, anh cũng chẳng thể rũ bỏ được tôi nữa. Nếu một lần trên đời con người đã rũ bỏ Linh Hồn của mình, rồi lại thu nạp nó trở lại, thì nó sẽ ở lại cùng anh ta vĩnh viễn; đó là hình phạt, cũng là phần thưởng cho anh ta”.

Chàng Đánh Cá tái mét, nắm chặt tay lại, chàng quát lên: “Ả ta là một Phù Thủy dối trá vì điều ả nói với ta không hề đúng”.

“Không phải vậy, Linh hồn bảo: “Mà là bà ta đã nói thật với kẻ bà ta tôn thờ, và bà ta sẽ vĩnh viễn là tôi tớ cho kẻ đó”.

Khi chàng Đánh Cá hiểu rằng chàng chẳng bao giờ rũ bỏ được Linh Hồn của mình, một Linh hồn ác quỷ, và sẽ phải chung sống cùng với nó, chàng lăn ra đất, khóc than cay đắng.

Ngày hôm sau chàng Đánh Cá đứng dậy, bảo với Linh Hồn của mình: “Ta sẽ trói tay mình lại để không phải làm theo lời xúi bẩy của ngươi, sẽ ngậm chặt mồm để khỏi phải nói lời nói của ngươi. Ta sẽ quay về với biển cả, về với con vịnh, nơi nàng vẫn ca hát. Ta sẽ cất tiếng gọi nàng và kể cho nàng nghe những điều ác ta đã làm và thứ ác quỷ mà ngươi đã đóng sống cho ta.”

Linh Hồn liền rủ rê chàng, ai là người yêu anh để anh quay về với cô ta? Trên thế gian này còn ối cô nàng đẹp hơn cô ta? Còn có các vũ nữ Sanaris[1] biết nhảy múa như các loài cầm thú trên đời. Những cặp chân của họ nhuộm lá móng, tay họ đeo những quả chuông đồng xinh xinh. Họ tươi cười nhảy múa, tiếng cười trong như tiếng nước reo. Đi với tôi đi, tôi sẽ tìm họ cho anh.

---

[1] *Đất ixraen cổ*

Những điều tội lỗi có quan hệ gì với anh nào? Chẳng phải những món ăn khoái khẩu là để dành cho các thực khách hay sao? Chẳng phải chất độc vẫn nằm trong các đồ uống ngọt ngào sao? Đừng có tự hành hạ mình nữa mà hãy cùng tôi đến thành phố ấy đi. Có một thành phố nhỏ ở gần đây thôi. Nơi có một vườn hoa uất kim cương. Trong khu vườn xinh đẹp ấy có loài công trắng cùng công ức xanh màu thanh thiên. Khi chúng xòe đuôi dưới nắng trời, quầng đuôi chúng trông giống như những chiếc

đĩa bằng ngà và bằng vàng vậy, còn người nuôi nấng chúng thì cứ là nhảy múa tha hồ cho thỏa thích, lúc nàng nâng đôi tay, khi nàng lượn trên cặp chân. Cặp mắt nàng tô *antimoan* và cánh mũi nàng giống như đôi cánh én, một bên cánh mũi có gắn một bông hoa chạm từ ngọc trai. Nàng nhảy múa trong tiếng cười, và những chiếc vòng bạc đeo nơi cổ chân leng keng như tiếng chuông bạc. Vậy nên đừng tự làm khổ mình làm chi nữa, hãy cùng tôi đi tới thành phố ấy đi.

Nhưng chàng Đánh Cá chẳng trả lời, chỉ một mực ngậm chặt môi dán kín, và với đôi tay trói chặt chàng quay trở về nơi chàng đã ra đi, quay về con vịnh nhỏ, nơi người yêu chàng vẫn thường ca hát. Mặc cho Linh Hồn dụ dỗ thế nào, chàng cũng chỉ lặng im, không làm bất cứ việc ác nào nó mưu toan xúi bẩy. Tình yêu lớn mạnh nhường nào đã ngự trị trong chàng.

Đến gần bờ biển chàng mới nới lỏng sợi dây trói tay mình, rút bỏ tấm băng dán miệng mình, và cất tiếng gọi nàng Tiên Ngư bé nhỏ. Nhưng chẳng thấy nàng hiện lên đáp lại chàng, dù chàng van vỉ, nài gọi suốt một ngày.

Linh Hồn liền chế giễu chàng: “Anh hẳn sẽ chỉ nhận được một chút xíu niềm vui từ người yêu của anh mà thôi. Anh cứ sống chết cố đổ cho đầy một cái bát đã vỡ làm gì. Những gì anh đã từ bỏ rồi, có bao giờ trở lại với anh nữa chứ. Tốt nhất là anh hãy đi với tôi, bởi tôi biết rõ thung lũng khoái lạc nằm ở nơi nào, những trò hấp dẫn là ở những nơi đó đấy.”

“Chàng Đánh Cá không đáp lại Linh Hồn, chỉ một mực dựng cho mình một túp lều tranh dưới một mỏm đá, nương náu ở đó suốt một năm trời. Mỗi sớm mai chàng lại cất tiếng gọi nàng Tiên Ngư, buổi trưa chàng lại gọi nàng một lần nữa và đêm về chàng lại kêu gọi nàng. Nhưng vẫn chẳng thấy nàng ngoi lên từ đáy biển gặp chàng. Dù tìm kiếm khắp các hang động, khắp đáy nước thẳm xanh, khắp các vũng thủy triều, khắp mọi giếng ngòi nơi đáy nước chàng vẫn không gặp được nàng.

Dù Linh Hồn ra sức thì thầm vào tai chàng bao điều khủng khiếp, rủ rê chàng làm bao điều xấu xa, nó vẫn không sao lôi kéo nổi chàng, sức mạnh tình yêu của chàng mới to lớn làm sao.

Một năm trôi qua, Linh Hồn tự nhủ thầm: "Ta đã dụ dỗ hắn hằng hà sa số những điều ác, mà tình yêu của hắn vẫn mạnh hơn ta. Giờ đây ta sẽ dụ hắn bằng những điều tốt, có lẽ hắn sẽ theo ta".

Thế là nó bảo với chàng Đánh Cá: "Tôi đã kể anh nghe những vui thú ở đời, nhưng anh giả điếc không nghe tôi. Vậy tôi thử nói với anh về những nỗi đau trên thế gian này, có thể anh sẽ lắng nghe chăng. Sự thật là nỗi đau đang bao trùm lên trái đất này, chẳng có một ai thoát khỏi móng vuốt của nó. Người không có quần áo mà mặc, kẻ chẳng có cơm mà ăn. Có những bà góa ngồi trên nhung lụa, cũng lại có những quả phụ rách rưới nghèo đói. Lũ hủi lang thang khắp các vùng đầm lầy và luôn cắn xé lẫn nhau, bao kẻ hành khất vật vờ trên các nẻo đường với cái bị rỗng không. Trên các con phố ở khắp các thành thị, đói kém, bệnh dịch luôn nhòm ngó. Chúng ta hãy cùng tới đó để cứu giúp, để ngăn cản cho chúng đừng xảy ra. Sao anh cứ nấn ná ở nơi đây kêu gọi người yêu khi anh biết thừa cô ta chẳng đáp lời? Tình yêu là cái thứ gì mà anh phải hao tâm tổn lực cho nó đến thế?"

Nhưng chàng Đánh Cá chẳng trả lời, tình yêu của chàng mới lớn lao làm sao. Mỗi sớm mai chàng vẫn cất tiếng gọi nàng Tiên Ngư, đến chưa chàng lại gọi và đêm đêm chàng lại kêu tên nàng. Nhưng cũng chẳng thấy chàng ngoi lên từ biển sâu gặp chàng, chàng chẳng tìm thấy nàng ở nơi nào dưới đáy biển, dù chàng tìm kiếm nàng trong mọi con sông đổ ra bể, trong các khe sâu ẩn mình dưới lớp sông, trong lòng biển tím ngát lúc đêm khuya và ngả màu ghi xám khi bình mình đi qua.

Năm thứ hai trôi qua, một đêm, khi chàng Đánh Cá ngồi một mình trong túp lều tranh, Linh Hồn lại tỉ tê với chàng, "nghe này! Giờ đây tôi đã hết lời dụ dỗ anh, cả việc tốt lẫn điều xấu,

nhưng tình yêu của anh vẫn mạnh hơn tôi. Vì vậy tôi sẽ không rủ rê thêm nữa, nhưng tôi cầu xin anh hãy cho tôi vào trong trái tim anh, để tôi được ở bên anh, hệt như ngày xưa".

"Ngươi cứ việc mà vào", chàng Đánh Các đáp: "Bởi những ngày lang thang khắp thế gian không mang theo trái tim, ngươi đã phải chịu nhiều đau khổ rồi".

"Ôi trời! Linh Hồn của chàng kêu lên: "Tôi chẳng thể tìm được lối vào, trái tim của anh bị vây kín với tình yêu của anh rồi".

"Nếu có thể, ta đã giúp ngươi rồi," chàng Đánh Cá nói.

Chàng vừa dứt lời, một tiếng than buồn bã vọng lên từ đáy biển, giống hệt như tiếng kêu con người đã từng nghe khi một nhân ngư lìa đời. Chàng Đánh Cá nhảy phắt dậy, lao ra khỏi lều tranh, chàng chạy dọc theo bờ biển. Những con sóng đen hối hả lao vào bờ, mang theo một khối nặng trắng hơn cả bạc. Vật đó trắng phau như bọt sóng và bến bờ đón lấy nó vào trong vòng tay mình, và ngay dưới chân mình, chàng Đánh Cá nhìn thấy thi thể của nàng Tiên Ngư bé nhỏ. Nàng nằm chết dưới chân chàng.

Nức nở, mụ mẫm vì đau đớn, chàng nhào xuống bên tấm thi thể, hôn lên cặp môi đỏ lạnh ngắt và gỡ vuốt mái tóc ướt màu hổ phách. Chàng nằm lăn xuống mặt cát, bên tấm thi thể, run rẩy thổn thức như người đang vui, chàng ôm nó lên vòng tay nâu rám, ghì chặt bên ngực mình. Đôi môi đã giá lạnh nhưng chàng vẫn hôn lên. Muối mặn là mật ngọt nơi mái tóc, nhưng chàng vẫn day rứt với niềm vui cay đắng. Chàng hôn lên cặp mi khép chặt vào nhánh cỏ đại vương trên mí mắt ấy không mặn bằng nước mắt của chàng.

Chàng sám hối với tấm thi thể đã chết. Chàng rót vào tai nó thứ rượu chát từ các câu chuyện của chàng. Chàng đặt đôi tay nhỏ nhắn ấy quanh cổ chàng, chạm những ngón tay và cái cổ mảnh

dẻ. Niềm vui của chàng mới cay đắng làm sao, nỗi đau của chàng ngập đầy sự sung sướng kì lạ.

Biển đen tiến lại gần hơn, những đám bọt sóng trắng ngần rền rĩ như tiếng than người bệnh. Biển vờn những vuốt bọt trắng vào bến bờ. Từ dưới cung điện của Thủy Vương lại vẳng lên một tiếng thét rền rĩ, và ở rất xa ngoài khơi kia, các thần biển khổng lồ thổi tù và rền rền như ngựa hí.

“Chuồn mau thôi,” Linh Hồn chàng Đánh Cá giục, “biển mỗi ngày một tiến lại gần, nếu anh còn chần chừ nó sẽ giết tươi anh đó. Chuồn ngay thôi, tôi thấy sợ khi biết rằng trái tim anh đóng chặt trước tôi bởi tình yêu của anh quá lớn. Hãy trốn đi tìm nơi ẩn náu. Anh hẳn sẽ không tống tôi ra một thế gian khác mà không có trái tim chứ”.

Nhưng chàng Đánh Cá không nghe Linh Hồn nói, vẫn ngồi bên nàng Tiên Ngư, nói với nàng, “tình yêu quý giá hơn sự thông thái, hơn châu báu, sang giàu, đẹp hơn mọi cặp chân thiếu nữ.”

Lửa không thiêu được, nước không dập nổi. Ta sẽ, gọi nàng khi bình minh lên và nàng nhất định sẽ đến với ta. Mặt trăng kia còn nghe thấy tên nàng, mà nàng vẫn không để mắt đến ta sao. Quỷ ám ta, khi ta bỏ nàng ra đi là để tìm đến nỗi đau của chính mình. Tình yêu của nàng sẽ mãi mãi ở bên ta, nó sẽ mạnh mẽ mãi mãi để không gì chiến thắng nổi, dù ta làm điều hay hay điều giở. Giờ đây nàng đã chết, ta nhất quyết sẽ ra đi cùng nàng”.

Linh Hồn van nài chàng ra đi nhưng chàng không chịu, bởi tình yêu của chàng quá đỗi lớn lao. Biển ngày một tiến lại gần và tìm cách ập sóng xuống đầu chàng. Biết kết cục đã kề gần, chàng Đánh Cá điên cuồng hôn lên cặp môi giá lạnh của nàng Tiên Ngư, trái tim của chàng vỡ tan ra. Bởi tình yêu quá tràn đầy nên trái tim chàng đã vỡ, Linh Hồn tìm được lối vào, nó nhập vào và ở lại đó cùng chàng như những ngày xưa. Vừa lúc biển cả ập sóng cuốn chàng đi.

Sáng hôm sau, ngài Linh Mục bước ra cầu xin biển cả đang nổi sóng vì biển động. Các giáo sĩ, nhạc công, người bê nến, lắc bình hương, cùng một đoàn giáo dân theo sau tháp tùng ngài.

Ra đến bờ biển, ngài Linh Mục nhìn thấy chàng Đánh Cá nằm chết trên đám bọt sóng, trong vòng tay chàng là thi thể của nàng Tiên Ngư bé nhỏ. Ngài lật xác kẻ chết đuối, làm dấu thánh giá, rồi kêu to lên, "ta sẽ không cầu xin biển cả cùng với những thứ gì chứa trong lòng nó. Đáng nguyền rủa thay, đám nhân ngư của biển, đáng nguyền rủa thay, tất cả những kẻ liên quan đến chúng. Với kẻ đã vì tình mà chối bỏ Chúa Trời, và đã nằm chết ở đây cùng với ả tình nhân của hắn, do sự chừng phạt công bằng của Đức Chúa trời kia, hãy xem xác hắn cùng ả tình nhân của hắn mà vùi xuống góc khu nghĩa địa kia và không đặt bia mộ gì hết, để không ai biết đến nơi vùi thây của chúng. Chúng đã bị nguyền rủa khi còn sống, thì cũng sẽ bị nguyền rủa khi đã chết đi rồi".

Giáo dân làm theo mệnh lệnh của ngài, họ đào trong khu góc nghĩa địa, nơi chẳng mọc nổi lấy một cây cỏ ngọt, một cái hố sâu, rồi vùi hai cái xác xuống đó.

Hết năm thứ ba, vào một ngày lễ thánh, ngài Linh Mục tới một nhà thờ nhỏ. Ngài cần chỉ rõ cho giáo dân thấy những vết đau của Đức Chúa trời và giao giảng cho họ nghe về cơn thịnh nộ của người.

Khoác áo lễ vào, ngài bước lên, quỳ xuống trước ban thờ phủ đầy một loài hoa lạ, chưa từng thấy bao giờ. Chúng đẹp một cách lạ thường. Vẻ đẹp của chúng khiến ngài bứt rứt, hương thơm của chúng ngọt ngào xộc vào mũi ngài khiến ngài cảm thấy ngây ngất một niềm vui mà không hiểu nổi vì đâu mình lại vui.

Ngài mở tủ bánh thánh, vảy hương trầm lên và giơ ổ bánh thánh đẹp đẽ về phía các giáo dân, rồi lại phủ tấm khăn lễ lên. Ngài bắt đầu giao giảng, cố gắng kể với giáo dân về cơn thịnh nộ

của Chúa. Nhưng vẻ đẹp của loài hoa trắng nọ không để cho ngài yên, hương thơm của chúng ngọt ngào bay nức mũi ngài và những lời lẽ hoàn toàn khác đã tuôn khỏi miệng ngài. Ngài đã kể không phải về cơn thịnh nộ của Chúa mà về một Đức Chúa có tên là tình yêu. Ngài cũng chẳng biết tại sao mình lại nói như thế.

Khi ngài dứt lời mọi người đều thổn thức. Ngài Linh Mục quay vào làm lễ và mắt ngài đẫm lệ. Các thày trợ tế bước ra, bắt tay vào thay đồ cho ngài. Họ cởi áo dài trắng, tháo thắt lưng, băng hành lễ và khăn choàng cho ngài. Còn ngài cứ đứng như người trong mộng vậy.

Họ thay đồ xong, ngài nhìn họ và bảo, “những bông hoa đặt trên ban thờ kia, chúng ở đâu ra vậy?”

Họ trả lời ngài, “chúng con không biết đó là loài hoa gì, nhưng chúng được hái từ khu góc nghĩa địa đấy ạ”. Ngài Linh Mục run lẩy bẩy, ngài trở về nhà và bắt đầu cầu nguyện.

Sớm hôm sau, khi trời còn chạng vạng, ngài Linh Mục cùng các giáo sĩ, nhạc công, người cầm nến, kẻ lắc bình hương, với đông đảo giáo dân đi ra bờ biển. Ngài cầu Chúa chúc phúc cho biển cả, cho muôn loài cư trú trong lòng biển. Cả loài nhân dương cũng được ngài cầu xin chúc phúc, từ những loài nhỏ bé li ti nhảy nhót trên rừng đến những con bọ mắt sáng lóng lánh thoáng qua những đám lá. Ngài cầu chúc cho mọi sinh linh sống trong bầu trời của Chúa. Ai ai cũng lấy làm kinh ngạc và tràn trề niềm vui. Từ đó, chẳng có loài hoa nào nở trong khu góc nghĩa trang nữa, nơi đó lại trở lại cằn cỗi như xưa. Cũng không còn thấy các nhân ngư bơi vào trong con vịnh, bởi họ đã chuyển đến ở một vùng biển khác mất rồi.

ENGLISH PART

THE HAPPY PRINCE

HIGH above the city, on a tall column, stood the statue of the Happy Prince. He was gilded all over with thin leaves of fine gold, for eyes he had two bright sapphires, and a large red ruby glowed on his sword-hilt.

He was very much admired indeed. “He is as beautiful as a weathercock,” remarked one of the Town Councillors who wished to gain a reputation for having artistic tastes; “only not quite so useful,” he added, fearing lest people should think him unpractical, which he really was not.

"Why can't you be like the Happy Prince?" asked a sensible mother of her little boy who was crying for the moon. “The Happy Prince never dreams of crying for anything."

“I am glad there is some one in the world who is quite happy,” muttered a disappointed man as he gazed at the wonderful statue.

"He looks just like an angel,” said the Charity Children as they came out of the cathedral in their bright scarlet cloaks and their clean white pinafores.

"How do you know?” said the Mathematical Master, "you have never seen one."

“Ah! but we have, in our dreams," answered the children; and the Mathematical Master frowned and looked very severe, for he did not approve of children dreaming.

One night there flew over the city a little Swallow. His friends had gone away to Egypt six weeks before, but he had stayed behind, for he was in love with the most beautiful Reed. He had met her early in the spring as he was flying down the river after a big yellow moth, and had been so attracted by her slender waist that he had stopped to talk to her.

"Shall I love you?" said the Swallow, who liked to come to the point at once, and the Reed made him a low bow. So he flew round and round her, touching the water with his wings, and making silver ripples. This was his courtship, and it lasted all through the summer.

"It is a ridiculous attachment," twittered the other Swallows; "she has no money, and far too many relations"; and indeed the river was quite full of Reeds. Then, when the autumn came they all flew away.

After they had gone he felt lonely, and began to tire of his lady-love.

"She has no conversation," he said, "and I am afraid that she is a coquette, for she is always flirting with the wind." And certainly, whenever the wind blew, the Reed made the most graceful curtseys. "I admit that she is domestic," he continued, "but I love travelling, and my wife, consequently, should love travelling also."

"Will you come away with me?" he said finally to her; but the Reed shook her head, she was so attached to her home.

"You have been trifling with me," he cried. "I am off to the Pyramids. Good-bye!" and he flew away.

All day long he flew, and at night-time he arrived at the city. "Where shall I put up?" he said; "I hope the town has made preparations."

Then he saw the statue on the tall column.

"I will put up there," he cried; “it is a fine position, with plenty of fresh air.” So he alighted just between the feet of the Happy Prince.

“I have a golden bedroom,” he said softly to himself as he looked round, and he prepared to go to sleep; but just as he was putting his head under his wing a large drop of water fell on him. “What a curious thing!” he cried; “there is not a single cloud in the sky, the stars are quite clear and bright, and yet it is raining. The climate in the north of Europe is really dreadful. The Reed used to like the rain, but that was merely her selfishness."

Then another drop fell.

“What is the use of a statue if it cannot keep the rain off?” he said; “I must look for a good chimneypot," and he determined to fly away.

But before he had opened his wings, a third drop fell, and he looked up, and saw—Ah! What did he see?

The eyes of the Happy Prince were filled with tears, and tears were running down his golden cheeks. His face was so beautiful in the moonlight that the little Swallow was filled with pity.

“Who are you?” he said.

“I am the Happy Prince."

“Why are you weeping then?” asked the Swallow; "you have quite drenched me."

“When I was alive and had a human heart," answered the statue, “I did not know what tears were, for I lived in the Palace of Sans-Souci, where sorrow is not allowed to enter. In the

daytime I played with my companions in the garden, and in the evening I led the dance in the Great Hall. Round the garden ran a very lofty wall, but I never cared to ask what lay beyond it, everything about me was so beautiful. My courtiers called me the Happy Prince, and happy indeed I was, if pleasure be happiness. So I lived, and so I died. And now that I am dead they have set me up here so high that I can see all the ugliness and all the misery of my city, and though my heart is made of lead yet I cannot chose but weep."

"What! is he not solid gold?" said the Swallow to himself. He was too polite to make any personal remarks out loud.

"Far away," continued the statue in a low musical voice, "far away in a little street there is a poor house. One of the windows is open, and through it I can see a woman seated at a table. Her face is thin and worn, and she has coarse, red hands, all pricked by the needle, for she is a seamstress. She is embroidering passion-flowers on a satin gown for the loveliest of the Queen's maids-of-honour to wear at the next Court-ball. In a bed in the corner of the room her little boy is lying ill. He has a fever, and is asking for oranges. His mother has nothing to give him but river water, so he is crying. Swallow, Swallow, little Swallow, will you not bring her the ruby out of my sword-hilt? My feet are fastened to this pedestal and I cannot move."

"I am waited for in Egypt," said the Swallow.

"My friends are flying up and down the Nile, and talking to the large lotus-flowers. Soon they will go to sleep in the tomb of the great King. The King is there himself in his painted coffin. He is wrapped in yellow linen, and embalmed with spices. Round his neck is a chain of pale green jade, and his hands are like withered leaves."

“Swallow, Swallow, little Swallow," said the Prince, “will you not stay with me for one night, and be my messenger? The boy is so thirsty, and the mother so sad.”

"I don't think I like boys," answered the Swallow. "Last summer, when I was staying on the river, there were two rude boys, the miller's sons, who were always throwing stones at me. They never hit me, of course; we swallows fly far too well for that, and besides, I come of a family famous for its agility; but still, it was a mark of disrespect.”

But the Happy Prince looked so sad that the little Swallow was sorry. “It is very cold here,” he said; “but I will stay with you for one night, and be your messenger.”

“Thank you, little Swallow," said the Prince.

So the Swallow picked out the great ruby from the Prince's sword, and flew away with it in his beak over the roofs of the town.

He passed by the cathedral tower, where the white marble angels were sculptured. He passed by the palace and heard the sound of dancing. A beautiful girl came out on the balcony with her lover. “How wonderful the stars are,” he said to her, “and how wonderful is the power of love!"

"I hope my dress will be ready in time for the State-ball,” she answered; "I have ordered passionflowers to be embroidered on it; but the seamstresses are so lazy.”

He passed over the river, and saw the lanterns hanging to the masts of the ships. He passed over the Ghetto, and saw the old Jews bargaining with each other, and weighing out money in copper scales. At last he came to the poor house and looked in. The boy was tossing feverishly on his bed, and the mother had fallen asleep, she was so tired. In he hopped, and laid the great

ruby on the table beside the woman's thimble. Then he flew gently round the bed, fanning the boy's forehead with his wings. “How cool I feel," said the boy, "I must be getting better"; and he sank into a delicious slumber.

Then the Swallow flew back to the Happy Prince, and told him what he had done. “It is curious," he remarked, “but I feel quite warm now, although it is so cold.”

“That is because you have done a good action,” said the Prince. And the little Swallow began to think, and then he fell asleep. Thinking always made him sleepy.

When day broke he flew down to the river and had a bath. “What a remarkable phenomenon,” said the Professor of Ornithology as he was passing over the bridge. “A swallow in winter!” And he wrote a long letter about it to the local newspaper. Every one quoted it, it was full of so many words that they could not understand.

"To-night I go to Egypt," said the Swallow, and he was in high spirits at the prospect. He visited all the public monuments, and sat a long time on top of the church steeple. Wherever he went the Sparrows chirruped, and said to each other, “What a distinguished stranger!” so he enjoyed himself very much.

When the moon rose he flew back to the Happy Prince. “Have you any commissions for Egypt?” he cried; “I am just starting.”

"Swallow, Swallow, little Swallow," said the Prince, “will you not stay with me one night longer?”

"I am waited for in Egypt,” answered the Swallow. “To-morrow my friends will fly up to the Second Cataract. The river-horse couches there among the bulrushes, and on a great granite throne sits the God Memnon. All night long he watches the stars, and when the morning star shines he utters one cry of joy,

and then he is silent. At noon the yellow lions come down to the water's edge to drink. They have eyes like green beryls, and their roar is louder than the roar of the cataract.”

“Swallow, Swallow, little Swallow," said the Prince, “far away across the city I see a young man in a garret. He is leaning over a desk covered with papers, and in a tumbler by his side there is a bunch of withered violets. His hair is brown and crisp, and his lips are red as a pomegranate, and he has large and dreamy eyes. He is trying to finish a play for the Director of the Theatre, but he is too cold to write any more. There is no fire in the grate, and hunger has made him faint.”

“I will wait with you one night longer,” said the Swallow, who really had a good heart. “Shall I take him another ruby?”

“Alas! I have no ruby now," said the Prince; "my eyes are all that I have left. They are made of rare sapphires, which were brought out of India a thousand years ago. Pluck out one of them and take it to him. He will sell it to the jeweller, and buy food and firewood, and finish his play."

“Dear Prince,” said the Swallow, “I cannot do that”; and he began to weep.

“Swallow, Swallow, little Swallow," said the Prince, “do as I command you."

So the Swallow plucked out the Prince's eye, and flew away to the student's garret. It was easy enough to get in, as there was a hole in the roof. Through this he darted, and came into the room. The young man had his head buried in his hands, so he did not hear the flutter of the bird's wings, and when he looked up he found the beautiful sapphire lying on the withered violets.

“I am beginning to be appreciated,” he cried; “this is from some great admirer. Now I can finish my play," and he looked quite happy.

The next day the Swallow flew down to the harbour. He sat on the mast of a large vessel and watched the sailors hauling big chests out of the hold with ropes. “Heave a-hoy!” they shouted as each chest came up. “I am going to Egypt”! cried the Swallow, but nobody minded, and when the moon rose he flew back to the Happy Prince.

“I am come to bid you good-bye,” he cried.

"Swallow, Swallow, little Swallow," said the Prince, “will you not stay with me one night longer?”

“It is winter," answered the Swallow, "and the chill snow will soon be here. In Egypt the sun is warm on the green palm-trees, and the crocodiles lie in the mud and look lazily about them. My companions are building a nest in the Temple of Baalbec, and the pink and white doves are watching them, and cooing to each other. Dear Prince, I must leave you, but I will never forget you, and next spring I will bring you back two beautiful jewels in place of those you have given away. The ruby shall be redder than a red rose, and the sapphire shall be as blue as the great sea."

“In the square below," said the Happy Prince, "there stands a little match-girl. She has let her matches fall in the gutter, and they are all spoiled. Her father will beat her if she does not bring home some money, and she is crying. She has no shoes or stockings, and her little head is bare. Pluck out my other eye, and give it to her, and her father will not beat her."

"I will stay with you one night longer,” said the Swallow, “but I cannot pluck out your eye. You would be quite blind then.”

“Swallow, Swallow, little Swallow," said the Prince, "do as I command you.”

So he plucked out the Prince's other eye, and darted down with it. He swooped past the matchgirl, and slipped the jewel into the palm of her hand. "What a lovely bit of glass,” cried the little girl; and she ran home, laughing.

Then the Swallow came back to the Prince. "You are blind now," he said, “so I will stay with you always."

“No, little Swallow," said the poor Prince, “you must go away to Egypt.”

"I will stay with you always," said the Swallow, and he slept at the Prince's feet.

All the next day he sat on the Prince's shoulder, and told him stories of what he had seen in strange lands. He told him of the red ibises, who stand in long rows on the banks of the Nile, and catch goldfish in their beaks; of the Sphinx, who is as old as the world itself, and lives in the desert, and knows everything; of the merchants, who walk slowly by the side of their camels, and carry amber beads in their hands; of the King of the Mountains of the Moon, who is as black as ebony, and worships a large crystal; of the great green snake that sleeps in a palm-tree, and has twenty priests to feed it with honey-cakes; and of the pygmies who sail over a big lake on large flat leaves, and are always at war with the butterflies.

“Dear little Swallow,” said the Prince, “you tell me of marvelous things, but more marvellous than anything is the suffering of men and of women. There is no Mystery so great as Misery. Fly over my city, little Swallow, and tell me what you see there."

So the Swallow flew over the great city, and saw the rich making merry in their beautiful houses, while the beggars were sitting

at the gates. He flew into dark lanes, and saw the white faces of starving children looking out listlessly at the black streets. Under the archway of a bridge two little boys were lying in one another's arms to try and keep themselves warm. “How hungry we are!" they said. “You must not lie here," shouted the Watchman, and they wandered out into the rain.

Then he flew back and told the Prince what he had seen.

"I am covered with fine gold," said the Prince, "you must take it off, leaf by leaf, and give it to my poor; the living always think that gold can make them happy.”

Leaf after leaf of the fine gold the Swallow picked off, till the Happy Prince looked quite dull and grey. Leaf after leaf of the fine gold he brought to the poor, and the children's faces grew rosier, and they laughed and played games in the street. “We have bread now!” they cried.

Then the snow came, and after the snow came the frost. The streets looked as if they were made of silver, they were so bright and glistening; long icicles like crystal daggers hung down from the eaves of the houses, everybody went about in furs, and the little boys wore scarlet caps and skated on the ice.

The poor little Swallow grew colder and colder, but he would not leave the Prince, he loved him too well. He picked up crumbs outside the baker's door when the baker was not looking and tried to keep himself warm by flapping his wings.

But at last he knew that he was going to die. He had just strength to fly up to the Prince's shoulder once more. “Good-bye, dear Prince!” he murmured, “Will you let me kiss your hand?”

"I am glad that you are going to Egypt at last, little Swallow,” said the Prince, “you have stayed too long here; but you must

kiss me on the lips, for I love you."

“It is not to Egypt that I am going,” said the Swallow. "I am going to the House of Death. Death is the brother of Sleep, is he not?”

And he kissed the Happy Prince on the lips, and fell down dead at his feet.

At that moment a curious crack sounded inside the statue, as if something had broken. The fact is that the leaden heart had snapped right in two. It certainly was a dreadfully hard frost.

Early the next morning the Mayor was walking in the square below in company with the Town Councillors. As they passed the column he looked up at the statue: “Dear me! how shabby the Happy Prince looks!” he said.

"How shabby indeed!" cried the Town Councillors, who always agreed with the Mayor; and they went up to look at it.

“The ruby has fallen out of his sword, his eyes are gone, and he is golden no longer,” said the Mayor in fact, “he is litttle better than a beggar!”

"Little better than a beggar," said the Town Councillors.

“And here is actually a dead bird at his feet!” continued the Mayor. “We must really issue a proclamation that birds are not to be allowed to die here.” And the Town Clerk made a note of the suggestion.

So they pulled down the statue of the Happy Prince. “As he is no longer beautiful he is no longer useful," said the Art Professor at the University.

Then they melted the statue in a furnace, and the Mayor held a meeting of the Corporation to decide what was to be done with

the metal. “We must have another statue, of course,” he said, "and it shall be a statue of myself.”

“Of myself,” said each of the Town Councillors, and they quarrelled. When I last heard of them they were quarrelling still.

“What a strange thing!” said the overseer of the workmen at the foundry. "This broken lead heart will not melt in the furnace. We must throw it away.” So they threw it on a dust-heap where the dead Swallow was also lying.

“Bring me the two most precious things in the city,” said God to one of His Angels; and the Angel brought Him the leaden heart and the dead bird.

"You have rightly chosen," said God, "for in my garden of Paradise this little bird shall sing for evermore, and in my city of gold the Happy Prince shall praise me.”

THE NIGHTINGALE AND THE ROSE

"SHE said that she would dance with me if I brought her red roses," cried the young Student; "but in all my garden there is no red rose."

From her nest in the holm-oak tree the Nightingale heard him, and she looked out through the leaves, and wondered.

"No red rose in all my garden!" he cried, and his beautiful eyes filled with tears. "Ah, on what little things does happiness depend! I have read all that the wise men have written, and all the secrets of philosophy are mine, yet for want of a red rose is my life made wretched."

"Here at last is a true lover," said the Nightingale. "Night after night have I sung of him, though I knew him not: night after night have I told his story to the stars, and now I see him. His hair is dark as the hyacinth-blossom, and his lips are red as the rose of his desire; but passion has made his face like pale ivory, and sorrow has set her seal upon his brow."

"The Prince gives a ball to-morrow night," murmured the young Student, "and my love will be of the company. If I bring her a red rose she will dance with me till dawn. If I bring her a red rose, I shall hold her in my arms, and she will lean her head upon my shoulder, and her hand will be clasped in mine. But there is no red rose in my garden, so I shall sit lonely, and she will pass me by. She will have no heed of me, and my heart will break."

"Here indeed is the true lover," said the Nightingale. "What I sing of, he suffers—what is joy to me, to him is pain. Surely Love is a wonderful thing. It is more precious than emeralds, and

dearer than fine opals. Pearls and pomegranates cannot buy it, nor is it set forth in the marketplace. It may not be purchased of the merchants, nor can it be weighed out in the balance for gold."

"The musicians will sit in their gallery," said the young Student, "and play upon their stringed instruments, and my love will dance to the sound of the harp and the violin. She will dance so lightly that her feet will not touch the floor, and the courtiers in their gay dresses will throng round her. But with me she will not dance, for I have no red rose to give her"; and he flung himself down on the grass, and buried his face in his hands, and wept.

"Why is he weeping?" asked a little Green Lizard, as he ran past him with his tail in the air.

"Why, indeed?" said a Butterfly, who was fluttering about after a sunbeam.

"Why, indeed?" whispered a Daisy to his neighbour, in a soft, low voice.

"He is weeping for a red rose," said the Nightingale.

"For a red rose?" they cried; "how very ridiculous!" and the little Lizard, who was something of a cynic, laughed outright.

But the Nightingale understood the secret of the Student's sorrow, and she sat silent in the oak-tree, and thought about the mystery of Love.

Suddenly she spread her brown wings for flight, and soared into the air. She passed through the grove like a shadow, and like a shadow she sailed across the garden.

In the centre of the grass-plot was standing a beautiful Rose-tree, and when she saw it she flew over to it, and lit upon a spray.

"Give me a red rose," she cried, “and I will sing you my sweetest song."

But the Tree shook its head.

"My roses are white," it answered; "as white as the foam of the sea, and whiter than the snow upon the mountain. But go to my brother who grows round the old sun-dial, and perhaps he will give you what you want."

So the Nightingale flew over to the Rose-tree that was growing round the old sun-dial.

“Give me a red rose,” she cried, “and I will sing you my sweetest song.”

But the Tree shook its head.

“My roses are yellow,” it answered; "as yellow as the hair of the mermaiden who sits upon an amber throne, and yellower than the daffodil that blooms in the meadow before the mower comes with his scythe. But go to my brother who grows beneath the Student's window, and perhaps he will give you what you want.”

So the Nightingale flew over to the Rose-tree that was growing beneath the Student's window.

“Give me a red rose," she cried, "and I will sing you my sweetest song."

But the Tree shook its head.

"My roses are red," it answered, "as red as the feet of the dove, and redder than the great fans of coral that wave and wave in the ocean-cavern. But the winter has chilled my veins, and the frost has nipped my buds, and the storm has broken my branches, and I shall have no roses at all this year."

"One red rose is all I want," cried the Nightingale, "only one red rose! Is there no way by which I can get it?"

"There is a way," answered the Tree; "but it is so terrible that I dare not tell it to you."

"Tell it to me," said the Nightingale, "I am not afraid."

"If you want a red rose," said the Tree, "you must build it out of music by moonlight, and stain it with your own heart's-blood. You must sing to me with your breast against a thorn. All night long you must sing to me, and the thorn must pierce your heart, and your life-blood must flow into my veins, and become mine."

"Death is a great price to pay for a red rose," cried the Nightingale, "and Life is very dear to all. It is pleasant to sit in the green wood, and to watch the Sun in his chariot of gold, and the Moon in her chariot of pearl. Sweet is the scent of the hawthorn, and sweet are the bluebells that hide in the valley, and the heather that blows on the hill. Yet Love is better than Life, and what is the heart of a bird compared to the heart of a man?"

So she spread her brown wings for flight, and soared into the air. She swept over the garden like a shadow, and like a shadow she sailed through the grove.

The young Student was still lying on the grass, where she had left him, and the tears were not yet dry in his beautiful eyes.

“Be happy," cried the Nightingale, “be happy; you shall have your red rose. I will build it out of music by moonlight, and stain it with my own heart's-blood. All that I ask of you in return is that you will be a true lover, for Love is wiser than Philosophy, though she is wise, and mightier than Power, though he is mighty. Flame-coloured are his wings, and coloured like flame is his body. His lips are sweet as honey, and his breath is like frankincense."

The Student looked up from the grass, and listened, but he could not understand what the Nightingale was saying to him, for he only knew the things that are written down in books.

But the Oak-tree understood, and felt sad, for he was very fond of the little Nightingale who had built her nest in his branches.

“Sing me one last song,” he whispered; “I shall feel very lonely when you are gone.”

So the Nightingale sang to the Oak-tree, and her voice was like water bubbling from a silver jar.

When she had finished her song the Student got up, and pulled a note-book and a lead-pencil out of his pocket.

“She has form," he said to himself, as he walked away through the grove “that cannot be denied to her; but has she got feeling? I am afraid not. In fact, she is like most artists; she is all style, without any sincerity. She would not sacrifice herself for others. She thinks merely of music, and everybody knows that the arts are selfish. Still, it must be admitted that she has some beautiful notes in her voice. What a pity it is that they do not mean anything, or do any practical good.” And he went into his room, and lay down on his little pallet-bed, and began to think of his love; and, after a time, he fell asleep.

And when the Moon shone in the heavens the Nightingale flew to the Rose-tree, and set her breast against the thorn. All night long she sang with her breast against the thorn, and the cold crystal Moon leaned down and listened. All night long she sang, and the thorn went deeper and deeper into her breast, and her life-blood ebbed away from her.

She sang first of the birth of love in the heart of a boy and a girl. And on the top-most spray of the Rose-tree there blossomed a marvelous rose, petal following petal, as song followed song. Pale was it, at first, as the mist that hangs over the river-pale as the feet of the morning, and silver as the wings of the dawn. As the shadow of a rose in a mirror of silver, as the shadow of a rose in a water-pool, so was the rose that blossomed on the topmost spray of the Tree.

But the Tree cried to the Nightingale to press closer against the thorn. “Press closer, little Nightingale,” cried the Tree, “or the Day will come before the rose is finished.”

So the Nightingale pressed closer against the thorn, and louder and louder grew her song, for she sang of the birth of passion in the soul of a man and a maid.

And a delicate flush of pink came into the leaves of the rose, like the flush in the face of the bridegroom when he kisses the lips of the bride. But the thorn had not yet reached her heart, so the rose's heart remained white, for only a Nightingale's heart's-blood can crimson the heart of a rose.

And the Tree cried to the Nightingale to press closer against the thorn. “Press closer, little Nightingale,” cried the Tree, “or the Day will come before the rose is finished.”

So the Nightingale pressed closer against the thorn, and the thorn touched her heart, and a fierce pang of pain shot through her. Bitter, bitter was the pain, and wilder and wilder grew her

song, for she sang of the Love that is perfected by Death, of the Love that dies not in the tomb.

And the marvellous rose became crimson, like the rose of the eastern sky. Crimson was the girdle of petals, and crimson as a ruby was the heart.

But the Nightingale's voice grew fainter, and her little wings began to beat, and a film came over her eyes. Fainter and fainter grew her song, and she felt something choking her in her throat.

Then she gave one last burst of music. The white Moon heard it, and she forgot the dawn, and lingered on in the sky. The red rose heard it, and it trembled all over with ecstasy, and opened its petals to the cold morning air. Echo bore it to her purple cavern in the hills, and woke the sleeping shepherds from their dreams. It floated through the reeds of the river, and they carried its message to the sea.

“Look, look!” cried the Tree, “the rose is finished now”; but the Nightingale made no answer, for she was lying dead in the long grass, with the thorn in her heart.

And at noon the Student opened his window and looked out.

“Why, what a wonderful piece of luck!” he cried; "here is a red rose! I have never seen any rose like it in all my life. It is so beautiful that I am sure it has a long Latin name"; and he leaned down and plucked it.

Then he put on his hat, and ran up to the Professor's house with the rose in his hand.

The daughter of the Professor was sitting in the doorway winding blue silk on a reel, and her little dog was lying at her feet.

"You said that you would dance with me if I brought you a red rose," cried the student. "Here is the reddest rose in all the world. You will wear it to-night next your heart, and as we dance together it will tell you how I love you."

But the girl frowned.

"I am afraid it will not go with my dress," she answered; "and, besides, the Chamberlain's nephew has sent me some real jewels, and everybody knows that jewels cost far more than flowers."

"Well, upon my word, you are very ungrateful," said the Student angrily; and he threw the rose into the street, where it fell into the gutter, and a cart wheel went over it.

"Ungrateful!" said the girl. "I tell you what, you are very rude; and, after all, who are you? Only a Student. Why, I don't believe you have even got silver buckles to your shoes as the Chamberlain's nephew has"; and she got up from her chair and went into the house.

"What a silly thing Love is," said the Student as he walked away. "It is not half as useful as Logic, for it does not prove anything, and it is always telling one of things that are not going to happen, and making one believe things that are not true. In fact, it is quite unpractical, and, as in this age to be practical is everything, I shall go back to Philosophy and study Metaphysics."

So he returned to his room and pulled out a great dusty book, and began to read.

THE SELFISH GIANT.

EVERY afternoon, as they were coming from school, the children used to go and play in the Giant's garden.

It was a large lovely garden, with soft green grass. Here and there over the grass stood beautiful flowers like stars, and there were twelve peachtrees that in the spring-time broke out into delicate blossoms of pink and pearl, and in the autumn bore rich fruit. The birds sat on the trees and sang so sweetly that the children used to stop their games in order to listen to them. "How happy we are here!" they cried to each other.

One day the Giant came back. He had been to visit his friend the Cornish ogre, and had stayed with him for seven years. After the seven years were over he had said all that he had to say, for his conversation was limited, and he determined to return to his own castle. When he arrived he saw the children playing in the garden.

“What are you doing here?” he cried in a very gruff voice, and the children ran away.

"My own garden is my own garden,” said the Giant; "any one can understand that, and I will allow nobody to play in it but myself.” So he built a high wall all round it, and put up a notice-board.

TRESPASSERS WILL BE PROSECUTED

He was a very selfish Giant.

The poor children had now nowhere to play. They tried to play on the road, but the road was very dusty and full of hard stones, and they did not like it. They used to wander round the high wall when their lessons were over, and talk about the beautiful garden inside. "How happy we were there," they said to each other.

Then the Spring came, and all over the country there were little blossoms and little birds. Only in the garden of the Selfish Giant it was still winter. The birds did not care to sing in it as there were no children, and the trees forgot to blossom. Once a beautiful flower put its head out from the grass, but when it saw the notice-board it was so sorry for the children that it slipped back into the ground again, and went off to sleep. The only people who were pleased were the Snow and the Frost. "Spring has forgotten this garden," they cried, "so we will live here all the year round." The Snow covered up the grass with her great white cloak, and the Frost painted all the trees silver. Then they invited the North Wind to stay with them, and he came. He was wrapped in furs, and he roared all day about the garden, and blew the chimney-pots down. "This is a delightful spot," he said, "we must ask the Hail on a visit."

So the Hail came. Every day for three hours he rattled on the roof of the castle till he broke most of the slates, and then he ran round and round the garden as fast as he could go. He was dressed in grey, and his breath was like ice.

"I cannot understand why the Spring is so late in coming," said the Selfish Giant, as he sat at the window and looked out at his cold white garden; "I hope there will be a change in the weather."

But the Spring never came, nor the Summer. The Autumn gave golden fruit to every garden, but to the Giant's garden she gave none. "He is too selfish," she said. So it was always Winter there,

and the North Wind, and the Hail, and the Frost, and the Snow danced about through the trees.

One morning the Giant was lying awake in bed when he heard some lovely music. It sounded so sweet to his ears that he thought it must be the King's musicians passing by. It was really only a little linnet singing outside his window, but it was so long since he had heard a bird sing in his garden that it seemed to him to be the most beautiful music in the world. Then the Hail stopped dancing over his head, and the North Wind ceased roaring, and a delicious perfume came to him through the open casement. “I believe the Spring has come at last,” said the Giant; and he jumped out of bed and looked out.

What did he see?

He saw a most wonderful sight. Through a little hole in the wall the children had crept in, and they were sitting in the branches of the trees. In every tree that he could see there was a little child. And the trees were so glad to have the children back again that they had covered themselves with blossoms, and were waving their arms gently above the children's heads. The birds were flying about and twittering with delight, and the flowers were looking up through the green grass and laughing. It was a lovely scene, only in one corner it was still winter. It was the farthest corner of the garden, and in it was standing a little boy. He was so small that he could not reach up to the branches of the tree, and he was wandering all round it, crying bitterly. The poor tree was still quite covered with frost and snow, and the North Wind was blowing and roaring above it. “Climb up! little boy,” said the Tree, and it bent its branches down as low as it could; but the boy was too tiny.

And the Giant's heart melted as he looked out. "How selfish I have been!” he said; "now I know why the Spring would not come here. I will put that poor little boy on the top of the tree,

and then I will knock down the wall, and my garden shall be the children's playground for ever and ever.” He was really very sorry for what he had done.

So he crept downstairs and opened the front door quite softly, and went out into the garden. But when the children saw him they were so frightened that they all ran away, and the garden became winter again.

Only the little boy did not run, for his eyes were so full of tears that he did not see the Giant coming. And the Giant stole up behind him and took him gently in his hand, and put him up into the tree. And the tree broke at once into blossom, and the birds came and sang on it, and the little boy stretched out his two arms and flung them round the Giant's neck, and kissed him. And the other children, when they saw that the Giant was not wicked any longer, came running back, and with them came the Spring. “It is your garden now, little children," said the Giant, and he took a great axe and knocked down the wall. And when the people were going to market at twelve o'clock they found the Giant playing with the children in the most beautiful garden they had ever seen.

All day long they played, and in the evening they came to the Giant to bid him good-bye.

"But where is your little companion?” he said: "the boy I put into the tree.” The Giant loved him the best because he had kissed him.

“We don't know," answered the children; "he has gone away.”

“You must tell him to be sure and come here tomorrow," said the Giant. But the children said that they did not know where he lived, and had never seen him before; and the Giant felt very sad.

Every afternoon, when school was over, the children came and played with the Giant. But the little boy whom the Giant loved was never seen again. The Giant was very kind to all the children, yet he longed for his first little friend, and often spoke of him. “How I would like to see him!” he used to say.

Years went over, and the Giant grew very old and feeble. He could not play about any more, so he sat in a huge armchair, and watched the children at their games, and admired his garden. “I have many beautiful flowers,” he said; “but the children are the most beautiful flowers of all."

One winter morning he looked out of his window as he was dressing. He did not hate the Winter now, for he knew that it was merely the Spring asleep, and that the flowers were resting.

Suddenly he rubbed his eyes in wonder, and looked and looked. It certainly was a marvellous sight. In the farthest corner of the garden was a tree quite covered with lovely white blossoms. Its branches were all golden, and silver fruit hung down from them, and underneath it stood the little boy he had loved.

Downstairs ran the Giant in great joy, and out into the garden. He hastened across the grass, and came near to the child. And when he came quite close his face grew red with anger, and he said, “Who hath dared to wound thee?” For on the palms of the child's hands were the prints of two nails, and the prints of two nails were on the little feet.

“Who hath dared to wound thee?” cried the Giant; "tell me, that I may take my big sword and slay him.”

"Nay!” answered the child; "but these are the wounds of Love."

“Who art thou?" said the Giant, and a strange awe fell on him, and he knelt before the little child.

And the child smiled on the Giant, and said to him, “You let me play once in your garden, to-day you shall come with me to my garden, which is Paradise."

And when the children ran in that afternoon, they found the Giant lying dead under the tree, all covered with white blossoms.

THE DEVOTED FRIEND

ONE morning the old Water-rat put his head out of his hole. He had bright beady eyes and stiff grey whiskers and his tail was like a long bit of black india-rubber. The little ducks were swimming about in the pond, looking just like a lot of yellow canaries, and their mother, who was pure white with real red legs, was trying to teach them how to stand on their heads in the water.

“You will never be in the best society unless you can stand on your heads," she kept saying to them; and every now and then she showed them how it was done. But the little ducks paid no attention to her. They were so young that they did not know what an advantage it is to be in society at all.

“What disobedient children!” cried the old Water-rat; “they really deserve to be drowned."

“Nothing of the kind,” answered the Duck, "every one must make a beginning, and parents cannot be too patient."

"Ah! I know nothing about the feelings of parents," said the Water-rat; "I am not a family man. In fact, I have never been married, and I never intend to be. Love is all very well in its way, but friendship is much higher. Indeed, I know of nothing in the world that is either nobler or rarer than a devoted friendship."

“And what, pray, is your idea of the duties of a devoted friend?” asked a Green Linnet, who was sitting in a willow-tree hard by, and had overheard the conversation.

“Yes, that is just what I want to know," said the Duck; and she swam away to the end of the pond, and stood upon her head, in order to give her children a good example.

“What a silly question!” cried the Water-rat. “I should expect my devoted friend to be devoted to me, of course.”

“And what would you do in return?” said the little bird, swinging upon a silver spray, and flapping his tiny wings.

"I don't understand you," answered the Water-rat.

“Let me tell you a story on the subject,” said the Linnet.

“Is the story about me?" asked the Water-rat. “If so, I will listen to it, for I am extremely fond of fiction.”

“It is applicable to you,” answered the Linnet; and he flew down, and alighting upon the bank, he told the story of The Devoted Friend.

"Once upon a time," said the Linnet, “there was an honest little fellow named Hans.”

"Was he very distinguished?” asked the Water-rat.

“No," answered the Linnet, “I don't think he was distinguished at all, except for his kind heart, and his funny round good-humoured face. He lived in a tiny cottage all by himself, and every day he worked in his garden. In all the country-side there was no garden so lovely as his. Sweet-william grew there, and Gilly-flowers, and Shepherds'purses, and Fair-maids of France. There were damask Roses, and yellow Roses, lilac Crocuses, and gold, purple Violets and white. Columbine and Ladysmock, Marjoram and Wild Basil, the Cowslip and the Flower-de-luce, the Daffodil and the ClovePink bloomed or blossomed in their proper order as the months went by, one flower taking another

flower's place, so that there were always beautiful things to look at, and pleasant odours to smell.

"Little Hans had a great many friends, but the most devoted friend of all was big Hugh the Miller. Indeed, so devoted was the rich Miller to little Hans, that he would never go by his garden without leaning over the wall and plucking a large nosegay, or a handful of sweet herbs, or filling his pockets with plums and cherries if it was the fruit season.

“Real friends should have everything in common,' the Miller used to say, and little Hans nodded and smiled, and felt very proud of having a friend with such noble ideas.

“Sometimes, indeed, the neighbours thought it strange that the rich Miller never gave little Hans anything in return, though he had a hundred sacks of flour stored away in his mill, and six milch cows, and a large flock of woolly sheep; but Hans never troubled his head about these things, and nothing gave him greater pleasure than to listen to all the wonderful things the Miller used to say about the unselfishness of true friendship.

“So little Hans worked away in his garden. During the spring, the summer, and the autumn he was very happy, but when the winter came, and he had no fruit or flowers to bring to the market, he suffered a good deal from cold and hunger, and often had to go to bed without any supper but a few dried pears or some hard nuts. In the winter, also, he was extremely lonely, as the Miller never came to see him then.

“There is no good in my going to see little Hans as long as the snow lasts,' the Miller used to say to his wife, 'for when people are in trouble they should be left alone, and not be bothered by visitors. That at least is my idea about friendship, and I am sure I am right. So I shall wait till the spring comes, and then I shall

pay him a visit, and he will be able to give me a large basket of primroses and that will make him so happy.'

“'You are certainly very thoughtful about others,' answered the Wife, as she sat in her comfortable armchair by the big pinewood fire; ‘very thoughtful indeed. It is quite a treat to hear you talk about friendship. I am sure the clergyman himself could not say such beautiful things as you do, though he does live in a three-storied house, and wear a gold ring on his little finger.'

“But could we not ask little Hans up here?' said the Miller's youngest son. 'If poor Hans is in trouble I will give him half my porridge, and show him my white rabbits.'

“What a silly boy you are!' cried the Miller; 'I really don't know what is the use of sending you to school. You seem not to learn anything. Why, if little Hans came up here, and saw our warm fire, and our good supper, and our great cask of red wine, he might get envious, and envy is a most terrible thing, and would spoil anybody's nature. I certainly will not allow Hans' nature to be spoiled. I am his best friend, and I will always watch over him, and see that he is not led into any temptations.

Besides, if Hans came here, he might ask me to let him have some flour on credit, and that I could not do. Flour is one thing, and friendship is another, and they should not be confused. Why, the words are spelt differently, and mean quite different things. Everybody can see that.'

""How well you talk!' said the Miller's Wife, pouring herself out a large glass of warm ale; 'really I feel quite drowsy. It is just like being in church.'

“Lots of people act well,' answered the Miller; 'but very few people talk well, which shows that talking is much the more difficult thing of the two, and much the finer thing also'; and he

looked sternly across the table at his little son, who felt so ashamed of himself that he hung his head down, and grew quite scarlet, and began to cry into his tea. However, he was so young that you must excuse him."

“Is that the end of the story?" asked the Water rat.

"Certainly not," answered the Linnet, "that is the beginning."

“Then you are quite behind the age," said the Water-rat. “Every good story-teller nowadays starts with the end, and then goes on to the beginning, and concludes with the middle. That is the new method. I heard all about it the other day from a critic who was walking round the pond with a young man. He spoke of the matter at great length, and I am sure he must have been right, for he had blue spectacles and a bald head, and whenever the young man made any remark, he always answered 'Pooh!' But pray go on with your story. I like the Miller immensely. I have all kinds of beautiful sentiments myself, so there is a great sympathy between us."

"Well," said the Linnet, hopping now on one leg and now on the other, "as soon as the winter was over, and the primroses began to open their pale yellow stars, the Miller said to his wife that he would go down and see little Hans.

"Why, what a good heart you have!' cried his Wife; 'you are always thinking of others. And mind you take the big basket with you for the flowers.'

“So the Miller tied the sails of the windmill together with a strong iron chain, and went down the hill with the basket on his arm.

“Good morning, little Hans,' said the Miller.

"Good morning,' said Hans, leaning on his spade, and smiling from ear to ear.

“And how have you been all the winter?' said the Miller.

“Well, really,' cried Hans, 'it is very good of you to ask, very good indeed. I am afraid I had rather a hard time of it, but now the spring has come, and I am quite happy, and all my flowers are doing well.'

“We often talked of you during the winter, Hans,' said the Miller, 'and wondered how you were getting on.'

“That was kind of you,' said Hans; 'I was half afraid you had forgotten me.'

“ 'Hans, I am surprised at you,' said the Miller; 'friendship never forgets. That is the wonderful thing about it, but I am afraid you don't understand the poetry of life. How lovely your primroses are looking, by-the-bye!"

“ They are certainly very lovely,' said Hans, and it is a most lucky thing for me that I have so many. I am going to bring them into the market and sell them to the Burgomaster's daughter, and buy back my wheelbarrow with the money.'

“Buy back your wheelbarrow? You don't mean to say you have sold it? What a very stupid thing to do!'

"Well, the fact is,' said Hans, “that I was obliged to. You see the winter was a very bad time for me, and I really had no money at all to buy bread with. So I first sold the silver buttons off my Sunday coat, and then I sold my silver chain, and then I sold my big pipe, and at last I sold my wheelbarrow. But I am going to buy them all back again now.'

“Hans,' said the Miller, 'I will give you my wheelbarrow. It is not in very good repair; indeed, one side is gone, and there is something wrong with the wheel-spokes; but in spite of that I will give it to you. I know it is very generous of me, and a great many people would think me extremely foolish for parting with it, but I am not like the rest of the world. I think that generosity is the essence of friendship, and, besides, I have got a new wheelbarrow for myself. Yes, you may set your mind at ease, I will give you my wheelbarrow.'

"Well, really, that is generous of you,' said little Hans, and his funny round face glowed all over with pleasure. 'I can easily put it in repair, as I have a plank of wood in the house.'

“A plank of wood!' said the Miller; 'why, that is just what I want for the roof of my barn. There is a very large hole in it, and the corn will all get damp if I don't stop it up. How lucky you mentioned it! It is quite remarkable how one good action always breeds another. I have given you my wheelbarrow, and now you are going to give me your plank. Of course, the wheelbarrow is worth far more than the plank, but true, friendship never notices things like that. Pray get it at once, and I will set to work at my barn this very day.'

“Certainly,' cried little Hans, and he ran into the shed and dragged the plank out.

"It is not a very big plank,' said the Miller, looking at it, and I am afraid that after I have mended my barn-roof there won't be any left for you to mend the wheelbarrow with; but, of course, that is not my fault. And now, as I have given you my wheelbarrow, I am sure you would like to give me some flowers in return. Here is the basket, and mind you fill it quite full.'

“Quite full?' said little Hans, rather sorrowfully, for it was really a very big basket, and he knew that if he filled it he would have

no flowers left for the market and he was very anxious to get his silver buttons back.

"Well, really,' answered the Miller, 'as I have given you my wheelbarrow, I don't think that it is much to ask you for a few flowers. I may be wrong, but I should have thought that friendship, true friendship, was quite free from selfishness of any kind.'

“My dear friend, my best friend,' cried little Hans, 'you are welcome to all the flowers in my garden. I would much sooner have your good opinion than my silver buttons, any day'; and he ran and plucked all his pretty primroses, and filled the Miller's basket.

“Good-bye, little Hans,' said the Miller, as he went up the hill with the plank on his shoulder, and the big basket in his hand.

“Good-bye,' said little Hans, and he began to dig away quite merrily, he was so pleased about the wheelbarrow.

“The next day he was nailing up some honeysuckle against the porch, when he heard the Miller's voice calling to him from the road. So he jumpedoff the ladder, and ran down the garden, and looked over the wall.

"There was the Miller with a large sack of flour on his back.

"'Dear little Hans,' said the Miller, 'would you mind carrying this sack of flour for me to market?'

“Oh, I am so sorry,' said Hans, but I am really very busy to-day. I have got all my creepers to nail up, and all my flowers to water, and all my grass to roll.'

"Well, really,' said the Miller, 'I think that, considering that I am going to give you my wheelbarrow, it is rather unfriendly of you

to refuse.'

“Oh, don't say that,' cried little Hans, 'I wouldn't be unfriendly for the whole world'; and he ran in for his cap, and trudged off with the big sack on his shoulders.

"It was a very hot day, and the road was terribly dusty, and before Hans had reached the sixth milestone he was so tired that he had to sit down and rest. However, he went on bravely, and as last he reached the market. After he had waited there some time, he sold the sack of flour for a very good price, and then he returned home at once, for he was afraid that if he stopped too late he might meet some robbers on the way.

" It has certainly been a hard day,' said little Hans to himself as he was going to bed, but I am glad I did not refuse the Miller, for he is my best friend, and, besides, he is going to give me his wheelbarrow.'

“Early the next morning the Miller came down to get the money for his sack of flour, but little Hans was so tired that he was still in bed.

“'Upon my word,' said the Miller, 'you are very lazy. Really, considering that I am going to give you my wheelbarrow, I think you might work harder. Idleness is a great sin, and I certainly don't like any of my friends to be idle or sluggish. You must not mind my speaking quite plainly to you. Of course I should not dream of doing so if I were not your friend. But what is the good of friendship if one cannot say exactly what one means? Anybody can say charming things and try to please and to flatter, but a true friend always says unpleasant things, and does not mind giving pain. Indeed, if he is a really true friend he prefers it, for he knows that then he is doing good.'

“I am very sorry,' said little Hans, rubbing his eyes and pulling off his night-cap, 'but I was so tired that I thought I would lie in

bed for a little time, and listen to the birds singing. Do you know that I always work better after hearing the birds sing?'

“'Well, I am glad of that,' said the Miller, clapping little Hans on the back, ‘for I want you to come up to the mill as soon as you are dressed, and mend my barn-roof for me.'

“Poor little Hans was very anxious to go and work in his garden, for his flowers had not been watered for two days, but he did not like to refuse the Miller, as he was such a good friend to him.

"Do you think it would be unfriendly of me if I said I was busy?' he inquired in a shy and timid voice.

"Well, really,' answered the Miller, 'I do not think it is much to ask of you, considering that I am going to give you my wheelbarrow; but of course if you refuse I will go and do it myself.'

“Oh! on no account,' cried little Hans and he jumped out of bed, and dressed himself, and went up to the barn.

"He worked there all day long, till sunset, and at sunset the Miller came to see how he was getting on.

"Have you mended the hole in the roof yet, little Hans?' cried the Miller in a cheery voice.

“'It is quite mended,' answered little Hans, coming down the ladder.

"Ah!' said the Miller, 'there is no work so delightful as the work one does for others.'

"It is certainly a great privilege to hear you talk,' answered little Hans, sitting down, and wiping his forehead, 'a very great

privilege. But I am afraid I shall never have such beautiful ideas as you have.'

“Oh! they will come to you,' said the Miller, 'but you must take more pains. At present you have only the practice of friendship; some day you will have the theory also.'

“Do you really think I shall?' asked little Hans.

“I have no doubt of it,' answered the Miller, 'but now that you have mended the roof, you had better go home and rest, for I want you to drive my sheep to the mountain to-morrow.'

"Poor little Hans was afraid to say anything to this, and early the next morning the Miller brought his sheep round to the cottage, and Hans started off with them to the mountain. It took him the whole day to get there and back; and when he returned he was so tired that he went off to sleep in his chair, and did not wake up till it was broad daylight.

“What a delightful time I shall have in my garden,' he said, and he went to work at once.

"But somehow he was never able to look after his flowers at all, for his friend the Miller was always coming round and sending him off on long errands, or getting him to help at the mill. Little Hans was very much distressed at times, as he was afraid his flowers would think he had forgotten them, but he consoled himself by the reflection that the Miller was his best friend. 'Besides,' he used to say, 'he is going to give me his wheelbarrow, and that is an act of pure generosity.'

"So little Hans worked away for the Miller, and the Miller said all kinds of beautiful things about friendship, which Hans took down in a note-book, and used to read over at night, for he was a very good scholar.

“Now it happened that one evening little Hans was sitting by his fireside when a loud rap came at the door. It was a very wild night, and the wind was blowing and roaring round the house so terribly that at first he thought it was merely the storm. But a second rap came, and then a third, louder than any of the others.

“It is some poor traveller,' said little Hans to himself, and he ran to the door.

“There stood the Miller with a lantern in one hand and a big stick in the other.

“Dear little Hans,' cried the Miller, 'I am in great trouble. My little boy has fallen off a ladder and hurt himself, and I am going for the Doctor. But he lives so far away, and it is such a bad night, that it has just occurred to me that it would be much better if you went instead of me. You know I am going to give you my wheelbarrow, and so, it is only fair that you should do something for me in return.'

"Certainly,' cried little Hans, 'I take it quite as a compliment your coming to me, and I will start off at once. But you must lend me your lantern, as the night is so dark that I am afraid I might fall into the ditch.'

“I am very sorry,' answered the Miller, 'but it is my new lantern, and it would be a great loss to me if anything happened to it.'

"Well, never mind, I will do without it,' cried little Hans, and he took down his great fur coat, and his warm scarlet cap, and tied a muffler round his throat, and started off.

“What a dreadful storm it was! The night was so black that little Hans could hardly see, and the wind was so strong that he could scarcely stand. However, he was very courageous, and after he

had been walking about three hours, he arrived at the Doctor's house, and knocked at the door.

“Who is there?' cried the Doctor, putting his head out of his bedroom window.

“'Little Hans, Doctor.'

“'What do you want, little Hans?'

“The Miller's son has fallen from a ladder, and has hurt himself, and the Miller wants you to come at once.'

“All right!' said the Doctor; and he ordered his horse, and his big boots, and his lantern, and came downstairs, and rode off in the direction of the Miller's house, little Hans trudging behind him.

"But the storm grew worse and worse, and the rain fell in torrents, and little Hans could not see where he was going, or keep up with the horse. At last he lost his way, and wandered off on the moor, which was a very dangerous place, as it was full of deep holes, and there poor little Hans was drowned. His body was found the next day by some goatherds, floating in a great pool of water, and was brought back by them to the cottage.

"Everybody went to little Hans' funeral, as he was so popular, and the Miller was the chief mourner.

"As I was his best friend,' said the Miller, 'it is only fair that I should have the best place'; so he walked at the head of the procession in a long black cloak, and every now and then he wiped his eyes with a big pocket-handkerchief.

“'Little Hans is certainly a great loss to every one,' said the Blacksmith, when the funeral was over, and they were all seated comfortably in the inn, drinking spiced wine and eating sweet cakes.

“A great loss to me at any rate,' answered the Miller; 'why, I had as good as given him my wheelbarrow, and now I really don't know what to do with it. It is very much in my way at home, and it is in such bad repair that I could not get anything for it if I sold it. I will certainly take care not to give away anything again. One always suffers for being generous.""

"Well?” said the Water-rat, after a long pause.

"Well, that is the end," said the Linnet.

"But what became of the Miller?" asked the Water-rat.

"Oh! I really don't know," replied the Linnet; "and I am sure that I don't care."

"It is quite evident then that you have no sympathy in your nature," said the Water-rat.

“I am afraid you don't quite see the moral of the story,” remarked the Linnet.

"The what?" screamed the Water-rat.

“The moral."

"Do you mean to say that the story has a moral?"

“Certainly," said the Linnet.

"Well, really," said the Water-rat, in a very angry manner, "I think you should have told me that before you began. If you had done so, I certainly would not have listened to you; in fact, I should have said 'Pooh,' like the critic. However, I can say it now”; so he shouted out “Pooh” at the top of his voice, gave a whisk with his tail, and went back into his hole.

"And how do you like the Water-rat?" asked the Duck, who came paddling up some minutes afterwards. "He has a great many good points, but for my own part I have a mother's feelings, and I can never look at a confirmed bachelor without the tears coming into my eyes."

"I am rather afraid that I have annoyed him," answered the Linnet. “The fact is, that I told him a story with a moral.”

“Ah! that is always a very dangerous thing to do," said the Duck.

And I quite agree with her.

THE REMARKABLE ROCKET

THE King's son was going to be married, so there were general rejoicings. He had waited a whole year for his bride, and at last she had arrived. She was a Russian Princess, and had driven all the way from Finland in a sledge drawn by six reindeer. The sledge was shaped like a great golden swan, and between the swan's wings lay the little Princess herself. Her long ermine-cloak reached right down to her feet, on her head was a tiny cap of silver tissue, and she was as pale as the Snow Palace in which she had always lived. So pale was she that as she drove through the streets all the people wondered. “She is like a white rose!" they cried, and they threw down flowers on her from the balconies.

At the gate of the Castle the Prince was waiting to receive her. He had dreamy violet eyes, and his hair was like fine gold. When he saw her he sank upon one knee, and kissed her hand.

“Your picture was beautiful,” he murmured, "but you are more beautiful than your picture"; and the little Princess blushed.

“She was like a white rose before," said a young Page to his neighbour, "but she is like a red rose now"; and the whole Court was delighted.

For the next three days everybody went about saying, “White rose, Red rose, Red rose, White rose"; and the King gave orders that the Page's salary was to be doubled. As he received no salary at all this was not of much use to him, but it was considered a great honour, and was duly published in the Court Gazette.

When the three days were over the marriage was celebrated. It was a magnificent ceremony, and the bride and bridegroom walked hand in hand under a canopy of purple velvet embroidered with little pearls. Then there was a State Banquet, which lasted for five hours. The Prince and Princess sat at the top of the Great Hall and drank out of a cup of clear crystal. Only true lovers could drink out of this cup, for if false lips touched it, it grew grey and dull and cloudy.

"It's quite clear that they love each other," said the little Page, "as clear as crystal!" and the King doubled his salary a second time. “What an honour!” cried all the courtiers.

After the banquet there was to be a Ball. The bride and bridegroom were to dance the Rose-dance together, and the King had promised to play the flute. He played very badly, but no one had ever dared to tell him so, because he was the King. Indeed, he knew only two airs, and was never quite certain which one he was playing; but it made no matter, for, whatever he did, everybody cried out, “Charming! charming!"

The last item on the programme was a grand display of fireworks, to be let off exactly at midnight. The little Princess had never seen a firework in her life, so the King had given orders that the Royal Pyrotechnist should be in attendance on the day of her marriage.

“What are fireworks like?” she had asked the Prince, one morning, as she was walking on the terrace.

“They are like the Aurora Borealis," said the King, who always answered questions that were addressed to other people, "only much more natural. I prefer them to stars myself, as you always know when they are going to appear, and they are as delightful as my own flute-playing. You must certainly see them.”

So at the end of the King's garden a great stand had been set up, and as soon as the Royal Pyrotechnist had put everything in its proper place, the fireworks began to talk to each other.

"The world is certainly very beautiful," cried a little Squib. “Just look at those yellow tulips. Why! if they were real crackers they could not be lovelier. I am very glad I have travelled. Travel improves the mind wonderfully, and does away with all one's prejudices.”

"The King's garden is not the world, you foolish squib,” said a big Roman Candle; “the world is an enormous place, and it would take you three days to see it thoroughly."

“Any place you love is the world to you," exclaimed a pensive Catherine Wheel, who had been attached to an old deal box in early life, and prided herself on her broken heart; “but love is not fashionable any more, the poets have killed it. They wrote so much about it that nobody believed them, and I am not surprised. True love suffers, and is silent. I remember myself once-But it is no matter now. Romance is a thing of the past."

"Nonsense!” said the Roman Candle, “Romance never dies. It is like the moon, and lives for ever. The bride and bridegroom, for instance, love each other very dearly. I heard all about them this morning from a brown-paper cartridge, who happened to be staying in the same drawer as myself, and knew the latest Court news.”

But the Catherine Wheel shook her head. “Romance is dead, Romance is dead, Romance is dead," she murmured. She was one of those people who think that, if you say the same thing over and over a great many times, it becomes true in the end.

Suddenly, a sharp, dry cough was heard, and they all looked round.

It came from a tall, supercilious-looking Rocket, who was tied to the end of a long stick. He always coughed before he made any observation, so as to attract attention.

"Ahem! ahem!" he said, and everybody listened except the poor Catherine Wheel, who was still shaking her head, and murmuring, "Romance is dead."

"Order! order!" cried out a Cracker. He was something of a politician, and had always taken a prominent part in the local elections, so he knew the proper Parliamentary expressions to use.

"Quite dead," whispered the Catherine Wheel, and she went off to sleep.

As soon as there was perfect silence, the Rocket coughed a third time and began. He spoke with a very slow, distinct voice, as if he was dictating his memoirs, and always looked over the shoulder of the person to whom he was talking. In fact, he had a most distinguished manner.

"How fortunate it is for the King's son," he remarked, "that he is to be married on the very day on which I am to be let off. Really, if it had been arranged beforehand, it could not have turned out better for him; but, Princes are always lucky."

"Dear me!" said the little Squib, "I thought it was quite the other way, and that we were to be let off in the Prince's honour."

"It may be so with you," he answered; "indeed, I have no doubt that it is, but with me it is different. I am a very remarkable Rocket, and come of remarkable parents. My mother was the most celebrated Catherine Wheel of her day, and was renowned for her graceful dancing. When she made her great public appearance she spun round nineteen times before she went out, and each time that she did so she threw into the air seven pink

stars. She was three feet and a half in diameter, and made of the very best gunpowder. My father was a Rocket like myself, and of French extraction. He flew so high that the people were afraid that he would never come down again. He did, though, for he was of a kindly disposition, and he made a most brilliant descent in a shower of golden rain. The newspapers wrote about his performance in very flattering terms. Indeed, the Court Gazette called him a triumph of Pylotechnic art."

"Pyrotechnic, Pyrotechnic, you mean," said a Bengal Light; “I know it is Pyrotechnic, for I saw it written on my own canister.”

"Well, I said Pylotechnic," answered the Rocket, in a severe tone of voice, and the Bengal Light felt so crushed that he began at once to bully the little squibs, in order to show that he was still a person of some importance.

"I was saying," continued the Rocket, “I was saying—What was I saying?”

“You were talking about yourself," replied the Roman Candle.

"Of course; I knew I was discussing some interesting subject when I was so rudely interrupted. I hate rudeness and bad manners of every kind, for I am extremely sensitive. No one in the whole world is so sensitive as I am, I am quite sure of that.”

“What is a sensitive person?" said the Cracker to the Roman Candle.

"A person who, because he has corns himself, always treads on other people's toes," answered the Roman Candle in a low whisper; and the Cracker nearly exploded with laughter.

“Pray, what are you laughing at?" inquired the Rocket; “I am not laughing."

"I am laughing because I am happy," replied the Cracker.

“That is a very selfish reason,” said the Rocket angrily. "What right have you to be happy? You should be thinking about others. In fact, you should be thinking about me. I am always thinking about myself, and I expect everybody else to do the same. That is what is called sympathy. It is a beautiful virtue, and I possess it in a high degree. Suppose, for instance, anything happened to me to-night, what a misfortune that would be for every one! The Prince and Princess would never be happy again, their whole married life would be spoiled; and as for the King, I know he would not get over it. Really, when I begin to reflect on the importance of my position, I am almost moved to tears."

"If you want to give pleasure to others," cried the Roman Candle, "you had better keep yourself dry.”

“Certainly,” exclaimed the Bengal Light, who was now in better spirits; "that is only common sense.”

"Common sense, indeed!" said the Rocket indignantly; "you forget that I am very uncommon, and very remarkable. Why, anybody can have common sense, provided that they have no imagination. But I have imagination, for I never think of things as they really are; I always think of them as being quite different. As for keeping myself dry, there is evidently no one here who can at all appreciate an emotional nature. Fortunately for myself, I don't care. The only thing that sustains one through life is the consciousness of the immense inferiority of everybody else, and this is a feeling that I have always cultivated. But none of you have any hearts. Here you are laughing and making merry just as if the Prince and Princess had not just been married."

"Well, really," exclaimed a small Fire-balloon, "why not? It is a most joyful occasion, and when I soar up into the air I intend to

tell the stars all about it. You will see them twinkle when I talk to them about the pretty bride."

"Ah! what a trivial view of life!" said the Rocket; "but it is only what I expected. There is nothing in you; you are hollow and empty. Why, perhaps the Prince and Princess may go to live in a country where there is a deep river, and perhaps they may have one only son, a little fair-haired boy with violet eyes like the Prince himself; and perhaps some day he may go out to walk with his nurse; and perhaps the nurse may go to sleep under a great elder-tree; and perhaps the little boy may fall into the deep river and be drowned. What a terrible misfortune! Poor people, to lose their only son! It is really too dreadful! I shall never get over it."

"But they have not lost their only son," said the Roman Candle; "no misfortune has happened to them at all."

"I never said that they had," replied the Rocket; "I said that they might. If they had lost their only son there would be no use in saying anything more about the matter. I hate people who cry over spilt milk. But when I think that they might lose their only son, I certainly am very much affected."

"You certainly are!" cried the Bengal Light. "In fact, you are the most affected person I ever met."

"You are the rudest person I ever met," said the Rocket, "and you cannot understand my friendship for the Prince."

"Why, you don't even know him," growled the Roman Candle.

"I never said I knew him," answered the Rocket. "I dare say that if I knew him I should not be his friend at all. It is a very dangerous thing to know one's friends."

"You had really better keep yourself dry," said the Fire-balloon. “That is the important thing."

“Very important for you, I have no doubt," answered the Rocket, "but I shall weep if I choose"; and he actually burst into real tears, which flowed down his stick like rain-drops, and nearly drowned two little beetles, who were just thinking of setting up house together, and were looking for a nice dry spot to live in.

"He must have a truly romantic nature,” said the Catherine Wheel, "for he weeps when there is nothing at all to weep about”; and she heaved a deep sigh, and thought about the deal box.

But the Roman Candle and the Bengal Light were quite indignant, and kept saying, “Humbug! humbug!” at the top of their voices. They were extremely practical, and whenever they objected to anything they called it humbug.

Then the moon rose like a wonderful silver shield; and the stars began to shine, and a sound of music came from the palace.

The Prince and Princess were leading the dance. They danced so beautifully that the tall white lilies peeped in at the window and watched them, and the great red poppies nodded their heads and beat time.

Then ten o'clock struck, and then eleven, and then twelve, and at the last stroke of midnight every one came out on the terrace, and the King sent for the Royal Pyrotechnist.

“Let the fireworks begin," said the King; and the Royal Pyrotechnist made a low bow, and marched down to the end of the garden. He had six attendants with him, each of whom carried a lighted torch at the end of a long pole.

It was certainly a magnificent display.

Whizz! Whizz! went the Catherine Wheel, as she spun round and round.

Boom! Boom! went the Roman Candle. Then the Squibs danced all over the place, and the Bengal Lights made everything look scarlet. "Good-bye," cried the Fire-balloon, as he soared away, dropping tiny blue sparks. Bang! Bang! answered the Crackers, who were enjoying themselves immensely. Every one was a great success except the Remarkable Rocket. He was so damp with crying that he could not go off at all. The best thing in him was the gunpowder, and that was so wet with tears that it was of no use. All his poor relations, to whom he would never speak, except with a sneer, shot up into the sky like wonderful golden flowers with blossoms of fire. Huzza! Huzza! cried the Court; and the little Princess laughed with pleasure.

"I suppose they are reserving me for some grand occasion," said the Rocket; "no doubt that is what it means," and he looked more supercilious than ever.

The next day the workmen came to put everything tidy. "This is evidently a deputation," said the Rocket; "I will receive them with becoming dignity" so he put his nose in the air, and began to frown severely as if he were thinking about some very important subject. But they took no notice of him at all till they were just going away. Then one of them caught sight of him. "Hallo!" he cried, "what a bad rocket!" and he threw him over the wall into the ditch.

"BAD Rocket? BAD Rocket?" he said, as he whirled through the air; "impossible! GRAND Rocket, that is what the man said. BAD and GRAND sound very much the same, indeed they often are the same"; and he fell into the mud.

"It is not comfortable here," he remarked, "but no doubt it is some fashionable watering-place, and they have sent me away

to recruit my health. My nerves are certainly very much shattered, and I require rest."

Then a little Frog, with bright jewelled eyes, and a green mottled coat, swam up to him.

“A new arrival, I see!" said the Frog. “Well, after all there is nothing like mud. Give me rainy weather and a ditch, and I am quite happy. Do you think it will be a wet afternoon? I am sure I hope so, but the sky is quite blue and cloudless. What a pity!"

“Ahem! ahem!” said the Rocket, and he began to cough.

“What a delightful voice you have!” cried the Frog. “Really it is quite like a croak, and croaking is of course the most musical sound in the world. You will hear our glee-club this evening. We sit in the old duck pond close by the farmer's house, and as soon as the moon rises we begin. It is so entrancing that everybody lies awake to listen to us. In fact, it was only yesterday that I heard the farmer's wife say to her mother that she could not get a wink of sleep at night on account of us. It is most gratifying to find oneself so popular."

“Ahem! ahem!” said the Rocket angrily. He was very much annoyed that he could not get a word in.

"A delightful voice, certainly,” continued the Frog; "I hope you will come over to the duck-pond. I am off to look for my daughters. I have six beautiful daughters, and I am so afraid the Pike may meet them. He is a perfect monster, and would have no hesitation in breakfasting off them. Well, good bye: I have enjoyed our conversation very much, I assure you."

"Conversation, indeed!" said the Rocket. "You have talked the whole time yourself. That is not conversation."

"Somebody must listen," answered the Frog, "and I like to do all the talking myself. It saves time, and prevents arguments."

"But I like arguments," said the Rocket.

"I hope not," said the Frog complacently. "Arguments are extremely vulgar, for everybody in good society holds exactly the same opinions. Good-bye a second time; I see my daughters in the distance and the little Frog swam away.

"You are a very irritating person," said the Rocket, "and very ill-bred. I hate people who talk about themselves, as you do, when one wants to talk about oneself, as I do. It is what I call selfishness, and selfishness is a most detestable thing, especially to any one of my temperament, for I am well known for my sympathetic nature. In fact, you should take example by me; you could not possibly have a better model. Now that you have the chance you had better avail yourself of it, for I am going back to Court almost immediately. I am a great favourite at Court; in fact, the Prince and Princess were married yesterday in my honour. Of course you know nothing of these matters, for you are a provincial."

"There is no good talking to him," said a Dragon fly, who was sitting on the top of a large brown bulrush; "no good at all, for he has gone away."

"Well, that is his loss, not mine," answered the Rocket. "I am not going to stop talking to him merely because he pays no attention. I like hearing myself talk. It is one of my greatest pleasures. I often have long conversations all by myself, and I am so clever that sometimes I don't understand a single word of what I am saying."

"Then you should certainly lecture on Philosophy," said the Dragon-fly; and he spread a pair of lovely gauze wings and soared away into the sky.

“How very silly of him not to stay here!” said the Rocket. “I am sure that he has not often got such a chance of improving his mind. However, I don't care a bit. Genius like mine is sure to be appreciated some day"; and he sank down a little deeper into the mud.

After some time a large White Duck swam up to him. She had yellow legs, and webbed feet, and was considered a great beauty on account of her waddle.

"Quack, quack, quack,” she said. “What a curious shape you are! May I ask were you born like that, or is it the result of an accident?"

"It is quite evident that you have always lived in the country," answered the Rocket, “otherwise you would know who I am. However, I excuse your ignorance. It would be unfair to expect other people to be as remarkable as oneself. You will no doubt be surprised to hear that I can fly up into the sky, and come down in a shower of golden rain."

"I don't think much of that," said the Duck, "as I cannot see what use it is to any one. Now, if you could plough the fields like the ox, or draw a cart like the horse, or look after the sheep like the collie dog, that would be something."

"My good creature," cried the Rocket in a very haughty tone of voice, “I see that you belong to the lower orders. A person of my position is never useful. We have certain accomplishments, and that is more than sufficient. I have no sympathy myself with industry of any kind, least of all with such industries as you seem to recommend. Indeed, I have always been of opinion that hard work is simply the refuge of people who have nothing whatever to do."

“Well, well,” said the Duck, who was of a very peaceable disposition, and never quarrelled with any one, "everybody has

different tastes. I hope, at any rate, that you are going to take up your residence here."

“Oh! dear no," cried the Rocket. “I am merely a visitor, a distinguished visitor. The fact is that find this place rather tedious. There is neither society here, nor solitude. In fact, it is essentially suburban. I shall probably go back to Court, for I know that I am destined to make a sensation in the world.”

"I had thoughts of entering public life once myself,” remarked the Duck; "there are so many things that need reforming. Indeed, I took the chair at a meeting some time ago, and we passed resolutions condemning everything that we did not like. However, they did not seem to have much effect. Now I go in for domesticity, and look after my family."

“I am made for public life,” said the Rocket, "and so are all my relations, even the humblest of them. Whenever we appear we excite great attention. I have not actually appeared myself, but when I do so it will be a magnificent sight. As for domesticity, it ages one rapidly, and distracts one's mind from higher things."

“Ah! the higher things of life, how fine they are!" said the Duck; "and that reminds me how hungry I feel”: and she swam away down the stream, saying, “Quack, quack, quack."

"Come back! come back!” screamed the Rocket, "I have a great deal to say to you"; but the Duck paid no attention to him. "I am glad that she has gone," he said to himself, "she has a decidedly middle class mind"; and he sank a little deeper still into the mud, and began to think about the loneliness of genius, when suddenly two little boys in white smocks came running down the bank, with a kettle and some faggots.

“This must be the deputation," said the Rocket, and he tried to look very dignified.

"Hallo!" cried one of the boys, "look at this old stick! I wonder how it came here"; and he picked the rocket out of the ditch.

"OLD Stick!" said the Rocket, "impossible! GOLD Stick, that is what he said. Gold Stick is very complimentary. In fact, he mistakes me for one of the Court dignitaries!"

"Let us put it into the fire!" said the other boy, "it will help to boil the kettle."

So they piled the faggots together, and put the Rocket on top, and lit the fire.

"This is magnificent," cried the Rocket, "they are going to let me off in broad day-light, so that every one can see me."

"We will go to sleep now," they said, "and when we wake up the kettle will be boiled"; and they lay down on the grass, and shut their eyes.

The Rocket was very damp, so he took a long time to burn. At last, however, the fire caught him.

"Now I am going off!" he cried, and he made himself very stiff and straight. "I know I shall go much higher than the stars, much higher than the moon, much higher than the sun. In fact, I shall go so high that"

Fizz! Fizz! Fizz! and he went straight up into the air.

"Delightful!" he cried, "I shall go on like this for ever. What a success I am!"

But nobody saw him.

Then he began to feel a curious tingling sensation all over him.

"Now I am going to explode," he cried. "I shall set the whole world on fire, and make such a noise that nobody will talk about anything else for a whole year." And he certainly did explode. Bang! Bang! Bang! went the gunpowder. There was no doubt about it.

But nobody heard him, not even the two little boys, for they were sound asleep.

Then all that was left of him was the stick, and this fell down on the back of a Goose who was taking a walk by the side of the ditch.

"Good heavens!" cried the Goose. "It is going to rain sticks"; and she rushed into the water.

"I knew I should create a great sensation," gasped the Rocket, and he went out.

THE YOUNG KING

It was the night before the day fixed for his coronation, and the young King was sitting alone in his beautiful chamber. His courtiers had all taken their leave of him, bowing their heads to the ground, according to the ceremonious usage of the day, and had retired to the Great Hall of the Palace, to receive a few last lessons from the Professor of Etiquette; there being some of them who had still quite natural manners, which in a courtier is, I need hardly say, a very grave offence.

The lad-for he was only a lad, being but sixteen years of age—was not sorry at their departure, and had flung himself back with a deep sigh of relief on the soft cushions of his embroidered couch, lying there, wild-eyed and open-mouthed, like a brown woodland Faun, or some young animal of the forest newly snared by the hunters.

And, indeed, it was the hunters who had found him, coming upon him almost by chance as, bare limbed and pipe in hand, he was following the flock of the poor goatherd who had brought him up, and whose son he had always fancied himself to be. The child of the old King's only daughter by a secret marriage with one much beneath her in station-a stranger, some said, who, by the wonderful magic of his lute-playing, had made the young Princess love him; while others spoke of an artist from Rimini, to whom the Princess had shown much, perhaps too much honour, and who had suddenly disappeared from the city, leaving his work in the Cathedral unfinished-he had been, when but a week old, stolen away from his mother's side, as she slept, and given into the charge of a common peasant and his wife,

who were without children of their own, and lived in a remote part of the forest, more than a day's ride from the town. Grief, or the plague, as the court physician stated, or, as some suggested, a swift Italian poison administered in a cup of spiced wine, slew, within an hour of her wakening, the white girl who had given him birth, and as the trusty messenger who bare the child across his saddle-bow stooped from his weary horse and knocked at the rude door of the goatherd's hut, the body of the Princess was being lowered into an open grave that had been dug in a deserted churchyard, beyond the city gates, a grave where it was said that another body was also lying, that of a young man of marvellous and foreign beauty, whose hands were tied behind him with a knotted cord, and whose breast was stabbed with many red wounds.

Such, at least, was the story that men whispered to each other. Certain it was that the old King, when on his deathbed, whether moved by remorse for his great sin, or merely desiring that the kingdom should not pass away from his line, had had the lad sent for, and, in the presence of the Council, had acknowledged him as his heir.

And it seems that from the very first moment of his recognition he had shown signs of that strange passion for beauty that was destined to have so great an influence over his life. Those who accompanied him to the suite of rooms set apart for his service, often spoke of the cry of pleasure that broke from his lips when he saw the delicate raiment and rich jewels that had been prepared for him, and of the almost fierce joy with which he flung aside his rough leathern tunic and coarse sheepskin cloak. He missed, indeed, at times the fine freedom of his forest life, and was always apt to chafe at the tedious Court ceremonies that occupied so much of each day, but the wonderful palace Joyeuse, as they called it—of which he now found himself lord, seemed to him to be a new world fresh-fashioned for his delight; and as soon as he could escape from the council-board

or audience-chamber, he would run down the great staircase, with its lions of gilt bronze and its steps of bright porphyry, and wander from room to room, and from corridor to corridor, like one who was seeking to find in beauty an anodyne from pain, a sort of restoration from sickness.

Upon these journeys of discovery, as he would call them-and, indeed, they were to him real voyages through a marvellous land, he would sometimes be accompanied by the slim, fair-haired Court pages, with their floating mantles, and gay fluttering ribands; but more often he would be alone, feeling through a certain quick instinct, which was almost a divination, that the secrets of art are best learned in secret, and that Beauty, like Wisdom, loves the lonely worshipper.

Many curious stories were related about him at this period. It was said that a stout Burgo-master, who had come to deliver a florid oratorical address on behalf of the citizens of the town, had caught sight of him kneeling in real adoration before a great picture that had just been brought from Venice, and that seemed to herald the worship of some new gods. On another occasion he had been missed for several hours, and after a lengthened search had been discovered in a little chamber in one of the northern turrets of the palace gazing, as one in a trance, at a Greek gem carved with the figure of Adonis. He had been seen, so the tale ran, pressing his warm lips to the marble brow of an antique statue that had been discovered in the bed of the river on the occasion of the building of the stone bridge, and was inscribed with the name of the Bithynian slave of Hadrian. He had passed a whole night in noting the effect of the moonlight on a silver image of Endymion.

All rare and costly materials had certainly a great fascination for him, and in his eagerness to procure them he had sent away many merchants, some to traffic for amber with the rough fisher folk of the north seas, some to Egypt to look for that

curious green turquoise which is found only in the tombs of kings, and is said to possess magical properties, some to Persia for silken carpets and painted pottery, and others to India to buy gauze and stained ivory, moonstones and bracelets of jade, sandal-wood and blue enamel and shawls of fine wool.

But what had occupied him most was the robe he was to wear at his coronation, the robe of tissued gold, and the ruby-studded crown, and the sceptre with its rows and rings of pearls. Indeed, it was of this that he was thinking to-night, as he lay back on his luxurious couch, watching the great pinewood log that was burning itself out on the open hearth. The designs, which were from the hands of the most famous artists of the time, had been submitted to him many months before, and he had given orders that the artificers were to toil night and day to carry them out, and that the whole world was to be searched for jewels that would be worthy of their work. He saw himself in fancy standing at the high altar of the cathedral in the fair raiment of a King, and a smile played and lingered about his boyish lips, and lit up with a bright lustre his dark woodland eyes.

After some time he rose from his seat, and leaning against the carved penthouse of the chimney, looked round at the dimly-lit room. The walls were hung with rich tapestries representing the Triumph of Beauty. A large press, inlaid with agate and lapislazuli, filled one corner, and facing the window stood a curiously wrought cabinet with lacquer panels of powdered and mosaiced gold, on which were placed some delicate goblets of Venetian glass, and a cup of dark-veined onyx. Pale poppies were broidered on the silk coveriet of the bed, as though they had fallen from the tired hands of sleep, and tall reeds of fluted ivory bare up the velvet canopy, from which great tufts of ostrich plumes sprang, like white foam, to the pallid silver of the fretted ceiling. A laughing Narcissus in green bronze held a polished mirror above its head. On the table stood a flat bowl of amethyst.

Outside he could see the huge dome of the cathedral, looming like a bubble over the shadowy houses, and the weary sentinels pacing up and down on the misty terrace by the river. Far away, in an orchard, a nightingale was singing. A faint perfume of jasmine came through the open window. He brushed his brown curls back from his forehead, and taking up a lute, let his fingers stray across the cords. His heavy eyelids drooped, and a strange languor came over him. Never before had he felt so keenly, or with such exquisite joy, the magic and the mystery of beautiful things.

When midnight sounded from the clock-tower he touched a bell, and his pages entered and disrobed him with much ceremony, pouring rose-water over his hands, and strewing flowers on his pillow. A few moments after that they had left the room, he fell asleep.

And as he slept he dreamed a dream, and this was his dream.

He thought that he was standing in a long, low attic, amidst the whir and clatter of many looms. The meagre daylight peered in through the grated windows, and showed him the gaunt figures of the weavers bending over their cases. Pale, sickly-looking children were crouched on the huge crossbeams. As the shuttles dashed through the warp they lifted up the heavy battens, and when the shuttles stopped they let the battens fall and pressed the threads together. Their faces were pinched with famine, and their thin hands shook and trembled. Some haggard women were seated at a table sewing. A horrible odour filled the place. The air was foul and heavy, and the walls dripped and streamed with damp.

The young King went over to one of the weavers, and stood by him and watched him.

And the weaver looked at him angrily, and said, 'Why art thou watching me? Art thou a spy set on us by our master?'

"Who is thy master?' asked the young King.

'Our master!' cried the weaver, bitterly. 'He is a man like myself. Indeed, there is but this difference between us—that he wears fine clothes while I go in rags, and that while I am weak from hunger he suffers not a little from overfeeding.'

“The land is free,' said the young King, and thou art no man's slave.'

'In war,' answered the weaver, the strong make slaves of the weak, and in peace the rich make slaves of the poor. We must work to live, and they give us such mean wages that we die. We toil for them all day long, and they heap up gold in their coffers, and our children fade away before their time, and the faces of those we love become hard and evil. We tread out the grapes, and another drinks the wine. We sow the corn, and our own board is empty. We have chains, though no eye beholds them; and are slaves, though men call us free.'

'Is it so with all?' he asked,

'It is so with all,' answered the weaver, ‘with the young as well as with the old, with the women as well as with the men, with the little children as well as with those who are stricken in years.

The merchants grind us down, and we must needs do their bidding. The priest rides by and tells his beads, and no man has care of us. Through our sunless lanes creeps Poverty with her hungry eyes, and Sin with his sodden face follows close behind her. Misery wakes us in the morning, and Shame sits with us at night. But what are these things to thee? Thou art not one of us. Thy face is too happy.' And he turned away scowling, and threw

the shuttle across the loom, and the young King saw that it was threaded with a thread of gold.

And a great terror seized upon him, and he said to the weaver,

'What robe is this that thou art weaving?

'It is the robe for the coronation of the young King,' he answered;

'what is that to thee?'

And the young King gave a loud cry and woke, and lo! he was in his own chamber, and through the window he saw the great honey-coloured moon hanging in the dusky air.

And he fell asleep again and dreamed, and this was his dream.

He thought that he was lying on the deck of a huge galley that was being rowed by a hundred slaves. On a carpet by his side the master of the galley was seated. He was black as ebony, and his turban was of crimson silk. Great earrings of silver dragged down the thick lobes of his ears, and in his hands he had a pair of ivory scales.

The slaves were naked, but for a ragged loin cloth, and each man was chained to his neighbour. The hot sun beat brightly upon them, and the negroes ran up and down the gangway and lashed them with whips of hide. They stretched out their lean arms and pulled the heavy oars through the water. The salt spray flew from the blades.

At last they reached a little bay, and began to take soundings. A light wind blew from the shore, and covered the deck and the great lateen sail with a fine red dust. Three Arabs mounted on wild asses rode out and threw spears at them. The master of the

galley took a painted bow in his hand and shot one of them in the throat.

He fell heavily into the surf, and his companions galloped away. A woman wrapped in a yellow veil followed slowly on a camel, looking back now and then at the dead body.

As soon as they had cast anchor and hauled down the sail, the negroes went into the hold and brought up a long rope-ladder, heavily weighted with lead. The master of the galley threw it over the side, making the ends fast to two iron stanchions. Then the negroes seized the youngest of the slaves and knocked his gyves off, and filled his nostrils and his ears with wax, and tied a big stone round his waist. He crept wearily down the ladder, and disappeared into the sea. A few bubbles rose where he sank. Some of the other slaves peered curiously over the side. At the prow of the galley sat a shark charmer, beating monotonously upon a drum.

After some time the diver rose up out of the water, and clung panting to the ladder with a pearl in his right hand. The negroes seized it from him, and thrust him back. The slaves fell asleep over their oars.

Again and again he came up, and each time that he did so he brought with him a beautiful pearl. The master of the galley weighed them, and put them into a little bag of green leather.

The young King tried to speak, but his tongue seemed to cleave to the roof of his mouth, and his lips refused to move. The negroes chattered to each other, and began to quarrel over a string of bright beads. Two cranes flew round and round the vessel.

Then the diver came up for the last time, and the pearl that he brought with him was fairer than all the pearls of Ormuz, for it

was shaped like the full moon, and whiter than the morning star.

But his face was strangely pale, and as he fell upon the deck the blood gushed from his ears and nostrils. He quivered for a little, and then he was still. The negroes shrugged their shoulders, and threw the body overboard.

And the master of the galley laughed, and, reaching out, he took the pearl, and when he saw it he pressed it to his forehead and bowed. 'It shall be,' he said, 'for the sceptre of the young King,' and he made a sign to the negroes to draw up the anchor.

And when the young King heard this he gave a great cry, and woke, and through the window he saw the long grey fingers of the dawn clutching at the fading stars.

And he fell asleep again, and dreamed, and this was his dream.

He thought that he was wandering through a dim wood, hung with strange fruits and with beautiful poisonous flowers. The adders hissed at him as he went by, and the bright parrots flew screaming from branch to branch. Huge tortoises lay asleep upon the hot mud. The trees were full of apes and peacocks.

On and on he went, till he reached the outskirts of the wood, and there he saw an immense multitude of men toiling in the bed of a dried-up river. They swarmed up the crag like ants. They dug deep pits in the ground and went down into them. Some of them cleft the rocks with great axes; others grabbled in the sand.

They tore up the cactus by its roots, and trampled on the scarlet blossoms. They hurried about, calling to each other, and no man was idle.

From the darkness of a cavern Death and Avarice watched them, and Death said, 'I am weary; give me a third of them and let me go.'

But Avarice shook her head. "They are my servants,' she answered.

And Death said to her, 'What hast thou in thy hand?'

'I have three grains of corn,' she answered; "what is that to thee?'

"Give me one of them,' cried Death, 'to plant in my garden; only one of them, and I will go away.'

'I will not give thee anything,' said Avarice, and she hid her hand in the fold of her raiment.

And Death laughed, and took a cup, and dipped it into a pool of water, and out of the cup rose Ague. She passed through the great multitude, and a third of them lay dead. A cold mist followed her, and the water-snakes ran by her side.

And when Avarice saw that a third of the multitude was dead she beat her breast and wept. She beat her barren bosom, and cried aloud. "Thou hast slain a third of my servants,' she cried, 'get thee gone. There is war in the mountains of Tartary, and the kings of each side are calling to thee. The Afghans have slain the black ox, and are marching to battle. They have beaten upon their shields with their spears, and have put on their helmets of iron.

What is my valley to thee, that thou shouldst tarry in it? Get thee gone, and come here no more.'

'Nay,' answered Death, 'but till thou hast given me a grain of corn I will not go.'

But Avarice shut her hand, and clenched her teeth. 'I will not give thee anything,' she muttered.

And Death laughed, and took up a black stone, and threw it into the forest, and out of a thicket of wild hemlock came Fever in a robe of flame. She passed through the multitude, and touched them, and each man that she touched died. The grass withered beneath her feet as she walked.

And Avarice shuddered, and put ashes on her head. "Thou art cruel,' she cried; "thou art cruel. There is famine in the walled cities of India, and the cisterns of Samarcand have run dry. There is famine in the walled cities of Egypt, and the locusts have come up from the desert. The Nile has not overflowed its banks, and the priests have cursed Isis and Osiris. Get thee gone to those who need thee, and leave me my servants.'

'Nay,' answered Death, 'but till thou hast given me a grain of corn I will not go.'

'I will not give thee anything,' said Avarice.

And Death laughed again, and he whistled through his fingers, and a woman came flying through the air. Plague was written upon her forehead, and a crowd of lean vultures wheeled round her. She covered the valley with her wings, and no man was left alive.

And Avarice fled shrieking through the forest, and Death leaped upon his red horse and galloped away, and his galloping was faster than the wind.

And out of the slime at the bottom of the valley crept dragons and horrible things with scales, and the jackals came trotting along the sand, sniffing up the air with their nostrils.

And the young King wept, and said: 'Who were these men, and for what were they seeking?'

'For rubies for a king's crown,' answered one who stood behind him. And the young King started, and, turning round, he saw a man habited as a pilgrim and holding in his hand a mirror of silver.

And he grew pale, and said: 'For what king?'

And the pilgrim answered: 'Look in this mirror, and thou shalt see him.'

And he looked in the mirror, and, seeing his own face, he gave a great cry and woke, and the bright sunlight was streaming into the room, and from the trees of the garden and pleasaunce the birds were singing.

And the Chamberlain and the high officers of State came in and made obeisance to him, and the pages brought him the robe of tissued gold, and set the crown and the sceptre before him.

And the young King looked at them, and they were beautiful. More beautiful were they than aught that he had ever seen. But he remembered his dreams, and he said to his lords: "Take these things away, for I will not wear them.'

And the courtiers were amazed, and some of them laughed, for they thought that he was jesting.

But he spake sternly to them again, and said: Take these things away, and hide them from me. Though it be the day of my coronation, I will not wear them. For on the loom of Sorrow, and by the white hands of Pain, has this my robe been woven. There is Blood in the heart of the ruby, and Death in the heart of the pearl.' And he told them his three dreams.

And when the courtiers heard them they looked at each other and whispered, saying: 'Surely he is mad; for what is a dream but a dream, and a vision but a vision? They are not real things that one should heed them. And what have we to do with the lives of those who toil for us? Shall a man not eat bread till he has seen the sower, nor drink wine till he has talked with the vinedresser?'

And the Chamberlain spake to the young King, and said, 'My lord, I pray thee set aside these black thoughts of thine, and put on this fair robe, and set this crown upon thy head. For how shall the people know that thou art a king, if thou hast not a king's raiment?

And the young King looked at him. 'Is it so, indeed?' he questioned. 'Will they not know me for a king if I have not a king's raiment?'

"They will not know thee, my lord,' cried the Chamberlain.

'I had thought that there had been men who were kinglike,' he answered, 'but it may be as thou sayest. And yet I will not wear this robe, nor will I be crowned with this crown, but even as I came to the palace so will I go forth from it.'

And he bade them all leave him, save one page whom he kept as his companion, a lad a year younger than himself. Him he kept for his service, and when he had bathed himself in clear water, he opened a great painted chest, and from it he took the leathern tunic and rough sheepskin cloak that he had worn when he had watched on the hillside the shaggy goats of the goatherd. These he put on, and in his hand he took his rude shepherd's staff.

And the little page opened his big blue eyes in wonder, and said smiling to him, 'My lord, I see thy robe and thy sceptre, but where is thy crown?'

And the young King plucked a spray of wild briar that was climbing over the balcony, and bent it, and made a circlet of it, and set it on his own head.

This shall he my crown,' he answered.

And thus attired he passed out of his chamber into the Great Hall, where the nobles were waiting for him.

And the nobles made merry, and some of them cried out to him, 'My lord, the people wait for their king, and thou showest them a beggar,' and others were wroth and said, 'He brings shame upon our state, and is unworthy to be our master.' But he answered them not a word, but passed on, and went down the bright porphyry staircase, and out through the gates of bronze, and mounted upon his horse, and rode towards the cathedral, the little page running beside him.

And the people laughed and said, 'It is the King's fool who is riding by,' and they mocked him.

And he drew rein and said, 'Nay, but I am the King.' And he told them his three dreams.

And a man came out of the crowd and spake bitterly to him, and said, 'Sir, knowest thou not that out of the luxury of the rich cometh the life of the poor? By your pomp we are nurtured, and your vices give us bread. To toil for a hard master is bitter, but to have no master to toil for is more bitter still. Thinkest thou that the ravens will feed us? And what cure hast thou for these things? Wilt thou say to the buyer, "Thou shalt buy for so much," and to the seller, “Thou shalt sell at this price"? I trow not.

Therefore go back to thy Palace and put on thy purple and fine linen. What hast thou to do with us, and what we suffer?'

Are not the rich and the poor brothers?' asked the young King.

Ay,' answered the man, 'and the name of the rich brother is Cain.'

And the young King's eyes filled with tears, and he rode on through the murmurs of the people, and the little page grew afraid and left him.

And when he reached the great portal of the cathedral, the soldiers thrust their halberts out and said, 'What dost thou seek here?

None enters by this door but the King.'

And his face flushed with anger, and he said to them, 'I am the King,' and waved their halberts aside and passed in.

And when the old Bishop saw him coming in his goatherd's dress, he rose up in wonder from his throne, and went to meet him, and said to him, 'My son, is this a king's apparel? And with what crown shall I crown thee, and what sceptre shall I place in thy hand?

Surely this should be to thee a day of joy, and not a day of abasement.'

"Shall Joy wear what Grief has fashioned?' said the young King.

And he told him his three dreams.

And when the Bishop had heard them he knit his brows, and said, 'My son, I am an old man, and in the winter of my days, and I know that many evil things are done in the wide world. The fierce robbers come down from the mountains, and carry off the little children, and sell them to the Moors. The lions lie in wait for the caravans, and leap upon the camels. The wild boar

roots up the corn in the valley, and the foxes gnaw the vines upon the hill.

The pirates lay waste the sea-coast and burn the ships of the fishermen, and take their nets from them. In the salt-marshes live the lepers; they have houses of wattled reeds, and none may come nigh them. The beggars wander through the cities, and eat their food with the dogs. Canst thou make these things not to be? Wilt thou take the leper for thy bedfellow, and set the beggar at thy board? Shall the lion do thy bidding, and the wild boar obey thee?

Is not He who made misery wiser than thou art? Wherefore I praise thee not for this that thou hast done, but I bid thee ride back to the Palace and make thy face glad, and put on the raiment that beseemeth a king, and with the crown of gold I will crown thee, and the sceptre of pearl will I place in thy hand. And as for thy dreams, think no more of them. The burden of this world is too great for one man to bear, and the world's sorrow too heavy for one heart to suffer.'

'Sayest thou that in this house?' said the young King, and he strode past the Bishop, and climbed up the steps of the altar, and stood before the image of Christ.

He stood before the image of Christ, and on his right hand and on his left were the marvellous vessels of gold, the chalice with the yellow wine, and the vial with the holy oil. He knelt before the image of Christ, and the great candles burned brightly by the jewelled shrine, and the smoke of the incense curled in thin blue wreaths through the dome. He bowed his head in prayer, and the priests in their stiff copes crept away from the altar.

And suddenly a wild tumult came from the street outside, and in entered the nobles with drawn swords and nodding plumes, and shields of polished steel. 'Where is this dreamer of dreams?'

they cried. 'Where is this King who is apparelled like a beggar—this boy who brings shame upon our state? Surely we will slay him, for he is unworthy to rule over us.'

And the young King bowed his head again, and prayed, and when he had finished his prayer he rose up, and turning round he looked at them sadly.

And lo! through the painted windows came the sunlight streaming upon him, and the sun-beams wove round him a tissued robe that was fairer than the robe that had been fashioned for his pleasure. The dead staff blossomed, and bare lilies that were whiter than pearls.

The dry thorn blossomed, and bare roses that were redder than rubies. Whiter than fine pearls were the lilies, and their stems were of bright silver. Redder than male rubies were the roses, and their leaves were of beaten gold.

He stood there in the raiment of a king, and the gates of the jewelled shrine flew open, and from the crystal of the many-rayed monstrance shone a marvellous and mystical light. He stood there in a king's raiment, and the Glory of God filled the place, and the saints in their carven niches seemed to move. In the fair raiment of a king he stood before them, and the organ pealed out its music, and the trumpeters blew upon their trumpets, and the singing boys sang.

And the people fell upon their knees in awe, and the nobles sheathed their swords and did homage, and the Bishop's face grew pale, and his hands trembled. 'A greater than I hath crowned thee,' he cried, and he knelt before him.

And the young King came down from the high altar, and passed home through the midst of the people. But no man dared look upon his face, for it was like the face of an angel.

THE BIRTHDAY OF THE INFANTA

It was the birthday of the Infanta. She was just twelve years of age, and the sun was shining brightly in the gardens of the palace.

Although she was a real Princess and the Infanta of Spain, she had only one birthday every year, just like the children of quite poor people, so it was naturally a matter of great importance to the whole country that she should have a really fine day for the occasion. And a really fine day it certainly was. The tall striped tulips stood straight up upon their stalks, like long rows of soldiers, and looked defiantly across the grass at the roses, and said: 'We are quite as splendid as you are now.' The purple butterflies fluttered about with gold dust on their wings, visiting each flower in turn; the little lizards crept out of the crevices of the wall, and lay basking in the white glare; and the pomegranates split and cracked with the heat, and showed their bleeding red hearts. Even the pale yellow lemons, that hung in such profusion from the mouldering trellis and along the dim arcades, seemed to have caught a richer colour from the wonderful sunlight, and the magnolia trees opened their great globe-like blossoms of folded ivory, and filled the air with a sweet heavy perfume.

The little Princess herself walked up and down the terrace with her companions, and played at hide and seek round the stone vases and the old moss-grown statues. On ordinary days she was only allowed to play with children of her own rank, so she had always to play alone, but her birthday was an exception, and the King had given orders that she was to invite any of her young friends whom she liked to come and amuse themselves

with her. There was a stately grace about these slim Spanish children as they glided about, the boys with their large-plumed hats and short fluttering cloaks, the girls holding up the trains of their long brocaded gowns, and shielding the sun from their eyes with huge fans of black and silver. But the Infanta was the most graceful of all, and the most tastefully attired, after the somewhat cumbrous fashion of the day.

Her robe was of grey satin, the skirt and the wide puffed sleeves heavily embroidered with silver, and the stiff corset studded with rows of fine pearls. Two tiny slippers with big pink rosettes peeped out beneath her dress as she walked. Pink and pearl was her great gauze fan, and in her hair, which like an aureole of faded gold stood out stiffly round her pale little face, she had a beautiful white rose.

From a window in the palace the sad melancholy King watched them. Behind him stood his brother, Don Pedro of Aragon, whom he hated, and his confessor, the Grand Inquisitor of Granada, sat by his side. Sadder even than usual was the King, for as he looked at the Infanta bowing with childish gravity to the assembling counters, or laughing behind her fan at the grim Duchess of Albuquerque who always accompanied her, he thought of the young Queen, her mother, who but a short time before so it seemed to him-had come from the gay country of France, and had withered away in the sombre splendour of the Spanish court, dying just six months after the birth of her child, and before she had seen the almonds blossom twice in the orchard, or plucked the second year's fruit from the old gnarled fig-tree that stood in the centre of the now grass-grown courtyard. So great had been his love for her that he had not suffered even the grave to hide her from him. She had been embalmed by a Moorish physician, who in return for this service had been granted his life, which for heresy and suspicion of magical practices had been already forfeited, men said, to the Holy Office, and her body was still lying on its

tapestried bier in the black marble chapel of the Palace, just as the monks had borne her in on that windy March day nearly twelve years before. Once every month the King, wrapped in a dark cloak and with a muffled lantern in his hand, went in and knelt by her side calling out, 'Mi reina! Mi reina!' and sometimes breaking through the formal etiquette that in Spain governs every separate action of life, and sets limits even to the sorrow of a King, he would clutch at the pale jewelled hands in a wild agony of grief, and try to wake by his mad kisses the cold painted face.

To-day he seemed to see her again, as he had seen her first at the Castle of Fontainebleau, when he was but fifteen years of age, and she still younger. They had been formally betrothed on that occasion by the Papal Nuncio in the presence of the French King and all the Court, and he had returned to the Escurial bearing with him a little ringlet of yellow hair, and the memory of two childish lips bending down to kiss his hand as he stepped into his carriage. Later on had followed the marriage, hastily performed at Burgos, a small town on the frontier between the two countries, and the grand public entry into Madrid with the customary celebration of high mass at the Church of La Atocha, and a more than usually solemn auto-da-fe, in which nearly three hundred heretics, amongst whom were many Englishmen, had been delivered over to the secular arm to be burned.

Certainly he had loved her madly, and to the ruin, many thought, of his country, then at war with England for the possession of the empire of the New World. He had hardly ever permitted her to be out of his sight; for her, he had forgotten, or seemed to have forgotten, all grave affairs of State; and, with that terrible blindness that passion brings upon its servants, he had failed to notice that the elaborate ceremonies by which he sought to please her did but aggravate the strange malady from

which she suffered. When she died he was, for a time, like one bereft of reason.

Indeed, there is no doubt but that he would have formally abdicated and retired to the great Trappist monastery at Granada, of which he was already titular Prior, had he not been afraid to leave the little Infanta at the mercy of his brother, whose cruelty, even in Spain, was notorious, and who was suspected by many of having caused the Queen's death by means of a pair of poisoned gloves that he had presented to her on the occasion of her visiting his castle in Aragon. Even after the expiration of the three years of public mourning that he had ordained throughout his whole dominions by royal edict, he would never suffer his ministers to speak about any new alliance, and when the Emperor himself sent to him, and offered him the hand of the lovely Archduchess of Bohemia, his niece, in marriage, he bade the ambassadors tell their master that the King of Spain was already wedded to Sorrow, and that though she was but a barren bride he loved her better than Beauty; an answer that cost his crown the rich provinces of the Netherlands, which soon after, at the Emperor's instigation, revolted against him under the leadership of some fanatics of the Reformed Church.

His whole married life, with its fierce, fiery coloured joys and the terrible agony of its sudden ending, seemed to come back to him to-day as he watched the Infanta playing on the terrace. She had all the Queen's pretty petulance of manner, the same wilful way of tossing her head, the same proud curved beautiful mouth, the same wonderful smile-vrai sourire de France indeed —as she glanced up now and then at the window, or stretched out her little hand for the stately Spanish gentlemen to kiss. But the shrill laughter of the children grated on his ears, and the bright pitiless sunlight mocked his sorrow, and a dull odour of strange spices, spices such as embalmers use, seemed to taintor was it fancy?—the clear morning air. He buried his face in his

hands, and when the Infanta looked up again the curtains had been drawn, and the King had retired.

She made a little moue of disappointment, and shrugged her shoulders. Surely he might have stayed with her on her birthday.

What did the stupid State-affairs matter? Or had he gone to that gloomy chapel, where the candles were always burning, and where she was never allowed to enter? How silly of him, when the sun was shining so brightly, and everybody was so happy! Besides, he would miss the sham bull-fight for which the trumpet was already sounding, to say nothing of the puppet-show and the other wonderful things. Her uncle and the Grand Inquisitor were much more sensible. They had come out on the terrace, and paid her nice compliments. So she tossed her pretty head, and taking Don Pedro by the hand, she walked slowly down the steps towards a long pavilion of purple silk that had been erected at the end of the garden, the other children following in strict order of precedence, those who had the longest names going first.

A procession of noble boys, fantastically dressed as toreadors, came out to meet her, and the young Count of Tierra-Nueva, a wonderfully handsome lad of about fourteen years of age, uncovering his head with all the grace of a born hidalgo and grandee of Spain, led her solemnly in to a little gilt and ivory chair that was placed on a raised dais above the arena. The children grouped themselves all round, fluttering their big fans and whispering to each other, and Don Pedro and the Grand Inquisitor stood laughing at the entrance. Even the Duchess the Camerera-Mayor as she was called—a thin, hard-featured woman with a yellow ruff, did not look quite so bad-tempered as usual, and something like a chill smile flitted across her wrinkled face and twitched her thin bloodless lips.

It certainly was a marvellous bull-fight, and much nicer, the Infanta thought, than the real bull fight that she had been brought to see at Seville, on the occasion of the visit of the Duke of Parma to her father. Some of the boys pranced about on richly caparisoned hobby-horses brandishing long javelins with gay streamers of bright ribands attached to them; others went on foot waving their scarlet cloaks before the bull, and vaulting lightly over the barrier when he charged them; and as for the bull himself, he was just like a live bull, though he was only made of wickerwork and stretched hide, and sometimes insisted on running round the arena on his hind legs, which no live bull ever dreams of doing. He made a splendid fight of it too, and the children got so excited that they stood up upon the benches, and waved their lace handkerchiefs and cried out: Bravo toro! Bravo toro! just as sensibly as if they had been grown-up people. At last, however, after a prolonged combat, during which several of the hobby-horses were gored through and through, and, their riders dismounted, the young Count of Tierra-Nueva brought the bull to his knees, and having obtained permission from the Infanta to give the coup de grace, he plunged his wooden sword into the neck of the animal with such violence that the head came right off, and disclosed the laughing face of little Monsieur de Lorraine, the son of the French Ambassador at Madrid.

The arena was then cleared amidst much applause, and the dead hobbyhorses dragged solemnly away by two Moorish pages in yellow and black liveries, and after a short interlude, during which a

French posture-master performed upon the tightrope, some Italian puppets appeared in the semi-classical tragedy of Sophonisba on the stage of a small theatre that had been built up for the purpose.

They acted so well, and their gestures were so extremely natural, that at the close of the play the eyes of the Infanta were quite dim with tears. Indeed some of the children really cried, and had to be comforted with sweetmeats, and the Grand Inquisitor himself was so affected that he could not help saying to Don Pedro that it seemed to him intolerable that things made simply out of wood and coloured wax, and worked mechanically by wires, should be so unhappy and meet with such terrible misfortunes.

An African juggler followed, who brought in a large flat basket covered with a red cloth, and having placed it in the centre of the arena, he took from his turban a curious reed pipe, and blew through it. In a few moments the cloth began to move, and as the pipe grew shriller and shriller two green and gold snakes put out their strange wedge shaped heads and rose slowly up, swaying to and fro with the music as a plant sways in the water. The children, however, were rather frightened at their spotted hoods and quick darting tongues, and were much more pleased when the juggler made a tiny orange-tree grow out of the sand and bear pretty white blossoms and clusters of real fruit; and when he took the fan of the little daughter of the Marquess de Las-Torres, and changed it into a blue bird that flew all round the pavilion and sang, their delight and amazement knew no bounds. The solemn minuet, too, performed by the dancing boys from the church of Nuestra Senora Del Pilar, was charming. The Infanta had never before seen this wonderful ceremony which takes place every year at Maytime in front of the high altar of the Virgin, and in her honour; and indeed none of the royal family of Spain had entered the great cathedral of Saragossa since a mad priest, supposed by many to have been in the pay of Elizabeth of England, had tried to administer a poisoned wafer to the Prince of the Asturias. So she had known only by hearsay of 'Our Lady's Dance,' as it was called, and it certainly was a beautiful sight. The boys wore old-fashioned court dresses of white velvet, and their curious three-cornered

hats were fringed with silver and surmounted with huge plumes of ostrich feathers, the dazzling whiteness of their costumes, as they moved about in the sunlight, being still more accentuated by their swarthy faces and long black hair. Everybody was fascinated by the grave dignity with which they moved through the intricate figures of the dance, and by the elaborate grace of their slow gestures, and stately bows, and when they had finished their performance and doffed their great plumed hats to the Infanta, she acknowledged their reverence with much courtesy, and made a vow that she would send a large wax candle to the shrine of Our Lady of Pilar in return for the pleasure that she had given her.

A troop of handsome Egyptians—as the gipsies were termed in those days—then advanced into the arena, and sitting down cross-legs, in a circle, began to play softly upon their zithers, moving their bodies to the tune, and humming, almost below their breath, a low dreamy air. When they caught sight of Don Pedro they scowled at him, and some of them looked terrified, for only a few weeks before he had had two of their tribe hanged for sorcery in the marketplace at Seville, but the pretty Infanta charmed them as she leaned back peeping over her fan with her great blue eyes, and they felt sure that one so lovely as she was could never be cruel to anybody. So they played on very gently and just touching the cords of the zithers with their long pointed nails, and their heads began to nod as though they were falling asleep. Suddenly, with a cry so shrill that all the children were startled and Don Pedro's hand clutched at the agate pommel of his dagger, they leapt to their feet and whirled madly round the enclosure beating their tambourines, and chaunting some wild love song in their strange guttural language.

Then at another signal they all flung themselves again to the ground and lay there quite still, the dull strumming of the zithers being the only sound that broke the silence. After that

they had done this several times, they disappeared for a moment and came back leading a brown shaggy bear by a chain, and carrying on their shoulders some little Barbary apes. The bear stood upon his head with the utmost gravity, and the wizened apes played all kinds of amusing tricks with two gipsy boys who seemed to be their masters, and fought with tiny swords, and fired off guns, and went through a regular soldier's drill just like the King's own bodyguard. In fact the gipsies were a great success.

But the funniest part of the whole morning's entertainment, was undoubtedly the dancing of the little Dwarf. When he stumbled into the arena, waddling on his crooked legs and wagging his huge misshapen head from side to side, the children went off into a loud shout of delight, and the Infanta herself laughed so much that the Camerera was obliged to remind her that although there were many precedents in Spain for a King's daughter weeping before her equals, there were none for a Princess of the blood royal making so merry before those who were her inferiors in birth. The Dwarf, however, was really quite irresistible, and even at the Spanish Court, always noted for its cultivated passion for the horrible, so fantastic a little monster had never been seen. It was his first appearance, too. He had been discovered only the day before, running wild through the forest, by two of the nobles who happened to have been hunting in a remote part of the great cork-wood that surrounded the town, and had been carried off by them to the Palace as a surprise for the Infanta; his father, who was a poor charcoal-burner, being but too well pleased to get rid of so ugly and useless a child. Perhaps the most amusing thing about him was his complete unconsciousness of his own grotesque appearance. Indeed he seemed quite happy and full of the highest spirits. When the children laughed, he laughed as freely and as joyously as any of them, and at the close of each dance he made them each the funniest of bows, smiling and nodding at them just as if he was really one of themselves, and not a little

misshapen thing that Nature, in some humourous mood, had fashioned for others to mock at. As for the Infanta, she absolutely fascinated him. He could not keep his eyes off her, and seemed to dance for her alone, and when at the close of the performance, remembering how she had seen the great ladies of the Court throw bouquets to Caffarelli, the famous Italian treble, whom the Pope had sent from his own chapel to Madrid that he might cure the King's melancholy by the sweetness of his voice, she took out of her hair the beautiful white rose, and partly for a jest and partly to tease the Camerera, threw it to him across the arena with her sweetest smile, he took the whole matter quite seriously, and pressing the flower to his rough coarse lips he put his hand upon his heart, and sank on one knee before her, grinning from ear to ear, and with his little bright eyes sparkling with pleasure.

This so upset the gravity of the Infanta that she kept on laughing long after the little Dwarf had ran out of the arena, and expressed a desire to her uncle that the dance should be immediately repeated. The Camerera, however, on the plea that the sun was too hot, decided that it would be better that her Highness should return without delay to the Palace, where a wonderful feast had been already prepared for her, including a real birthday cake with her own initials worked all over it in painted sugar and a lovely silver flag waving from the top. The Infanta accordingly rose up with much dignity, and having given orders that the little dwarf was to dance again for her after the hour of siesta, and conveyed her thanks to the young Count of Tierra Nueva for his charming reception, she went back to her apartments, the children following in the same order in which they had entered.

Now when the little Dwarf heard that he was to dance a second time before the Infanta, and by her own express command, he was so proud that he ran out into the garden, kissing the white

rose in an absurd ecstasy of pleasure, and making the most uncouth and clumsy gestures of delight.

The Flowers were quite indignant at his daring to intrude into their beautiful home, and when they saw him capering up and down the walks, and waving his arms above his head in such a ridiculous manner, they could not restrain their feelings any longer.

'He is really far too ugly to be allowed to play in any place where we are,' cried the Tulips.

'He should drink poppy-juice, and go to sleep for a thousand years,' said the great scarlet Lilies, and they grew quite hot and angry.

'He is a perfect horror!' screamed the Cactus. 'Why, he is twisted and stumpy, and his head is completely out of proportion with his legs. Really he makes me feel prickly all over, and if he comes near me I will sting him with my thorns.'

And he has actually got one of my best blooms, exclaimed the White Rose-Tree. 'I gave it to the Infanta this morning myself, as a birthday present, and he has stolen it from her.' And she called out: Thief, thief, thief!' at the top of her voice.

Even the red Geraniums, who did not usually give themselves airs, and were known to have a great many poor relations themselves, curled up in disgust when they saw him, and when the Violets meekly remarked that though he was certainly extremely plain, still he could not help it, they retorted with a good deal of justice that that was his chief defect, and that there was no reason why one should admire a person because he was incurable; and, indeed, some of the Violets themselves felt that the ugliness of the little Dwarf was almost ostentatious, and that he would have shown much better taste if he had looked

sad, or at least pensive, instead of jumping about merrily, and throwing himself into such grotesque and silly attitudes.

As for the old Sundial, who was an extremely remarkable individual, and had once told the time of day to no less a person than the Emperor Charles V. himself, he was so taken aback by the little Dwarf's appearance, that he almost forgot to mark two whole minutes with his long shadowy finger, and could not help saying to the great milk-white Peacock, who was sunning herself on the balustrade, that every one knew that the children of Kings were Kings, and that the children of charcoal-burners were charcoal- burners, and that it was absurd to pretend that it wasn't so; a statement with which the Peacock entirely agreed, and indeed screamed out, "Certainly, certainly,' in such a loud, harsh voice, that the gold-fish who lived in the basin of the cool splashing fountain put their heads out of the water, and asked the huge stone Tritons what on earth was the matter.

But somehow the Birds liked him. They had seen him often in the forest, dancing about like an elf after the eddying leaves, or crouched up in the hollow of some old oak-tree, sharing his nuts with the squirrels. They did not mind his being ugly, a bit. Why, even the nightingale herself, who sang so sweetly in the orange groves at night that sometimes the Moon leaned down to listen, was not much to look at after all; and, besides, he had been kind to them, and during that terribly bitter winter, when there were no berries on the trees, and the ground was as hard as iron, and the wolves had come down to the very gates of the city to look for food, he had never once forgotten them, but had always given them crumbs out of his little hunch of black bread, and divided with them whatever poor breakfast he had.

So they flew round and round him, just touching his cheek with their wings as they passed, and chattered to each other, and the little Dwarf was so pleased that he could not help showing

them the beautiful white rose, and telling them that the Infanta herself had given it to him because she loved him.

They did not understand a single word of what he was saying, but that made no matter, for they put their heads on one side, and looked wise, which is quite as good as understanding a thing, and very much easier.

The Lizards also took an immense fancy to him, and when he grew tired of running about and flung himself down on the grass to rest, they played and romped all over him, and tried to amuse him in the best way they could. 'Every one cannot be as beautiful as a lizard,' they cried; "that would be too much to expect. And, though it sounds absurd to say so, he is really not so ugly after all, provided, of course, that one shuts one's eyes, and does not look at him.' The Lizards were extremely philosophical by nature, and often sat thinking for hours and hours together, when there was nothing else to do, or when the weather was too rainy for them to go out.

The Flowers, however, were excessively annoyed at their behaviour, and at the behaviour of the birds. 'It only shows,' they said, 'what a vulgarising effect this incessant rushing and flying about has. Well-bred people always stay exactly in the same place, as we do. No one ever saw us hopping up and down the walks, or galloping madly through the grass after dragon-flies. When we do want change of air, we send for the gardener, and he carries us to another bed. This is dignified, and as it should be. But birds and lizards have no sense of repose, and indeed birds have not even a permanent address. They are mere vagrants like the gipsies, and should be treated in exactly the same manner.' So they put their noses in the air, and looked very haughty, and were quite delighted when after some time they saw the little Dwarf scramble up from the grass, and make his way across the terrace to the palace.

'He should certainly be kept indoors for the rest of his natural life,' they said. 'Look at his hunched back, and his crooked legs,' and they began to titter.

But the little Dwarf knew nothing of all this. He liked the birds and the lizards immensely, and thought that the flowers were the most marvellous things in the whole world, except of course the Infanta, but then she had given him the beautiful white rose, and she loved him, and that made a great difference. How he wished that he had gone back with her! She would have put him on her right hand, and smiled at him, and he would have never left her side, but would have made her his playmate, and taught her all kinds of delightful tricks. For though he had never been in a palace before, he knew a great many wonderful things. He could make little cages out of rushes for the grasshoppers to sing in, and fashion the long jointed bamboo into the pipe that Pan loves to hear. He knew the cry of every bird, and could call the starlings from the tree-top, or the heron from the mere. He knew the trail of every animal, and could track the hare by its delicate footprints, and the boar by the trampled leaves. All the wilddances he knew, the mad dance in red raiment with the autumn, the light dance in blue sandals over the corn, the dance with white snow-wreaths in winter, and the blossom-dance through the orchards in spring. He knew where the wood-pigeons built their nests, and once when a fowler had snared the parent birds, he had brought up the young ones himself, and had built a little dovecot for them in the cleft of a pollard elm. They were quite tame, and used to feed out of his hands every morning. She would like them, and the rabbits that scurried about in the long fern, and the jays with their steely feathers and black bills, and the hedgehogs that could curl themselves up into prickly balls, and the great wise tortoises that crawled slowly about, shaking their heads and nibbling at the young leaves. Yes, she must certainly come to the forest and play with him. He would give her his own little bed, and would watch outside the window till dawn, to see that

the wild horned cattle did not harm her, nor the gaunt wolves creep too near the hut. And at dawn he would tap at the shutters and wake her, and they would go out and dance together all the day long. It was really not a bit lonely in the forest. Sometimes a Bishop rode through on his white mule, reading out of a painted book. Sometimes in their green velvet caps, and their jerkins of tanned deerskin, the falconers passed by, with hooded hawks on their wrists. At vintage time came the grape-treaders, with purple hands and feet, wreathed with glossy ivy and carrying dripping skins of wine; and the charcoal-burners sat round their huge braziers at night, watching the dry logs charring slowly in the fire, and roasting chestnuts in the ashes, and the robbers came out of their caves and made merry with them. Once, too, he had seen a beautiful procession winding up the long dusty road to Toledo. The monks went in front singing sweetly, and carrying bright banners and crosses of gold, and then, in silver armour, with matchlocks and pikes, came the soldiers, and in their midst walked three barefooted men, in strange yellow dresses painted all over with wonderful figures, and carrying lighted candles in their hands. Certainly there was a great deal to look at in the forest, and when she was tired he would find a soft bank of moss for her, or carry her in his arms, for he was very strong, though he knew that he was not tall. He would make her a necklace of red bryony berries, that would be quite as pretty as the white berries that she wore on her dress, and when she was tired of them, she could throw them away, and he would find her others. He would bring her acorn-cups and dew-drenched anemones, and tiny glow-worms to be stars in the pale gold of her hair.

But where was she? He asked the white rose, and it made him no answer. The whole palace seemed asleep, and even where the shutters had not been closed, heavy curtains had been drawn across the windows to keep out the glare. He wandered all round looking for some place through which he might gain an

entrance, and at last he caught sight of a little private door that was lying open.

He slipped through, and found himself in a splendid hall, far more splendid, he feared, than the forest, there was so much more gilding everywhere, and even the floor was made of great coloured stones, fitted together into a sort of geometrical pattern. But the little Infanta was not there, only some wonderful white statues that looked down on him from their jasper pedestals, with sad blank eyes and strangely smiling lips.

At the end of the hall hung a richly embroidered curtain of black velvet, powdered with suns and stars, the King's favourite devices, and broidered on the colour he loved best. Perhaps she was hiding behind that? He would try at any rate.

So he stole quietly across, and drew it aside. No; there was only another room, though a prettier room, he thought, than the one he had just left. The walls were hung with a many-figured green arras of needle-wrought tapestry representing a hunt, the work of some Flemish artists who had spent more than seven years in its composition. It had once been the chamber of Jean le Fou, as he was called, that mad King who was so enamoured of the chase, that he had often tried in his delirium to mount the huge rearing horses, and to drag down the stag on which the great hounds were leaping, sounding his hunting horn, and stabbing with his dagger at the pale flying deer. It was now used as the council room, and on the centre table were lying the red portfolios of the ministers, stamped with the gold tulips of Spain, and with the arms and emblems of the house of Hapsburg.

The little Dwarf looked in wonder all round him, and was half-afraid to go on. The strange silent horsemen that galloped so swiftly through the long glades without making any noise, seemed to him like those terrible phantoms of whom he had

heard the charcoal- burners speaking the Comprachos, who hunt only at night, and if they meet a man, turn him into a hind, and chase him. But he thought of the pretty Infanta, and took courage. He wanted to find her alone, and to tell her that he too loved her. Perhaps she was in the room beyond.

He ran across the soft Moorish carpets, and opened the door. No! She was not here either. The room was quite empty.

It was a throne-room, used for the reception of foreign ambassadors, when the King, which of late had not been often, consented to give them a personal audience; the same room in which, many years before, envoys had appeared from England to make arrangements for the marriage of their Queen, then one of the Catholic sovereigns of Europe, with the Emperor's eldest son. The hangings were of gilt Cordovan leather, and a heavy gilt chandelier with branches for three hundred wax lights hung down from the black and white ceiling. Underneath a great canopy of gold cloth, on which the lions and towers of Castile were broidered in seed pearls, stood the throne itself, covered with a rich pall of black velvet studded with silver tulips and elaborately fringed with silver and pearls. On the second step of the throne was placed the kneeling-stool of the Infanta, with its cushion of cloth of silver tissue, and below that again, and beyond the limit of the canopy, stood the chair for the Papal Nuncio, who alone had the right to be seated in the King's presence on the occasion of any public ceremonial, and whose Cardinal's hat, with its tangled scarlet tassels, lay on a purple tabouret in front. On the wall, facing the throne, hung a life-sized portrait of Charles V. in hunting dress, with a great mastiff by his side, and a picture of Philip II. receiving the homage of the Netherlands occupied the centre of the other wall. Between the windows stood a black ebony cabinet, inlaid with plates of ivory, on which the figures from Holbein's Dance of Death had been graved—by the hand, some said, of that famous master himself.

But the little Dwarf cared nothing for all this magnificence. He would not have given his rose for all the pearls on the canopy, nor one white petal of his rose for the throne itself. What he wanted was to see the Infanta before she went down to the pavilion, and to ask her to come away with him when he had finished his dance.

Here, in the Palace, the air was close and heavy, but in the forest the wind blew free, and the sunlight with wandering hands of gold moved the tremulous leaves aside. There were flowers, too, in the forest, not so splendid, perhaps, as the flowers in the garden, but more sweetly scented for all that; hyacinths in early spring that flooded with waving purple the cool glens, and grassy knolls; yellow primroses that nestled in little clumps round the gnarled roots of the oak-trees; bright celandine, and blue speedwell, and irises lilac and gold. There were grey catkins on the hazels, and the foxgloves drooped with the weight of their dappled bee haunted cells. The chestnut had its spires of white stars, and the hawthorn its pallid moons of beauty. Yes: surely she would come if he could only find her! She would come with him to the fair forest, and all day long he would dance for her delight. A smile lit up his eyes at the thought, and he passed into the next room.Of all the rooms this was the brightest and the most beautiful.

The walls were covered with a pink-flowered Lucca damask, patterned with birds and dotted with dainty blossoms of silver; the furniture was of massive silver, festooned with florid wreaths, and swinging Cupids; in front of the two large fire places stood great screens broidered with parrots and peacocks, and the floor, which was of sea-green onyx, seemed to stretch far away into the distance. Nor was he alone. Standing under the shadow of the doorway, at the extreme end of the room, he saw a little figure watching him. His heart trembled, a cry of joy broke from his lips, and he moved out into the sunlight. As he did so, the figure moved out also, and he saw it plainly.

The Infanta! It was a monster, the most grotesque monster he had ever beheld. Not properly shaped, as all other people were, but hunchbacked, and crooked-limbed, with huge lolling head and mane of black hair. The little Dwarf frowned, and the monster frowned also. He laughed, and it laughed with him, and held its hands to its sides, just as he himself was doing. He made it a mocking bow, and it returned him a low reverence. He went towards it, and it came to meet him, copying each step that he made, and stopping when he stopped himself. He shouted with amusement, and ran forward, and reached out his hand, and the hand of the monster touched his, and it was as cold as ice. He grew afraid, and moved his hand across, and the monster's hand followed it quickly. He tried to press on, but something smooth and hard stopped him. The face of the monster was now close to his own, and seemed full of terror.

He brushed his hair off his eyes. It imitated him. He struck at it, and it returned blow for blow. He loathed it, and it made hideous faces at him. He drew back, and it retreated.

What is it? He thought for a moment, and looked round at the rest of the room. It was strange, but everything seemed to have its double in this invisible wall of clear water. Yes, picture for picture was repeated, and couch for couch. The sleeping Faun that lay in the alcove by the doorway had its twin brother that slumbered, and the silver Venus that stood in the sunlight held out her arms to a Venus as lovely as herself.

Was it Echo? He had called to her once in the valley, and she had answered him word for word. Could she mock the eye, as she mocked the voice? Could she make a mimic world just like the real world? Could the shadows of things have colour and life and movement?

Could it be that ?

He started, and taking from his breast the beautiful white rose, he turned round, and kissed it. The monster had a rose of its own, petal for petal the same! It kissed it with like kisses, and pressed it to its heart with horrible gestures.

When the truth dawned upon him, he gave a wild cry of despair, and fell sobbing to the ground. So it was he who was misshapen and hunchbacked, foul to look at and grotesque. He himself was the monster, and it was at him that all the children had been laughing, and the little Princess who he had thought loved him—she too had been merely mocking at his ugliness, and making merry over his twisted limbs. Why had they not left him in the forest, where there was no mirror to tell him how loathsome he was? Why had his father not killed him, rather than sell him to his shame? The hot tears poured down his cheeks, and he tore the white rose to pieces. The sprawling monster did the same, and scattered the faint petals in the air. It grovelled on the ground, and, when he looked at it, it watched him with a face drawn with pain. He crept away, lest he should see it, and covered his eyes with his hands. He crawled, like some wounded thing, into the shadow, and lay there moaning.

And at that moment the Infanta herself came in with her companions through the open window, and when they saw the ugly little dwarf lying on the ground and beating the floor with his clenched hands, in the most fantastic and exaggerated manner, they went off into shouts of happy laughter, and stood all round him and watched him.

'His dancing was funny,' said the Infanta; 'but his acting is funnier still. Indeed he is almost as good as the puppets, only of course not quite so natural.' And she fluttered her big fan, and applauded.

But the little Dwarf never looked up, and his sobs grew fainter and fainter, and suddenly he gave a curious gasp, and clutched

his side. And then he fell back again, and lay quite still.

That is capital,' said the Infanta, after a pause; 'but now you must dance for me.'

'Yes,' cried all the children, 'you must get up and dance, for you are as clever as the Barbary apes, and much more ridiculous. But the little Dwarf made no answer.

And the Infanta stamped her foot, and called out to her uncle, who was walking on the terrace with the Chamberlain, reading some despatches that had just arrived from Mexico, where the Holy Office had recently been established. 'My funny little dwarf is sulking,' she cried, 'you must wake him up, and tell him to dance for me.'

They smiled at each other, and sauntered in, and Don Pedro stooped down, and slapped the Dwarf on the cheek with his embroidered glove. 'You must dance,' he said, 'petit monsire. You must dance.

The Infanta of Spain and the Indies wishes to be amused.'

But the little Dwarf never moved.

'A whipping master should be sent for,' said Don Pedro wearily, and he went back to the terrace. But the Chamberlain looked grave, and he knelt beside the little dwarf, and put his hand upon his heart.

And after a few moments he shrugged his shoulders, and rose up, and having made a low bow to the Infanta, he said -

“Mi bella Princesa, your funny little dwarf will never dance again.

It is a pity, for he is so ugly that he might have made the King smile.'

"But why will he not dance again?' asked the Infanta, laughing.

'Because his heart is broken,' answered the Chamberlain.

And the Infanta frowned, and her dainty rose leaf lips curled in pretty disdain. 'For the future let those who come to play with me have no hearts,' she cried, and she ran out into the garden.

THE STAR-CHILD

Once upon a time two poor Woodcutters were making their way home through a great pine forest. It was winter, and a night of bitter cold. The snow lay thick upon the ground, and upon the branches of the trees: the frost kept snapping the little twigs on either side of them, as they passed: and when they came to the Mountain- Torrent she was hanging motionless in air, for the Ice-King had kissed her.

So cold was it that even the animals and the birds did not know what to make of it.

'Ugh!' snarled the Wolf, as he limped through the brushwood with his tail between his legs, 'this is perfectly monstrous weather.

Why doesn't the Government look to it?'

'Weet! weet! weet!' twittered the green Linnets, 'the old Earth is dead and they have laid her out in her white shroud.'

"The Earth is going to be married, and this is her bridal dress,' whispered the Turtle-doves to each other. Their little pink feet were quite frost bitten, but they felt that it was their duty to take a romantic view of the situation.

"Nonsense!' growled the Wolf. 'I tell you that it is all the fault of the Government, and if you don't believe me I shall eat you.'

The Wolf had a thoroughly practical mind, and was never at a loss for a good argument.

'Well, for my own part,' said the Woodpecker, who was a born philosopher, 'I don't care an atomic theory for explanations. If a thing is so, it is so, and at present it is terribly cold.'

Terribly cold it certainly was. The little Squirrels, who lived inside the tall fir-tree, kept rubbing each other's noses to keep themselves warm, and the Rabbits curled themselves up in their holes, and did not venture even to look out of doors. The only people who seemed to enjoy it were the great horned Owls. Their feathers were quite stiff with rime, but they did not mind, and they rolled their large yellow eyes, and called out to each other across the forest, 'Tu-whit! Tu-whoo! Tu-whit! Tu-whoo! what delightful weather we are having!

On and on went the two Woodcutters, blowing lustily upon their fingers, and stamping with their huge iron-shod boots upon the caked snow. Once they sank into a deep drift, and came out as white as millers are, when the stones are grinding; and once they slipped on the hard smooth ice where the marsh-water was frozen, and their faggots fell out of their bundles, and they had to pick them up and bind them together again; and once they thought that they had lost their way, and a great terror seized on them, for they knew that the Snow is cruel to those who sleep in her arms.

But they put their trust in the good Saint Martin, who watches over all travellers, and retraced their steps, and went warily, and at last they reached the outskirts of the forest, and saw, far down in the valley beneath them, the lights of the village in which they dwelt.

So overjoyed were they at their deliverance that they laughed aloud, and the Earth seemed to them like a flower of silver, and the Moon like a flower of gold.

Yet, after that they had laughed they became sad, for they remembered their poverty, and one of them said to the other, 'Why did we make merry, seeing that life is for the rich, and not for such as we are? Better that we had died of cold in the forest, or that some wild beast had fallen upon us and slain us.'

"Truly,' answered his companion, 'much is given to some, and little is given to others. Injustice has parcelled out the world, nor is there equal division of aught save of sorrow.'

But as they were bewailing their misery to each other this strange thing happened. There fell from heaven a very bright and beautiful star. It slipped down the side of the sky, passing by the other stars in its course, and, as they watched it wondering, it seemed to them to sink behind a clump of willow trees that stood hard by a little sheepfold no more than a stone's-throw away.

'Why! there is a crook of gold for whoever finds it,' they cried, and they set to and ran, so eager were they for the gold.

And one of them ran faster than his mate, and outstripped him, and forced his way through the willows, and came out on the other side, and lo! there was indeed a thing of gold lying on the white snow.

So he hastened towards it, and stooping down placed his hands upon it, and it was a cloak of golden tissue, curiously wrought with stars, and wrapped in many folds. And he cried out to his comrade that he had found the treasure that had fallen from the sky, and when his comrade had come up, they sat them down in the snow, and loosened the folds of the cloak that they might divide the pieces of gold. But, alas! no gold was in it, nor silver, nor, indeed, treasure of any kind, but only a little child who was asleep.

And one of them said to the other: "This is a bitter ending to our hope, nor have we any good fortune, for what doth a child profit to a man? Let us leave it here, and go our way, seeing that we are poor men, and have children of our own whose bread we may not give to another.'

But his companion answered him: 'Nay, but it were an evil thing to leave the child to perish here in the snow, and though I am as poor as thou art, and have many mouths to feed, and but little in the pot, yet will I bring it home with me, and my wife shall have care of it.'

So very tenderly he took up the child, and wrapped the cloak around it to shield it from the harsh cold, and made his way down the hill to the village, his comrade marvelling much at his foolishness and softness of heart.

And when they came to the village, his comrade said to him, "Thou hast the child, therefore give me the cloak, for it is meet that we should share.'

But he answered him: 'Nay, for the cloak is neither mine nor thine, but the child's only,' and he bade him Godspeed, and went to his own house and knocked.

And when his wife opened the door and saw that her husband had returned safe to her, she put her arms round his neck and kissed him, and took from his back the bundle of faggots, and brushed the snow off his boots, and bade him come in.

But he said to her, 'I have found something in the forest, and I have brought it to thee to have care of it,' and he stirred not from the threshold.

"What is it?' she cried. 'Show it to me, for the house is bare, and we have need of many things.'

And he drew the cloak back, and showed her the sleeping child.

'Alack, goodman!' she murmured, 'have we not children of our own, that thou must needs bring a changeling to sit by the hearth? And who knows if it will not bring us bad fortune? And how shall we tend it?' And she was wroth against him.

'Nay, but it is a Star-Child,' he answered; and he told her the strange manner of the finding of it.

But she would not be appeased, but mocked at him, and spoke angrily, and cried: "Our children lack bread, and shall we feed the child of another? Who is there who careth for us? And who giveth us food?'

'Nay, but God careth for the sparrows even, and feedeth them,' he answered.

‘Do not the sparrows die of hunger in the winter?' she asked. “And is it not winter now?'

And the man answered nothing, but stirred not from the threshold.

And a bitter wind from the forest came in through the open door, and made her tremble, and she shivered, and said to him: "Wilt thou not close the door? There cometh a bitter wind into the house, and I am cold.'

'Into a house where a heart is hard cometh there not always a bitter wind?' he asked. And the woman answered him nothing, but crept closer to the fire.

And after a time she turned round and looked at him, and her eyes were full of tears. And he came in swiftly, and placed the child in her arms, and she kissed it, and laid it in a little bed where the youngest of their own children was lying. And on the

morrow the Woodcutter took the curious cloak of gold and placed it in a great chest, and a chain of amber that was round the child's neck his wife took and set it in the chest also.

So the Star-Child was brought up with the children of the Woodcutter, and sat at the same board with them, and was their playmate. And every year he became more beautiful to look at, so that all those who dwelt in the village were filled with wonder, for, while they were swarthy and black haired, he was white and delicate as sawn ivory, and his curls were like the rings of the daffodil. His lips, also, were like the petals of a red flower, and his eyes were like violets by a river of pure water, and his body like the narcissus of a field where the mower comes not.

Yet did his beauty work him evil. For he grew proud, and cruel, and selfish. The children of the Woodcutter, and the other children of the village, he despised, saying that they were of mean parentage, while he was noble, being sprang from a Star, and he made himself master over them, and called them his servants. No pity had he for the poor, or for those who were blind or maimed or in any way afflicted, but would cast stones at them and drive them forth on to the highway, and bid them beg their bread elsewhere, so that none save the outlaws came twice to that village to ask for alms. Indeed, he was as one enamoured of beauty, and would mock at the weakly and ill-favoured, and make jest of them; and himself he loved, and in summer, when the winds were still, he would lie by the well in the priest's orchard and look down at the marvel of his own face, and laugh for the pleasure he had in his fairness.

Often did the Woodcutter and his wife chide him, and say: 'We did not deal with thee as thou dealest with those who are left desolate, and have none to succour them. Wherefore art thou so cruel to all who need pity?'

Often did the old priest send for him, and seek to teach him the love of living things, saying to him: "The fly is thy brother. Do it no harm. The wild birds that roam through the forest have their freedom. Snare them not for thy pleasure. God made the blind-worm and the mole, and each has its place. Who art thou to bring pain into God's world? Even the cattle of the field praise Him.'

But the Star-Child heeded not their words, but would frown and flout, and go back to his companions, and lead them. And his companions followed him, for he was fair, and fleet of foot, and could dance, and pipe, and make music. And wherever the Star-Child led them they followed, and whatever the Star-Child bade them do, that did they. And when he pierced with a sharp reed the dim eyes of the mole, they laughed, and when he cast stones at the leper they laughed also. And in all things he ruled them, and they became hard of heart even as he was.

Now there passed one day through the village a poor beggar-woman. Her garments were torn and ragged, and her feet were bleeding from the rough road on which she had travelled, and she was in very evil plight. And being weary she sat her down under a chestnut-tree to rest.

But when the Star-Child saw her, he said to his companions, 'See! There sitteth a foul beggar-woman under that fair and green-leaved tree. Come, let us drive her hence, for she is ugly and ill- favoured.'

So he came near and threw stones at her, and mocked her, and she looked at him with terror in her eyes, nor did she move her gaze from him. And when the Woodcutter, who was cleaving logs in a haggard hard by, saw what the Star-Child was doing, he ran up and rebuked him, and said to him: 'Surely thou art hard of heart and knowest not mercy, for what evil has this poor woman done to thee that thou shouldst treat her in this wise?'

And the Star-Child grew red with anger, and stamped his foot upon the ground, and said, 'Who art thou to question me what I do? I am no son of thine to do thy bidding.'

'Thou speakest truly,' answered the Woodcutter, 'yet did I show thee pity when I found thee in the forest.'

And when the woman heard these words she gave a loud cry, and fell into a swoon. And the Woodcutter carried her to his own house, and his wife had care of her, and when she rose up from the swoon into which she had fallen, they set meat and drink before her, and bade her have comfort.

But she would neither eat nor drink, but said to the Woodcutter,

'Didst thou not say that the child was found in the forest? And was it not ten years from this day?'

And the Woodcutter answered, 'Yea, it was in the forest that I found him, and it is ten years from this day.'

And what signs didst thou find with him?' she cried. 'Bare he not upon his neck a chain of amber? Was not round him a cloak of gold tissue broidered with stars?'

"Truly,' answered the Woodcutter, 'it was even as thou sayest.'

And he took the cloak and the amber chain from the chest where they lay, and showed them to her.

And when she saw them she wept for joy, and said, 'He is my little son whom I lost in the forest. I pray thee send for him quickly, for in search of him have I wandered over the whole world.'

So the Woodcutter and his wife went out and called to the StarChild, and said to him, 'Go into the house, and there shalt

thou find thy mother, who is waiting for thee.'

So he ran in, filled with wonder and great gladness. But when he saw her who was waiting there, he laughed scornfully and said,

"Why, where is my mother? For I see none here but this vile beggar-woman.'

And the woman answered him, 'I am thy mother.'

'Thou art mad to say so,' cried the Star-Child angrily. 'I am no son of thine, for thou art a beggar, and ugly, and in rags.

Therefore get thee hence, and let me see thy foul face no more.'

'Nay, but thou art indeed my little son, whom I bare in the forest,' she cried, and she fell on her knees, and held out her arms to him. "The robbers stole thee from me, and left thee to die,' she murmured, but I recognised thee when I saw thee, and the signs also have I recognised, the cloak of golden tissue and the amber chain. Therefore I pray thee come with me, for over the whole world have I wandered in search of thee. Come with me, my son, for I have need of thy love.'

But the Star-Child stirred not from his place, but shut the doors of his heart against her, nor was there any sound heard save the sound of the woman weeping for pain.

And at last he spoke to her, and his voice was hard and bitter.

'If in very truth thou art my mother,' he said, 'it had been better hadst thou stayed away, and not come here to bring me to shame, seeing that I thought I was the child of some Star, and not a beggar's child, as thou tellest me that I am. Therefore get thee hence, and let me see thee no more.'

'Alas! my son,' she cried, 'wilt thou not kiss me before I go? For I have suffered much to find thee.'

'Nay,' said the Star-Child, but thou art too foul to look at, and rather would I kiss the adder or the toad than thee.'

So the woman rose up, and went away into the forest weeping bitterly, and when the Star-Child saw that she had gone, he was glad, and ran back to his playmates that he might play with them.

But when they beheld him coming, they mocked him and said, 'Why, thou art as foul as the toad, and as loathsome as the adder. Get thee hence, for we will not suffer thee to play with us,' and they drave him out of the garden.

And the Star-Child frowned and said to himself, 'What is this that they say to me? I will go to the well of water and look into it, and it shall tell me of my beauty.'

So he went to the well of water and looked into it, and lo! his face was as the face of a toad, and his body was sealed like an adder. And he flung himself down on the grass and wept, and said to himself, 'Surely this has come upon me by reason of my sin. For I have denied my mother, and driven her away, and been proud, and cruel to her. Wherefore I will go and seek her through the whole world, nor will I rest till I have found her.'

And there came to him the little daughter of the Woodcutter, and she put her hand upon his shoulder and said, 'What doth it matter if thou hast lost thy comeliness? Stay with us, and I will not mock at thee.'

And he said to her, 'Nay, but I have been cruel to my mother, and as a punishment has this evil been sent to me. Wherefore I must go hence, and wander through the world till I find her, and she give me her forgiveness.'

So he ran away into the forest and called out to his mother to come to him, but there was no answer. All day long he called to her, and, when the sun set he lay down to sleep on a bed of leaves, and the birds and the animals fled from him, for they remembered his cruelty, and he was alone save for the toad that watched him, and the slow adder that crawled past.

And in the morning he rose up, and plucked some bitter berries from the trees and ate them, and took his way through the great wood, weeping sorely. And of everything that he met he made inquiry if perchance they had seen his mother.

He said to the Mole, 'Thou canst go beneath the earth. Tell me, is my mother there?'

And the Mole answered, "Thou hast blinded mine eyes. How should I know?'

He said to the Linnet, "Thou canst fly over the tops of the tall trees, and canst see the whole world. Tell me, canst thou see my mother?'

And the Linnet answered, "Thou hast clipt my wings for thy pleasure. How should I fly?'

And to the little Squirrel who lived in the fir tree, and was lonely, he said, 'Where is my mother?'

And the Squirrel answered, "Thou hast slain mine. Dost thou seek to slay thine also?'

And the Star-Child wept and bowed his head, and prayed forgiveness of God's things, and went on through the forest, seeking for the beggar-woman. And on the third day he came to the other side of the forest and went down into the plain.

And when he passed through the villages the children mocked him, and threw stones at him, and the carlots would not suffer him even to sleep in the byres lest he might bring mildew on the stored corn, so foul was he to look at, and their hired men drave him away, and there was none who had pity on him. Nor could he hear anywhere of the beggar woman who was his mother, though for the space of three years he wandered over the world, and often seemed to see her on the road in front of him, and would call to her, and run after her till the sharp flints made his feet to bleed. But overtake her he could not, and those who dwelt by the way did ever deny that they had seen her, or any like to her, and they made sport of his sorrow.

For the space of three years he wandered over the world, and in the world there was neither love nor loving-kindness nor charity for him, but it was even such a world as he had made for himself in the days of his great pride.

And one evening he came to the gate of a strong-walled city that stood by a river, and, weary and footsore though he was, he made to enter in. But the soldiers who stood on guard dropped their halberts across the entrance, and said roughly to him, 'What is thy business in the city?'

'I am seeking for my mother,' he answered, and I pray ye to suffer me to pass, for it may be that she is in this city.'

But they mocked at him, and one of them wagged a black beard, and set down his shield and cried, "Of a truth, thy mother will not be merry when she sees thee, for thou art more ill-favoured than the toad of the marsh, or the adder that crawls in the fen. Get thee gone. Get thee gone. Thy mother dwells not in this city.'

And another, who held a yellow banner in his hand, said to him,

'Who is thy mother, and wherefore art thou seeking for her?'

And he answered, ‘My mother is a beggar even as I am, and I have treated her evilly, and I pray ye to suffer me to pass that she may give me her forgiveness, if it be that she tarrieth in this city.'

But they would not, and pricked him with their spears.

And, as he turned away weeping, one whose armour was inlaid with gilt flowers, and on whose helmet couched a lion that had wings, came up and made inquiry of the soldiers who it was who had sought entrance. And they said to him, 'It is a beggar and the child of a beggar, and we have driven him away.'

'Nay,' he cried, laughing, but we will sell the foul thing for a slave, and his price shall be the price of a bowl of sweet wine.'

And an old and evil-visaged man who was passing by called out, and said, 'I will buy him for that price,' and, when he had paid the price, he took the Star-Child by the hand and led him into the city

And after that they had gone through many streets they came to a little door that was set in a wall that was covered with a pomegranate tree. And the old man touched the door with a ring of graved jasper and it opened, and they went down five steps of brass into a garden filled with black poppies and green jars of burnt clay. And the old man took then from his turban a scarf of figured silk, and bound with it the eyes of the Star-Child, and drave him in front of him. And when the scarf was taken off his eyes, the Star-Child found himself in a dungeon, that was lit by a lantern of horn.

And the old man set before him some mouldy bread on a trencher and said, 'Eat,' and some brackish water in a cup and said, 'Drink,' and when he had eaten and drunk, the old man went out, locking the door behind him and fastening it with an iron chain.

And on the morrow the old man, who was indeed the subtlest of the magicians of Libya and had learned his art from one who dwelt in the tombs of the Nile, came in to him and frowned at him, and said, 'In a wood that is nigh to the gate of this city of Giaours there are three pieces of gold. One is of white gold, and another is of yellow gold, and the gold of the third one is red. To-day thou shalt bring me the piece of white gold, and if thou bringest it not back, I will beat thee with a hundred stripes. Get thee away quickly, and at sunset I will be waiting for thee at the door of the garden. See that thou bringest the white gold, or it shall go ill with thee, for thou art my slave, and I have bought thee for the price of a bowl of sweet wine.' And he bound the eyes of the Star-Child with the scarf of figured silk, and led him through the house, and through the garden of poppies, and up the five steps of brass. And having opened the little door with his ring he set him in the street.

And the Star-Child went out of the gate of the city, and came to the wood of which the Magician had spoken to him.

Now this wood was very fair to look at from without, and seemed full of singing birds and of sweet-scented flowers, and the StarChild entered it gladly. Yet did its beauty profit him little, for wherever he went harsh briars and thorns shot up from the ground and encompassed him, and evil nettles stung him, and the thistle pierced him with her daggers, so that he was in sore distress. Nor could he anywhere find the piece of white gold of which the Magician had spoken, though he sought for it from morn to noon, and from noon to sunset. And at sunset he set his face towards home, weeping bitterly, for he knew what fate was in store for him.

But when he had reached the outskirts of the wood, he heard from a thicket a cry as of some one in pain. And forgetting his own sorrow he ran back to the place, and saw there a little Hare caught in a trap that some hunter had set for it.

And the Star-Child had pity on it, and released it, and said to it,

'I am myself but a slave, yet may I give thee thy freedom.'

And the Hare answered him, and said: 'Surely thou hast given me freedom, and what shall I give thee in return?'

And the Star-Child said to it, 'I am seeking for a piece of white gold, nor can I anywhere find it, and if I bring it not to my master he will beat me.'

"Come thou with me,' said the Hare, and I will lead thee to it, for I know where it is hidden, and for what purpose.'

So the Star-Child went with the Hare, and lo! in the cleft of a great oak-tree he saw the piece of white gold that he was seeking. And he was filled with joy, and seized it, and said to the Hare,

"The service that I did to thee thou hast rendered back again many times over, and the kindness that I showed thee thou hast repaid a hundred-fold.'

‘Nay,' answered the Hare, but as thou dealt with me, so I did deal with thee,' and it ran away swiftly, and the Star-Child went towards the city.

Now at the gate of the city there was seated one who was a leper. Over his face hung a cowl of grey linen, and through the eyelets his eyes gleamed like red coals. And when he saw the Star-Child coming, he struck upon a wooden bowl, and clattered his bell, and called out to him, and said, "Give me a piece of money, or I must die of hunger. For they have thrust me out of the city, and there is no one who has pity on me.'

'Alas! cried the Star-Child, 'I have but one piece of money in my wallet, and if I bring it not to my master he will beat me, for I

am his slave.'

But the leper entreated him, and prayed of him, till the Star-Child had pity, and gave him the piece of white gold.

And when he came to the Magician's house, the Magician opened to him, and brought him in, and said to him, 'Hast thou the piece of white gold?' And the Star-Child answered, 'I have it not. So the Magician fell upon him, and beat him, and set before him an empty trencher, and said, 'Eat,' and an empty cup, and said, 'Drink,' and flung him again into the dungeon.

And on the morrow the Magician came to him, and said, 'If to-day thou bringest me not the piece of yellow gold, I will surely keep thee as my slave, and give thee three hundred stripes.'

So the Star-Child went to the wood, and all day long he searched for the piece of yellow gold, but nowhere could he find it. And at sunset he sat him down and began to weep, and as he was weeping there came to him the little Hare that he had rescued from the trap,

And the Hare said to him, 'Why art thou weeping? And what dost thou seek in the wood?'

And the Star-Child answered, 'I am seeking for a piece of yellow gold that is hidden here, and if I find it not my master will beat me, and keep me as a slave.'

'Follow me,' cried the Hare, and it ran through the wood till it came to a pool of water. And at the bottom of the pool the piece of yellow gold was lying.

'How shall I thank thee?' said the Star-Child, 'for lo! this is the second time that you have succoured me.'

'Nay, but thou hadst pity on me first,' said the Hare, and it ran away swiftly.

And the Star-Child took the piece of yellow gold, and put it in his wallet, and hurried to the city. But the leper saw him coming, and ran to meet him, and knelt down and cried, 'Give me a piece of money or I shall die of hunger.'

And the Star-Child said to him, 'I have in my wallet but one piece of yellow gold, and if I bring it not to my master he will beat me and keep me as his slave.'

But the leper entreated him sore, so that the Star-Child had pity on him, and gave him the piece of yellow gold.

And when he came to the Magician's house, the Magician opened to him, and brought him in, and said to him, 'Hast thou the piece of yellow gold?' And the Star-Child said to him, 'I have it not. So the Magician fell upon him, and beat him, and loaded him with chains, and cast him again into the dungeon.

And on the morrow the Magician came to him, and said, 'If to-day thou bringest me the piece of red gold I will set thee free, but if thou bringest it not I will surely slay thee.'

So the Star-Child went to the wood, and all day long he searched for the piece of red gold, but nowhere could he find it. And at evening he sat him down and wept, and as he was weeping there came to him the little Hare.

And the Hare said to him, "The piece of red gold that thou seekest is in the cavern that is behind thee. Therefore weep no more but be glad.'

'How shall I reward thee?' cried the Star-Child, 'for lo! this is the third time thou hast succoured me.'

'Nay, but thou hadst pity on me first,' said the Hare, and it ran away swiftly.

And the Star-Child entered the cavern, and in its farthest corner he found the piece of red gold. So he put it in his wallet, and hurried to the city. And the leper seeing him coming, stood in the centre of the road, and cried out, and said to him, 'Give me the piece of red money, or I must die,' and the Star-Child had pity on him again, and gave him the piece of red gold, saying, “Thy need is greater than mine.' Yet was his heart heavy, for he knew what evil fate awaited him.

But lo! as he passed through the gate of the city, the guards bowed down and made obeisance to him, saying, 'How beautiful is our lord!' and a crowd of citizens followed him, and cried out, 'Surely there is none so beautiful in the whole world!' so that the StarChild wept, and said to himself, “They are mocking me, and making light of my misery.' And so large was the concourse of the people, that he lost the threads of his way, and found himself at last in a great square, in which there was a palace of a King.

And the gate of the palace opened, and the priests and the high officers of the city ran forth to meet him, and they abased themselves before him, and said, 'Thou art our lord for whom we have been waiting, and the son of our King.'

And the Star-Child answered them and said, 'I am no king's son, but the child of a poor beggar woman. And how say ye that I am beautiful, for I know that I am evil to look at?'

Then he, whose armour was inlaid with gilt flowers, and on whose helmet crouched a lion that had wings, held up a shield, and cried, 'How saith my lord that he is not beautiful?'

And the Star-Child looked, and lo! his face was even as it had been, and his comeliness had come back to him, and he saw that

in his eyes which he had not seen there before.

And the priests and the high officers knelt down and said to him,

'It was prophesied of old that on this day should come he who was to rule over us. Therefore, let our lord take this crown and this sceptre, and be in his justice and mercy our King over us.'

But he said to them, 'I am not worthy, for I have denied the mother who bare me, nor may I rest till I have found her, and known her forgiveness. Therefore, let me go, for I must wander again over the world, and may not tarry here, though ye bring me the crown and the sceptre.' And as he spake he turned his face from them towards the street that led to the gate of the city, and lo! amongst the crowd that pressed round the soldiers, he saw the beggar-woman who was his mother, and at her side stood the leper, who had sat by the road.

And a cry of joy broke from his lips, and he ran over, and kneeling down he kissed the wounds on his mother's feet, and wet them with his tears. He bowed his head in the dust, and sobbing, as one whose heart might break, he said to her: 'Mother, I denied thee in the hour of my pride. Accept me in the hour of my humility.

Mother, I gave thee hatred. Do thou give me love. Mother, I rejected thee. Receive thy child now.' But the beggar-woman answered him not a word.

And he reached out his hands, and clasped the white feet of the leper, and said to him: "Thrice did I give thee of my mercy. Bid my mother speak to me once.' But the leper answered him not a word.

And he sobbed again and said: 'Mother, my suffering is greater than I can bear. Give me thy forgiveness, and let me go back to

the forest.' And the beggar-woman put her hand on his head, and said to him, 'Rise,' and the leper put his hand on his head, and said to him, 'Rise,' also.

And he rose up from his feet, and looked at them, and lo! they were a King and a Queen.

And the Queen said to him, "This is thy father whom thou hast succoured.'

And the King said, "This is thy mother whose feet thou hast washed with thy tears.' And they fell on his neck and kissed him, and brought him into the palace and clothed him in fair raiment, and set the crown upon his head, and the sceptre in his hand, and over the city that stood by the river he ruled, and was its lord. Much justice and mercy did he show to all, and the evil Magician he banished, and to the Woodcutter and his wife he sent many rich gifts, and to their children he gave high honour. Nor would he suffer any to be cruel to bird or beast, but taught love and loving-kindness and charity, and to the poor he gave bread, and to the naked he gave raiment, and there was peace and plenty in the land.

Yet ruled he not long, so great had been his suffering, and so bitter the fire of his testing, for after the space of three years he died. And he who came after him ruled evilly.

THE FISHERMAN AND HIS SOUL

Every evening the young Fisherman went out upon the sea, and threw his nets into the water. When the wind blew from the land he caught nothing, or but little at best, for it was a bitter and black-winged wind, and rough waves rose up to meet it. But when the wind blew to the shore, the fish came in from the deep, and swam into the meshes of his nets, and he took them to the market place and sold them.

Every evening he went out upon the sea, and one evening the net was so heavy that hardly could he draw it into the boat. And he laughed, and said to himself, 'Surely I have caught all the fish that swim, or snared some dull monster that will be a marvel to men, or some thing of horror that the great Queen will desire,' and putting forth all his strength, he tugged at the coarse ropes till, like lines of blue enamel round a vase of bronze, the long veins rose up on his arms. He tugged at the thin ropes, and nearer and nearer came the circle of flat corks, and the net rose at last to the top of the water.

But no fish at all was in it, nor any monster or thing of horror, but only a little Mermaid lying fast asleep.

Her hair was as a wet fleece of gold, and each separate hair as a thread of fine gold in a cup of glass. Her body was as white ivory, and her tail was of silver and pearl. Silver and pearl was her tail, and the green weeds of the sea coiled round it; and like sea-shells were her ears, and her lips were like sea-coral. The cold waves dashed over her cold breasts, and the salt glistened upon her eyelids.

So beautiful was she that when the young Fisherman saw her he was filled with wonder, and he put out his hand and drew the net close to him, and leaning over the side he clasped her in his arms. And when he touched her, she gave a cry like a startled sea-gull, and woke, and looked at him in terror with her mauve-amethyst eyes, and struggled that she might escape. But he held her tightly to him, and would not suffer her to depart.

And when she saw that she could in no way escape from him, she began to weep, and said, 'I pray thee let me go, for I am the only daughter of a King, and my father is aged and alone.'

But the young Fisherman answered, 'I will not let thee go save thou makest me a promise that whenever I call thee, thou wilt come and sing to me, for the fish delight to listen to the song of the Sea- folk, and so shall my nets be full.'

'Wilt thou in very truth let me go, if I promise thee this?' cried the Mermaid.

'In very truth I will let thee go,' said the young Fisherman.

So she made him the promise he desired, and sware it by the oath of the Sea-folk. And he loosened his arms from about her, and she sank down into the water, trembling with a strange fear.

Every evening the young Fisherman went out upon the sea, and called to the Mermaid, and she rose out of the water and sang to him.

Round and round her swam the dolphins, and the wild gulls wheeled above her head.

And she sang a marvellous song. For she sang of the Sea-folk who drive their flocks from cave to cave, and carry the little calves on their shoulders; of the Tritons who have long green

beards, and hairy breasts, and blow through twisted conchs when the King passes by; of the palace of the King which is all of amber, with a roof of clear emerald, and a pavement of bright pearl; and of the gardens of the sea where the great filigrane fans of coral wave all day long, and the fish dart about like silver birds, and the anemones cling to the rocks, and the pinks bourgeon in the ribbed yellow sand. She sang of the big whales that come down from the north seas and have sharp icicles hanging to their fins; of the Sirens who tell of such wonderful things that the merchants have to stop their ears with wax lest they should hear them, and leap into the water and be drowned; of the sunken galleys with their tall masts, and the frozen sailors clinging to the rigging, and the mackerel swimming in and out of the open portholes; of the little barnacles who are great travellers, and cling to the keels of the ships and go round and round the world; and of the cuttlefish who live in the sides of the cliffs and stretch out their long black arms, and can make night come when they will it. She sang of the nautilus who has a boat of her own that is carved out of an opal and steered with a silken sail; of the happy Mermen who play upon harps and can charm the great Kraken to sleep; of the little children who catch hold of the slippery porpoises and ride laughing upon their backs; of the Mermaids who lie in the white foam and hold out their arms to the mariners; and of the sea-lions with their curved tusks, and the sea-horses with their floating manes.

And as she sang, all the tunny-fish came in from the deep to listen to her, and the young Fisherman threw his nets round them and caught them, and others he took with a spear. And when his boat was well-laden, the Mermaid would sink down into the sea, smiling at him.

Yet would she never come near him that he might touch her. Oftentimes he called to her and prayed of her, but she would not; and when he sought to seize her she dived into the water as a seal might dive, nor did he see her again that day. And each

day the sound of her voice became sweeter to his ears. So sweet was her voice that he forgot his nets and his cunning, and had no care of his craft. Vermilion-finned and with eyes of bossy gold, the tunnies went by in shoals, but he heeded them not. His spear lay by his side unused, and his baskets of plaited osier were empty. With lips parted, and eyes dim with wonder, he sat idle in his boat and listened, listening till the sea-mists crept round him, and the wandering moon stained his brown limbs with silver.

And one evening he called to her, and said: 'Little Mermaid, little Mermaid, I love thee. Take me for thy bridegroom, for I love thee.'

But the Mermaid shook her head. "Thou hast a human soul,' she answered. 'If only thou wouldst send away thy soul, then could I love thee.'

And the young Fisherman said to himself, 'Of what use is my soul to me? I cannot see it. I may not touch it. I do not know it.

Surely I will send it away from me, and much gladness shall be mine.' And a cry of joy broke from his lips, and standing up in the painted boat, he held out his arms to the Mermaid. 'I will send my soul away,' he cried, 'and you shall be my bride, and I will be thy bridegroom, and in the depth of the sea we will dwell together, and all that thou hast sung of thou shalt show me, and all that thou desirest I will do, nor shall our lives be divided.'

And the little Mermaid laughed for pleasure and hid her face in her hands.

But how shall I send my soul from me?' cried the young Fisherman. “Tell me how I may do it, and lo! it shall be done.'

'Alas! I know not,' said the little Mermaid: 'the Sea-folk have no souls.' And she sank down into the deep, looking wistfully at

him.

Now early on the next morning, before the sun was the span of a man's hand above the hill, the young Fisherman went to the house of the Priest and knocked three times at the door.

The novice looked out through the wicket, and when he saw who it was, he drew back the latch and said to him, 'Enter.'

And the young Fisherman passed in, and knelt down on the sweetsmelling rushes of the floor, and cried to the Priest who was reading out of the Holy Book and said to him, 'Father, I am in love with one of the Sea-folk, and my soul hindereth me from having my desire. Tell me how I can send my soul away from me, for in truth I have no need of it. Of what value is my soul to me? I cannot see it. I may not touch it. I do not know it.'

And the Priest beat his breast, and answered, 'Alack, alack, thou art mad, or hast eaten of some poisonous herb, for the soul is the noblest part of man, and was given to us by God that we should nobly use it. There is no thing more precious than a human soul, nor any earthly thing that can be weighed with it. It is worth all the gold that is in the world, and is more precious than the rubies of the kings. Therefore, my son, think not any more of this matter, for it is a sin that may not be forgiven. And as for the Sea-folk, they are lost, and they who would traffic with them are lost also. They are as the beasts of the field that know not good from evil, and for them the Lord has not died.'

The young Fisherman's eyes filled with tears when he heard the bitter words of the Priest, and he rose up from his knees and said to him, 'Father, the Fauns live in the forest and are glad, and on the rocks sit the Mermen with their harps of red gold. Let me be as they are, I beseech thee, for their days are as the days of flowers. And as for my soul, what doth my soul profit me, if it stand between me and the thing that I love?'

"The love of the body is vile,' cried the Priest, knitting his brows, 'and vile and evil are the pagan things God suffers to wander through His world. Accursed be the Fauns of the woodland, and accursed be the singers of the sea! I have heard them at night-time, and they have sought to lure me from my beads. They tap at the window, and laugh. They whisper into my ears the tale of their perilous joys. They tempt me with temptations, and when I would pray they make mouths at me. They are lost, I tell thee, they are lost. For them there is no heaven nor hell, and in neither shall they praise God's name.'

'Father,' cried the young Fisherman, 'thou knowest not what thou sayest. Once in my net I snared the daughter of a King. She is fairer than the morning star, and whiter than the moon. For her body I would give my soul, and for her love I would surrender heaven. Tell me what I ask of thee, and let me go in peace.'

'Away! Away!' cried the Priest: 'thy leman is lost, and thou shalt be lost with her.'

And he gave him no blessing, but drove him from his door.

And the young Fisherman went down into the market-place, and he walked slowly, and with bowed head, as one who is in sorrow.

And when the merchants saw him coming, they began to whisper to each other, and one of them came forth to meet him, and called him by name, and said to him, "What hast thou to sell?'

'I will sell thee my soul,' he answered. 'I pray thee buy it of me, for I am weary of it. Of what use is my soul to me? I cannot see it. I may not touch it. I do not know it.'

But the merchants mocked at him, and said, 'Of what use is a man's soul to us? It is not worth a clipped piece of silver. Sell us thy body for a slave, and we will clothe thee in sea-purple, and put a ring upon thy finger, and make thee the minion of the great Queen. But talk not of the soul, for to us it is nought, nor has it any value for our service.'

And the young Fisherman said to himself: 'How strange a thing this is! The Priest telleth me that the soul is worth all the gold in the world, and the merchants say that it is not worth a clipped piece of silver.' And he passed out of the market-place, and went down to the shore of the sea, and began to ponder on what he should do.

And at noon he remembered how one of his companions, who was a gatherer of samphire, had told him of a certain young Witch who dwelt in a cave at the head of the bay and was very cunning in her witcheries. And he set to and ran, so eager was he to get rid of his soul, and a cloud of dust followed him as he sped round the sand of the shore. By the itching of her palm the young Witch knew his coming, and she laughed and let down her red hair. With her red hair falling around her, she stood at the opening of the cave, and in her hand she had a spray of wild hemlock that was blossoming.

'What d'ye lack? What d'ye lack?' she cried, as he came panting up the steep, and bent down before her. 'Fish for thy net, when the wind is foul? I have a little reed-pipe, and when I blow on it the mullet come sailing into the bay. But it has a price, pretty boy, it has a price. What d'ye lack? What d'ye lack? A storm to wreck the ships, and wash the chests of rich treasure ashore? I have more storms than the wind has, for I serve one who is stronger than the wind, and with a sieve and a pail of water I can send the great galleys to the bottom of the sea. But I have a price, pretty boy,

I have a price. What d'ye lack? What d'ye lack? I know a flower that grows in the valley, none knows it but I. It has purple leaves, and a star in its heart, and its juice is as white as milk.

Shouldst thou touch with this flower the hard lips of the Queen, she would follow thee all over the world. Out of the bed of the King she would rise, and over the whole world she would follow thee. And it has a price, pretty boy, it has a price. What d'ye lack? What d'ye lack? I can pound a toad in a mortar, and make broth of it, and stir the broth with a dead man's hand. Sprinkle it on thine enemy while he sleeps, and he will turn into a black viper, and his own mother will slay him. With a wheel I can draw the Moon from heaven, and in a crystal I can show thee Death. What d'ye lack? What d'ye lack? Tell me thy desire, and I will give it thee, and thou shalt pay me a price, pretty boy, thou shalt pay me a price.'

‘My desire is but for a little thing,' said the young Fisherman,

"yet hath the Priest been wroth with me, and driven me forth. It is but for a little thing, and the merchants have mocked at me, and denied me. Therefore am I come to thee, though men call thee evil, and whatever be thy price I shall pay it.'

'What wouldst thou?' asked the Witch, coming near to him.

'I would send my soul away from me,' answered the young Fisherman.

The Witch grew pale, and shuddered, and hid her face in her blue mantle. 'Pretty boy, pretty boy,' she muttered, 'that is a terrible thing to do.'

He tossed his brown curls and laughed. 'My soul is nought to me,' he answered. 'I cannot see it. I may not touch it. I do not know it.'

"What wilt thou give me if I tell thee?' asked the Witch, looking down at him with her beautiful eyes.

'Five pieces of gold,' he said, 'and my nets, and the wattled house where I live, and the painted boat in which I sail. Only tell me how to get rid of my soul, and I will give thee all that I possess.'

She laughed mockingly at him, and struck him with the spray of hemlock. 'I can turn the autumn leaves into gold,' she answered,

‘and I can weave the pale moonbeams into silver if I will it. He whom I serve is richer than all the kings of this world, and has their dominions.'

'What then shall I give thee,' he cried, 'if thy price be neither gold nor silver?'

The Witch stroked his hair with her thin white hand. "Thou must dance with me, pretty boy,' she murmured, and she smiled at him as she spoke.

'Nought but that?' cried the young Fisherman in wonder and he rose to his feet.

"Nought but that,' she answered, and she smiled at him again.

“Then at sunset in some secret place we shall dance together,' he said, “and after that we have danced thou shalt tell me the thing which I desire to know.'

She shook her head. "When the moon is full, when the moon is full,' she muttered. Then she peered all round, and listened. A blue bird rose screaming from its nest and circled over the dunes, and three spotted birds rustled through the coarse grey grass and whistled to each other. There was no other sound save the sound of a wave fretting the smooth pebbles below. So she

reached out her hand, and drew him near to her and put her dry lips close to his ear.

"To-night thou must come to the top of the mountain,' she whispered. 'It is a Sabbath, and He will be there.'

The young Fisherman started and looked at her, and she showed her white teeth and laughed. 'Who is He of whom thou speakest?' he asked.

'It matters not,' she answered. 'Go thou to-night, and stand under the branches of the hornbeam, and wait for my coming. If a black dog run towards thee, strike it with a rod of willow, and it will go away. If an owl speak to thee, make it no answer. When the moon is full I shall be with thee, and we will dance together on the grass.'

'But wilt thou swear to me to tell me how I may send my soul from me?' he made question.

She moved out into the sunlight, and through her red hair rippled the wind. 'By the hoofs of the goat I swear it,' she made answer.

'Thou art the best of the witches,' cried the young Fisherman, “and I will surely dance with thee to-night on the top of the mountain.

I would indeed that thou hadst asked of me either gold or silver.

But such as thy price is thou shalt have it, for it is but a little thing.' And he doffed his cap to her, and bent his head low, and ran back to the town filled with a great joy.

And the Witch watched him as he went, and when he had passed from her sight she entered her cave, and having taken a mirror from a box of carved cedarwood, she set it up on a frame,

and burned vervain on lighted charcoal before it, and peered through the coils of the smoke. And after a time she clenched her hands in anger.

'He should have been mine,' she muttered, 'I am as fair as she is.'

And that evening, when the moon had risen, the young Fisherman climbed up to the top of the mountain, and stood under the branches of the hornbeam. Like a targe of polished metal the round sea lay at his feet, and the shadows of the fishing boats moved in the little bay. A great owl, with yellow sulphurous eyes, called to him by his name, but he made it no answer. A black dog ran towards him and snarled. He struck it with a rod of willow, and it went away whining.

At midnight the witches came flying through the air like bats.

'Phew!' they cried, as they lit upon the ground, 'there is some one here we know not!' and they sniffed about, and chattered to each other, and made signs. Last of all came the young Witch, with her red hair streaming in the wind. She wore a dress of gold tissue embroidered with peacocks' eyes, and a little cap of green velvet was on her head.

'Where is he, where is he?' shrieked the witches when they saw her, but she only laughed, and ran to the hornbeam, and taking the Fisherman by the hand she led him out into the moonlight and began to dance.

Round and round they whirled, and the young Witch jumped so high that he could see the scarlet heels of her shoes. Then right across the dancers came the sound of the galloping of a horse, but no horse was to be seen, and he felt afraid.

'Faster,' cried the Witch, and she threw her arms about his neck, and her breath was hot upon his face. 'Faster, faster!' she cried, and the earth seemed to spin beneath his feet, and his brain

grew troubled, and a great terror fell on him, as of some evil thing that was watching him, and at last he became aware that under the shadow of a rock there was a figure that had not been there before.

It was a man dressed in a suit of black velvet, cut in the Spanish fashion. His face was strangely pale, but his lips were like a proud red flower. He seemed weary, and was leaning back toying in a listless manner with the pommel of his dagger. On the grass beside him lay a plumed hat, and a pair of riding-gloves gauntleted with gilt lace, and sewn with seed-pearls wrought into a curious device. A short cloak lined with sables hang from his shoulder, and his delicate white hands were gemmed with rings. Heavy eyelids drooped over his eyes.

The young Fisherman watched him, as one snared in a spell. At last their eyes met, and wherever he danced it seemed to him that the eyes of the man were upon him. He heard the Witch laugh, and caught her by the waist, and whirled her madly round and round.

Suddenly a dog bayed in the wood, and the dancers stopped, and going up two by two, knelt down, and kissed the man's hands. As they did so, a little smile touched his proud lips, as a bird's wing touches the water and makes it laugh. But there was disdain in it. He kept looking at the young Fisherman.

'Come! let us worship,' whispered the Witch, and she led him up, and a great desire to do as she besought him seized on him, and he followed her. But when he came close, and without knowing why he did it, he made on his breast the sign of the Cross, and called upon the holy name.

No sooner had he done so than the witches screamed like hawks and flew away, and the pallid face that had been watching him twitched with a spasm of pain. The man went over to a little

wood, and whistled. A jennet with silver trappings came running to meet him.

As he leapt upon the saddle he turned round, and looked at the young Fisherman sadly.

And the Witch with the red hair tried to fly away also, but the Fisherman caught her by her wrists, and held her fast.

“Loose me,' she cried, and let me go. For thou hast named what should not be named, and shown the sign that may not be looked at.'

'Nay,' he answered, but I will not let thee go till thou hast told me the secret.'

"What secret?' said the Witch, wrestling with him like a wild cat, and biting her foam-flecked lips.

"Thou knowest,' he made answer.

Her grass-green eyes grew dim with tears, and she said to the Fisherman, 'Ask me anything but that!

He laughed, and held her all the more tightly.

And when she saw that she could not free herself, she whispered to him, 'Surely I am as fair as the daughters of the sea, and as comely as those that dwell in the blue waters,' and she fawned on him and put her face close to his.

But he thrust her back frowning, and said to her, 'If thou keepest not the promise that thou madest to me I will slay thee for a false witch.'

She grew grey as a blossom of the Judas tree, and shuddered. 'Be it so,' she muttered. “It is thy soul and not mine. Do with it as

thou wilt.' And she took from her girdle a little knife that had a handle of green viper's skin, and gave it to him.

'What shall this serve me?' he asked of her, wondering.

She was silent for a few moments, and a look of terror came over her face. Then she brushed her hair back from her forehead, and smiling strangely she said to him, 'What men call the shadow of the body is not the shadow of the body, but is the body of the soul.

Stand on the sea-shore with thy back to the moon, and cut away from around thy feet thy shadow, which is thy soul's body, and bid thy soul leave thee, and it will do so.'

The young Fisherman trembled. 'Is this true?' he murmured.

'It is true, and I would that I had not told thee of it,' she cried, and she clung to his knees weeping.

He put her from him and left her in the rank grass, and going to the edge of the mountain he placed the knife in his belt and began to climb down.

And his Soul that was within him called out to him and said, 'Lo!

I have dwelt with thee for all these years, and have been thy servant. Send me not away from thee now, for what evil have I done thee?'

And the young Fisherman laughed. “Thou hast done me no evil, but I have no need of thee,' he answered. "The world is wide, and there is Heaven also, and Hell, and that dim twilight house that lies between. Go wherever thou wilt, but trouble me not, for my love is calling to me.'

And his soul besought him piteously, but he heeded it not, but leapt from crag to crag, being sure-footed as a wild goat, and at last he reached the level ground and the yellow shore of the sea.

Bronze-limbed and well-knit, like a statue wrought by a Grecian, he stood on the sand with his back to the moon, and out of the foam came white arms that beckoned to him, and out of the waves rose dim forms that did him homage. Before him lay his shadow, which was the body of his soul, and behind him hung the moon in the honey-coloured air.

And his Soul said to him, 'If indeed thou must drive me from thee, send me not forth without a heart. The world is cruel, give me thy heart to take with me.'

He tossed his head and smiled. 'With what should I love my love if I gave thee my heart?' he cried.

'Nay, but be merciful,' said his Soul: 'give me thy heart, for the world is very cruel, and I am afraid.'

'My heart is my love's,' he answered, 'therefore tarry not, but get thee gone.'

'Should I not love also?' asked his Soul.

'Get thee gone, for I have no need of thee,' cried the young Fisherman, and he took the little knife with its handle of green viper's skin, and cut away his shadow from around his feet, and it rose up and stood before him, and looked at him, and it was even as himself.

He crept back, and thrust the knife into his belt, and a feeling of awe came over him. 'Get thee gone,' he murmured, 'and let me see thy face no more.'

'Nay, but we must meet again,' said the Soul. Its voice was low and flute-like, and its lips hardly moved while it spake.

'How shall we meet?' cried the young Fisherman. Thou wilt not follow me into the depths of the sea?'

'Once every year I will come to this place, and call to thee,' said the Soul. 'It may be that thou wilt have need of me.'

'What need should I have of thee?' cried the young Fisherman, 'but be it as thou wilt,' and he plunged into the waters and the Tritons blew their horns and the little Mermaid rose up to meet him, and put her arms around his neck and kissed him on the mouth.

And the Soul stood on the lonely beach and watched them. And when they had sunk down into the sea, it went weeping away over the marshes.

And after a year was over the Soul came down to the shore of the sea and called to the young Fisherman, and he rose out of the deep, and said, 'Why dost thou call to me?'

And the Soul answered, 'Come nearer, that I may speak with thee, for I have seen marvellous things.'

So he came nearer, and couched in the shallow water, and leaned his head upon his hand and listened.

And the Soul said to him, 'When I left thee I turned my face to the East and journeyed. From the East cometh everything that is wise. Six days I journeyed, and on the morning of the seventh day I came to a hill that is in the country of the Tartars. I sat down under the shade of a tamarisk tree to shelter myself from the sun. The land was dry and burnt up with the heat. The people went to and fro over the plain like flies crawling upon a disk of polished copper.

'When it was noon a cloud of red dust rose up from the flat rim of the land. When the Tartars saw it, they strung their painted bows, and having leapt upon their little horses they galloped to meet it.

The women fled screaming to the waggons, and hid themselves behind the felt curtains.

'At twilight the Tartars returned, but five of them were missing, and of those that came back not a few had been wounded. They harnessed their horses to the waggons and drove hastily away.

Three jackals came out of a cave and peered after them. Then they sniffed up the air with their nostrils, and trotted off in the opposite direction.

'When the moon rose I saw a camp-fire burning on the plain, and went towards it. A company of merchants were seated round it on carpets. Their camels were picketed behind them, and the negroes who were their servants were pitching tents of tanned skin upon the sand, and making a high wall of the prickly pear.

"As I came near them, the chief of the merchants rose up and drew his sword, and asked me my business.

'I answered that I was a Prince in my own land, and that I had escaped from the Tartars, who had sought to make me their slave.

The chief smiled, and showed me five heads fixed upon long reeds of bamboo.

"Then he asked me who was the prophet of God, and I answered him Mohammed.

'When he heard the name of the false prophet, he bowed and took me by the hand, and placed me by his side. A negro brought me some mare's milk in a wooden dish, and a piece of lamb's flesh roasted.

'At daybreak we started on our journey. I rode on a red-haired camel by the side of the chief, and a runner ran before us carrying a spear. The men of war were on either hand, and the mules followed with the merchandise. There were forty camels in the caravan, and the mules were twice forty in number.

'We went from the country of the Tartars into the country of those who curse the Moon. We saw the Gryphons guarding their gold on the white rocks, and the scaled Dragons sleeping in their caves. As we passed over the mountains we held our breath lest the snows might fall on us, and each man tied a veil of gauze before his eyes. As we passed through the valleys the Pygmies shot arrows at us from the hollows of the trees, and at night-time we heard the wild men beating on their drums. When we came to the Tower of Apes we set fruits before them, and they did not harm us. When we came to the Tower of Serpents we gave them warm milk in howls of brass, and they let us go by. Three times in our journey we came to the banks of the Oxus. We crossed it on rafts of wood with great bladders of blown hide. The river-horses raged against us and sought to slay us. When the camels saw them they trembled.

"The kings of each city levied tolls on us, but would not suffer us to enter their gates. They threw us bread over the walls, little maize-cakes baked in honey and cakes of fine flour filled with dates. For every hundred baskets we gave them a bead of amber.

'When the dwellers in the villages saw us coming, they poisoned the wells and fled to the hill summits. We fought with the Magadae who are born old, and grow younger and younger every year, and die when they are little children; and with the

Laktroi who say that they are the sons of tigers, and paint themselves yellow and black; and with the Aurantes who bury their dead on the tops of trees, and themselves live in dark caverns lest the Sun, who is their god, should slay them; and with the Krimnians who worship a crocodile, and give it earrings of green glass, and feed it with butter and fresh fowls; and with the Agazonbae, who are dog faced; and with the Sibans, who have horses' feet, and run more swiftly than horses. A third of our company died in battle, and a third died of want. The rest murmured against me, and said that I had brought them an evil fortune. I took a horned adder from beneath a stone and let it sting me. When they saw that I did not sicken they grew afraid.

'In the fourth month we reached the city of Illel. It was nighttime when we came to the grove that is outside the walls, and the air was sultry, for the Moon was travelling in Scorpion. We took the ripe pomegranates from the trees, and brake them, and drank their sweet juices. Then we lay down on our carpets, and waited for the dawn.

And at dawn we rose and knocked at the gate of the city. It was wrought out of red bronze, and carved with sea-dragons and dragons that have wings. The guards looked down from the battlements and asked us our business. The interpreter of the caravan answered that we had come from the island of Syria with much merchandise. They took hostages, and told us that they would open the gate to us at noon, and bade us tarry till then.

'When it was noon they opened the gate, and as we entered in the people came crowding out of the houses to look at us, and a crier went round the city crying through a shell. We stood in the market place, and the negroes uncorded the bales of figured cloths and opened the carved chests of sycamore. And when they had ended their task, the merchants set forth their strange

wares, the waxed linen from Egypt and the painted linen from the country of the Ethiops, the purple sponges from Tyre and the blue hangings from Sidon, the cups of cold amber and the fine vessels of glass and the curious vessels of burnt clay. From the roof of a house a company of women watched us. One of them wore a mask of gilded leather

*And on the first day the priests came and bartered with us, and on the second day came the nobles, and on the third day came the craftsmen and the slaves. And this is their custom with all merchants as long as they tarry in the city.

"And we tarried for a moon, and when the moon was waning, I wearied

and wandered away through the streets of the city and came to the garden of its god. The priests in their yellow robes moved silently through the green trees, and on a pavement of black marble stood the rose-red house in which the god had his dwelling. Its doors were of powdered lacquer, and bulls and peacocks were wrought on them in raised and polished gold. The tilted roof was of sea- green porcelain, and the jutting eaves were festooned with little bells. When the white doves flew past, they struck the bells with their wings and made them tinkle.

'In front of the temple was a pool of clear water paved with veined onyx. I lay down beside it, and with my pale fingers I touched the broad leaves. One of the priests came towards me and stood behind me. He had sandals on his feet, one of soft serpent-skin and the other of birds' plumage. On his head was a mitre of black felt decorated with silver crescents. Seven yellows were woven into his robe, and his frizzed hair was stained with antimony.

After a little while he spake to me, and asked me my desire.

'I told him that my desire was to see the god.

""The god is hunting," said the priest, looking strangely at me with his small slanting eyes.

""Tell me in what forest, and I will ride with him," I answered.

'He combed out the soft fringes of his tunic with his long pointed nails. “The god is asleep,” he murmured.

""Tell me on what couch, and I will watch by him," I answered.

6”The god is at the feast,” he cried.

""If the wine be sweet I will drink it with him, and if it be bitter I will drink it with him also,” was my answer.

'He bowed his head in wonder, and, taking me by the hand, he raised me up, and led me into the temple.

'And in the first chamber I saw an idol seated on a throne of jasper bordered with great orient pearls. It was carved out of ebony, and in stature was of the stature of a man. On its forehead was a ruby, and thick oil dripped from its hair on to its thighs.

Its feet were red with the blood of a newly-slain kid, and its loins girt with a copper belt that was studded with seven beryls.

"And I said to the priest, "Is this the god?” And he answered me,

"This is the god."

""Show me the god," I cried, “or I will surely slay thee.” And I touched his hand, and it became withered.

And the priest besought me, saying, “Let my lord heal his servant, and I will show him the god."

'So I breathed with my breath upon his hand, and it became whole again, and he trembled and led me into the second chamber, and I saw an idol standing on a lotus of jade hung with great emeralds.

It was carved out of ivory, and in stature was twice the stature of a man. On its forehead was a chrysolite, and its breasts were smeared with myrrh and cinnamon. In one hand it held a crooked sceptre of jade, and in the other a round crystal. It ware buskins of brass, and its thick neck was circled with a circle of selenites.

And I said to the priest, “Is this the god?"

'And he answered me, "This is the god."

"Show me the god," I cried, "Or I will surely slay thee." And I touched his eyes, and they became blind.

"And the priest besought me, saying, “Let my lord heal his servant, and I will show him the god.”

'So I breathed with my breath upon his eyes, and the sight came back to them, and he trembled again, and led me into the third chamber, and lo! there was no idol in it, nor image of any kind, but only a mirror of round metal set on an altar of stone.

And I said to the priest, “Where is the god?"

‘And he answered me: “There is no god but this mirror that thou seest, for this is the Mirror of Wisdom. And it reflecteth all things that are in heaven and on earth, save only the face of him who looketh into it. This it reflecteth not, so that he who looketh into it may be wise. Many other mirrors are there, but they are mirrors of Opinion. This only is the Mirror of Wisdom.

And they who possess this mirror know everything, nor is there anything hidden from them. And they who possess it not have not wisdom. Therefore is it the god, and we worship it." And I looked into the mirror, and it was even as he had said to me.

'And I did a strange thing, but what I did matters not, for in a valley that is but a day's journey from this place have I hidden the Mirror of Wisdom. Do but suffer me to enter into thee again and be thy servant, and thou shalt be wiser than all the wise men, and Wisdom shall be thine. Suffer me to enter into thee, and none will be as wise as thou.'

But the young Fisherman laughed. 'Love is better than Wisdom,' he cried, and the little Mermaid loves me.'

'Nay, but there is nothing better than Wisdom,' said the Soul.

'Love is better,' answered the young Fisherman, and he plunged into the deep, and the Soul went weeping away over the marshes.

And after the second year was over, the Soul came down to the shore of the sea, and called to the young Fisherman, and he rose out of the deep and said, 'Why dost thou call to me?'

And the Soul answered, 'Come nearer, that I may speak with thee, for I have seen marvellous things.

So he came nearer, and couched in the shallow water, and leaned his head upon his hand and listened.

And the Soul said to him, 'When I left thee, I turned my face to the South and journeyed. From the South cometh everything that is precious. Six days I journeyed along the highways that lead to the city of Ashter, along the dusty red-dyed highways by which the pilgrims are wont to go did I journey, and on the

morning of the seventh day I lifted up my eyes, and lo! the city lay at my feet, for it is in a valley.

"There are nine gates to this city, and in front of each gate stands a bronze horse that neighs when the Bedouins come down from the mountains. The walls are cased with copper, and the watch-towers on the walls are roofed with brass. In every tower stands an archer with a bow in his hand. At sunrise he strikes with an arrow on a gong, and at sunset he blows through a horn of horn.

'When I sought to enter, the guards stopped me and asked of me who I was. I made answer that I was a Dervish and on my way to the city of Mecca, where there was a green veil on which the Koran was embroidered in silver letters by the hands of the angels. They were filled with wonder, and entreated me to pass in.

‘Inside it is even as a bazaar. Surely thou shouldst have been with me. Across the narrow streets the gay lanterns of paper flutter like large butterflies. When the wind blows over the roofs they rise and fall as painted bubbles do. In front of their booths sit the merchants on silken carpets. They have straight black beards, and their turbans are covered with golden sequins, and long strings of amber and carved peach-stones glide through their cool fingers. Some of them sell galbanum and nard, and curious perfumes from the islands of the Indian Sea, and the thick oil of red roses, and myrrh and little nail-shaped cloves. When one stops to speak to them, they throw pinches of frankincense upon a charcoal brazier and make the air sweet. I saw a Syrian who held in his hands a thin rod like a reed. Grey threads of smoke came from it, and its odour as it burned was as the odour of the pink almond in spring. Others sell silver bracelets embossed all over with creamy blue turquoise stones, and anklets of brass wire fringed with little pearls, and tigers' claws set in gold, and the claws of that gilt cat,

the leopard, set in gold also, and earrings of pierced emerald, and finger-rings of hollowed jade. From the tea-houses comes the sound of the guitar, and the opium-smokers with their white smiling faces look out at the passers-by.

Of a truth thou shouldst have been with me. The wine-sellers elbow their way through the crowd with great black skins on their shoulders. Most of them sell the wine of Schiraz, which is as sweet as honey. They serve it in little metal cups and strew rose leaves upon it. In the market-place stand the fruitsellers, who sell all kinds of fruit: ripe figs, with their bruised purple flesh, melons, smelling of musk and yellow as topazes, citrons and rose apples and clusters of white grapes, round red gold oranges, and oval lemons of green gold. Once I saw an elephant go by. Its trunk was painted with vermilion and turmeric, and over its ears it had a net of crimson silk cord. It stopped opposite one of the booths and began eating the oranges, and the man only laughed.

Thou canst not think how strange a people they are. When they are glad they go to the bird-sellers and buy of them a caged bird, and set it free that their joy may be greater, and when they are sad they scourge themselves with thorns that their sorrow may not grow less.

'One evening I met some negroes carrying a heavy palanquin through the bazaar. It was made of gilded bamboo, and the poles were of vermilion lacquer studded with brass peacocks. Across the windows hung thin curtains of muslin embroidered with beetles' wings and with tiny seed-pearls, and as it passed by a pale-faced Circassian looked out and smiled at me. I followed behind, and the negroes hurried their steps and scowled. But I did not care. I felt a great curiosity come over me.

At last they stopped at a square white house. There were no windows to it, only a little door like the door of a tomb. They set

down the palanquin and knocked three times with a copper hammer. An Armenian in a caftan of green leather peered through the wicket, and when he saw them he opened, and spread a carpet on the ground, and the woman stepped out. As she went in, she turned round and smiled at me again. I had never seen any one so pale.

'When the moon rose I returned to the same place and sought for the house, but it was no longer there. When I saw that, I knew who the woman was, and wherefore she had smiled at me.

'Certainly thou shouldst have been with me. On the feast of the New Moon the young Emperor came forth from his palace and went into the mosque to pray. His hair and beard were dyed with rose leaves, and his cheeks were powdered with a fine gold dust. The palms of his feet and hands were yellow with saffron.

“At sunrise he went forth from his palace in a robe of silver, and at sunset he returned to it again in a robe of gold. The people flung themselves on the ground and hid their faces, but I would not do so. I stood by the stall of a seller of dates and waited. When the Emperor saw me, he raised his painted eyebrows and stopped. I stood quite still, and made him no obeisance. The people marvelled at my boldness, and counselled me to flee from the city. I paid no heed to them, but went and sat with the sellers of strange gods, who by reason of their craft are abominated. When I told them what I had done, each of them gave me a god and prayed me to leave them.

"That night, as I lay on a cushion in the tea house that is in the Street of Pomegranates, the guards of the Emperor entered and led me to the palace. As I went in they closed each door behind me, and put a chain across it. Inside was a great court with an arcade running all round. The walls were of white alabaster, set here and there with blue and green tiles. The pillars were of

green marble, and the pavement of a kind of peach-blossom marble. I had never seen anything like it before.

'As I passed across the court two veiled women looked down from a balcony and cursed me. The guards hastened on, and the butts of the lances rang upon the polished floor. They opened a gate of wrought ivory, and I found myself in a watered garden of seven terraces. It was planted with tulip cups and moonflowers, and silver-studded aloes. Like a slim reed of crystal a fountain hung in the dusky air. The cypress-trees were like burnt-out torches.

From one of them a nightingale was singing.

At the end of the garden stood a little pavilion. As we approached it two eunuchs came out to meet us. Their fat bodies swayed as they walked, and they glanced curiously at me with their yellow lidded eyes. One of them drew aside the captain of the guard, and in a low voice whispered to him. The other kept munching scented pastilles, which he took with an affected gesture out of an oval box of lilac enamel.

‘After a few moments the captain of the guard dismissed the soldiers. They went back to the palace, the eunuchs following slowly behind and plucking the sweet mulberries from the trees as they passed. Once the elder of the two turned round, and smiled at me with an evil smile.

"Then the captain of the guard motioned me towards the entrance of the pavilion. I walked on without trembling, and drawing the heavy curtain aside I entered in.

"The young Emperor was stretched on a couch of dyed lion skins, and a gerfalcon perched upon his wrist. Behind him stood a brass- turbaned Nubian, naked down to the waist, and with heavy earrings in his split ears. On a table by the side of the couch lay a mighty scimitar of steel.

'When the Emperor saw me he frowned, and said to me, "What is thy name? Knowest thou not that I am Emperor of this city?" But I made him no answer.

'He pointed with his finger at the scimitar, and the Nubian seized it, and rushing forward struck at me with great violence. The blade whizzed through me, and did me no hurt. The man fell sprawling on the floor, and when he rose up his teeth chattered with terror and he hid himself behind the couch.

"The Emperor leapt to his feet, and taking a lance from a stand of arms, he threw it at me. I caught it in its flight, and brake the shaft into two pieces. He shot at me with an arrow, but I held up my hands and it stopped in mid-air. Then he drew a dagger from a belt of white leather, and stabbed the Nubian in the throat lest the slave should tell of his dishonour. The man writhed like a trampled snake, and a red foam bubbled from his lips.

As soon as he was dead the Emperor turned to me, and when he had wiped away the bright sweat from his brow with a little napkin of purfled and purple silk, he said to me, “Art thou a prophet, that I may not harm thee, or the son of a prophet, that I can do thee no hurt? I pray thee leave my city to-night, for while thou art in it I am no longer its lord.”

'And I answered him, "I will go for half of thy treasure. Give me half of thy treasure, and I will go away."

'He took me by the hand, and led me out into the garden. When the captain of the guard saw me, he wondered. When the eunuchs saw me, their knees shook and they fell upon the ground in fear.

"There is a chamber in the palace that has eight walls of red porphyry, and a brass-sealed ceiling hung with lamps. The Emperor touched one of the walls and it opened, and we passed

down a corridor that was lit with many torches. In niches upon each side stood great wine-jars filled to the brim with silver pieces. When we reached the centre of the corridor the Emperor spake the word that may not be spoken, and a granite door swung back on a secret spring, and he put his hands before his face lest his eyes should be dazzled.

'Thou couldst not believe how marvellous a place it was. There were huge tortoise-shells full of pearls, and hollowed moonstones of great size piled up with red rubies. The gold was stored in coffers of elephant-hide, and the gold-dust in leather bottles.

There were opals and sapphires, the former in cups of crystal, and the latter in cups of jade. Round green emeralds were ranged in order upon thin plates of ivory, and in one corner were silk bags filled, some with turquoise-stones, and others with beryls. The ivory horns were heaped with purple amethysts, and the horns of brass with chalcedonies and sards. The pillars, which were of cedar, were hung with strings of yellow lynx-stones. In the flat oval shields there were carbuncles, both wine-coloured and coloured like grass. And yet I have told thee but a tithe of what was there.

And when the Emperor had taken away his hands from before his face he said to me: “This is my house of treasure, and half that is in it is thine, even as I promised to thee. And I will give thee camels and camel drivers, and they shall do thy bidding and take thy share of the treasure to whatever part of the world thou desirest to go. And the thing shall be done to-night, for I would not that the Sun, who is my father, should see that there is in my city a man whom I cannot slay."

'But I answered him, “The gold that is here is thine, and the silver also is thine, and thine are the precious jewels and the things of price. As for me, I have no need of these. Nor shall I

take aught from thee but that little ring that thou wearest on the finger of thy hand.”

"And the Emperor frowned. "It is but a ring of lead," he cried,

"nor has it any value. Therefore take thy half of the treasure and go from my city.”

""Nay," I answered, “but I will take nought but that leaden ring, for I know what is written within it, and for what purpose.”

And the Emperor trembled, and besought me and said, “Take all the treasure and go from my city. The half that is mine shall be thine also.”

And I did a strange thing, but what I did matters not, for in a cave that is but a day's journey from this place have, I hidden the Ring of Riches. It is but a day's journey from this place, and it waits for thy coming. He who has this Ring is richer than all the kings of the world. Come therefore and take it, and the world's riches shall be thine.'

But the young Fisherman laughed. 'Love is better than Riches,' he cried, 'and the little Mermaid loves me.'

'Nay, but there is nothing better than Riches,' said the Soul.

‘Love is better,' answered the young Fisherman, and he plunged into the deep, and the Soul went weeping away over the marshes.

And after the third year was over, the Soul came down to the shore of the sea, and called to the young Fisherman, and he rose out of the deep and said, 'Why dost thou call to me?'

And the Soul answered, 'Come nearer, that I may speak with thee, for I have seen marvellous things.'

So he came nearer, and couched in the shallow water, and leaned his head upon his hand and listened.

And the Soul said to him, 'In a city that I know of there is an inn that standeth by a river. I sat there with sailors who drank of two different-coloured wines, and ate bread made of barley, and little salt fish served in bay leaves with vinegar. And as we sat and made merry, there entered to us an old man bearing a leathern carpet and a lute that had two horns of amber. And when he had laid out the carpet on the floor, he struck with a quill on the wire strings of his lute, and a girl whose face was veiled ran in and began to dance before us. Her face was veiled with a veil of gauze, but her feet were naked. Naked were her feet, and they moved over the carpet like little white pigeons. Never have I seen anything so marvellous; and the city in which she dances is but a day's journey from this place.'

Now when the young Fisherman heard the words of his Soul, he remembered that the little Mermaid had no feet and could not dance. And a great desire came over him, and he said to himself, 'It is but a day's journey, and I can return to my love,' and he laughed, and stood up in the shallow water, and strode towards the shore.

And when he had reached the dry shore he laughed again, and held out his arms to his Soul. And his soul gave a great cry of joy and ran to meet him, and entered into him, and the young Fisherman saw stretched before him upon the sand that shadow of the body that is the body of the Soul.

And his Soul said to him, 'Let us not tarry, but get hence at once, for the Sea-gods are jealous, and have monsters that do their bidding.'

So they made haste, and all that night they journeyed beneath the moon, and all the next day they journeyed beneath the sun,

and on the evening of the day they came to a city.

And the young Fisherman said to his Soul, 'IS this the city in which she dances of whom thou didst speak to me?'

And his soul answered him, 'It is not this city, but another. Nevertheless let us enter in.' So they entered in and passed through the streets, and as they passed through the Street of the Jewellers the young Fisherman saw a fair silver cup set forth in a booth. And his Soul said to him, "Take that silver cup and hide it.'

So he took the cup and hid it in the fold of his tunic, and they went hurriedly out of the city.

And after that they had gone a league from the city, the young Fisherman frowned, and flung the cup away, and said to his Soul, 'Why didst thou tell me to take this cup and hide it, for it was an evil thing to do?

But his Soul answered him, 'Be at peace, be at peace.'

And on the evening of the second day they came to a city, and the young Fisherman said to his Soul,

'Is this the city in which she dances of whom thou didst speak to me?'

And his soul answered him, 'It is not this city, but another. Nevertheless let us enter in.' So they entered in and passed through the streets, and as they passed through the Street of the Sellers of Sandals, the young Fisherman saw a child standing by a jar of water. And his Soul said to him, 'Smite that child.' So he smote the child till it wept, and when he had done this they went hurriedly out of the city.

And after that they had gone a league from the city the young Fisherman grew wroth, and said to his Soul, 'Why didst thou tell me to smite the child, for it was an evil thing to do?'

But his Soul answered him, 'Be at peace, be at peace.'

And on the evening of the third day they came to a city, and the young Fisherman said to his Soul, 'Is this the city in which she dances of whom thou didst speak to me?'

And his soul answered him, 'It may be that it is in this city, therefore let us enter in.'

So they entered in and passed through the streets, but nowhere could the young Fisherman find the river or the inn that stood by its side. And the people of the city looked curiously at him, and he grew afraid and said to his Soul, 'Let us go hence, for she who dances with white feet is not here.'

But his Soul answered, 'Nay, but let us tarry, for the night is dark and there will be robbers on the way.'

So he sat him down in the market-place and rested, and after a time there went by a hooded merchant who had a cloak of cloth of Tartary, and bare a lantern of pierced horn at the end of a jointed reed. And the merchant said to him, 'Why dost thou sit in the market-place, seeing that the booths are closed and the bales corded?'

And the young Fisherman answered him, 'I can find no inn in this city, nor have I any kinsman who might give me shelter.'

'Are we not all kinsmen?' said the merchant. And did not one God make us? Therefore come with me, for I have a guest-chamber.'

So the young Fisherman rose up and followed the merchant to his house. And when he had passed through a garden of pomegranates and entered into the house, the merchant brought him rose-water in a copper dish that he might wash his hands, and ripe melons that he might quench his thirst, and set a bowl of rice and a piece of roasted kid before him.

And after that he had finished, the merchant led him to the guest- chamber, and bade him sleep and be at rest. And the young Fisherman gave him thanks, and kissed the ring that was on his hand, and flung himself down on the carpets of dyed goat's-hair.

And when he had covered himself with a covering of black lamb's- wool he fell asleep.

And three hours before dawn, and while it was still night, his soul waked him and said to him, 'Rise up and go to the room of the merchant, even to the room in which he sleepeth, and slay him, and take from him his gold, for we have need of it.'

And the young Fisherman rose up and crept towards the room of the merchant, and over the feet of the merchant there was lying a curved sword, and the tray by the side of the merchant held nine purses of gold. And he reached out his hand and touched the sword, and when he touched it the merchant started and awoke, and leaping up seized himself the sword and cried to the young Fisherman, 'Dost thou return evil for good, and pay with the shedding of blood for the kindness that I have shown thee?'

And his soul said to the young Fisherman, 'Strike him,' and he struck him so that he swooned and he seized then the nine purses of gold, and fled hastily through the garden of pomegranates, and set his face to the star that is the star of morning.

And when they had gone a league from the city, the young Fisherman beat his breast, and said to his Soul, 'Why didst thou bid me slay the merchant and take his gold? Surely thou art evil.'

But his soul answered him, 'Be at peace, be at peace.'

‘Nay,' cried the young Fisherman, 'I may not be at peace, for all that thou hast made me to do I hate Thee also I hate, and I bid thee tell me wherefore thou hast wrought with me in this wise.'

And his soul answered him, 'When thou didst send me forth into the world thou gavest me no heart, so I learned to do all these things and love them.'

'What sayest thou?' murmured the young Fisherman.

'Thou knowest,' answered his Soul, 'thou knowest it well. Hast thou forgotten that thou gavest me no heart? I trow not. And so trouble not thyself nor me, but be at peace, for there is no pain that thou shalt not give away, nor any pleasure that thou shalt not receive.'

And when the young Fisherman heard these words he trembled and said to his Soul, 'Nay, but thou art evil, and hast made me forget my love, and hast tempted me with temptations, and hast set my feet in the ways of sin.'

And his soul answered him, "Thou hast not forgotten that when thou didst send me forth into the world thou gavest me no heart. Come, let us go to another city, and make merry, for we have nine purses of gold.'

But the young Fisherman took the nine purses of gold, and flung them down, and trampled on them.

'Nay,' he cried, but I will have nought to do with thee, nor will I journey with thee anywhere, but even as I sent thee away before, so will I send thee away now, for thou hast wrought me no good.'

And he turned his back to the moon, and with the little knife that had the handle of green viper's skin he strove to cut from his feet that shadow of the body which is the body of the Soul.

Yet his Soul stirred not from him, nor paid heed to his command, but said to him, "The spell that the Witch told thee avails thee no more, for I may not leave thee, nor mayest thou drive me forth.

Once in his life may a man send his Soul away, but he who receiveth back his soul must keep it with him for ever, and this is his punishment and his reward.'

And the young Fisherman grew pale and clenched his hands and cried, 'She was a false Witch in that she told me not that.'

'Nay,' answered his Soul, 'but she was true to Him she worships, and whose servant she will be ever.'

And when the young Fisherman knew that he could no longer get rid of his Soul, and that it was an evil Soul and would abide with him always, he fell upon the ground weeping bitterly.

And when it was day the young Fisherman rose up and said to his Soul, 'I will bind my hands that I may not do thy bidding, and close my lips that I may not speak thy words, and I will return to the place where she whom I love has her dwelling. Even to the sea will I return, and to the little bay where she is wont to sing, and I will call to her and tell her the evil I have done and the evil thou hast wrought on me.'

And his Soul tempted him and said, 'Who is thy love, that thou shouldst return to her? The world has many fairer than she is. There are the dancing girls of Samaris who dance in the manner of all kinds of birds and beasts. Their feet are painted with henna, and in their hands they have little copper bells. They laugh while they dance, and their laughter is as clear as the laughter of water. Come with me and I will show them to thee. For what is this trouble of thine about the things of sin? Is that which is pleasant to eat not made for the eater? Is there poison in that which is sweet to drink? Trouble not thyself, but come with me to another city. There is a little city hard by in which there is a garden of tulip-trees. And there dwell in this comely garden white peacocks and peacocks that have blue breasts. Their tails when they spread them to the sun are like disks of ivory and like gilt disks. And she who feeds them dances for their pleasure, and sometimes she dances on her hands and at other times she dances with her feet. Her eyes are coloured with stibium, and her nostrils are shaped like the wings of a swallow. From a hook in one of her nostrils hangs a flower that is carved out of a pearl.

She laughs while she dances, and the silver rings that are about her ankles tinkle like bells of silver. And so trouble not thyself any more, but come with me to this city.'

But the young Fisherman answered not his Soul, but closed his lips with the seal of silence and with a tight cord bound his hands, and journeyed back to the place from which he had come, even to the little bay where his love had been wont to sing. And ever did his Soul tempt him by the way, but he made it no answer, nor would he do any of the wickedness that it sought to make him to do, so great was the power of the love that was within him.

And when he had reached the shore of the sea, he loosed the cord from his hands, and took the seal of silence from his lips,

and called to the little Mermaid. But she came not to his call, though he called to her all day long and besought her.

And his Soul mocked him and said, 'Surely thou hast but little joy out of thy love. Thou art as one who in time of death pours water into a broken vessel. Thou givest away what thou hast, and nought is given to thee in return. It were better for thee to come with me, for I know where the Valley of Pleasure lies, and what things are wrought there.'

But the young Fisherman answered not his Soul, but in a cleft of the rock he built himself a house of wattles, and abode there for the space of a year. And every morning he called to the Mermaid, and every noon he called to her again, and at night time he spake her name. Yet never did she rise out of the sea to meet him, nor in any place of the sea could he find her though he sought for her in the caves and in the green water, in the pools of the tide and in the wells that are at the bottom of the deep.

And ever did his Soul tempt him with evil, and whisper of terrible things. Yet did it not prevail against him, so great was the power of his love.

And after the year was over, the Soul thought within himself, 'I have tempted my master with evil, and his love is stronger than I am. I will tempt him now with good, and it may be that he will come with me.'

So he spake to the young Fisherman and said, 'I have told thee of the joy of the world, and thou hast turned a deaf ear to me.

Suffer me now to tell thee of the world's pain, and it may be that thou wilt hearken. For of a truth pain is the Lord of this world, nor is there any one who escapes from its net. There be some who lack raiment, and others who lack bread. There be widows who sit in purple, and widows who sit in rags. To and fro over

the fens go the lepers, and they are cruel to each other. The beggars go up and down on the highways, and their wallets are empty. Through the streets of the cities walks Famine, and the Plague sits at their gates. Come, let us go forth and mend these things, and make them not to be. Wherefore shouldst thou tarry here calling to thy love, seeing she comes not to thy call? And what is love, that thou shouldst set this high store upon it?'

But the young Fisherman answered it nought, so great was the power of his love. And every morning he called to the Mermaid, and every noon he called to her again, and at night-time he spake her name.

Yet never did she rise out of the sea to meet him, nor in any place of the sea could he find her, though he sought for her in the rivers of the sea, and in the valleys that are under the waves, in the sea that the night makes purple, and in the sea that the dawn leaves grey.

And after the second year was over, the Soul said to the young Fisherman at night-time, and as he sat in the wattled house alone,

'Lo! now I have tempted thee with evil, and I have tempted thee with good, and thy love is stronger than I am. Wherefore will I tempt thee no longer, but I pray thee to suffer me to enter thy heart, that I may be one with thee even as before.'

'Surely thou mayest enter,' said the young Fisherman, 'for in the days when with no heart thou didst go through the world thou must have much suffered.'

'Alas!' cried his Soul, 'I can find no place of entrance, so compassed about with love is this heart of thine.'

'Yet I would that I could help thee,' said the young Fisherman.

And as he spake there came a great cry of mourning from the sea, even the cry that men hear when one of the Sea-folk is dead. And the young Fisherman leapt up, and left his wattled house, and ran down to the shore. And the black waves came hurrying to the shore, bearing with them a burden that was whiter than silver. White as the surf it was, and like a flower it tossed on the waves. And the surf took it from the waves, and the foam took it from the surf, and the shore received it, and lying at his feet the young Fisherman saw the body of the little Mermaid. Dead at his feet it was lying.

Weeping as one smitten with pain he flung himself down beside it, and he kissed the cold red of the mouth, and toyed with the wet amber of the hair. He flung himself down beside it on the sand, weeping as one trembling with joy, and in his brown arms he held it to his breast. Cold were the lips, yet he kissed them. Salt was the honey of the hair, yet he tasted it with a bitter joy. He kissed the closed eyelids, and the wild spray that lay upon their cups was less salt than his tears.

And to the dead thing he made confession. Into the shells of its ears he poured the harsh wine of his tale. He put the little hands round his neck, and with his fingers he touched the thin reed of the throat. Bitter, bitter was his joy, and full of strange gladness was his pain.

The black sea came nearer, and the white foam moaned like a leper. With white claws of foam the sea grabbled at the shore. From the palace of the Sea-King came the cry of mourning again, and far out upon the sea the great Tritons blew hoarsely upon their horns.

'Flee away,' said his Soul, 'for ever doth the sea come nigher, and if thou tarriest it will slay thee. Flee away, for I am afraid, seeing that thy heart is closed against me by reason of the greatness of

thy love. Flee away to a place of safety. Surely thou wilt not send me without a heart into another world?

But the young Fisherman listened not to his Soul, but called on the little Mermaid and said, 'Love is better than wisdom, and more precious than riches, and fairer than the feet of the daughters of men. The fires cannot destroy it, nor can the waters quench it. I called on thee at dawn, and thou didst not come to my call. The moon heard thy name, yet hadst thou no heed of me. For evilly had I left thee, and to my own hurt had I wandered away. Yet ever did thy love abide with me, and ever was it strong, nor did aught prevail against it, though I have looked upon evil and looked upon good. And now that thou art dead, surely I will die with thee also.

And his Soul besought him to depart, but he would not, so great was his love. And the sea came nearer, and sought to cover him with its waves, and when he knew that the end was at hand he kissed with mad lips the cold lips of the Mermaid, and the heart that was within him brake. And as through the fulness of his love his heart did break, the Soul found an entrance and entered in, and was one with him even as before. And the sea covered the young Fisherman with its waves.

And in the morning the Priest went forth to bless the sea, for it had been troubled. And with him went the monks and the musicians, and the candle-bearers, and the swingers of censers, and a great company.

And when the Priest reached the shore he saw the young Fisherman lying drowned in the surf, and clasped in his arms was the body of the little Mermaid. And he drew back frowning, and having made the sign of the cross, he cried aloud and said, 'I will not bless the sea nor anything that is in it. Accursed be the Sea-folk, and accursed be all they who traffic with them. And as for him who for love's sake forsook God, and so lieth here with

his leman slain by God's judgment, take up his body and the body of his leman, and bury them in the corner of the Field of the Fullers, and set no mark above them, nor sign of any kind, that none may know the place of their resting. For accursed were they in their lives, and accursed shall they be in their deaths also.'

And the people did as he commanded them, and in the corner of the Field of the Fullers, where no sweet herbs grew, they dug a deep pit, and laid the dead things within it.

And when the third year was over, and on a day that was a holy day, the Priest went up to the chapel, that he might show to the people the wounds of the Lord, and speak to them about the wrath of God.

And when he had robed himself with his robes, and entered in and bowed himself before the altar, he saw that the altar was covered with strange flowers that never had been seen before. Strange were they to look at, and of curious beauty, and their beauty troubled him, and their odour was sweet in his nostrils. And he felt glad, and understood not why he was glad.

And after that he had opened the tabernacle, and incensed the monstrance that was in it, and shown the fair wafer to the people, and hid it again behind the veil of veils, he began to speak to the people, desiring to speak to them of the wrath of God. But the beauty of the white flowers troubled him, and their odour was sweet in his nostrils, and there came another word into his lips, and he spake not of the wrath of God, but of the God whose name is Love. And why he so spake, he knew not.

And when he had finished his word the people wept, and the Priest went back to the sacristy, and his eyes were full of tears. And the deacons came in and began to unrobe him, and took

from him the alb and the girdle, the maniple and the stole. And he stood as one in a dream.

And after that they had unrobed him, he looked at them and said, 'What are the flowers that stand on the altar, and whence do they come?'

And they answered him, 'What flowers they are we cannot tell, but they come from the corner of the Fullers' Field.' And the Priest trembled, and returned to his own house and prayed.

And in the morning, while it was still dawn, he went forth with the monks and the musicians, and the candle-bearers and the swingers of censers, and a great company, and came to the shore of the sea, and blessed the sea, and all the wild things that are in it. The Fauns also he blessed, and the little things that dance in the woodland, and the bright eyed things that peer through the leaves. All the things in God's world he blessed, and the people were filled with joy and wonder. Yet never again in the corner of the Fullers'

Field grew flowers of any kind, but the field remained barren even as before. Nor came the Sea folk into the bay as they had been wont to do, for they went to another part of the sea.